ĐOÀN TUẤN

Lời nguyện cầu cho những linh hồn phiêu dạt

Nhà Xuất Bản Tổng Hợp
Thành Phố Hồ Chí Minh

ĐOÀN TUẤN

Nhập ngũ tháng 8/1978
Chiến sĩ thông tin D8-E29-F307.

Những tác phẩm viết về chiến trường K:

1. **Đất bên ngoài Tổ quốc** *(in chung với Lê Minh Quốc) – Nxb. Văn học, 1995; Nxb. Trẻ tái bản năm 2005.*

2. **Mùa linh cảm** *– Nxb. Trẻ xuất bản năm 2006 với tựa đề* ***Những người không gặp nữa****; tái bản năm 2019.*

3. **Một trăm ngày trước tuổi hai mươi** *– Nxb. Trẻ, 2018.*

4. **Mùa chinh chiến ấy** *– Nxb. Trẻ, 2016; tái bản các năm 2017, 2018, 2019.*

Lời nguyện cầu cho những linh hồn phiêu dạt

ĐOÀN TUẤN

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY
Biên tập: **Nguyễn Thị Liên**
Trình bày: **Hoàng Trung**
Thiết kế bìa: **Mai Quế Vũ**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 028.38225340 - 028.38296764 - 028.38247225
028.38256713 - 028.38223637
Fax: 028.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: **www.nxbhcm.com.vn** - Ebook: **www.sachweb.vn**

XNĐKXB số: 4195-2022/CXBIPH/11-328/THTPHCM
QĐXB số: 254/QĐ-THTPHCM-EBOOK2022 ngày 23/11/2022
ISBN: 978-604-377-625-6. Lưu chiểu năm 2022

ISBN: 978-604-377-625-6
9 786043 776256

Lời nguyện cầu
cho những
linh hồn
phiêu dạt

ĐOÀN TUẤN

Lời nguyện cầu cho những linh hồn phiêu dạt

Nhà xuất bản Tổng hợp
Thành phố Hồ Chí Minh

LỜI DÂNG

Cuốn sách này xin dâng tặng đồng đội tôi, những người đã hy sinh, những người từng chiến đấu tại chiến trường Campuchia trong những năm gian lao, khốc liệt.

Xin dâng tặng linh hồn những người dân Khmer bản địa, người Khmer gốc Chàm, người Khmer gốc Việt, người Khmer gốc Hoa… đã chết trong những đợt thanh trừng của các chế độ thù địch.

Xin dâng tặng linh hồn những người lính Campuchia đã chết dưới các chế độ độc tài hoang tưởng.

Xin dâng tặng đồng đội tôi, những người còn sống trở về, rất đáng yêu trong cuộc sống thường ngày.

Xin dâng tặng những người sống bình dị với trái tim đầy nhân ái.

LỜI GIỚI THIỆU

Đã ngoài lục thập, tôi tin rằng, có những con người lạ lùng ngay từ lúc cất tiếng khóc oe oe chào đời: họ phải gánh lấy và không bỏ cuộc về một công việc gì đó. Không phải số phận. "*Lâu nay nhân định thắng thiên cũng nhiều*" (*Truyện Kiều*). Công việc đó, nếu được, ta hãy gọi "sứ mệnh" buộc họ phải đến nơi đó, tham dự vào đó để về sau ghi chép lại một cách tự nguyện với tư cách chứng nhân về thời gian mà mình đã trải qua, đã sống, đã chiêm nghiệm…

Với cuộc chiến tranh vệ quốc biên giới Tây Nam năm 1979 của Sư đoàn 307, nhà thơ, nhà biên kịch Đoàn Tuấn đã gánh lấy sứ mệnh đó.

Cùng thời với anh đã có nhiều người viết về những năm tháng này, nhưng chỉ lướt qua với một vài tác phẩm rồi rẽ sang hướng khác. Đoàn Tuấn lại khác.

Khúc ca quân tình nguyện Việt Nam tại chiến trường K đã được anh thể hiện dưới nhiều góc độ, nhiều góc nhìn mà không phải ai dẫu là người trong cuộc cũng biết đến và nhớ đến. Vì lẽ đó, công việc này của anh chính là sứ mệnh mà những đồng đội đang sống và đã mất giao phó cho anh.

Anh đã hoàn thành một cách xuất sắc.

Sau tập thơ *Đất bên ngoài Tổ quốc* in chung với tôi, anh đã có thêm các tập bút ký như *Mùa chinh chiến ấy, Một trăm ngày trước tuổi hai mươi, Mùa linh cảm*; và nay, tiếp tục với ***Lời nguyện cầu cho những linh hồn phiêu dạt***. Phiêu dạt trên đất của chiến trường K. Đất mà người lính tình nguyện Việt Nam đã ngã xuống ngoài Đất Mẹ, dẫu thế, trong ý thức hy sinh thì đây cũng là đất của anh em láng giềng cần đến máu xương của mình để ngày mai, sau bóng đêm diệt chủng, đất nước này lại tươi sáng. Giọt máu ấy thiêng liêng và nghĩa hiệp biết đường nào.

Đi lại trên đất của mùa chinh chiến ngày ấy, lần này, Đoàn Tuấn thông qua nhân vật Ánh - một cựu chiến binh quay trở lại chiến trường K, kỳ lạ thay, anh ấy lại trở thành nhà sư cùng những nhà sư của quê hương Chùa Tháp cất lên tiếng kinh cầu cho linh hồn những người lính, những người dân Campuchia đã ngã vào lòng đất trong cuộc chiến với tâm thế rất thong dong. Rất đỗi nhẹ nhàng: "*lắng nghe lời hoa cỏ bên đường*".

Tấm lòng từ bi ấy, ôi chao, họ nghe những gì mà nhà văn Đoàn Tuấn đã kể lại cho chúng ta? Nghe rằng, "*Cỏ đang xanh, cỏ đã úa, cỏ đã cháy, cỏ đang lên, cỏ dưới nước, cỏ trong đầm lầy, cỏ lấm láp bùn, cỏ xác xơ, cỏ hiền trên lối mòn, cỏ nhàu nát dưới bánh xe bò, cỏ mọc trên mái chùa, cỏ tràn dưới gầm xe cháy, cỏ xuyên qua nòng pháo gỉ… tất cả cũng đều thầm thì trò chuyện*".

Một tuyến truyện khác trong tiểu thuyết là hành trình đi tìm những đồng đội còn sống. Họ trở về đời thường theo những cách không bình thường. Họ có thể hơi ngờ nghệch nhưng đều ánh lên vẻ đẹp của chất người. Một vẻ đẹp hài hước đến xót xa. Mỗi con người đó cũng tương tự một bản kinh. Kinh không lời. Kinh ấy là đời người. Là hoa cỏ của đất đai.

Câu chuyện tâm linh ư? Có thể lắm.

Câu chuyện đời thường ư? Có thể lắm.

Những câu chuyện hư và thật. Mộng và ảo. Hiện tại và quá khứ. Tất cả được đan xen, bện lấy nhau như từng sợi chỉ bền quyện vào nhau đến từng chi tiết nhằm dệt nên một mảng thời gian. Mà, thời gian ấy không gì có thể xóa đi vì nó đã hiện hữu ngay từ trong ký ức của nhiều người.

Qua ***Lời nguyện cầu cho những linh hồn phiêu dạt***, lần này, Đoàn Tuấn cũng khiến ta ngạc nhiên, lạ lùng với những nhân vật như Ánh, như đồng đội của Ánh, như các nhà sư đồng hành cùng Ánh, như biết bao con người bình dị khác… Tất cả đã được tái hiện bằng biệt tài khai thác tính cách, số phận nhân vật vốn là thế mạnh của anh.

Tôi tin rằng, những nhân vật đó khiến cả thầy chúng ta nhận ra một điều mà Đoàn Tuấn đã xác tín: "*Tôi có thể khẳng định với bạn, dù bạn biết nhiều danh lam thắng cảnh, dù bạn thưởng thức nhiều món ăn hảo hạng, nhưng không có gì thú vị bằng việc được khám phá những điều kỳ lạ về cuộc đời và số phận của con người, nhất là những người từ chiến trận trở về*".

Trang sách mở ra. Bạn hãy đọc. Khép sách lại, hẳn ta còn nghe âm vang, vang vọng mãi tiếng nói cười, tiếng khóc thầm, tiếng nức nở, tiếng kinh cầu… chan chứa yêu thương, thấm đẫm tình người.

Lê Minh Quốc

1.
"MÌNH ĐI CAMPUCHIA ĐÂY!"

Nhiều lần, Ánh tâm sự, muốn trở lại chiến trường Campuchia. Chúng tôi nhập ngũ cùng một đợt, mùa Thu năm 1978. Nhưng tôi ra quân trước Ánh một năm. Mãi đến cuối năm 1985, Ánh mới giải ngũ. Sau khi Sư đoàn tôi và cả Quân khu V "giải quyết" xong căn cứ quan trọng cuối cùng của Pol Pot trên điểm cao 547, tỉnh Preah Vihear.

Hình như, chúng tôi cùng có số "xuất ngoại". Trở về mái trường mình hằng mơ ước, khoa Văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội, tôi đang háo hức, trường lại cử sang Nga học. Còn Ánh, vừa trở về địa phương, đang chưa biết làm gì thì bỗng một hôm, chính quyền phường mời Ánh tham gia công tác, làm Bí thư Đoàn Thanh niên. Làm được mấy tháng, có đợt tuyển công nhân đi lao động ở Đức. Phường xét tiêu chuẩn, Ánh có thừa. Quân nhân xuất ngũ, lại là đảng viên. Thế là Ánh lên đường. Sang Đức, Ánh làm công nhân may trong một nhà máy ở Leipzig. Ánh viết thư cho tôi, kể về công việc vất vả. Ngày nghỉ không được đi đây đi đó, ít tiếp xúc với người bản xứ. Ánh muốn học tiếng Đức và tìm hiểu đời sống của dân địa

phương. Với một người có năng khiếu học ngoại ngữ, thích bay nhảy như Ánh, đó là một nỗi khổ.

Hồi còn ở Campuchia, Ánh được Trung đoàn chọn đi học tiếng Khmer. Chỉ có sáu tháng, nhưng Ánh đã viết chữ Khmer rất chuẩn, phát âm tiếng Khmer như người bản địa. Người Việt nói tiếng Khmer, ai cũng nhận ra. Do cách phát âm khác, ngữ điệu cao hơn. Và người Việt khi viết chữ Khmer, cũng dễ nhận ra. Cái tay người Việt, khi đưa nét chữ, không giống người Khmer. Nhưng nhìn chữ Ánh viết, chính người Khmer cũng không thể nhận ra. Những nét cong, những đường vòng, thậm chí cả cách viết từng con số, Ánh thao tác y hệt người Khmer. Anh còn thuộc rất nhiều tục ngữ, dân ca của xứ sở này. Trong số hàng chục học viên, Ánh nổi bật.

Đầu năm 1982, khi Trung đoàn tôi thành lập Đoàn chuyên gia để giúp Binh đoàn 9 của bạn và tỉnh Preah Vihear, Ánh được chọn làm phiên dịch. Thấy Ánh múa giỏi, hát hay, lại không quản gian khổ, cô Thi Đa, cán bộ Hội phụ nữ huyện Choăm K'san, yêu Ánh. Thi Đa vừa trải qua nhiều khổ đau, mất mát, muốn một tình yêu dẫn đến hôn nhân. Trong khi Ánh còn lưỡng lự thì Sơn, lính thông tin của Đoàn chuyên gia, quê Nghệ An, đã chen ngang, làm lễ cưới. Ánh buồn. Anh xin Trung đoàn trưởng Nguyễn Trọng Thắng kiêm Trưởng đoàn chuyên gia, xuống đơn vị bộ binh. Ông Thắng điều Ánh về Tiểu đoàn 8, giữ chức Đại đội phó Đại đội 6.

Sau thắng lợi của trận đánh điểm cao 547 đợt ba, tháng 4 năm 1984, quân ta chủ quan. Nhưng bọn địch, từ chùa Preah Vihear, tản vào nội địa. Có nhóm dạt về núi Tà Ben. Một ngày giữa tháng 5 năm 1985, Ánh dẫn một trung đội

tăng cường đi truy quét. Trong nhóm này có hai anh lính Khmer là Kun Seng và Tray Onđeng. Hai ngày đầu, tình hình bình thường. Đến ngày thứ ba, quân ta có vẻ lơi lỏng. Buổi sáng, Ánh cho đơn vị tiếp tục đi dọc chân núi. Hai anh lính Khmer nhanh nhẹn đi đầu. Nhưng khi đến gần dãy Tà Ben, Tray Onđeng bỗng bị tuột dép cao su. Anh cúi xuống sửa. Đoàn quân đi cách một quãng xa, Tray vẫn chưa xong. Kun Seng quay lại giúp bạn. Rồi cả hai chạy lên, nối vào đoàn quân.

Buổi sáng đầu mùa mưa, cả rừng khộp trải nắng vàng tươi. Những ngọn khộp nhỏ như những nụ hoa, đội cái mũ chỏm đỏ của anh hề, lốm đốm vươn lên mặt đất. Vừa đi, anh em vừa cúi xuống hái để đem về nấu canh. Cả mười lăm người đang hớn hở, bỗng "ập oành!" – một tiếng nổ rung trời vang lên. Một quả B40 bắn trúng Dũng, người Quảng Nam. Dũng bay đi. Khẩu RPD văng ra xa. Ngay lập tức, hàng tràng đạn xối xả bắn về phía ta. Lại thêm mấy người nữa gục xuống. Tiếng kêu la vang lên. Lính tráng vội nhảy xuống con suối gần đó. Mấy người chạy tản ra, liền giẫm phải mìn. Đội hình rối loạn. Ánh vội hô mọi người nằm xuống, nổ súng bắn lại. Nhưng bọn địch, ước chừng đông hơn, không rút như mọi khi. Có mấy thằng xông ra, định bắt sống quân ta. Ánh nhắm thằng đi đầu, điểm xạ. Nó ngã ngửa. Thằng thứ hai vừa chạy lên, bỗng ăn một loạt đạn từ phía Ngọc. Ánh nhìn rõ dòng máu phọt ra từ ngực nó. Ánh bò lại phía sau. Bỗng gặp Ngọc, người Bình Định. Ngọc cũng bị thương. Miệng đầm đìa máu. Không nói được. Ánh kéo Ngọc lùi tiếp. Bỗng thấy Kun Seng nằm gần đó. Đang thoi thóp. Một bên chân giập nát. Chân kia cụt ngang bắp. Ánh cúi xuống, thầm thì: "Kun Seng, còn sống không?" Hỏi mấy lần, Kun Seng mới mở mắt, nói đứt quãng: "Thằng… Tray… hai… mặt". Rồi tắt thở.

Ánh và Ngọc cùng chạy về phía sau. Nấp dưới gốc cây, họ nhìn lại. Bọn địch đã tràn lên. Vẫn nghe tiếng súng nổ. Lúc tắc cú. Khi hàng tràng. Biết mình yếu hơn, hai người cùng rút.

Đến một hồ nước, hai người dừng lại. Lúc này Ánh mới kiểm tra vết thương của Ngọc. Rửa sạch, lau sạch. Thì ra, Ngọc bị viên đạn xuyên qua hai má. May mà không trúng hàm. Và khi viên đạn xuyên qua, nó không kịp phá. Chắc do tầm đạn gần. Còn Ánh, vẫn lành y nguyên. Không một vết xước nào. Chắc anh em hứng đạn thay mình.

Ba ngày sau họ mới tìm được đơn vị.

Rồi lần lượt, anh em cũng lác đác về. Ai cũng bị thương. Tập hợp lại, thiếu tám người.

Tiểu đoàn tổ chức họp. Tuy biết trong binh đoàn bạn có kẻ hai mặt, nhưng không thể tìm ra. Chỉ biết thằng Tray Onđeng phản bội. Nhiệm vụ cấp thiết là tổ chức đội hình đi lấy tử sĩ.

Ánh lại dẫn anh em lên đường.

Đến nơi, mọi người thận trọng tìm. Đầu tiên, thấy Quang, người Thuận Hải, chàng tân binh trinh sát, rất đẹp trai, nằm bên gốc khộp. Bụng đã trương lên. Mối ăn hết quần áo. Lạ thật, đầu Quang được gối lên quả bí đỏ. Ba lô và các đồ dùng cá nhân của Quang bị bọn địch lấy hết. Ánh cho trinh sát kiểm tra xem bọn địch có cài mìn hay lựu đạn dưới xác Quang không. Nhưng không có gì. Anh em đặt Quang vào võng. Tìm một lát nữa, thấy Tiến, người Núi Thành, Tiểu đội trưởng, nằm gần vũng nước. Cỏ non mọc quanh bàn chân phồng rộp nước. Bọn địch đã lấy mất đôi giày. Mấy con cá cờ bơi lượn bên chân. Trên người Tiến còn gần chục vết dao. Chắc anh bị thương, bắn hết đạn, bị bọn địch trả thù.

Xác Kun Seng dễ tìm. Ruồi đã bu đầy. Thấy có người đến, lũ ruồi vẫn xông vào. Anh em phải bẻ lá, đập lia lịa mà chúng vẫn không bay hết.

Đến gần suối, thấy xác Khoa, anh nuôi và Cửu, lính bộ binh. Khoa vẫn đeo xoong và ba lô. Cả hai đều bị thương nặng.

Nhìn xuống suối, thấy xác hai người, Trung, người Nghĩa Bình và Hải, người Khánh Hòa. Hai anh vẫn đứng thẳng dưới suối. Ba lô vẫn đeo trên vai. Khẩu đại liên của Trung vẫn chưa kịp tháo khỏi người. Hải cũng vậy. Cây AK vẫn đeo trên vai. Tay hai người bám vào cái cây đổ ngang. Bốn cánh tay đen xì. Đọng máu. Một đàn cá lượn qua lượn lại. Mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Ánh đang phân vân, chưa biết cử ai xuống, bỗng thấy Thủy, người Quế Sơn, giọng dứt khoát: "Tui xin xuống! Thằng nào không ngửi thấy mùi hôi mới là đồng đội!". Vừa nói, Thủy vừa cởi giày và quần áo. Mấy người nữa làm theo.

Còn một người nữa đâu? Thằng Vinh, dân biển Quy Nhơn? Tìm xung quanh mãi mà không thấy nó đâu. Hay bị bọn địch bắt? Hay bị lạc rừng? Hay bị thú ăn mất xác? Ánh điện về Tiểu đoàn. Ông Trần Sáo, Tiểu đoàn trưởng, cho phép rút quân. Anh em khiêng bảy tử sĩ về.

Nhìn xác lính đối phương nằm trơ trọi, Ánh nhặt mấy cành cây phủ lên.

Sau trận đó, Ánh bị Trung đoàn kỷ luật. Hạ cấp từ thiếu úy xuống chuẩn úy. Hạ chức từ đại đội phó xuống trung đội trưởng. Nhưng Ánh nghĩ, hình phạt đó vẫn còn quá nhẹ. Trong thâm tâm, anh nghĩ, mình có thể bị ra tòa án binh, nhận án chung thân hoặc tử hình. Bởi ở Trung đoàn, cũng có chuyện tương tự, nhưng án nặng hơn. Đó là chuyện một cán bộ Tiểu đoàn bị thương sau khi sa vào bãi mìn. Bọn địch rót cối liên tục. Vị cán bộ Trung đoàn không thể tổ chức cho anh

em lấy xác lúc đó. Sau này, ông bị hạ cấp, hạ chức. Còn Ánh, sau được phục viên.

Nhiều người, trở về quê hương, lòng nhẹ tênh, coi như đã trả xong nợ nước. Nhưng với Ánh, lòng đầy ưu tư. Ký ức về trận đánh ấy như khối đá đè nặng tim anh. Về đến truông Bà Đờn, chờ giải quyết chế độ, Ánh muốn đi tìm nhà Vinh, nhưng không có địa chỉ. Không biết có ai tìm thấy Vinh không? Ánh thương Vinh như thằng em. Vinh có gương mặt ngây thơ, da trắng. Đặc biệt, đôi mắt đen láy, luôn mở to, đầy mơ mộng. Ánh định đưa Vinh lên làm liên lạc. Nhưng khi xem lý lịch, cậu này mới học hết lớp ba. Một lần, Ánh thử, thấy chữ Vinh nguệch ngoạc. Nó chỉ giỏi đi biển. Trong một lần trò chuyện, Vinh khoe: "Em đã thử nằm cả ngày trên biển, không bao giờ chìm"…

Từ đó, mỗi lần nhắc tới chuyện cũ, giọng Ánh lại trầm xuống: "Trận đó, tôi có lỗi nhiều quá!".

Ánh nhớ rõ, hôm đó là thứ Năm, ngày mùng 9 tháng 11 năm 1989, theo lịch âm là ngày 12 tháng 10 năm Kỷ Tỵ, đang may bạt trong nhà máy, bỗng thấy công nhân người Đức và người Việt xôn xao. Đài truyền hình thông báo: người Đông Đức được đi du lịch sang Tây Đức! Tự nhiên, các dây chuyền ngừng chạy. Công nhân Đức hối hả đi lại. Ông Hopman, quản đốc, miệng cứ há hốc. Anh Brech, tổ trưởng, cười khoái chí, vê ria mép vàng. Ánh cố chạy đường cuối cho xong cái lều bạt. Công nhân người Đức vội bỏ về nhà. Công nhân người Việt cũng nghỉ theo. Đêm đó, hàng vạn người Đức đổ về Bức tường Berlin. Ánh cũng bắt taxi từ Leipzig. Anh được chứng kiến cảnh người Đông Đức cầm búa phá tường. Vừa phá vừa

uống rượu, vừa nhảy múa, miệng hét vang: "Tor auf!" (Mở ra!). Khi một lối đã mở, mọi người tràn sang. Hai bên gặp nhau, chuốc rượu tưng bừng. Ánh lang thang qua đêm. Hôm sau vẫn còn người phá. Như mọi người, Ánh nhặt vài mẩu tường làm kỷ niệm. Em Hanna cao kểu, xin một miếng. Rồi thằng Cook cũng nài nỉ. Thấy người Đức giữ sẽ có ý nghĩa hơn mình, Ánh cho hết.

Đông Đức đang như ong vỡ tổ, bọn Ánh được thông báo chấm dứt hợp đồng. Chính phủ Đức đền bù cho bọn Ánh một khoản tiền. Ánh mang về, xây cho bố mẹ ngôi nhà mới. Nhà ba tầng, nội thất hiện đại, mới tinh. Hôm tôi đến mừng tân gia, gặp mẹ Ánh. Trên gương mặt, trong ánh mắt và giọng nói của bà rạng rỡ niềm tự hào về cậu con trai. "Những ngày nó ở chiến trường K, đêm nào tôi cũng thắp hương, cầu trời khấn Phật cùng tổ tiên phù hộ cho nó sống sót". Bà oang oang kể điều bí mật của mình với bất cứ ai.

Rồi Ánh cưới vợ. Chẳng đâu xa, chính là Ngân – người cũng đi lao động bên Đức, cùng về với Ánh. Năm sau, Ngân sinh cho Ánh con gái đầu lòng. Ánh đặt tên là Ngân Anh. Bố Ngân lại làm ở Ban lễ tang thành phố. Ông muốn Ánh vào làm, giữ chân cấp phát xăng dầu, nhưng Ánh không thích. Ánh mở xưởng may. Ánh nhận những đơn hàng may quần áo, bán sang Nga.

Ngỡ cuộc sống của Ánh sẽ bình yên và ổn định, nhưng trong lòng Ánh vẫn có điều gì quẩy cựa. Chỉ riêng Ánh biết. Nhiều đêm, vợ con đã ngủ, Ánh vẫn trằn trọc. Trở dậy, đi bộ lang thang. Mấy năm trời như vậy. Cứ khoảng mười một giờ đêm, Ánh lại ra đường. Gia đình tưởng Ánh mắc bệnh tâm

thần hay mộng du. Bố mẹ và vợ Ánh mời tôi đến, nhờ khuyên bảo. Tôi hẹn Ánh ra quán café Thủy Tạ. Quán này, khách nước ngoài thường vào. Họ nói đủ nghe. Không như các quán khác, người mình, uống thì ít, lại hay nói nhiều, nói to. Chúng tôi chọn cái bàn kê ở góc nhỏ bên trái. Mấy cành hoa tím xinh tươi, buông hờ hững.

Tôi chưa kịp nói gì, Ánh đã vào thẳng câu chuyện.

- Tôi chẳng có bệnh tình gì hết. Ông biết đấy, thần kinh tôi ngon lành lắm. Tâm lý cũng vậy. Rất ổn định. Các ông còn hay văng tục. Còn tôi, dù bực đến đâu, tôi cũng không bao giờ văng tục. Văng tục là biểu hiện của những kẻ thần kinh mất thăng bằng. Với ông, tôi nói thật. Ông biết không, đêm đêm, ánh mắt thằng địch mà tôi bắn chết cứ nhìn vào tôi. Hình như lúc ấy, nó nhìn thấy tôi, định lao lên, tóm sống. Khoảnh khắc ấy, mình phải quyết định. Phải hành động. Và mình đã đúng. Nhưng ông biết không, sau cái đúng đó còn bao nhiêu hệ lụy. Nó nhức nhối. Nó dằn vặt. Nhiều lúc nó khiến mình phát điên. Nhiều đêm, nằm mơ thấy thằng địch đó là mình. Nó xông vào, bóp cổ mình. Bỗng thấy vợ mình hét lên. Thì ra, chính mình vừa bóp cổ vợ. Mình vội xin lỗi. Không dám kể cho vợ sự thật giấc mơ.

Với lại, thằng Vinh nữa. Không biết nó sống chết thế nào? Tôi đã liên hệ với các đồng đội ở Quy Nhơn. Họ nói, nó vẫn chưa về. Mấy anh em bị chết nữa. Thương họ quá! Tôi ra bờ sông, muốn gió thổi bớt những tâm tư, nhưng lúc về, lại càng trĩu nặng. Muốn nhờ dòng nước mang những chuyện buồn trôi về biển. Nhưng những gương mặt ấy, lại như trăng, càng ngày càng vằng vặc. Sáng trưng. Cả ta lẫn địch mới sợ chứ. Tôi khó ngủ. Đã thử bao nhiêu lần, uống toàn rượu ngon, rượu nặng, rượu nội, rượu ngoại. Nhưng càng uống, càng tỉnh. Càng tỉnh lại càng buồn. Ông biết không, tôi muốn trở lại

chiến trường. Đến những đường giao thông hào, những điểm chốt mà đơn vị mình giữ từ cái thời Gia Lai – Kon Tum còn chưa tách tỉnh. Rồi đi lại con đường mà Sư đoàn mình tiến quân. Đến cả Anlong Veng, đền Preah Vihear nữa… Để làm gì, ông biết không? Để làm lễ cầu hồn, cầu siêu cho những linh hồn, của ta và của địch, được siêu thoát, được về an nghỉ dưới mái chùa.

- Ông có cảm thấy phiêu lưu không?

- Không. Tôi tin con đường mình đi. Tôi đã gặp một số người Pháp và người Mỹ đến Việt Nam, thăm lại chiến trường xưa. Họ có thể chỉ cho chúng ta những hố chôn hài cốt tập thể của lính Việt Nam. Để chúng ta bốc mộ. Họ có vẻ sám hối nhưng tôi vẫn cảm thấy thiếu điều gì đó. Hay như đơn vị mình, một số sĩ quan và lính tráng cũng đi thăm lại chiến trường xưa ở Lào và Campuchia. Họ đến những nơi đánh trận năm xưa, đặt lễ, thắp hương, khấn vái đồng đội. Như thế rất tốt. Nhưng chưa đủ. Bao đồng đội đều có chung mong ước có một lễ cầu siêu cho những linh hồn tử trận nơi đây. Nhưng chỉ làm cho lính mình thôi sao? Cần phải làm lễ cầu siêu cho cả lính của Pol Pot nữa. Họ đã chết rồi, nên giúp họ gột bớt oán thù. Nhiều năm tôi suy nghĩ về việc này…

- Ông có ngại nếu có ai đó kết tội ông là người mê tín không?

- "Mê tín" là cái từ mà người ta gọi những người chuyên cúng bái, cầu nguyện. Họ hiểu về con người một cách quá đơn giản. Thực ra, con người là một vũ trụ đầy bí ẩn, không ai và không bao giờ có thể khám phá hết. Chúng ta mới chỉ biết qua về đời sống vật chất của con người. Còn đời sống tâm linh của nó, chúng ta còn hiểu mơ hồ, thậm chí hiểu sai. Rồi quy kết, chụp mũ… Một lần tôi đi miền núi, dự lễ của

một ông thầy người Dao cầu siêu cho những người bị lũ cuốn được siêu thoát. Lễ ngay bên suối. Dù ông thầy làm lễ bằng tiếng Dao, nhưng tôi thấm vô cùng. Bởi đó là âm nhạc. Mà âm nhạc thì ai nghe cũng hiểu. Buổi lễ đó làm tôi chấn động. Tôi ở lại với ông thầy người Dao hai ngày. Cảm thấy tâm hồn mình sáng hẳn. Sắp tới, các vị sư ở chùa Vĩnh Nghiêm trong Thành phố Hồ Chí Minh sẽ làm lễ cầu siêu cho những linh hồn chết đường chết chợ vì tai nạn giao thông. Câu chuyện của tôi cũng tương tự.

- Sao bây giờ ông mới muốn đi?

- Tôi muốn đi từ lâu, nhưng giờ mới quyết định. Thứ nhất, tôi là con trưởng, phải lo cho cha mẹ cái phần cơ bản nhất là ngôi nhà. Thứ hai, lo cho vợ con có đời sống vật chất ổn định. Thứ ba, ông biết không? Tình hình Campuchia từ khi mình rút quân phức tạp quá. Phe này, phái nọ, tranh giành quyền lực, mâu thuẫn liên miên. Từ ngày 18 tháng Ba năm 1970, ngày Lon Nol đảo chính, người dân Campuchia đã phải chịu bao tai ương. Nhưng giờ, sau khi Pol Pot chết, tình hình đã ổn. Đảng của ông Hun Sen chiếm đa số trong Quốc hội. Tôi đã có hộ chiếu. Vừa xin được visa nữa. Mình về nước năm 1985. Năm nay là năm 2007. Hai mươi hai năm trời không trở lại. Tôi phải đi Campuchia thôi. Không thì muộn mất. Họ ở sát bên mình. Không đi là có lỗi.

- Ông còn nhớ tiếng Khmer chứ?

- Biết nhiều hơn là đằng khác. Từ khi có internet, ngày nào tôi cũng mò vào mấy trang website tiếng Khmer. Đọc tin, nghe nhạc, xem kịch, xem phim… Ngày trước, ở rừng, mỗi đêm nằm võng, mình lại như con thuyền, trôi về Việt Nam. Giờ, ngồi trước laptop, đọc về Campuchia, mình lại như ngồi trên xe, phóng về xứ Chùa Tháp.

- Thế gia đình, vợ con, ông để cho ai?

- Tôi đã xây cho bố mẹ tôi cái nhà to rồi. Cô em gái tôi sẽ chăm bố mẹ khi già. Còn vợ con, tôi cũng lo được căn hộ đàng hoàng. Ngân lại có xưởng may nhỏ nữa… Tôi nghĩ cũng tạm ổn.

Im lặng. Cùng nhìn ra hồ. Bóng đa đến Ngọc Sơn như chạm xuống đáy. Dưới đáy hồ như cũng có bầu trời. Và chùm rễ như bóng cây từ trên trời buông xuống, gợi cho người ta bao suy nghĩ mơ hồ về những câu chuyện xa xưa. Một con chim sẻ chợt bay đến, đậu ngay trên lan can. Tôi hỏi.

- Ngân còn trẻ. Cô ấy sống một mình sao được?

- Tôi cũng nghĩ rồi. Đời sống tình cảm vợ chồng, không phải là lấp đầy cho nhau. Nên để cho nhau khoảng trống. Đó mới là hạnh phúc.

- Còn con gái?

- Tôi cũng nghĩ rồi, thế hệ anh em mình, trưởng thành trong gian khổ, thiếu thốn. Từ trong sự thiếu hụt đó, mình khám phá, phát hiện ra những năng lực tiềm ẩn của bản thân. Nếu là con trai, tôi lo nó nghiện hút này nọ. May con mình là gái, nó sẽ nhận được sức mạnh tinh thần từ tôi.

Ánh liên tục đốt thuốc. Nó trầm giọng:

- Tôi nhờ ông nói với vợ con tôi, rồi nói với bố mẹ tôi về ý định của tôi. Nói lúc nào, nói như thế nào, tùy ông.

- ……

- Tôi không nói được. Có những điều, càng sống gần nhau, càng khó nói. Tôi nghiệm một điều, càng sống gần nhau, con người càng ít hiểu nhau.

- Ông có địa chỉ nào để tạm trú chưa?

- Có rồi. Thằng An Sopheak. Ngày mình ở Đoàn chuyên gia, nó mới là thượng sĩ, trung đội trưởng. Giờ nó đã là đại tá, trung đoàn trưởng rồi đấy. Tháng trước, nó sang Đồng Nai tập huấn, gọi cho mình. Giọng oách lắm!

Ánh giao cho tôi nhiệm vụ không hề dễ. Nhớ hồi đi học, gặp bài toán khó, tôi kệ đó, đi ngủ luôn. Bài toán bây giờ, nên nói thật hay nói dối với gia đình Ánh?

Ngày ở lính, Ánh là trinh sát, tôi là lính thông tin. Chúng tôi thường đi chiến đấu cùng nhau. Ánh phát hiện địch, dẫn đơn vị vào đánh. Có nhiều trận, diệt được địch, thu vũ khí. Tôi gửi điện về Tiểu đoàn, báo tin chiến thắng. Tối treo võng giữa rừng, ngủ ngon lành. Mai lại hành quân tiếp. Ít ai nghĩ đến trận đánh hồi hôm. Đánh xong, phải vội rút ngay.

Rồi những trận đồng đội mình chết. Giờ tìm không thấy hài cốt, biết trách ai? Đồng đội chết trên đất khách quê người, giữa rừng hoang núi lạ. Chỉ lòng mình buồn. Muốn an ủi đồng đội một câu mà không tìm ra chỗ. Cúi đầu nói với cỏ? Hay ngẩng mặt nhìn trời xanh?

Ba lô tuổi trẻ, toàn đồ dùng thiết yếu cho chiến trận. Nhưng tâm hồn non nớt của chúng tôi va chạm với máu, thuốc súng, sắt thép và cái chết, cũng bị tổn thương. Có ai nhìn thấy những vết thương ấy? Có ai giám định những vết thương lúc nào cũng rỉ máu ấy? Và chẳng ai xếp hạng những vết thương ấy. Không phụ cấp. Không đền bù. Vết thương trên cơ thể có thể thành sẹo. Nhưng vết thương tâm hồn, lẽ nào vô nghĩa? Có ai băng bó cho chúng tôi không? Hay tự chúng tôi băng bó cho nhau?

Những ngóc ngách sâu xa của cảm xúc, ít có điều kiện bộc lộ. Khi nói ra, không khéo, thường bị hiểu sai. Ai lại đi thương một thằng lính địch? Một tên trong quân đội diệt chủng, đã từng đến cướp bóc và giết chóc dân mình? Nhưng suy cho cùng, họ cũng là nạn nhân của những tên độc tài hoang tưởng.

Một khi đã hiểu thì nên tha thứ. Cội rễ của sự tha thứ là đức khoan dung.

Dù có nhiều người nói về hạnh phúc, nhưng tôi biết, Ánh, bạn tôi, đang tìm kiếm sự cân bằng giữa đời sống hàng ngày và đời sống tâm linh.

Nhưng những chuyện dài dòng này làm sao nói với gia đình Ánh? Bố Ánh là giảng viên đại học, chuyên ngành Thổ nhưỡng. Đó là khoa học nghiên cứu về đất trong môi trường tự nhiên. Bốn mươi năm ông chuyên nghiên cứu và giảng bài về các tầng đất. Nhưng có bao giờ ông nói, trong đất có cái vang, cái bóng, có cái vong, cái hồn của con người không? Mẹ Ánh ở nhà nội trợ. Bà có vườn rau nhỏ, nuôi vài con lợn, mấy đàn gà, làm sao thuyết phục bà tin ngay câu chuyện của Ánh? Có câu châm ngôn: Cha mẹ cho con tình yêu, nhưng cuộc đời cho con tư tưởng. Hay như tục ngữ của ta: *Cha mẹ sinh con, Trời sinh tính*. Cha mẹ cho con hình hài, nhưng Trời cho con thế giới nội tâm. Và cha mẹ nhiều khi còn phải cầu cứu Trời kia mà.

Tôi chuẩn bị lý lẽ để gặp Ngân. Cô ấy hay phàn nàn chuyện Ánh hút thuốc lào. Ngân nói bao nhiêu lần, Ánh cũng không bỏ được. Ngân đâu có biết, trước khi gặp Ngân, Ánh đã kết thuốc lào. Những ngày ở rừng buồn nẫu ruột, không có điếu thuốc lào, chắc lính phát rồ. Và trước khi gặp Ngân, Ánh đã đi qua địa ngục đầy những lưỡi hái tử thần. Chúng tôi còn sống trở về, chắc có biết bao người đã chết thay. Chúng tôi không thể bình yên được. Phải đi về nơi đó. Băng bó cho những linh

hồn còn đau đớn giữa rừng hoang. Nhưng chẳng lẽ, mình chỉ băng bó cho người bên mình? Người bên kia họ cũng đau đớn lắm chứ? Tất cả đã chết rồi, còn hận thù gì nữa.

Thôi, để yên lòng Ánh, yên lòng "tráng sĩ ra đi", tôi bịa ra câu chuyện. Ánh rất giỏi tiếng Campuchia. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam bắt đầu làm ăn ở Campuchia. Họ nhập khẩu gỗ, hạt điều, thuốc lá… Họ cần người giỏi tiếng Khmer và hiểu phong tục, tập quán, văn hóa… của nước bạn nữa. Hội cựu chiến binh tiến cử Ánh. Qua nhiều vòng tuyển, nhiều người bị trượt. Cuối cùng, mỗi mình Ánh đỗ. Ánh sang đó một thời gian, ổn định nơi ăn chốn ở, sẽ đón hai bác cùng vợ con sang. Hai bác mà đi thăm Angkor Wat sẽ hiểu thêm về sự vĩ đại của dân tộc Khmer. Mình đã giúp họ thoát khỏi chế độ diệt chủng, giờ cũng nên giúp họ hồi sinh. Nước mình vẫn còn khổ. Nhưng người Campuchia còn khổ hơn. Ở đơn vị cháu, nhiều người biết tiếng Khmer, nhưng mỗi Ánh là giỏi nhất. Nó nói tiếng Khmer hay đến nỗi người Campuchia cứ tưởng nó là người Phnôm Pênh chính gốc. Bây giờ, các doanh nghiệp Việt Nam đang cần những người như Ánh làm việc tại Phnôm Pênh. Hai bác cùng chị Ngân nên tạo điều kiện thuận lợi cho anh Ánh. Mùa thu tới, cháu cũng có việc sang đó.

Những người bình thường, chỉ cần những lý lẽ bình thường. Nó gắn liền với công ăn việc làm hàng ngày. Lại có chút để cao Ánh nữa, gia đình càng tin. Chính tôi cũng không ngờ một bài toán phức tạp lại được giải bằng một lẽ đơn giản.

2.
LÁ ĐƠN XIN GIẢM ÁN

Tháng 4 năm 2007, đầu mùa mưa, Ánh lên đường sang Campuchia. Thành phố Phnôm Pênh đón Ánh bằng cơn mưa rào thoáng nhẹ. Dù biết đó là cơn mưa xoài, mưa cho hoa xoài nở, nhưng Ánh vẫn hỏi một cô gái trú mưa bên đường bằng tiếng Khmer: "Mưa gì đấy?" để được nghe cô trả lời bằng tiếng Khmer ngọt lịm: "Ph'liêng x'vai". Ánh mỉm cười, cảm ơn rồi vẫy tay chào cô.

Vừa mới sang, Ánh được nghe câu chuyện có mấy người đặt chất nổ dưới tượng đài Hữu nghị Campuchia – Việt Nam. Họ bị Tòa án kết tội khá nặng. Tìm hiểu nguyên nhân, Ánh biết, họ chỉ là nạn nhân. Chủ mưu là những phần tử khác. Bọn này rất hiểm ác. Nhưng giấu mặt.

Ánh kể thêm, ở Campuchia, trước đó, còn nhiều vụ lớn hơn nhiều. Như vụ Thủ tướng Hun Sen bị ám sát hụt. Đó là vụ ngày 24 tháng 9 năm 1998, khi Hun Sen đang ngồi trên xe đến dinh Sihanouk ở Siêm Reap, bỗng một viên đạn chống tăng B40 bắn vào xe của ông. Chiếc xe may mắn vọt qua. Viên đạn trúng vào ngôi nhà bên đường. Một cậu bé 12 tuổi thiệt mạng. Ba người trong nhà bị thương. Dân chúng nghĩ ngay đến thủ

phạm là các đảng đối lập. Nhưng các thủ lĩnh là Sam Raisy và Ranaridth đều tuyên bố không dính dáng đến vụ này.

Còn một vụ khác nữa. Vụ này xảy ra năm 1996, khi Hun Sen đi thăm một nhà máy dệt ở thành phố Kandal, một kẻ ám sát đã bắn ông, nhưng viên đạn trúng người vệ sĩ. Anh này bị thương. Dù Chính phủ Hun Sen đã bỏ nhiều công sức điều tra, thậm chí treo thưởng đến 200.000 đô la Mỹ, nhưng vẫn không tìm ra thủ phạm. Ánh nói, tương tự như chuyện cáo bắt gà thì người ta đập chết cáo. Còn hổ vồ lợn thì người ta lại sợ hổ. Lơ mơ nó vồ cả mình. Tôi chỉ biết nhắc bạn bảo trọng.

Cuối thu năm đó, có đoàn làm phim tài liệu về nghệ thuật múa cổ truyền của người Khmer, họ mời tôi đi cùng. Mục đích của tôi là tìm gặp Ánh. Từ ngày sang đó, Ánh cũng ít viết thư hay gọi điện về. Tôi gọi cho An Sopheak theo số điện thoại mà Ánh đưa. An đang ở Kampong Thom. Hẹn cuối tuần sẽ về Phnôm Pênh. Hỏi thăm Ánh. An nói, chuyện dài lắm. Gặp nhau mới nói được.

Đúng hẹn, An Sopheak về. Đại tá Quân đội Hoàng gia Campuchia oai thật. Có cần vụ, lái xe riêng. Nhưng An rất lịch sự. Anh mời tôi lên xe. Chúng tôi vào bar Elephant, một quán bar rất đẹp với những bức họa tuyệt vời trên trần nhà. An kể:

- Anh Ánh sang đây hôm trước thì hôm sau, cạo đầu đi tu ngay. Tôi chưa kịp đón tiếp thì anh ấy đã có chỗ ở. Đó là một ngôi chùa ở quận Russey Keo. Dường như giữa anh Ánh và vị sư trụ trì biết nhau từ lâu. Và hàng ngày, Ánh cùng các nhà sư trong chùa đi khất thực. Nhưng tôi biết, đó là những bài học đầu tiên để anh Ánh thâm nhập vào đời sống người Khmer thôi. Mục đích của anh ấy lớn hơn nhiều.

- Sao anh biết?

- Anh ấy làm một việc mà ai cũng khâm phục.

- Anh có thể nói rõ hơn?

- Anh ấy viết thư lên Quốc hội và Chính phủ Campuchia, để nghị giảm án cho năm người đặt chất nổ ở Tượng đài Hữu nghị. Ký tên đàng hoàng. Anh biết không, anh Ánh, à, bây giờ gọi là anh Ánh thì hơi khiếm nhã, mà phải gọi là nhà sư thì mới đúng. Anh Ánh lấy tên nhà sư theo tiếng Khmer là Phteah Saniphap, nghĩa tiếng Việt là Ngôi nhà Hòa Bình. Anh ấy ký tên là Nhà sư Phteah Saniphap dưới thư xin giảm án.

- Anh có tin lá thư ấy gây được ảnh hưởng không?

- Từ góc độ một sĩ quan quân đội, tôi thấy khó. Nhưng tôi và nhiều người khâm phục nhà sư Phteah Saniphap lắm! Anh biết đấy, sau nhiều năm sống dưới chế độ Pol Pot, người dân vẫn chưa hoàn hồn. Dù bây giờ không còn "Angkar" nhưng bóng ma của nó vẫn còn trong tâm trí người Khmer. Vậy mà một nhà sư dám lên tiếng. Tôi hiểu mục đích của việc làm. Nhà sư muốn giáo dục hơn là trừng phạt.

- Anh có biết bây giờ anh Ánh ở đâu không?

- Khoảng nửa tháng trước, nhà sư Phteah Saniphap xây một chùa nhỏ ở gần cửa khẩu Oyadav, tỉnh Ratanakiri. Bên Việt Nam là cửa khẩu Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai. Nhà sư nói, đó là nơi trú ngụ của những linh hồn người Khmer và người Việt chết trong cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam. Tôi cũng đóng góp chút xíu.

- Tôi muốn gặp Ánh. Anh giúp được không?

- Được chứ. Ngày mai, anh lấy xe của tôi mà đi. Cả lái xe của tôi nữa. Hai tài xế luôn. Họ quen đường. Lên Ratanakiri, anh hỏi thăm tiếp.

Tôi cảm ơn An Sopheak.

Hy vọng ngày mai trời mưa nhỏ.

Đêm đó, về khách sạn, như thói quen của người lính năm xưa, tôi kiểm tra các ngăn kéo bàn, ngăn kéo tủ, mở hết các cánh cửa tủ… xem có lựu đạn, mìn hay chất nổ không. Thậm chí, tôi còn xem cả trong gầm giường nữa. Cẩn tắc vô áy náy. Một mình nơi xa lạ, cốt tìm giấc ngủ ngon.

Nhưng lại không ngủ được. Nghĩ nhiều về Ánh.

Đó thực sự là người hơi đặc biệt. Hằng năm, lính tráng chúng tôi thường tụ tập nhân ngày nhập ngũ. Mời Ánh. Năm thì mười họa nó mới đến một lần. Biết anh em thiếu thốn, Ánh mở ví, rút một tập tiền, đóng cho thủ quỹ. Rồi đi một vòng, bắt tay mọi người, xin phép đi công chuyện.

Những lúc rỗi, bọn tôi ngồi trà lá ở quán café. Gọi Ánh. Nó cũng đến. Nghe bạn bè huyên thuyên đủ mọi chuyện, nó im lặng ngồi nghe. Thỉnh thoảng, Ánh qua nhà tôi, mượn mấy quyển sách hay vài đĩa DVD phim. Quyển nào hay, nó photocopy. "Cách đọc của tôi không giống ông. Tôi ghi lại những đoạn cần thiết". Để nhớ thêm, Ánh dùng smartphone chụp những đoạn nó thích rồi thỉnh thoảng mở ra xem. Cũng có lần, nó đánh máy lại. Cái này thì nó bắt chước tôi. "Mình làm thế - tôi nói – để nhớ kỹ, khi giảng bài, đỡ quên. Ông thấy mình dạy, muốn giảng hay, chỉ cần kể nhiều chuyện, đưa nhiều ví dụ". Ánh cười: "Tôi cũng có người để kể chuyện chứ!"

Ngày trước, khi đọc *Vang bóng một thời* của nhà văn Nguyễn Tuân, tôi không hiểu "vang bóng" là gì. Chỉ nghĩ chắc đó là hình bóng của người xưa, thời xưa. Hỏi Ánh. Nó hỏi lại tôi:

- Ông đã đọc *Đông Chu liệt quốc* chưa?

- Đọc rồi.

- Ông có nhớ cái đoạn nói về "cái vang", "cái bóng" không?

- Truyện dài quá. Ai mà nhớ nổi!

- Tôi chỉ kể sơ qua thôi. Trong chuyện, có một viên tướng nước Trịnh cầm quân sang đánh nước Lỗ. Đường núi hiểm trở. Thời tiết mưa dầm. Viên phó tướng can ngăn. Nhưng viên chủ tướng cho là hèn nhát, ra lệnh chém đầu ngay tại núi Hồng, vì ở đấy có nhiều hồng dại nên người ta gọi thế. Trước khi bị chém, phó tướng nguyền rằng: "Tao sẽ hóa thành cái vang cái bóng để trả thù mày khi mày trở về". Viên chủ tướng dẫn quân đi. Nhưng thua trận. Trở về, đến thung lũng núi Hồng, viên tướng và quân lính rệu rã. Viên phó tướng nghĩ, thời cơ báo thù đã đến. Ông ta hiển linh thành một tai họa. Bất ngờ, một trận lũ tràn đến, dìm ngập đoàn quân. Ông về đọc lại xem.

Lần khác, có chuyện thế này. Chúng tôi cùng chơi thân với anh Thắng, một người hơn chúng tôi khoảng năm, bảy tuổi. Anh Thắng làm ở Thư viện Viện Viễn Đông Bác cổ, chi nhánh Hà Nội. Anh có người cha hy sinh ở Trảng Bàng, Tây Ninh năm 1967. Nhờ các đồng đội của bố cùng sự giúp đỡ của một nhà ngoại cảm, anh Thắng đã đến rừng ở Trảng Bàng, tìm được hài cốt của cha. Anh đưa cha về nghĩa trang liệt sĩ huyện Phúc Thọ, gần Sơn Tây. Tưởng đã yên. Nhưng một lần, anh Thắng đi gọi hồn. Linh hồn người cha nói, con bốc hài cốt cha vội quá, không đưa vong của cha về cùng. Anh Thắng giật mình. Bởi khi đến Trảng Bàng thì trời đã tối. Tìm được đến con suối có hài cốt cha thì trời lại nổi sấm chớp, báo hiệu mưa lớn. Anh Thắng làm lễ qua loa, rồi đào, đưa nhanh hài cốt cha về khách sạn ở trung tâm huyện. Sáng hôm sau, anh lên xe về Hà Nội. Giờ, phải trở lại Tây Ninh lần nữa. Dù bận nhiều việc kinh doanh, nhưng Ánh vẫn xếp lại, đi cùng anh Thắng. "Em biết các thủ tục cần thiết cho lễ cúng gọi vong". Ánh nói. Và anh Thắng tin Ánh.

Năm ngoái, dịp ra Giêng, chúng tôi đi vãn cảnh chùa vùng Sơn Tây. Vào một ngôi chùa cổ. Hoa hồng tỏa hương dìu dịu,

thanh khiết. Đúng là hồng trồng đất chùa. Ghé vào Tam bảo, thấy thanh tịnh. Ánh xin phép thỉnh chuông và cúng. Chúng tôi nghĩ Ánh đùa. Ánh ngồi ngay ngắn trước chuông, chắp tay, xin thỉnh. Ánh gõ chuông, lúc khoan lúc nhặt, khi bổng khi trầm, từng nhịp, từng hồi ngân vang. Cứ ngỡ Ánh đang ngồi trước đàn dương cầm trong nhà thờ. Vị sư trụ trì đứng trang nghiêm, nét mặt rạng rỡ nghe Ánh gõ chuông. Ánh gõ xong, sư trụ trì và chúng tôi cùng vỗ tay. Sư trụ trì hỏi. Ánh khiêm nhường đáp rằng mình tự học. Rồi Ánh xin ngồi trước Tam bảo, cúng một bài. Sư trụ trì cảm phục lắm. Sư ngỏ ý mời Ánh đến chùa cúng giúp vào những ngày có việc. Nhưng Ánh cảm ơn và từ chối. Từ đó, chúng tôi mới biết Ánh có khả năng cúng lễ.

Thế hệ lính chúng tôi, nhiều người, sau khi giải ngũ, với tài năng của mình, trở thành những doanh nhân. Nhiều người mở công ty, làm giám đốc. Như Hùng công binh có mấy xưởng may ở Hưng Yên, Thanh Hóa. Hay Tuấn quản lý, chủ xưởng inox ở Thường Tín, chuyên sản xuất hàng gia dụng. Hoặc Hải trinh sát, giám đốc công ty kinh doanh máy bơm cao cấp. Nhóm này thường chơi golf và đi du lịch nước ngoài. Nhưng Ánh lại khác. Nó gây dựng doanh nghiệp may xuất khẩu. Giao cho vợ trông coi. Dường như Ánh không thích làm giầu. Tiền bạc hay danh vọng không có sức hút đối với Ánh. Nó tìm kiếm con đường riêng của mình.

Và Ánh cũng không thích nổi bật. Nhiều đồng đội tôi, khi gặp mặt, diện bộ đồ sĩ quan thật oách. Ngực đeo đầy huân chương, huy chương. Quân hiệu, quân hàm oai vệ. Hoặc số khác, diện complet, cravat, đạo mạo như đại biểu Quốc hội. Họ tranh nhau lên diễn đàn, phát biểu toàn những điều quan trọng. Ngày hội lính tráng chia làm hai. Trong hội trường thì ngồi nghiêm chỉnh, nghe ca nhạc và diễn văn. Bên ngoài, có

khi đông hơn. Từng nhóm lính hút thuốc mù trời, chuyện trò rôm rả. Còn Ánh, lặng lẽ ngồi một chỗ kín, dường như lắng nghe cả hai phía, nhưng hồn để tận đâu đâu. Cuối buổi, các cựu chiến binh hay phổng mang trợn mắt tranh luận nhiều chuyện, nhất là kinh phí đóng góp. Nhưng Ánh xuê xoa tất cả. Có lần, Ánh đóng góp nhiều hơn. Mấy đồng đội to mồm, phê phán tại chỗ. Ánh chỉ cười.

Ánh cũng chơi với mấy người hay đi nhà thờ như Khả Minh, Nam y tá…, cũng thân với mấy người thường xuyên đi chùa như Toàn béo, Vinh nhãn khoa… Nhưng Ánh thường nói, trên đời, tôi chỉ sợ hai thứ. Một là lẽ phải. Hai là người tử tế. Về sách, tôi thấy Ánh đọc đủ thứ. Trên giá sách của Ánh, tôi thấy nào kinh Hoa Nghiêm, kinh Thủ Lăng Nghiêm, kinh Kim Cương… Bên cạnh đó là Cựu Ước, Tân Ước, Thánh ca, Những câu chuyện về Kinh Thánh… Có lần, từ Thành phố Hồ Chí Minh về, tôi thấy Ánh xách theo một va ly sách của Krishnamurti và của Osho. Ánh bảo, tôi thấy mỗi người đều có cái hay. Tôi đọc tất. Và nhận vào mình những cái hay đó. Nhưng muốn thấm sâu, phải thực hành và rèn luyện thường xuyên những điều mình tâm niệm.

Tôi cảm thấy đời sống tâm linh của Ánh có từ chính nội tâm. Những cuốn sách Ánh đọc như những kiến thức bổ trợ. Và Ánh sống đời sống tâm linh của mình một cách tự nhiên. Linh hồn Ánh cũng lớn theo thời gian. Và có thể, bây giờ, nó đến lúc tỏa hương.

3.
LỄ CẦU SIÊU Ở VÙNG BIÊN GIỚI

Xe chúng tôi đến biên giới Campuchia - Việt Nam lúc đã gần xế chiều. Gần ba mươi năm trước, tôi hành quân từ Việt Nam sang Campuchia theo chiều ngược lại. Giờ đi từ Campuchia về biên giới Việt Nam, thấy khác xưa nhiều. Những đường đất đỏ lừ bụi giờ đã trải nhựa. Không khí năm xưa đầy mùi súng đạn, giờ thơm hương rừng và mùi không gian trong sạch. Những tán cây hai bên đường cũng tạo thành khoảng xanh sáng trên cao. Ghé chợ bên đường, người mua bán đi lại thong thả. Buổi tối, nghỉ lại khách sạn ở thành phố Banlung. Chỗ này, ngày trước là mấy bức tường đổ. Giờ là cửa hàng điện máy. Trước kia vào thị xã, tối om, đầy mìn. Giờ là thành phố, ánh điện lung linh.

Buổi tối, mọi việc xong xuôi, tôi tìm đến Ánh. Tôi gõ cửa. Ánh nói vọng ra: "Cửa mở! Cứ vào!". Ánh đang xem lại bài văn tế bằng tiếng Khmer.

- Chào Ánh.

- Ủa, sao ông lên nhanh thế? Mình có nhận được điện của An Sopheak.

- Không sao. Mình biết Ánh bận.

- Ông có kịp dự lễ không?

- Có chứ. Ai giúp Ánh viết văn tế thế?

- Tự mình viết. Vừa đi vừa nghĩ. Tối về viết.

- Ánh có tham khảo ở đâu không?

- Mình có đọc nhiều văn tế. Đúng là nước mình, chiến tranh liên miên, di sản văn tế nhiều. Giờ mới thấm. Nhưng mình nghĩ, cứ viết đúng cảm xúc chân thật của lòng mình. Sau đó, mình đưa cho các nhà sư Khmer góp ý. Họ sửa cho đúng văn phong tiếng Khmer.

Tôi mở ba lô, lấy gói quà của gia đình Ánh gửi.

- Này Ánh, đây là gói quà gia đình Ánh gửi.

Tôi đưa bọc quà. Ánh mở. Nhận lá thư của vợ và con, rồi đưa lại cho tôi.

- Mình biết trong này có những gì rồi. Coi như mình đã nhận. Ông cứ giữ lấy.

- Sao lại thế?

- Mình dạo này ăn chay rồi. Chay trường.

Ánh lấy nước nóng pha gừng và muối để ngâm chân.

- Mấy ngày trước, mình phải đi bộ nhiều quá. Dọc biên giới hai tỉnh Gia Lai – Kon Tum của Việt Nam và tỉnh Ratanakiri của Campuchia nữa.

- Ánh đi một mình?

- Có nhà sư Than Sophie từ Banlung lên đi cùng. Biên giới dài quá, phải đi nhiều ngày. Ngày trước thì vai đeo ba lô,

tay ôm súng. Giờ thì vừa đi vừa tụng kinh, gõ mõ, mời các vong về dự lễ.

- Ông có tin các vong nghe được không?

- Mình không nghĩ họ đã chết mà coi họ như người đang sống. Như đồng đội, như người thân. Có lúc, mình cảm thấy họ đang kéo mình bay lên.

- Thế đêm ngủ ở đâu?

- Vào nhà dân nghỉ nhờ. Nói chuyện với dân ở biên giới hai nước, mình mới vỡ lẽ nhiều điều. Ví dụ tên "Ratanakiri" theo tiếng Khmer có nghĩa là "Núi Ngọc". "Ratana" là "Ngọc", còn "Kiri" là "núi". Phía bên mình cũng tương tự. Tên "Gia Lai" gọi chệch từ "Ja-rai" theo tiếng dân tộc J'rai có nghĩa là "Núi Lớn". Còn "Kon Tum" ông biết là gì không? Tiếng Bana gọi "Kon" là "Làng", còn "Tum" là "Hổ", nghĩa là Làng Hổ. Ngày trước, mải đánh nhau, không hiểu ý nghĩa những tên đất, tên làng. Cách đặt tên địa danh của dân hai nước rất gần với nhau.

- Thì đất là dân. Dân là đất mà. Nhưng tôi hỏi, sau việc này, ông đi đâu?

- Mình định đi S'tung T'reng, nơi có mấy người Trung đoàn mình hy sinh khi đánh vào sân bay. Song nếu thuận tiện, mình sẽ đến Preah Vihear trước. Ông còn nhớ trận tháng Giêng năm 1979, đơn vị mình hạ hai mươi ba lính đối phương không? Sau trận đánh, chẳng ai kịp nghĩ đến việc thu dọn chiến trường, phải nhanh chóng rút đi ngay. Mà không biết bên họ có quay lại chôn tử sĩ của họ không? Những câu hỏi đó ám ảnh mình bao nhiêu năm.

Chúng tôi im lặng hồi lâu. Chợt tôi hỏi:

- Này Ánh, tên nhà sư của ông theo tiếng Khmer nghĩa là gì?

- À, tên Phteah Saniphap có nghĩa là Ngôi nhà Hòa bình. Một nhà sư Campuchia đặt cho mình đấy. Thế còn ông, định đi đâu?

Tôi cười:

- Ông đi tìm linh hồn người chết. Tôi đi tìm linh hồn người sống.

- Nghĩa là sao?

- Bọn mình lao vào cuộc chiến Biên giới Tây Nam đúng lúc đất nước vừa trải qua ba mươi năm chiến tranh. Mùi vị hòa bình chưa kịp nếm. Rồi ra quân giữa lúc đất nước khó khăn cùng kiệt. Mỗi người tản mác một phương. Thằng nào cũng cắm đầu vào kế mưu sinh, không ngẩng mặt lên được. Giờ, mới có chút dễ thở. Tôi định cùng mấy anh em đi tìm đồng đội năm xưa, xem bây giờ họ sống ra sao.

- Đấy là việc ông nên làm. Đồng đội mình khi về các tỉnh đều khó khăn. Sức lực không còn. Không nghề nghiệp. Không có tiền. Lại còn gánh vác gia đình, chăm cha mẹ già, nuôi con nhỏ… Làm sao kể hết gian lao. Không đi thăm, đồng đội lại xa nhau biền biệt. Những ký ức không ai nhắc tới. Đừng để họ chết trong buồn thảm, cô đơn.

- Tôi sẽ đi. Đi để gặp họ, những người còn sống, trở về. Để kể cho họ thấy, chúng ta không bất hạnh. Chúng ta là những người hạnh phúc. Thử nhìn lại xem. Ai được sống vừa trong chiến tranh, vừa trong hòa bình? Vừa ở nông thôn, vừa ở thành phố? Vừa ở trong nước, vừa ở nước ngoài? Vừa thời bao cấp, vừa thời mở cửa? Và chúng ta có cùng một cội rễ. Đó là tình đồng đội, đặc biệt là đồng đội trong chiến tranh. Mà chiến tranh lại ở nơi xa đất nước. Có bao giờ, có khi nào, hàng chục nghìn người, kẻ Bắc, người Trung, người Nam, người dân tộc thiểu số, người Kinh… cùng gọi nhau là "đồng

hương" không? Bây giờ, ngoài tình cảm gia đình, tôi cảm nhận, tình đồng đội là thiêng liêng hơn cả. Tôi sẽ là sợi dây kết nối mọi người.

- Tôi nói cho ông biết, trong sách vở về Đức Phật, sợi dây không tầm thường đâu. Có câu chuyện thế này: một buổi sáng, Đức Phật đi dạo bên hồ sen. Nhìn xuống đáy hồ, Ngài bỗng thấy một người đang giãy giụa trong địa ngục. Anh ta cầu cứu. Nhìn kỹ, Đức Phật chợt nhận ra người đang lâm nguy chính là Kantuka. Anh ta là kẻ bê tha, nát rượu, giết người. Nhưng có một lần, anh này đã cứu mạng con nhện. Đó là khi con nhện rơi xuống dép, nhưng anh này không giết. Anh ta bắt con nhện, thả đi chỗ khác. Đức Phật bèn kiếm sợi tơ nhện, thả xuống hồ. Sợi tơ trôi về phía người bị nạn. Và sợi tơ nhện đã biến thành sợi dây bạc. Anh kia vội túm lấy, đu lên. Nhưng cũng chính lúc đó, có mấy người khác cũng tóm được sợi dây, cùng đu lên… Phần sau tôi không kể. Nếu thích, ông tự tìm.

- Ý nghĩa của nửa câu chuyện này là gì?

- Ý nghĩa của sợi dây ở chỗ, chúng ta kết nối với nhau, kết nối với thế giới bên kia đều bằng những sợi dây. Và chính chúng ta là những sợi dây. Những sợi dây chuyển động.

Sáng hôm sau, chúng tôi được dự lễ cầu siêu của nhà sư Phteah Saniphap. Có cả nhà sư Campuchia từ Banlung lên. Phía Việt Nam có các nhà sư từ Gia Lai, Kon Tum sang. Cả mấy vị mục sư đạo Tin Lành cũng đến. Các vị lãnh đạo chính quyền, quân đội, người dân tỉnh Ratanakiri có mặt từ sớm. Dân Việt ở tỉnh Gia Lai cùng nhân dân Việt Nam và Campuchia làm việc tại nông trường cao su cũng không bỏ qua dịp lễ này. Tôi chú ý đến những người mặc quân phục nhưng không đeo

quân hàm. Đó là những thành viên của hai đội tìm hài cốt liệt sĩ của hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum. Gần ba mươi năm qua, các anh đã nhọc nhằn tìm kiếm được hàng trăm bộ hài cốt của quân đội Khmer Đỏ và quân tình nguyện Việt Nam. Tôi hỏi, làm thế nào các anh phân biệt được hài cốt lính hai bên? Một anh trả lời, lính Việt Nam thường còn lại thắt lưng da và bi đông nhôm; lính Pol Pot thường có bi đông nhựa. Còn dép cao su thì bên nào cũng có. Những hài cốt xác định chính xác là lính Pol Pot, các anh trao trả phía Campuchia. Còn những hài cốt chưa thể xác định được, các anh quy tập, đưa vào nghĩa trang ở Việt Nam.

Buổi lễ cầu siêu diễn ra trang nghiêm mà giản dị. Tấm áp-phích lớn ghi dòng chữ: "Đại lễ cầu siêu cho các vong hồn binh lính Campuchia dân chủ và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" bằng hai thứ tiếng Khmer và Việt. Một dãy bàn phủ vải vàng dành cho các đại biểu. Có lọng che. Lá cờ Phật giáo ngũ sắc bay trong nắng vàng gió lộng. Những người dự có ghế ngồi, xếp hàng ngay ngắn. Nhà sư Phteah Saniphap trong trang phục màu vàng truyền thống của sư sãi Khmer, đứng làm chủ lễ. Thời tiết như chiều lòng người. Cuối mùa mưa mà nắng chiếu sáng cả khu rừng.

Mở đầu, dàn nhạc gồm chiêng trống của người Khmer vang lên. Rồi dàn đồng ca, các nhà sư đồng thanh cầu nguyện. Âm điệu như những lời chia ly, an ủi. Tiếp đó, sư Phteah Saniphap cùng các nhà sư bước lên cúng bái. Một đoàn quần chúng mang lễ vật gồm lễ mặn, lễ ngọt và rượu bia dâng lên. Nhà sư Phteah Saniphap đọc văn tế bằng tiếng Khmer:

Kính lạy những linh hồn tử trận của hai phía Khmer Đỏ và Việt Nam

Cùng những linh hồn đã khuất!

Hôm nay, chúng tôi, gồm nhân dân hai nước Campuchia và Việt Nam cùng các vị sư sãi hai bên

Xin cúi đầu trước các bậc tiền nhân và muôn vàn vong linh tử sĩ hai bên

Xin dâng kính hương hoa để tỏ lòng hiếu kính!

Trời biên giới hôm nay yên tĩnh

Đất biên cương rợp bóng hòa bình

Nhớ nơi đây năm xưa vùng chiến sự hãi hùng

Pháo bắn rung rừng, máu tràn sông suối

Đất bị đạn cày, rừng cây gãy nát, không một bóng chim, thú rừng tan tác

Xác binh lính nằm dọc hai biên giới, tiếng kêu than oán thán dậy trời…

Các linh hồn phiêu dạt khắp nơi

Vất vưởng cuối dốc lưng đèo, rừng hoang núi vắng, cô đơn lạnh lẽo, đói khát lầm than.

Xin thứ lỗi vì chúng tôi vướng bận mưu sinh, lòng đà quên những vong hồn tử trận.

(Một hồi chiêng trống vang lên)

Ôi cũng vì vận nước lâm vào thời đen tối

Để dân lành vướng việc binh đao

Chí làm trai bao ước vọng hiến hòa

Phận nữ nhi mơ gia đình hạnh phúc

Kẻ thư sinh, người gieo trồng, kẻ dựng xây, người làm mộc, kẻ kinh doanh, người đi biển…

Tất cả đành gác lại

Ra sa trường làm nghĩa vụ nước non

Đạn lên nòng, súng trong tay, hùng binh hai bên cùng giao chiến

Máu đào cùng đổ, cùng ôm vết thương đẫm máu, miệng cùng gọi: "Mẹ ơi!"

Rồi cùng chết trên cùng mảnh đất

Mây vẫn bay, suối vẫn chảy và gió rừng vẫn thổi

Nhưng gió cùng mây và nước đã khác xưa

Bởi cỏ cây cũng như chúng sinh trong thế gian này

Đều vận động theo vô thường một lẽ

Thành – trụ - hoại – không

Sinh – lão – bệnh – tử

Ôi tuổi trẻ có sá gì tử biệt

Sinh là không mà chết cũng là không

Hỡi những linh hồn binh sĩ trận vong

Dù ở phía nào cũng xin nguôi oán hận

Nằm trong đất, chôn hận thù vào đất

Cây mọc lên.

Cây mang sắc hòa bình

Sống gửi thác về miền Cực Lạc thiên thanh

Xin cảm ơn! Xin cảm ơn những linh hồn ngã xuống

Những linh hồn trong đất ngủ chưa yên

Dưới chỗ các anh nằm, mảnh đạn vẫn xuyên lên

Mong các anh hãy từ từ thức dậy

Về dưới cờ Đại Phật bao dung

Rũ bỏ hận xưa, lắng Kinh Phật vào lòng

Lau nước mắt. Đón chào ngày mới.

(Một hồi chiêng trống vang lên)

Hôm nay đây chúng ta cùng hội ngộ
Nơi biên giới này núi đồ rừng xanh
Xin kính dâng các vong chén rượu thơm lành
Cùng lễ vật thoi vàng gạo muối
Kính mong các vong cảm thông, từng người theo hàng theo lối
Kéo về đây dưới cờ Phật ấm lành
Nghe Phật điểm danh
Nhận quà ban thưởng
Ôi những linh hồn đã làm xong phận sự
Ôi những hài những cốt mãi chờ mong
Hôm nay gặp lẽ nhân duyên
Hãy về tụ dưới mái hiên nhà chùa
Nghe kinh cầu nguyện sớm trưa
Giữa miền Tịnh Độ đợi mùa tái sinh.
(Một hồi chiêng trống vang lên).

Âm thanh vừa dứt, bỗng một trận gió thổi đến. Cát bụi bay tung. Lá khô cuốn ngang trời. Mấy bát hương bùng cháy. Tiền vàng bay lả tả. Rừng cây rung chuyển. Các nhà sư chắp tay khấn vái. Tất cả mọi người cùng cầu nguyện, chúc các vong hồn về chốn bình an.

4.
THĂM ÔNG BẠN H'MÔNG

Về Hà Nội, tôi gọi mấy ông bạn thân đến quán café Hội Ngộ trên phố Triệu Việt Vương. Phố này, thời chúng tôi đi lính, vắng và tối. Giờ lột xác. Quán xá nối nhau dài dằng dặc. Hai hàng cây rủ bóng xanh hiền hòa. Ngồi trong quán hay ngoài hiên đều có cảm giác bình yên. Càng ngồi, câu chuyện càng sâu lắng. Tôi nói:

- Các ông đã biết chuyện ông Ánh đi Campuchia rồi. Giờ, tôi nghĩ, chúng mình nên đi tìm kiếm những anh em ở đơn vị năm xưa. Thứ nhất, xem họ sống thế nào. Các ông có nhất trí không?

- Nhất trí – Tầm béo rít thuốc – Anh em mình trước cùng chui rúc trong một căn hầm. Người về trước. Người về sau. Kẻ bị thương, đi viện, rồi ra quân lúc nào không biết. Thất lạc tứ tán. Giờ mới có điều kiện, nên tổ chức đi tìm.

- Bọn mình phục viên đúng thời bao cấp - Thành cao nói - Thật khó khăn. Tôi có gặp anh Quán về Hà Nội chữa bệnh. Anh mang theo mấy cân chè. Tính về Hà Nội bán, lấy tiền đóng viện phí. Nhưng vừa xuống ga Hàng Cỏ thì bị mất trộm

hết. Anh tìm đến nhà mình, giữa đêm mưa rét. Ướt như hồi ở rừng. Giờ tìm đến nhà, chắc anh Quán mừng lắm!

Thằng Kính vẩu chen vào:

- Mẹ, nhắc lại chuyện cũ, tôi chỉ thấy bực. Thằng cha Cương, chính trị viên, riêng mình ra mẻ. Kỷ luật mình liên miên… Giờ gặp lại, mình chỉ muốn đập cho lão ấy một trận!

- Thôi đi – Bình cắt ngang – Tao nói với mày như con cháu trong nhà. Nhờ ông Cương mà mày nên người đấy. Mày không đi bộ đội thì vào tù sớm. May mà đơn vị đóng ở Preah Vihear, nếu đóng trong nước, mày cũng đào ngũ. Cũng may đơn vị mình là đơn vị chiến đấu, chứ là đơn vị xây dựng thì không sớm thì muộn, mày cũng bị tước quân tịch, đuổi về địa phương… Nếu mày là người biết điều, ngày mai, đến nhà ông Cương, bò từ ngoài cổng vào, chắp tay xin lỗi….

Bọn tôi kệ hai thằng. Chúng nó thân nhau. Trước ở cùng đại đội công binh. Nói với nhau bỗ bã thoải mái. Kính vẩu chỉ cười.

- Thôi, không cãi nhau nữa. Lạc đề sang chuyện khác – Chính thở dài – Tôi sợ, mình không tìm thấy họ. Mình chỉ biết, chẳng hạn, anh Trung ở Hòa Bình, anh Quán ở Phú Thọ. Còn huyện nào? Xã nào? Thôn nào? Ai biết? Mò kim đáy bể. Mất công!

- Nói như mày, lười như hủi, chỉ có ăn cám – Sơn bác sĩ phang thẳng – Tao đã từng đến nhà ông Sùng Sái Lếnh ở Lào Cai rồi. Lếnh quân khí, bọn mày nhớ không? Dạo lên Sa Pa, tao đến Tỉnh đội hỏi. Tỉnh chỉ xuống huyện. Huyện lại chỉ xuống xã. Thế là ra nhà lão Lếnh. Thôi, quyết định đi là đi. Không bàn lùi. Phương tiện là xe máy. Về chỉnh trang đi. Đến chỗ thằng Quang trinh sát ấy, nó có cửa hàng chữa xe máy ở Trần Khát Chân đấy. Nhờ nó kiểm tra các bộ phận. Hôm nay

thứ Sáu. Hai ngày nữa, Chủ nhật lên đường! Tập trung tại nhà Thanh Nam Đồng. Đúng 6 giờ sáng. Đi cho mát mẻ.

- Ông nào bị vợ quản chặt thì lựa lời xin phép cẩn thận nhé! – Tầm béo nhắc.

Thành cao thổ lộ:

- Bà xã mình, đi đâu thì ngăn, nhưng cứ nói đi với đồng đội thì đồng ý liền. Thậm chí còn xin đi cùng nữa.

- Thì cứ mời bà ấy đi cho vui! - Sơn bác sĩ vẫy tay chào anh em.

Sáng Chủ nhật, chúng tôi kéo đến nhà Thanh. Một ngôi nhà bề thế nằm trong làng Nam Đồng. Thanh là thương binh. Vợ Thanh tên là Nga, có cửa hàng mỹ phẩm, thuê người bán. Nga lại có mấy cô bạn xinh, chồng đi làm ăn xa hoặc làm thủy thủ tàu viễn dương, thường tụ tập. Vì vậy, lính tráng cũng thường kéo về nhà Thanh. Ở đó như câu lạc bộ. Tầm béo hỏi:

- Mình đi đâu trước nhỉ?

- Đi Lào Cai. Đến nhà anh Lếnh trước – Sơn bác sĩ nói – Để mình gọi điện cho thằng con anh Lếnh, xem nó có muốn về cùng không? Alô! Sùng A Thào đấy à? Bác Sơn đây! Bác với mấy đồng đội sẽ lên nhà cháu bây giờ. Thào có muốn về cùng không?... À, à… Bác hiểu rồi. Thôi, làm việc tốt nhé. Hẹn gặp cháu sau.

- Nó làm việc gì ở Hà Nội? – Tôi hỏi.

- Treo khẩu hiệu!

- Ông nói thật hay đùa đấy?

- Các ông không tin thì thôi.

- Treo khẩu hiệu cũng là một nghề?

- Đừng ngạc nhiên.

- Sao thằng con nhà Lếnh lại làm việc này?

- Thế mới hay. Để tôi kể các ông nghe. Nhà thằng Sùng Sái Lếnh xa lắm. Từ chợ Mường Khương đi vào những mấy cây nữa. Tôi mò lên. Khuyên thằng Lếnh chuyển nhà xuống Sa Pa làm ăn. Bán thổ cẩm như ông Tướng dưới Mai Châu cũng tốt. Tôi còn đưa vợ chồng thằng Lếnh về Mai Châu, học tập kinh nghiệm nhà ông Tướng. Thế là vợ chồng nó chuyển về Sa Pa. Có đồng ra đồng vào, hơn trước nhiều. Nhưng trong may có rủi. Thằng con lại lười học, nghiện chơi game. Thằng Lếnh điên lắm. Hết mắng lại đánh. Thằng con cũng không vừa. Nó bỏ nhà, trốn xuống Hà Nội. Thằng Lếnh đi tìm. Tôi phải đưa nó đi hết bến xe Nước Ngầm, Giáp Bát, Yên Nghĩa tìm. Không thấy. Ra cả ga Hàng Cỏ. Quần cả đêm. Trời lại mưa nữa. Tôi biết nó buồn. Dẫn cu cậu ra nhà Thủy Tạ uống café, ngắm Tháp Rùa treo đèn xanh đỏ lập lòe. Lúc về, nó thấy trên đường Lê Thái Tổ nhiều khẩu hiệu rơi quá. Cu cậu bảo mình dừng xe, định lấy một cái về may quần. Mình dọa cho. Cu cậu vãi tè. Thế quái nào, đến đường Bà Triệu, chỗ dốc Nhà Kèn ấy, nó nhìn thấy một thằng nằm mắc võng trước cửa báo *Đại Đoàn Kết*. Nó bảo mình dừng xe. Nó bước vào. Hóa ra, cái thằng nằm trên võng chính là thằng Thào, con nó. Thằng Lếnh bảo, nó nhận ra con vì cái kiểu nằm võng đan hai tay gối đầu của thằng Thào.

- Võng đâu mà nằm?

- Thế mới là chuyện "cái lý của người Mèo". Thằng Thào không có chỗ ngủ. Nó thấy khẩu hiệu rơi, bèn nhặt lấy. Tháo dây. Đến trước cửa nhà người ta. Thấy không có người, nó buộc khẩu hiệu làm võng luôn. Mình thấy nó nằm trên dòng

chữ: "Nhiệt liệt chào mừng…" Thằng Lếnh tìm được con. Ghì chặt, khóc òa. Thằng con cũng đang đói, ôm bố nức nở. Mình đưa hai cha con ra Cẩm Chỉ ăn đêm. Cha Lếnh quấn ngay lấy cái khẩu hiệu, giấu trong người. Nó bảo cái loại vải này về làm áo. Nhưng thằng Lếnh cũng nhanh. Nó bảo mình, ở Hà Nội có nhiều khẩu hiệu quá. Nó hỏi: "Treo được tiền không?" Mình nói: "Sao lại không?"– "Ông kiếm cho tôi cái nghề này được không?" – "Ông hỏi đùa hay thật đấy?"- "Tôi hỏi thật mà. Tôi thích treo khẩu hiệu lắm. Đồng hương không nhớ, ngày ở Campuchia, mình hay cắt khẩu hiệu cho Trung đoàn à? Thằng Thuận Quảng Nam đấy, cắt khẩu hiệu to đùng: "*Nhiệt liệt chào mừng ba ngày lễ bự*". Thủ trưởng Hà Văn Quán chỉnh cho tơi bời. Thằng Thuận không hiểu gì. Mình phải tháo xuống, gỡ ra, sửa lại đàng hoàng: "*Nhiệt liệt chào mừng ba ngày lễ lớn*". Thủ trưởng Quán khoái ra mặt, khen mình hết lời. Mình kết khẩu hiệu từ lâu rồi".

Thấy nó nói có lý, mình tìm họa sĩ Cường, ông bạn chuyên vẽ tranh cổ động, trình bày nguyện vọng. Thằng Cường giúp ngay. Thằng Lếnh còn khoe nó quen leo trèo từ nhỏ. Hái mộc nhĩ này, thảo quả này… đều phải có năng khiếu trèo. Nó biểu diễn vài động tác, như Tôn Ngộ Không. Cha Giám đốc Sở lác mắt. Cũng đúng lúc Sở Văn hóa đang có chiến dịch treo khẩu hiệu mừng Hà Nội được UNESCO trao danh hiệu "Thành phố vì hòa bình". Khẩu hiệu tung bay khắp nơi. Thế là thằng Lếnh có nghề treo khẩu hiệu. Lương cũng cao ra phết. Thằng Lếnh kể: "Mình chẳng bao giờ thất nghiệp. Tháng Giêng treo nhiều khẩu hiệu lắm. Mừng Tết này, mừng Đảng, mừng xuân này. Tháng Hai cũng nhiều. Các hội nghị này, nhà hàng khai trương này… Nhất là các chùa chiền. Họ cũng chăng đèn kết hoa. Tháng Ba thì đầu tháng là Quốc tế Phụ nữ, cuối tháng thành lập Đoàn. Tháng Tư thì không nói ông cũng biết.

Tháng Năm thì mừng Điện Biên chiến thắng; Sinh nhật Bác nữa. Tháng Sáu thì mừng bọn trẻ con với các chiến dịch vào hè của thanh niên. Tháng Bảy thì đền ơn đáp nghĩa. Tháng Tám, tháng Chín thì tưng bừng mùa Cách mạng. Tháng Mười giải phóng Thủ đô. Tháng Mười một thì ngày Nhà giáo. Tháng Mười hai ngày thành lập Quân đội… Đấy là những ngày cố định. Còn phát sinh từng tháng cũng nhiều lắm". Tôi hỏi phát sinh cái gì? Thằng Lếnh cười: Các ông sống ở Hà Nội mà không quan tâm đến bộ mặt Hà Nội. Đấy là các bộ, ngành, các cơ quan, xí nghiệp cũng có những ngày hội của họ chứ. Họ chi mạnh tay lắm. Bọn tôi thích làm cho họ hơn. Nhưng vẫn phải bám Sở. Vì mình mang cái mác của Sở, lại ngành văn hóa nữa, nên nhiều hợp đồng lắm. Giờ thì mình chiêu đãi ông được rồi." Tôi lại hỏi: "Thế những cây quá to, ông trèo thế nào?" – "Phải có mẹo chứ. Mình quăng dây vòng lên một cành ngang. Rồi bám dây, đu lên. Khẩu hiệu nào, bằng vải hay bạt, đều căng được hết!" – "Thế thằng con thì sao? Còn nghiện game không?". Thằng Lếnh bảo, thằng con nó, mình xin cho đi phụ việc chú Cường. Vẽ tranh cổ động, treo áp-phích, pa-nô... Lại được rong ruổi suốt ngày trên phố, nó không muốn về Sa Pa nữa.

- Ông mát tay đấy!

- Thì tay tôi là tay bốc thuốc, làm phúc cho thiên hạ mà. Để tôi kể tiếp chuyện thằng Lếnh. Thằng này, tôi thuê nhà trong phố cho, nó không chịu ở. Nó ra Bãi Giữa sông Hồng, thuê lại được một cái bè của một thằng cha bỏ vào Vũng Tàu theo gái. Thế là thằng Lếnh làm lại cái nhà trên bè. Nó thưng lại vách, lợp lại mái… Các ông biết không? Tất cả đều bằng khẩu hiệu. Ra nhà nó, trên tường thì "Thi đua lập thành tích…"; ở cửa ra vào thì: "Mừng Đảng Mừng Xuân"; trên mái nhà thì: "Tinh thần Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh mùng 2 tháng 9

bất diệt". Dưới sàn thì: "Tuyển sinh lớp cao học Việt – Bi". Tôi ngồi trong nhà nó, lưng tựa vào: "Lễ Bảo vệ Luận văn Tiến sĩ cấp Quốc gia, chuyên ngành X Y Z" gì đó. Ở nhà nó, đi trên chữ, ngồi cũng trên chữ. Cái giường nó nằm cũng lót toàn chữ. Nó bảo làm thế để chữ thấm vào thằng con nó. Bớt ghêm gủng "xòe", "bụp", "ùng oàng" đi…

- Thằng con có thích việc mới không?

- Thích quá đi chứ. Nó lại khoái chú Cường. Xin theo làm đệ. Lão Cường cũng khoái chàng H'Mông này. Lão chỉ cho thằng Thào vài đường cơ bản, rồi uống rượu mút mùa. Thằng Thào cũng tinh ý. Học nhanh. Lại có sáng kiến vẽ thêm vài hình hoa văn của người H'Mông nên các bức tranh cổ động tươi hẳn lên. Mình hỏi thằng Thào: "Mày học ở đâu mà vẽ giỏi thế?" Thằng Thào cười: "Chú Cường dạy cháu!" – "Chú ấy dạy thế nào?" – "Vẽ gì cũng theo mẫu. Trí thức thì cho đeo kính. Công nhân thì cầm búa. Nông dân thì ôm lúa. Tụi trẻ con thì đeo khăn đỏ… Cháu cứ đặt mi-ca có in hình lên, rồi tô màu. Chữ cũng thế. Làm nhanh lắm!" Việc đang ngon thì thằng Lếnh bị tai nạn…

- Nó bị xe tông à?

- Bị ngã. Hôm ấy, trời mưa. Cu cậu leo cây treo khẩu hiệu. Cành cây trơn, bị ngã. Gãy chân. Nằm bệnh viện Việt – Đức hơn tháng. Ra viện, chuồn một mạch về quê. Thằng Thào đưa bố về, nhưng lại đòi xuống Hà Nội ngay.

- Ông kể hết thì bọn tôi lên Lào Cai làm gì nữa?

- Kể để các ông hình dung, một người lính dân tộc thiểu số trở về ra sao. Đừng có định kiến người dân tộc là nghèo đói, là phải giúp đỡ. Họ thích nghi rất nhanh với hoàn cảnh. Nhưng cứ phải lên tận nhà ông Lếnh. Trăm nghe không bằng một thấy. Trăm thấy không bằng một sờ. – Sơn cười tít mắt.

Đường cũng dễ đi. Xe lại tốt. Dừng lại ăn trưa ở Yên Bái, chúng tôi phóng một mạch lên Lào Cai. Đến nhà Lếnh cũng sẩm chiều.

Lếnh đi dép rọ, đội mũ nồi, diện bộ quần áo đen của người H' Mông. Đôi mắt xếch, cái miệng hơi nhọn, nụ cười chất phác của người miền núi hút hồn chúng tôi. Lếnh nhập ngũ, được cử học lớp quân khí. Vì cán bộ nghe Lếnh kể, hồi ở nhà, biết chế súng săn. Học xong, Lếnh được phân về Trung đoàn 29. Dạo đó, Trung đoàn còn đứng trong đội hình Sư đoàn 968, đóng bên Lào. Sau về Tây Nguyên, dự trận tháng 3 năm 1975. Rồi đi truy quét Fulro. Năm 1978, chúng tôi bảo vệ biên giới Tây Nam và sang Campuchia. Sau 8 năm lính, Lếnh vẫn là một anh lính bình thường. Không chức vụ gì. Cấp bậc hình như vẫn binh nhất. Năm 1982, được phục viên, đơn vị mới phong cho cấp Trung sĩ. Vì ở đơn vị, Lếnh chỉ làm nhiệm vụ quản lý vũ khí, đạn dược. Lếnh thường nói là mình may mắn vì nằm giữa kho súng đạn mà không phải bắn phát súng nào.

Nhìn qua, biết ngay nhà Lếnh. Áp-phích và biển quảng cáo giăng quanh nhà. Cả chuồng trâu Lếnh cũng giăng. Hỏi, Lếnh cười: "Trâu cũng biết yêu chữ". Lếnh khoe: "Còn ít khẩu hiệu mới, mình cất đi. Tết mới mang ra". Vợ Lếnh đã bắt gà làm thịt. Rau cải hái sau nhà. Rượu ngô có sẵn. Thêm xoong trứng luộc.

- Những món này, ngày nào tôi chả ăn. Lên đây, ông phải đãi tôi món của người dân tộc chính hiệu! "Made in H'Mông" của ông ấy! – Sơn yêu cầu.

- Ngày ở lính mày có thế đâu? Sao giờ vòi vĩnh thế ? – Lếnh hỏi.

- Thời lính, mình sống trái quy luật đời thường. Cởi áo lính, phải tập sống lại. – Sơn lý sự - Tao luyện mãi mà có được đâu. Này Lếnh, tao nói đùa nhưng trong đùa có thật đấy - Mày

đãi chúng tao món mèn mén đi. Tao nghe nhiều mà có được nếm bao giờ đâu! Không phải tao vòi vĩnh. Mày biết không, đi cả ngàn cây số lên đây, được sai bảo ông bạn cũ, chẳng hạnh phúc sao? Mà mày nữa, tám năm lính, bọn tao đãi mày món ăn của người Kinh rồi. Giờ mày đãi bọn tao món ăn H'Mông. Rồi sau này mày ngẫm, được chiều mấy thằng bạn lính khó tính này cũng là hạnh phúc đấy!

- Giời ơi! Chuyện nhỏ mà các anh lắm lời quá! - Vợ Lếnh cười – Mèn mén thì khó gì. Nhà em có đầy! Mới làm hôm qua.

- Nhưng phải ăn với thắng cố. Nhà mình đâu có món ấy! Phải xuống chợ! – Lếnh thầm thì với vợ.

- Cần gì thắng cố! Tầm béo bĩu môi – Nước luộc gà là "Ok" rồi!

Vợ Lếnh dọn cơm. Món mèn mén được hấp cách thủy. Nặn thành bánh.

Sơn bác sĩ ra vẻ thông thạo:

- Các ông biết không, ăn món mèn mén này, tôi mới ngẫm ra, người H'Mông chế biến món ăn ngon hơn người Kinh nhiều. Cũng trồng ngô, nhưng người Kinh chỉ biết làm mỗi ngô luộc, ngô nướng, ngô bung… Nhưng người H'Mông lại chế biến món ăn cao cấp hơn, ngon hơn. Đó là mèn mén. Họ làm lâu hơn. Trước khi xay, phải ngâm ngô đã. Rồi cho ngô vào cối, xay hai lần. Lại thêm hai lần giần sàng nữa. Sau đó mới đổ cách thủy. Mỗi lần đổ, lại một lần giần sàng. Đến nỗi, bột ngô mịn như nhung thế này. Đổ cách thủy để bột ngô không nát, giữ nguyên vị ngọt. Để chế ra một món ăn, ngoài khẩu vị, cần nói đến tính kiên trì. Trong 54 dân tộc trên đất nước Việt Nam này, tôi thấy người H'Mông có tính kiên nhẫn nhất. Kiên nhẫn nhặt từng hòn đá để lấy đất trồng ngô. Kiên nhẫn cuốc từng rẻo đất nhỏ để trồng. Kiên nhẫn phơi khô trên gác bếp.

Kiên nhẫn ngâm. Kiên nhẫn xay. Kiên nhẫn đổ. Tại sao tôi nói họ kiên nhẫn? Ngay cái bánh mèn mén các ông đang cầm trên tay đây, đúng như chị vợ Lếnh nói, mới làm hôm qua. Không phải làm hôm kia hay trước đó. Tại sao? Vì bột ngô để lâu sẽ sinh ra các độc tố là ochratoxin và patulin. Ăn mèn mén có nhiễm những chất này, thận và gan bị phá hủy rất mạnh, dẫn đến chết người. Vì thế, người H'Mông chỉ chế biến bột ngô vừa phải, dùng trong vài ba ngày. Cái này cũng có cái hay. Vì họ luôn ăn mèn mén mới, con nguyên chất tươi. Thời buổi chỗ nào cũng dùng tủ lạnh, chất tươi của món ăn càng giảm giá trị. Nào, nâng cốc mừng mèn mén!

Bình tỏ ra nghiêm trọng:

- Mình ăn mèn mén, tức là ăn tinh chất của đá núi, tinh chất của đất vùng cao, tinh chất của mồ hôi và tình cảm của tâm hồn người H'Mông! Nào, ly nữa! Sùng Sái Lếnh đâu, châm tửu!

- Có ngay! Có ngay! Hạ thần xin được hầu các ông kễnh, à xin lỗi, các ông tướng cùng các bà mệnh phụ!

Chúng tôi cười tưng bừng. Đâu cũng vậy, dù miền xuôi hay miền núi, chỉ lính gặp nhau mới cười hết cỡ được. Rượu hơi tây tây, Lếnh với cái khèn trên tường, ra sân, thổi bài khèn. Trăng lên cao. Trăng miền núi trong vắt. Những ngôi sao, đúng là long lanh. Nhìn Lếnh nhảy nhịp nhàng, miệng ngậm ống khèn, phả ra những âm thanh đẹp từ trái tim tràn ngập tình yêu của người đàn ông H'Mông, chúng tôi mới cảm nhận phần nào vẻ đẹp của người đồng đội năm xưa. Lòng chợt nghĩ, nếu chẳng may Lếnh chết ở chiến trường thì phí phạm bao nhiêu, đau đớn bao nhiêu!

Nghe tiếng khèn, một người hàng xóm vội mang cây sáo sang. Anh xin phép thổi một bài sáo H'Mông. Tiếng sáo vừa

ấm áp, vừa cao vút. Như rừng, như núi, như tiếng suối, như tiếng gió ngàn. Nhìn anh thổi say sưa. Dường như chính con người anh là cây sáo. Khi đung đưa, khi đắm chìm, thật đáng yêu. Mình là đàn ông mà còn muốn ôm lấy anh ta. Chắc phụ nữ càng muốn nhiều hơn. Giá như mang được tiếng khèn, tiếng sáo này về Hà Nội!

Đêm ở nhà Lếnh, ai cũng cảm thấy hạnh phúc. Vợ Thanh cùng vợ Thành cao cũng dạt dào cảm xúc, đồng ca: *"Trông vời lưng núi Khuổi Nậm rì rào núi cao tầng mây / Chiều nay tiếng ai đang "lượn" về lưng đèo…"*. Còn chúng tôi, khỏi phải nói, uống hết chai này sang chai khác mà chẳng hề say. Vừa uống vừa hát. Đủ các bài. Nhạc đỏ, nhạc vàng, dân ca Campuchia, quan họ Bắc Ninh… Lấy đũa, thìa gõ bát, gõ xoong. Chân rung nhịp, tay gõ bàn… Đêm trên rẻo cao trôi nhanh. Gần sáng, cả bọn mới lăn ra ngủ. Vợ Lếnh dắt vợ Thanh và vợ Thành cao vào buồng trong. Anh hàng xóm cũng đưa hai người về nhà mình, chia lửa. Chúng tôi lăn trên sàn nhà Lếnh. Đầu gối ba lô như lính tráng năm xưa.

5.
NHỮNG LINH HỒN XẤU SỐ

Ánh viết thư cho tôi, kể, vừa ra khỏi cổng nhà, bỗng gặp một ngọn núi. Đó là câu chuyện về những sĩ quan, binh lính Việt Nam bị tử hình ở Campuchia vào mùa xuân năm 1979. Trong khi giúp bạn tấn công và sau khi giải phóng, các sư đoàn của ta đã tử hình tại mặt trận khoảng 5 người. Một số cựu chiến binh ở các mặt trận 479 và 579 nhờ Ánh đến các trường bắn cũ, nơi tử hình đồng đội, cầu siêu cho những linh hồn xấu số.

Trong tay nhà sư Saniphap có danh sách năm người. Một thượng úy, Phó Tham mưu trưởng trung đoàn. Một trung úy, đại đội phó. Một thượng sĩ, Trung đội phó và hai người lính. Ánh đến Battambang, Kampong Speu, Svay Riêng và cả S'tung T'reng… Ánh không làm lễ ban ngày. Đêm xuống, anh khoác áo cà sa, đến ngồi trước các vong, trò chuyện.

Những người bị tử hình đều phạm tội cưỡng hiếp.

Thượng úy - Phó Tham mưu trưởng Trung đoàn: Thưa nhà sư, tôi đi lính từ 1970. Đã tham gia đánh Mỹ. Thành tích đầy mình. Quân đội đã ghi nhận công lao của tôi, nhưng khi tôi vi phạm kỷ luật, lại xử quá nặng. Tôi chỉ nghĩ mình bị hai mươi năm tù là cùng. Không ngờ nhận án tử hình!

Nhà sư Phteah Saniphap: Trước khi sang Campuchia, tất cả những người lính chúng ta đều được học tập 6 điều kỷ luật và 9 điều quy định. Cả thảo luận nữa. Tôi nghĩ, chắc anh cũng phát biểu rất hay. Chúng ta sang giúp nhân dân Campuchia đánh đổ chế độ diệt chủng chứ không phải đi xâm lược. Giặc Pháp, giặc Mỹ xâm lược Việt Nam, gây nhiều tội ác với nhân dân Việt Nam. Chúng ta không thể như họ được.

Các anh đều biết, khi chúng ta sang Campuchia, mỗi người đều có vũ khí trong tay. Và khi người lính trong tay có khẩu súng, nếu buông lỏng kỷ luật, rất nhiều điều tai hại sẽ xảy ra. Bởi lính viễn chinh, họ có thể làm nhiều điều khủng khiếp. Và tôi biết, các anh, tuy phạm tội lần đầu, nhưng đó là tội ác nghiêm trọng. Hiếp dâm là một tội ác chiến tranh.

Các anh vi phạm kỷ luật trong lúc đơn vị đang chiến đấu, trong lúc đồng đội đang hy sinh, đang cứu người. Không thể để một hành vi xấu xí, một hình ảnh ghê tởm ảnh hưởng đến một quân đội từ nhân dân mà ra, vì nhân dân chiến đấu. Không thể để những hành động bẩn thỉu ấy ảnh hưởng đến một quốc gia, một dân tộc…

Thượng úy, Phó tham mưu trưởng trung đoàn: Khi ra tòa, tôi nhìn cô gái ấy với ánh mắt cầu xin. Cả đời mình, chưa bao giờ tôi rơi vào tình trạng yếu đuối, bẽ bàng và hèn hạ như vậy. Tôi nhìn cô ấy như van xin, như cầu cứu. Nhưng cô ấy và bà mẹ vẫn im lặng.

Nhà sư Phteah Saniphap: Khi gặp anh ở Tòa án, cô ấy vẫn sợ. Cô ấy vẫn coi anh là hung thần. Lần đầu tiên cô ấy rơi vào thảm trạng này. Kinh khủng. Khiếp sợ.

Còn chuyện cô gái và bà mẹ ngồi im, đều có lý do. Anh nên hiểu, người Khmer, sống dưới chế độ Pol Pot, họ không được quyền nói ý kiến của mình. Chỉ được phép nói "có" và

"không". Và họ rất sợ tổ chức, sợ Angkar. Họ chưa thể nói lời tha thứ. Vì hai bên không hiểu nhau. Chắc họ cũng không hiểu rằng anh sẽ bị tử hình.

Thượng úy - Phó tham mưu trưởng trung đoàn: Tôi cũng có cảm giác như vậy. Vì anh phiên dịch không những nói tồi, mà còn vừa nói vừa run.

Nhà sư Phteah Saniphap: Chuyện bất đồng ngôn ngữ rất có hại, nhất là đối với bị cáo. Trong khi đó, nạn nhân lại im lặng. Tôi nghĩ, có thể người phiên dịch cũng không thạo hai ngôn ngữ.

Trung úy – Đại đội phó: Tại sao chúng tôi mới vi phạm kỷ luật lần đầu, quân đội đã xử chúng tôi nặng thế?

Nhà sư Phteah Saniphap: Khi tiến vào Campuchia, đi theo mỗi sư đoàn đều có các đội công tác "Hai thắng lợi" của các Quân khu. Đó là Tòa án, quân pháp. Chúng ta không những giành thắng lợi về quân sự mà còn phải giành thắng lợi về chính trị nữa. Nhiều khi, thắng lợi về chính trị còn quan trọng hơn thắng lợi về quân sự. Các anh đã biết, những năm tháng ấy, dư luận quốc tế hiểu lầm Việt Nam như thế nào. Chúng ta phải giữ nghiêm kỷ luật để chống lại âm mưu tuyên truyền của chính quyền Pol Pot và nhiều nước khác rằng "Việt Nam xâm lược Campuchia". Vì vậy, Tòa án phải xử các anh ngay lập tức và ngay tại chỗ. Để làm gương cảnh báo cho đội quân hàng ngàn người đang tiến sâu vào đất bạn. Nói theo ngôn ngữ bây giờ, các anh rơi vào "vụ án điểm".

Các anh cũng có sứ mệnh của mình. Cái chết của các anh không hẳn vô nghĩa như nhiều người nói. Mà cái chết này là sự cảnh tỉnh và giáo dục nhiều người khác

Thượng sĩ - Trung đội phó: Ở chỗ anh Thượng úy còn có tòa án. Nhưng ở đơn vị tôi, khi tôi vi phạm kỷ luật hôm trước, thì

hôm sau, quân pháp xử bắn liền. Tôi không có cơ hội thanh mình (nghẹn ngào). Thực ra, tôi không phạm tội hiếp dâm. Đơn vị tôi đóng quân ở thị trấn Prasat Balangk, tỉnh Kampong Thom. Ở thị trấn có một người phụ nữ người Campuchia gốc Hoa xinh đẹp tên là Lâm Kuk. Cô ấy có chiếc máy khâu. Không hiểu sao, tôi thường thấy cô ấy ở nhà một mình. Tôi đến chơi vài lần, cô ấy đón tiếp ân cần. Mãi sau này, tôi mới mang chiếc áo rách vai của mình đến nhờ cô ấy vá giùm. Tôi ngồi bên cô ấy. Tôi thấy má cô cứ ửng đỏ dần. Miệng cô cười rất đẹp. Hai hàm răng trắng ngần. Nhưng từ lúc tôi ngồi bên, cô ấy làm gãy mấy chiếc kim khâu. "Daoy sar te anek!" (Tại anh đấy!). Cô ấy lườm tôi rồi cúi xuống, xấu hổ. Sao con mắt cô ấy đẹp thế! Tôi muốn cầm bàn tay cô ấy mà không dám. Rồi cô ấy cũng lấy lại bình tĩnh. Mảnh vá đã xong. Nhưng cô ấy không đưa áo cho tôi. Cô ấy cầm áo, chạy lên nhà. Tôi đuổi theo. Cô ấy chạy vào buồng. Rồi ngã ra tấm đệm màu xanh. Tôi ngập ngừng giây lát rồi lao thẳng vào người cô ấy. Thân hình cô ấy thật êm. Người cô ấy nồng nàn hơi ấm. Hai chúng tôi quấn lấy nhau.

Nhưng chúng tôi không biết, có một người hàng xóm của cô ấy đã theo dõi. Đó là một ông già người Hoa, gầy còm, ốm yếu. Ông này đã đến đơn vị, tố cáo tôi. Và tôi bị quân pháp bắt. Tôi cãi, tôi không hiếp dâm, không cưỡng bức. Chúng tôi yêu nhau. Cô ấy cũng đồng ý. Nhưng các ông ấy vẫn buộc tội. Tôi bị hai anh quân pháp lấy cái khăn thấm đầy e-te, chụp vào mũi. Tôi mê đi. Họ đẩy tôi ra xe. Tôi bị chở đến trường bắn. Tuy bị bịt mắt, nhưng tôi đã nhìn thấy năm người quân pháp với năm khẩu AK, chuẩn bị chĩa vào tôi. Lại có cả một anh sĩ quan, đeo súng ngắn, chỉ huy trường bắn. Đó là những hình ảnh cuối cùng tôi nhìn thấy.

Nhà sư Phteah Saniphap: Từ góc độ của anh, đó là chuyện thông dâm. Nhưng quân pháp lại nhìn từ góc độ khác. Nhất là

chuyện của anh, có người chứng kiến. Dù thế nào chăng nữa, "con dại cái mang". Nghĩa là, quân đội phải xử anh một cách công khai để hạn chế những kẻ xấu muốn bôi nhọ hình ảnh quân đội ta. Thứ hai, trong lúc tình hình đang hỗn loạn, kẻ thù đang ở xung quanh, lòng dân chưa yên, nếu không xử anh, sẽ có nhiều hành động tương tự, hoặc hơn thế. Rất khó kiểm soát. Quân pháp xử anh để ngăn chặn những chuyện không hay về sau, nhất là cảnh báo những người lính khác có ý định phạm tội…

Người lính 1: Trên đường hành quân, thấy một người phụ nữ gầy trơ xương, bế đứa con nằm thoi thóp bên đường, tôi đã lấy vắt cơm cuối cùng của mình đưa cho chị ấy. Tôi đã thấy nhiều bàn tay phụ nữ, nhưng chưa thấy bàn tay nào gầy guộc, xanh xao đến vậy. Thương quá! Còn đứa trẻ, trong ba lô có ít thuốc polyvitamin, tôi cho nó cả lọ.

Nhà sư Phteah Saniphap: Vâng, đó là lòng trắc ẩn tự nhiên.

Người lính 1: Nhưng hôm đó, lúc đi tuần, tôi gặp ba người phụ nữ đi mót lúa trên đồng. Hai già một trẻ. Tôi nói với họ, đằng kia có kho thóc. Tôi đề nghị cô gái trẻ đi cùng, tôi sẽ lấy thóc cho. Không biết tiếng Khmer, tôi chỉ ra hiệu. Họ cũng hiểu. Đến kho thóc, tôi ôm cô gái. Vật cô ấy ra. Cô ấy sợ, không dám chống cự. Nhưng nói thật, vừa đè lên cô gái, tôi chưa làm được gì, đã ra hết. Chính xác trăm phần trăm. Vậy mà tôi cũng bị xử bắn.

Nhà sư Phteah Saniphap: Tôi có nghe chuyện của anh. Tức là, anh chỉ nhìn sự việc từ góc độ của mình. Ở trên, tôi đã nói về góc nhìn từ quân đội, quốc gia, dân tộc. Nhưng còn một góc nhìn khác. Góc nhìn của cô gái. Dù cô ấy im lặng, nhưng trong thâm tâm, cô ấy bị tổn thương rất nhiều. Tổn thương tình cảm. Tổn thương tâm lý. Tổn thương sinh lý. Những cơn hoảng loạn còn hành hạ. Những ám ảnh xấu xa, kinh hoàng còn diễn ra trong tâm hồn. Còn rất nhiều tác hại nữa mà

chúng ta, những người phái mạnh không thể hình dung về phái yếu. Các anh hãy đặt mình vào vị thế các cô ấy để cảm nhận nỗi đau của những cô gái, những người phụ nữ, nạn nhân của các anh.

Người lính 2: Thưa nhà sư, bây giờ là 3 giờ đêm. Nhưng em bị tử hình lúc 10 giờ sáng. Em vi phạm kỷ luật vì có lý do riêng. Trước khi nhập ngũ, em đã được chứng kiến tội ác của lính Pol Pot khi chúng tràn qua biên giới, đốt phá làng em. Đặc biệt, chúng còn hãm hiếp phụ nữ, trong đó có cô giáo em. Tụi em may mắn chạy thoát. Nhưng em ân hận đã không cứu được cô giáo. Em đăng ký nhập ngũ để trả thù. Tháng Hai năm 1979, đơn vị em tấn công lên Xiêm Riệp. Tụi em đóng quân gần phum Bumi. Trong phum, nhiều gia đình có người thân đi lính Pol Pot. Đơn vị em bị tập kích liên tục. Em là lính trinh sát. Em biết có một người phụ nữ thường vào đơn vị chơi. Tên nó là Srei. Lúc nó biếu con cá, khi nó tặng buồng chuối. Cán bộ đại đội rất quý nó. Nhưng cứ mỗi lần nó vào, thì tối đó, bọn địch lại bắn cối vào đơn vị. Lúc hướng Đông, khi hướng Bắc.

Một hôm, đang nằm võng ngủ, em thấy con mụ Srei đi về. Nhưng bước chân của nó không bình thường. Hình như mỗi bước nó đều cố bước dài hơn. Để đo khoảng cách. Tối hôm đó, đơn vị cho lính đi phục hướng Bắc và hướng Đông. Nhưng bọn địch lại tập kích hướng Tây. Em trình bày ý kiến với Đại đội trưởng, nhưng ổng không tin. Em tức lắm. Khuya đó, em vào phum. Em quyết làm nhục nó để cảnh cáo. Khi nghe em kể tội, nó quỳ xuống, lạy, xin tha. Nhớ tới hình ảnh làng quê và cô giáo, em đã cưỡng bức nó. Hai ngày sau, em bị bắt. Và em bị tử hình.

Nhà sư Phteah Saniphap: Hãy buông bỏ cho lòng thanh thản. Tôi sẽ đưa linh hồn anh vào ngôi chùa mà ở đó, trước

cổng, có dòng chữ: "Từ - Bi - Hỷ - Xả". Nghĩa là "Tứ vô lượng". Từ - đó là lòng nhân từ, thương yêu tất cả mọi thứ, mọi người. Bi – đó là lòng thương xót, thông cảm với những điều ác, điều xấu của người khác. Hỷ - đó là niềm vui trước những thành công, may mắn của người khác, không đố kỵ, ganh ghét. Còn Xả, tức là mình buông bỏ tất cả, không chấp nhặt những chuyện này, chuyện nọ… Hãy buông bỏ lòng hận thù. Anh muốn trả thù, anh lại phạm tội. Hãy khoan dung để linh hồn nhẹ nhàng siêu thoát.

Người lính 2: Vâng. Em xin thực hành ngay!

Những linh hồn: Thưa nhà sư, lúc ấy, chúng tôi đều muốn ra trận. Lập công chuộc tội.

Nhà sư Phteah Saniphap: Đó là ý nguyện rất chính đáng, nhưng tiếc thay, không còn cơ hội nữa. Bởi trước đó, khi cả đoàn quân đang tấn công bọn diệt chủng thì các anh lại tách ra khỏi đội hình. Các anh cũng đi tấn công. Nhưng tấn công tình dục. Nhằm vào những phụ nữ yếu thế. Họ vừa thoát khỏi chế độ tàn bạo, chưa kịp hoàn hồn, lại gặp phải các anh. Từ góc độ của những người con gái này, họ bị chấn thương rất nặng. Cả thể xác và tâm hồn. Thật khó có thể tha thứ.

Những linh hồn: Trong cuộc chiến này, chúng tôi là những kẻ chiến bại. Cùng chung một số phận…

Nhà sư Phteah Saniphap: Số phận riêng của mỗi con người, cũng như số phận chung của chúng ta, đều gắn với tình dục. Chúng ta sinh ra từ tình dục. Và cái chết nhiều khi cũng liên quan tới tình dục. Các anh đừng nghĩ mình to lớn. Mỗi chúng ta, trọng lượng cơ thể chỉ khoảng năm mươi, sáu mươi kí lô. Nhưng năng lượng tình dục trong mỗi con người vô cùng to lớn. Chúng ta khó có thể kìm nén nó. Khó có thể chiến thắng

nó. Tình dục không chỉ đơn giản là tình dục. Nó là số phận, là định mệnh của mỗi chúng ta.

Những linh hồn: Xin cảm ơn nhà sư đã nói giùm những suy nghĩ của chúng tôi…

Nhà sư Phteah Saniphap: Đời sống tình dục – làm thế nào để có thể cân bằng? Đó là vấn đề nan giải không chỉ của mỗi người lính mà của cả quân đội, kể cả quân đội những nước lớn. Nhân loại mãi không quên tội ác tình dục mà quân đội Nhật gây ra cho phụ nữ Trung Quốc, Triều Tiên… trong Đại chiến thế giới II. Khi lính Pháp và lính Mỹ xâm lược Việt Nam, bên cạnh những căn cứ hoặc đồn lính, thường có những nhà thổ. Bởi ai cũng hiểu rằng, nếu tình dục bị kìm nén, sẽ gây ra những hậu quả khó lường. Sự kìm nén tình dục thúc đẩy con người làm những hành động xấu.

Thượng úy – Phó tham mưu trưởng trung đoàn: Nói thật, khi tôi gặp cô ấy bên suối, tôi thấy cô ấy khá xinh. Nhưng hôm ra tòa, tôi lại thấy cô ấy nói thẳng ra là xấu. Tôi tự khinh bỉ mình. Tại sao mình lại có hành động đê hèn với cô này?

Nhà sư Phteah Saniphap: Sự kìm nén tình dục lâu ngày làm cho tình cảm của con người bị méo mó, hạ xuống đến mức thấp nhất. Người ta mất cảm giác, mất ý niệm về cái đẹp, cái xấu. Lúc nào cũng nung nấu ý định: làm sao để giải phóng năng lượng tình dục trong mình? Đó là bài toán lớn, khó tìm ra lời giải một cách thỏa đáng. Tôi kể các anh nghe một câu chuyện. Đơn vị tôi, đạo đóng quân ở phum Choăm S're. Trong phum, có cô gái già, tên là Thíp. Cô ấy cao, gầy, mặt xương, rất thiếu nhan sắc. Đến nỗi lính Pol Pot cũng không để ý đến. Cô ấy khoảng 35 - 36 tuổi, chưa chồng. Suốt ngày mặc bộ váy đen. Da cô ấy hơi sạm nữa. Nhưng khi lính Việt Nam đến, cô ấy rất vui. Cô ấy cho bọn tôi ớt, thuốc rê và rất thích nói chuyện

với bộ đội Việt Nam. Nói thật, bộ đội Việt Nam, rất nhiều anh cũng yêu cô Thíp. Tình yêu luôn tìm được những lối đi riêng. Cô ấy có bầu. Nhưng cô ấy nhất quyết không khai. Đơn vị tôi không biết giải quyết thế nào. Phía chính quyền bạn cũng vậy. Nhưng cũng phải nói, khi có bầu, cô Thíp rất vui, như đẹp hơn lên. Tôi thấy cô ấy vừa đi gánh nước vừa hát.

Những linh hồn: Chuyện ấy xảy ra khi nào?

Nhà sư Phteah Saniphap: Giữa năm 1980.

Những linh hồn: Chúng tôi đều phạm tội khi mới đặt chân sang đất Campuchia…

Nhà sư Phteah Saniphap: Sự nóng vội luôn dẫn đến sai lầm.

Những linh hồn: Chúng tôi đều không có kinh nghiệm tình yêu… Trong năm người chúng tôi, chỉ anh thượng úy có vợ…

Thượng úy – Phó tham mưu trưởng trung đoàn: Tôi cũng chẳng có mấy kinh nghiệm đâu. Về phép được nửa tháng. Tìm hiểu năm ngày. Rồi cưới. Ở với nhau được chục ngày. Lại vào chiến trường. Đã kịp có con cái gì đâu…

Nhà sư Phteah Saniphap: Đúng, các anh chưa biết yêu, chưa có cơ hội được yêu. Người ta nói, trước tiên là ngôn ngữ, sau mới đến tình yêu. Rồi mới đến tình dục. Các anh đều làm ngược lại. Nhưng, có điều này, tôi thấy hơi lạ…

Những linh hồn: Chuyện gì vậy?

Nhà sư Phteah Saniphap: Không kể hai anh lính trơn, còn ba anh kia, khi phạm tội, đều là cấp phó…

Những linh hồn: Thì chúng tôi có cùng chung ý nghĩ, chuyện đơn vị, có cấp trưởng lo rồi.

Nhà sư Phteah Saniphap: Chính sự thiếu trách nhiệm, tính dựa dẫm đã dẫn các anh đến sự vô kỷ luật.

Những linh hồn: Được nhà sư chia sẻ, chúng tôi cảm thấy nhẹ lòng… Nhưng dù sao, chúng tôi vẫn cảm thấy, dường như, các đồng đội của chúng tôi không đồng tình với cách giải quyết quá cứng nhắc của Tòa án. Họ xử chúng tôi chỉ là hình thức. Còn án tử đã tuyên từ lâu…

Nhà sư Phteah Saniphap: Quân đội là mệnh lệnh. Tòa án binh trong thời chiến là hình thức của mệnh lệnh. Bản án các anh nhận, có thể nặng. Nhưng, như tôi đã nói, nó ngăn chặn nhiều điều không hay khác.

Những linh hồn: Thưa nhà sư, có người nói, những chuyện đau lòng này không nên nhắc lại?

Nhà sư Phiteah Saniphap: Điều đáng lo ngại nhất đối với tội ác là con người không có trí nhớ. Không có trí nhớ vì không chịu đọc, không chịu suy nghĩ. Nếu Hitler đọc lịch sử châu Âu, lịch sử Nga, hắn đã không gây ra Đại chiến Thế giới II. Nếu người Pháp, người Mỹ hiểu văn hóa, lịch sử Việt Nam, họ đã không xâm lược. Mỗi con người, mỗi số phận đều gắn với lịch sử đất nước. Chúng ta luôn nhắc và sẽ nhắc lại, để thế hệ sau không lặp lại sai lầm.

Những linh hồn: Thưa nhà sư, nhờ nhà sư chuyển giùm chúng tôi lời xin lỗi đến quân đội và nhân dân hai nước, đến người bị hại và gia đình họ. Chúng tôi biết lỗi của mình và xin được chuộc tội.

Nhà sư Phteah Saniphap: Tôi hứa. Tôi sẽ làm trong lúc cầu siêu.

Những linh hồn: Thưa nhà sư, chúng tôi lưu lạc ở đất này đã lâu, nhớ Đất Mẹ quá!

Nhà sư Phteah Saniphap: Đất Mẹ cũng luôn nhớ những người con của mình. Mỗi ngôi nhà, mỗi làng quê đều thương những người ra đi không trở lại. Nhưng, các anh hãy nhớ điều

này: người ta hay nói đến chuyện "hậu kiểm" khi đã muộn. Không ai nói đến chuyện "tiền kiểm" trước khi sự việc xảy ra. Tôi muốn, nếu được đầu thai, các anh hãy ghi nhớ điều này.

Những linh hồn: Chúng tôi muốn về nhà quá!

Nhà sư Phteah Saniphap: Các anh đã có đủ thời gian để ân hận và sám hối. Bây giờ, tôi sẽ làm lễ cầu siêu, đưa các anh trở về Đất Mẹ.

Những linh hồn: Chúng tôi xin cảm tạ!

6.
SANG CAO BẰNG
THĂM LÝ VIẾT CƯƠNG

Rời Lào Cai, chúng tôi sang Cao Bằng thăm Lý Viết Cương. Anh này người Tày, nhập ngũ năm 1974. Khi chúng tôi về tiểu đoàn, năm 1978, anh mới là Trung đội phó, phụ trách một khẩu cối 82. Khi chúng tôi ra quân, năm 1983, anh mới lên chức Đại đội phó đại đội hỏa lực, phụ trách thêm mấy khẩu DKZ và 12 ly 7. Tuy là cán bộ đại đội, nhưng anh Cương mãi không là đảng viên. Cũng chẳng hiểu vì sao. Tính tình cũng tốt. Không vi phạm kỷ luật bao giờ. Lại đẹp trai, cao ráo. Chỉ mỗi tội chậm chạp và ít nói. Trong khi đó, ở nhà, vợ anh đã được kết nạp Đảng. "Thua trời một vạn không bằng kém… vợ một ly". Anh Cương buồn lắm. Mang lá thư vợ viết, khoe mới vào Đảng, sang tâm sự với ông Vằng, chính trị viên Tiểu đoàn. Ông Vằng nói thẳng: "Tao cũng muốn kết nạp mày, nhưng tụi Đại đội 8 cứ chần chừ. Mày phải làm công tác dân vận ở đại đội cho tốt". Anh Cương cầm thư, lững thững ra về. Giữa Anlong Veng, khói lửa mù trời, có một sĩ quan muốn vào Đảng với tấm lòng chân thành, sao khó thế?

Về đơn vị, anh Cương cũng phấn đấu rất mạnh. Luôn xung phong đi gùi đạn, gùi gạo. Bị địch phục, anh cũng bình tĩnh như mọi người. Nhưng lại nổ súng chậm. Hỏi vì sao? Anh hồn nhiên bảo: "Tao chỉ giỏi bắn súng lớn. Mấy thằng tép riu, để tụi mày xử". Nghe cũng có lý.

Đơn vị tổ chức đi tát cá, cải thiện bữa ăn. Anh Cương xung phong đi. Nhưng anh em không tin lắm. Lính tráng dân biển ở Bình Định, Quảng Nam… giỏi bắt cá hơn anh nhiều. Lúc đi, ông Thịnh già, đại đội trưởng, phân công anh là chỉ huy. Nhưng đến nơi, lính tráng phân công lại. Anh Cương lên bờ canh gác. Anh em xuống suối, be bờ đắp đập. Đang tưng bừng bắt cá, bỗng "ập uỳnh", bọn địch tương B40 vào giữa suối. Quả đạn cắm xuống bùn, chưa kịp nổ. Anh em xanh mắt mèo. Lại tiểu liên, trung liên nổ tới tấp. Đạn bay chiu chíu sát đầu. Lính tráng vội nhảy lên bờ, vớ súng tác chiến ngay. Bắn nhau một hồi, bọn địch rút chạy. May mà bên ta không ai bị thương. Tìm anh Cương. Hóa ra anh vừa tỉnh giấc. Đồng đội trách, anh canh gác thế nào mà không phát hiện địch? Anh tỉnh bơ: "Tại tụi mày bắt cá lâu quá! Lại còn hò hét nữa. Lộ hết bí mật". Nghe cũng có lý.

Lần khác, anh đi Trung đoàn công tác. Lúc về, anh thấy giường mình đã có ai nằm. Lại trùm kín chăn. Cương về nhà hầm, tuy mệt mỏi, nhưng không dám đánh thức. Người dân tộc thiểu số luôn ý tứ. Anh Cương đi lang thang, ghé mỏi hầm một tý. Khuya về, chui vào hầm, tối thui. Cương đánh bật lửa. Giường mình vẫn có người nằm. Thằng nào mà vô ý thế? Cương bực, đến bên, giọng gắt: "Dậy! Dậy! Trả giường tôi đây!" Thằng cha vẫn ngủ li bì. Cương lật chăn. Nó vẫn ngủ. Lại còn úp mũ cối lên mặt nữa. Cương bật lửa. Giữ ngọn lửa trong tay, giọng chỉ huy: "Ông tướng nào đấy? Trung đội nào? Cối hay DK? Ngủ gì mà lắm thế?" Nó vẫn không thèm trả lời.

Cương bực mình, soi sát ngọn lửa xuống tận mặt, xem thằng nào cả gan? Vừa soi vừa sờ. Bỗng Cương giật nảy mình. Hóa ra quả bí đỏ! Mẹ, thằng nào đùa quá trớn. Dám lấy quả bí làm gáo mình. Cương soi xuống dưới. Lật võng ra. Trời đất, cái thân thằng ngủ là khúc gỗ. Thế mà y như người thật. Cương đang giận run người, lại xấu hổ nữa. Bỗng bên ngoài, bọn Tài bộng, Huy Lụa, Bình y tá, Tiến hòa thượng vỗ tay cười vang trời. Cương lao ra khỏi hầm. Quyết mắng tụi lính một trận. Nhưng lưỡi anh cứ líu lại, tay vung lung tung. Giữa lúc căng thẳng đó, mấy đứa lại mời anh xuống nhà bếp húp cháo gà. Tài bộng cười: "Em nói cho anh biết. Vì yêu anh, bọn em mới đùa thế. Chứ ghét anh, bọn em mặc kệ!" Nghe cũng có lý. Anh Cương lại cười xòa.

Ngày nhận lệnh ra quân, người khác thì vui như trúng số, riêng Cương lại buồn. Chín năm lính, đánh hết chiến trường Lào, Tây Nguyên rồi Campuchia, cấp bậc của Cương vẫn chỉ là Chuẩn úy, nghĩa là sĩ quan dự bị chứ chưa thật sự là sĩ quan. Quân hàm Chuẩn úy, đeo trên ve áo, chẳng oai gì. Có mỗi cái gạch, chẳng có ngôi sao nào. "*Chiều chiều ra đứng bờ ao / Gặp anh chuẩn úy, không sao, em buồn*". Nghe cứ tức anh ách. Chức vụ là đại đội phó. Cũng tạm được. Nhưng buồn nhất, anh vẫn chưa là đảng viên. Hôm ông Vằng mời Cương lên Tiểu đoàn, giao giấy phục viên, Cương đã xin ở lại. Ông Vằng mắng yêu: "Mày cứ về, làm đứa con cho vợ yên tâm đã!" Nhưng Cương nói: "Vợ chồng em đã xác định, cống hiến trước, chuyện con cái tính sau. Dễ thôi mà. Lúc nào chả được!" – "Mày chủ quan. Năm ngoái về phép, đã "đậu" được chưa? Như tao đây này, đi lính từ năm 1966, mấy lần về phép, đã có đứa con nào đâu? Anh em mình ở vùng rừng núi Campuchia, sốt rét liên miên, tinh trùng cụt đuôi cả, khó "đậu" lắm! Về đi không vợ nó giận." – "Vợ em là cán bộ huyện. Cô ấy "cách mạng" lắm. Em xin thủ

trưởng cho em phục vụ quân đội lâu dài". – "Tao cho cũng chả được. Đây là lệnh của Sư đoàn, của Quân khu. Với lại, tao nói thật, tụi mình ở lại, cơ may phát triển không nhiều đâu. Nay mai quân đội tiến lên chính quy, hiện đại, toàn sử dụng vũ khí bấm nút. Tụi sĩ quan trẻ, mới ra trường, có bằng cấp, chỉ huy hết tụi mình. Tiết lộ bí mật nhé: Tao cũng sắp xin giải ngũ. Mười tám năm lính, đủ rồi! Thôi, về chuẩn bị liên hoan chia tay anh em đi. Trung đoàn có xe về nước đấy. Nhớ bám vào".

Cương lên Trung đoàn. Có chuyến xe về Pleiku, nhưng anh không đi. Chờ chuyến sau. Nghe anh Thơm, Chủ nhiệm Hậu cần nói, chuyến xe sau sẽ về Thành phố Hồ Chí Minh. Cương quyết tâm về xem thành phố mang tên Bác thế nào. Mang tiếng đi lính từ trước khi giải phóng miền Nam mà không biết Sài Gòn thì xấu hổ lắm. Trung đoàn Cương, sau khi tham gia giải phóng Tây Nguyên, nhận lệnh cấp trên điều động, ở lại Đức Cơ. Năm 1976, Trung đoàn chuẩn bị làm kinh tế thì Fulro nổi dậy. Lại làm nhiệm vụ truy quét phiến quân. Vừa đập tan "Nhà nước Dega" thì chiến tranh biên giới Tây Nam nổ ra. Trung đoàn Cương đứng trong đội hình Sư đoàn 307, căng mình ra trấn giữ đoạn biên giới Gia Lai – Kon Tum. Cuối năm 1978, Sư đoàn tấn công bọn diệt chủng đến tận sào huyệt cuối cùng của chúng ở tỉnh Preah Vihear. Lần về phép năm ngoái, có đứa cháu vợ hỏi chú đã đến Thành phố Hồ Chí Minh chưa? Cương đáp, chưa. Nó có vẻ coi thường. Lần này, anh quyết về thành phố vĩ đại này. Chụp ảnh nữa. Về khoe cho nó lác mắt.

Xe Trung đoàn dừng ở Gò Vấp. Cương bắt xe ôm về ga Bình Triệu. Mua được vé tàu Nam – Bắc, nhưng mai mới chạy. Chẳng có ai quen, Cương lại khoác ba lô, gọi xe ôm, đến trước Dinh Độc Lập, chụp kiểu ảnh kỷ niệm. Cẩn thận cất ảnh vào ba lô, lại ngồi xe ôm, ngắm thành phố phương nam đầy nắng cho thỏa mắt. Lại về ga Bình Triệu. Trời sắp tối. Cương vào quán, gọi

suất cơm đĩa với sườn cừu. Tuy chưa nhìn thấy con cừu bao giờ, nhưng Cương cứ thử ăn cho biết. Lại gọi thêm chai la-de nữa. "Căng cơ bụng, chùng cơ mắt", Cương vào ga, tìm chỗ ngả lưng. Anh kiếm được một chỗ sát tường. Gối đầu lên ba lô, Cương chìm vào giấc ngủ. Anh lấy mũ cối che ánh đèn hắt vào mắt.

Gần sáng tỉnh dậy, Cương ngỡ ngàng. Sao mình lại gối đầu lên chồng báo cũ thế này ? Chết thật! Cái ba lô đâu rồi? Cương hốt hoảng nhìn quanh. Mấy người khách chờ tàu vẫn đang ngon giấc. Anh không dám kêu. Bao nhiêu vốn liếng của cải đời lính, mất sạch. Cả tiền nữa. Hai lạng cao khỉ. Bộ quần áo sĩ quan mới lĩnh. Lại đến một phần ba ba lô là thư từ đồng đội nhờ chuyển. Nhiều nhất là anh em ở Hà Nội. Mất hết rồi. May mà nhớ địa chỉ mỗi nhà Tuấn trinh sát. Đường Giải phóng. Đối diện bệnh viện Bạch Mai. Sờ trong túi, cũng may còn ít tiền. May mà vé tàu không mất. Cương bàng hoàng. Mồ hôi ra đầm đìa. Tay run lẩy bẩy. Tự nhiên nước mắt ứa ra. Anh lấy hai tay vuốt mặt. Dù gì cứ phải bình tĩnh. Ngủ tiếp không được. Cương ra ngoài, mua nước rửa mặt. Gió sớm mai thổi nhẹ. Không khí mát lành làm nỗi buồn qua nhanh.

9 giờ tầu mới chạy. Cương đi loanh quanh. Chợt anh thấy ở một cửa hàng, họ bán ba lô. Chả nhẽ đi người không về nhà? Phải có cái ba lô đeo sau lưng mới đúng là người lính chứ. Còn ít tiền, Cương bước lại, đánh bạo hỏi giá. Cũng may không đến nỗi đắt lắm. Mua được ba lô, vẫn còn thừa tiền. Gặp mấy bà buôn. Họ hỏi: "Chú bộ đội ra Bắc phải hôn?" Cương gật đầu. "Có gì mang theo bán kiếm lời chưa?" Cương lắc. "Nè, chị biểu, mua bổ kết đi! Mang bổ kết ra Bắc bán lời lắm!" Mấy bà đồng thanh nói. Cương tin. Thế là dồn hết số tiền còn lại, mua một đống bổ kết. Nhét đầy ba lô. Cả trái xanh cùng trái đen. Thừa một hai chùm, ấn vào túi cóc. Tầu chạy 42 tiếng. Cương mua bốn cái bánh mỳ. Mỗi ngày ăn hai cái. Thế là vừa vặn hết tiền.

Đến ga Hà Nội. Hỏi đường, tìm nhà Tuấn trinh sát. Cả nhà ngạc nhiên. Sao lại buôn bổ kết ra Hà Nội? Ngoài này thiếu gì? Với lại, bây giờ, người ta dùng dầu gội đầu là chính. Bổ kết, ai mua? Thương anh lính thật thà, mẹ Tuấn mang bổ kết ra chợ Mơ, bán giùm. Người ta trả rẻ quá. Bà phải về gọi Cương ra, kẻo anh không tin. Vì anh vẫn nhớ lời mấy bà ở ga Bình Triệu. Giờ mới biết, mình gần như công toi. Thôi, vớt vát được đồng nào hay đồng nấy.

Nhưng gia đình Tuấn cũng chu đáo. Bà mẹ mua quà cáp, bánh kẹo, xếp đầy ba lô cho Cương. Thôi thế cũng ấm lòng, đầm vai. Lại mua vé ô tô cho anh về Cao Bằng nữa. Cương từ biệt gia đình đồng đội, nhắc đi nhắc lại: "Cảm ơn hai bác. Chắc cháu ở hiền nên gặp lành". Bố Tuấn trinh sát viết thư sang Campuchia, kể chuyện anh Cương buôn bổ kết từ Sài Gòn ra Hà Nội. Bọn tôi đang ngồi trong hầm ngập nước, ghẻ lở, hắc lào toàn thân mà không nhịn được cười.

Khi chúng tôi đến nhà Cương ở Trùng Khánh thì mới biết tin buồn. Cương đã mất trước đó hai tháng. Bùi ngùi thắp hương, nhưng trên bàn thờ, không có ảnh Cương. Chúng tôi hỏi, chị Uyên, vợ anh kể:

"Anh Cương đi làm bốc vác ở Móng Cái. Một hôm, nước lũ về. Có một người đang vác hàng ra thuyền, bị trượt chân ngã. Nước cuốn đi. Đứng ở phía dưới, anh Cương nhìn thấy người bị ngã, nhưng không ai dám cứu. Vì nước chảy rất mạnh. Tuy không biết bơi, nhưng thấy người chết đuối, anh Cương vẫn nhảy xuống sông, lao ra giữa dòng, tính chặn được người chết đuối. Nhưng không ngờ, nước chảy xiết quá, cuốn anh ấy đi luôn. Còn người kia, may sao, lại bám được vào cành cây ven bờ. Thế là thoát chết. Anh Cương thì hai ngày sau, người ta mới tìm thấy xác. Cách những năm cây số. Họ bỏ xác anh vào quan tài. Chở về đây. Gia đình chôn anh trên đồi. Hôm Cương mất,

chị Uyên cứ bồn chồn. Con chó ra đầu nhà, tru lên những tiếng lạ. Rồi mấy hôm sau, con chào mào anh Cương nuôi cũng lăn ra chết. Còn ảnh anh Cương, gia đình không có tấm nào.

Chợt nhớ đến anh Nguyễn Dũng, làm ở Đài Truyền hình Quảng Ninh. Anh học tại chức, khoa đạo diễn trường tôi. Tôi dạy môn kịch tính trong phim. Một lần, Dũng gọi điện. Anh nói, hôm nay, phỏng vấn một người đồng đội của tôi. Tôi hỏi, anh ấy tên gì? Dũng kể, anh ấy tên là Lý Viết Cương. Đài truyền hình làm phóng sự về việc phòng chống HIV trong nhóm bốc vác ở Móng Cái. Nhưng không ai dám trả lời. Gặng mãi, mới có một anh đồng ý. Nhưng anh này đòi phải trả tiền. Giá anh ta đưa ra là năm chục nghìn. Dũng đồng ý. Và khi lấy phỏng vấn xong, Dũng trả cho anh ta gấp đôi. Trò chuyện, anh cho biết, mình là người Tày, đã từng chiến đấu ở chiến trường K. Dũng hỏi, có biết người này không? Dũng nói tên tôi. Anh Cương nhận ra đồng đội cũ. Nghe chuyện của Dũng, tôi cũng không ngờ, người đồng đội năm xưa đang làm cửu vạn ở Móng Cái.

Giờ Cương đã mất. Tôi gọi cho Dũng. Hỏi anh còn giữ được đoạn phim quay anh Cương không? Dũng nói, để em vào đài tìm. Lát sau, Dũng trả lời, may chưa bị xóa. Tôi nhờ Dũng cắt hình ảnh anh Cương, rồi ra hiệu ảnh, làm chân dung, gửi nhanh đến địa chỉ nhà anh. Nhưng Dũng nói, em sẽ trực tiếp mang ảnh đến nhà anh Cương. Chiều sẽ có mặt. Đúng lời, sẩm chiều, Dũng mang ảnh anh Cương đến. Lồng trong khung kính đàng hoàng. Chàng phóng viên đã vượt hơn ba trăm cây số. Chúng tôi đặt ảnh anh lên bàn thờ. Dũng còn cẩn thận in đoạn phỏng vấn anh Cương ra đĩa DVD để tặng chị Uyên. Đứa con cả của anh Cương đưa đĩa phim vào đầu Qi Seng. Hình ảnh Cương đang bốc vác hàng từ trên thuyền lên bờ. Dáng anh lồng lộng trên cầu gỗ. Rồi anh ngồi trên thuyền,

trả lời phỏng vấn. Gương mặt chất phác, giọng nói trầm ấm cùng nụ cười hiền, tỏa sáng lòng tin với khán giả.

Chúng tôi ra mộ thăm Cương. Con chó cũng ra theo. Người nhà Cương kể, chiều chiều, con chó vẫn ra nằm trước mộ ông chủ. Đến tối mới về. Dáng nó đi như kẻ mất hồn. Mộ Cương nằm trên đồi. Quanh mộ, mấy khóm lau mọc lên. Những bông hoa lau mang vẻ phong trần. Gió thổi nhẹ, lau trắng bay trong không gian, không biết về đâu. Khói hương nghi ngút trước mộ Cương bỗng bùng cháy. Sơn bác sĩ thốt lên: "Chắc anh Cương mừng!"

Anh nằm đó, dưới mộ. Nhưng trong tâm trí chúng tôi, anh vẫn sống. Và sống một cuộc đời rất vui, rất sinh động. Tôi nghĩ mãi về cái chết của anh. Hành động lao xuống dòng sông đang chảy xiết để cứu người không chỉ đơn thuần là lòng tốt bẩm sinh, là bản năng vốn có và luôn có trong anh. Anh đâu có ý thức rằng mình không biết bơi. Thấy người chết đuối, phải cứu – đó là lẽ đương nhiên. Hành động nhảy xuống sông không phải là mối bận tâm của anh.

Khi chúng tôi đến nhà anh, mấy người hàng xóm cũng sang chơi. Một người phụ nữ còn trẻ, khoảng ngoài ba mươi, nói nhỏ: "Sao ngu thế. Không biết bơi cũng nhảy xuống sông!". Tôi liếc nhìn chị ta. Một gương mặt bé, cằm nhọn, da sát xương. Sau khi thắp hương trong nhà, tôi ra ngõ. Gặp một cụ già với chòm râu bạc. Cụ ngồi ngoài ngõ, tay cầm gậy tre. Tôi nghe cụ nói: "Thằng Cương, nó như mặt trời. Nó chẳng cần biết những lý lẽ gì. Cứ tự mọc rồi tự lặn". Tôi nhìn cụ. Áo quần màu chàm, lẫn vào hàng rào xanh. Đối với chúng tôi, anh Cương, Lý Viết Cương, chính là một vị thánh. Dù anh không cần danh hiệu này, dù không ai phong cho anh và chưa chắc có người nào đủ tư cách để phong cho anh.

7.
LỄ CẦU SIÊU BÊN SÂN BAY S'TUNG T'RENG

Ánh bảo, có những câu chuyện không thể không tin. Như chuyện Ánh chuẩn bị đi Preah Vihear làm lễ cầu siêu cho những linh hồn lính Khmer Đỏ bị chết vào cuối tháng Giêng năm 1979 gần Anlong Veng. Sở dĩ Ánh muốn lên đó trước vì có xe của một doanh nhân người Khmer đi lấy hàng. Đặc biệt, trên xe còn có một người khách nước ngoài. Chị này có cha là nạn nhân của chế độ Pol Pot. Ánh muốn trò chuyện với chị nhiều điều. Và hành lý Ánh cũng đã chuẩn bị xong. Khi ra xe, tự nhiên Ánh thấy có hai con bướm nhỏ màu xanh nhạt, đậu trên nắp ca-pô, gần đèn pha. Ngỡ chuyện bình thường, Ánh không để ý. Mọi lần, khi xe đi được một quãng đường là Ánh buồn ngủ. Nhưng hôm đó, Ánh thấy tâm trạng tốt, không muốn ngủ. Nhìn phong cảnh bên ngoài, những rừng cao su nối tiếp nhau như trang sách lớn đơn điệu. Chợt Ánh thấy hai con bướm nhỏ rập rờn bên cửa sổ. Dường như đó là hai con bướm lúc nãy đậu trước xe. Khi dừng trước ngã tư chờ đèn tín hiệu, Ánh cũng thấy hai con bướm nhỏ vui đùa trước cửa kính. Anh cảm thấy trong lòng như có một sức

mạnh nào đó giữ lại. Phải chăng, đôi bướm đó là linh hồn hai người đồng đội? Ánh thầm nghĩ, hay hôm trước, mình đã hứa đến sân bay S'tung T'reng, giờ lại bỏ qua nên đồng đội không muốn mình đi? Và họ chạy ra đường đón mình? Đột ngột, Ánh xin phép xuống. Những người trên xe sửng sốt nhưng cũng đành đồng ý trước thái độ dứt khoát của nhà sư. Xe vừa dừng, bàn chân Ánh cứ đi về phía sân bay S'tung T'reng. Một chiếc xe ôm đỗ ngay bên đường. Không cần mặc cả, anh xe ôm chở Ánh đến thẳng sân bay.

Bao năm rồi, lòng Ánh vấn vương một điều: hai người lính Việt Nam đều bị chết bất ngờ ở đó. Buổi sáng hôm ấy, một sáng đầu năm 1979, Trung đoàn tôi đánh vào sân bay. Trung đội trưởng phân công Châu trinh sát đi đầu. Chưa đụng trận mạc, ít kinh nghiệm, lại chủ quan, nghĩ địch đang chạy, Châu cứ điềm nhiên đi vào. Khẩu AK vắn vác trên vai. Cái vết chàm màu đỏ trên trán Châu dường như cũng biến mất. Vì cả gương mặt nó đẫm mồ hôi, đỏ hồng. Bỗng một loạt đạn bắn thẳng mặt Châu. Máu tràn ra. Nó gục xuống.

Còn anh Khai dẫn đầu đại đội chủ công, xông vào sân bay. Gặp con suối lớn, lính tráng đang vật lộn với nước, anh Khai đã vượt lên trước. Thoáng thấy mấy tên địch trên bờ, anh hô lên: "Nó đây rồi! Bắt sống!" Anh đang ra hiệu cho lính phía sau xông lên, bỗng gục xuống. Một loạt đạn phá nát ngực anh.

Hai cái chết chỉ cách nhau vài phút.

Ánh là người chứng kiến cả hai.

Sau này, Ánh cứ nghĩ, hai người chết đột ngột quá. Hồn lìa khỏi xác, bay lên. Nhưng bơ vơ phương nào? Và những linh hồn ấy, bay lên trong tiếng súng rền vang loạn xạ, bay lên trong mùi thuốc đạn sặc sụa, ẩn nấp nơi đâu? Khi thân thể hai anh trúng đạn, linh hồn có bị tổn thương không? Và hai

người mới đến đây lần đầu, chưa rõ bốn phương tám hướng ra sao. Họ chưa thuộc địa hình, chưa rõ địa vật. Dù thi thể hai anh được đồng đội đưa về nước, nhưng linh hồn hai người liệu có biết đường, biết giờ, biết phút để về cùng không? Nếu ở lại đây, linh hồn họ bấu víu vào đâu? Vào những ngôi chùa Khmer trong thị xã? Nhưng nếu muốn vào, ít ra, cần có nghi thức đàng hoàng. Chẳng lẽ linh hồn đồng đội mình cứ vất vưởng ngoài cửa chùa?

Con đường vào sân bay giờ đã khác xưa. Ánh xuống, trả tiền người xe ôm. Nhưng anh ta cứ muốn chở Ánh đến tận nơi. Bởi lúc đó, Ánh mặc áo cà-sa. Người Khmer có truyền thống trọng sư sãi hết lòng. Ánh cảm ơn và nói, tôi vào đây có việc riêng. Mãi sau, người xe ôm mới chịu đi. Ánh nhìn hướng, tìm đường, xác định lối vào sân bay năm xưa của đơn vị. Rồi tìm nơi hai đồng đội hy sinh. Cũng cách nhau không xa. Khoảng năm chục mét. Ánh tìm chỗ, dọn dẹp, kê đá, lót cây, đặt bàn làm lễ. Ánh đã chuẩn bị cả lễ mặn cùng lễ ngọt. Rượu và thuốc lá bày ra. Ánh bẻ mấy bông lau cùng mấy nhành hoa dại. Hương đốt lên, khói bay nghi ngút. Lúc đó khoảng năm giờ chiều. Ánh cảm nhận, đó là giờ thiêng, có thể trò chuyện với các vong. Kỳ lạ thay, lại có hai con bướm, rất giống đôi bướm mà Ánh gặp trên đường, đậu xuống cành hoa dại bên mâm lễ.

Nhà sư Phteah Saniphap quỳ xuống, chắp tay khấn:

Kính thưa linh hồn Trung úy, Đại đội trưởng Phạm Xuân Khai và binh nhất, trinh sát Trần Minh Châu.

Sau bao nhiêu năm đánh trận nơi này, sau nhiều năm Sư đoàn mình đã trở về Tổ quốc, hôm nay, tôi mới có dịp trở lại sân bay S'tung T'reng, nơi Trung đoàn mình đánh trận và các anh không may hy sinh. Sự trở về này, tôi biết là muộn, nhưng xin các anh thứ lỗi.

Tôi biết, vong hồn các anh ở đây buồn lắm. Không cửa không nhà, đất xa trời lạ. Chùa chiền của dân địa phương cũng có, nhưng xa. Và không biết các anh có xin cư ngụ được không? Dù có dù không, ngày mai, tôi sẽ đến chùa, xin phép các sư trụ trì, làm cái lễ, gọi là có lời xin phép, để các sư rước linh hồn các anh vào chùa.

Tôi xin lỗi các anh vì trong ý định, tôi sẽ đi Preah Vihear trước. Nhưng các anh đã níu tôi ở lại nơi này. Tôi hiểu nỗi mong chờ từ lâu của các anh. Và bây giờ, tôi đã đến cùng các anh. Trò chuyện cùng các anh. Và trong lúc trò chuyện, như những người lính tráng năm xưa, mời các anh ăn uống tự nhiên. Bởi như một nhà hiền triết từng nói, khi mình ăn uống, thì tâm hồn và thể xác hòa đồng.

Anh Phạm Xuân Khai kính thương. Anh là một sĩ quan triển vọng nhất của Tiểu đoàn chủ công. Anh có nhớ Lê Minh Đước, y tá đại đội không? Anh Đước có ước nguyện, Nhà nước cần phải phong cho anh Danh hiệu Anh hùng. Bởi thời kỳ chốt biên giới, anh vừa chỉ huy vừa trực tiếp cầm súng chiến đấu. Có ngày, anh tự tay bắn đến bốn chục quả B40 mà sức anh vẫn khỏe. Rồi anh bị thương, đi viện. Vết thương chưa lành, anh đã xin về đơn vị để cùng vào chiến dịch. Thời kỳ ở chốt 328, có con khỉ bị trúng mảnh pháo địch, chết trên cành. Mùi hôi không chịu nổi. Giòi rơi xuống giao thông hào, rơi cả vào cơm vắt của lính tráng. Đoạn hào ấy lại hay bị bọn địch xông vào nhất. Chờ đêm xuống, anh đã trèo lên cây khộp, buộc bộc phá vào cành, rồi trèo xuống nhanh. Chân vừa chạm đất, bộc phá nổ. Xác con khỉ văng xa. Chuyện tưởng như rất nhỏ nhưng lính tráng mới được hít thở đàng hoàng, bình tĩnh nổ súng, giữ được trận địa. Là một người lính trận mạc, anh hiểu, nhiều khi thất bại chỉ vì lý do lãng xẹt.

Anh Khai ơi, anh có nhớ trận mình vừa hành quân vừa phục kích không? Trước hôm anh hy sinh mấy ngày, đơn vị mình gặp một tốp lính nữ Pol Pot. Anh em xin nổ súng. Nhưng anh không cho. Anh bảo: "Chúng nó như em gái mình ở nhà ấy mà!" Chúng tôi nghe lời anh. Và cảm thấy mình tự hào được chiến đấu dưới quyền người chỉ huy có tâm hồn cao thượng. Anh Khai ơi, đêm đó, tôi đã viết thư về nhà cho bố mẹ. Tôi tiên đoán, mình sẽ thắng trận. Bởi trong quân đội có những người cao đẹp như anh.

Hôm tôi về Thanh Hóa, gặp ông Tố y sĩ và anh Hòa quân khí. Hai người cho biết, em trai anh đã đưa hài cốt anh về Thọ Xuân. Nhà anh gần sân bay, đúng không? Ôi, anh đẹp trai quá. Vậy mà chưa có người yêu. Nhà thơ Lê Minh Quốc, lính Đại đội 7, gọi các anh là "Những liệt sĩ trinh tiết". Còn tôi cảm nhận, những người chết trẻ, linh hồn trong trắng rất linh thiêng.

Anh Khai ơi! Tôi châm thuốc cho anh nữa nhé. Nhớ hôm anh hy sinh, trước giờ nổ súng, anh còn hút thuốc lào bằng cái điếu tự tạo. Giờ có thuốc lá, đầu lọc hẳn hoi, anh cứ hút cho thỏa. Và rượu nữa. Kính dâng anh chén rượu này. Mong anh uống cho say để linh hồn anh siêu thoát. Mai tôi sẽ mời các anh vào an nghỉ trong ngôi chùa bên Quảng trường thị xã.

Chiến trường xưa nay đổi thay nhiều. Không còn bóng quân thù nữa. Cuộc sống đã thanh bình, đã yên vui như ước nguyện của các anh.

Và Trần Minh Châu thân yêu,

Sao bạn lại hy sinh ngay trận đầu tiên? Hôm nay, mình đến S'tung T'reng, bầu trời vẫn xanh như ngày Châu đến. Vẫn là cỏ cây ngày ấy. Vẫn là con suối Châu vừa vượt. Mình cảm thấy, dường như trận đánh mới diễn ra chiều qua. Nhưng chỉ có Châu và anh Khai không thể trở về.

Chúng mình đâu có kinh nghiệm trận mạc. Châu đi đầu, đồng đội ào lên phía sau. Như điểm tựa. Như những lời thúc giục. Tuổi mười tám chưa có vốn liếng, tài sản gì. Vào trận mà ba lô trĩu nặng. Còn đầy sách vở, thư từ. Và Châu bước vào trận thật nhẹ nhàng. Châu không lom khom chạy từ cây nọ, nấp sau cây kia. Châu đi thẳng, hiên ngang như những cây khộp bên đường. Và cái chết cũng đến với Châu hết sức nhẹ nhàng. Vô cùng gọn ghẽ. Tuổi mười tám gục xuống. Trắng đẹp như thiên thần.

Nhớ những ngày huấn luyện ở Hòa Bình, Châu hay kể chuyện tiếu lâm. Những đêm trăng mùa thu, ngồi trước cổng nhà anh Quách Xuân Quý, Châu kể bao nhiêu chuyện cười cho bọn mình bớt nỗi nhớ nhà. Rồi Châu hát nhạc vàng. Giọng Châu ngân nga: "*Là chinh nhân tôi bạn với sông hồ / Tình yêu em tôi nguyện vẫn tôn thờ... / Em ơi trái đất vẫn tròn / Chúng mình hai đứa vẫn còn gặp nhau…*" Hát vậy thôi, chứ trong trái tim Châu, vẫn chưa in bóng hình người con gái nào. Mấy năm trước, tụi mình về Lạc Thủy, thăm lại nơi đóng quân cũ. Ghé nhà anh Quý, đi trên đường làng năm xưa, hình bóng Châu như vẫn đi bên cạnh mình. Và tiếng Châu hát vẫn văng vẳng đâu đây. Và bây giờ, mình trở lại gặp Châu.

Những ngày đi thực địa ở biên giới, Châu luôn là người cầm bản đồ, địa bàn đi đầu. Châu đọc bản đồ rất chính xác, lại xác định điểm đứng luôn đúng. Những khái niệm như góc phương vị, góc phương vị ngược, góc đứng, góc tà… Châu giảng cho mình một cách say sưa. Châu cắt góc chuẩn, khi trả góc cũng đâu vào đấy. Lính mới mà sử dụng địa bàn, bản đồ cứ như những vật dụng quen thuộc từ lâu. Châu tiết lộ bí quyết: quan trọng nhất là luôn bình tĩnh. Sau đó là, khi đi, để địa bàn xa mũi súng. Vì mũi súng là kim loại, nếu để gần, sẽ tác động đến kim địa bàn. Hướng đi sẽ không chính xác.

Nhiều ông đi chệch hướng vì tay trái cầm địa bàn, cứ để gần mũi AK mà không biết tại sao chệch. Châu giữ cho mình bí mật này, mang sang thế giới bên kia. Nhưng bên đó, đâu có bản đồ, địa bàn?

Châu đã biết hút thuốc chưa? Thôi, mình cứ châm cho Châu điếu thuốc. Hút đi. Rít đi. Rít mạnh vào. Cho có vẻ lính tráng. Ho cũng được. Cứ ho rũ rượi đi. Ho rồi cũng hết. Nhớ ngày ở Lạc Thủy, tụi mình tập hút thuốc lào bằng điếu Mường không? Thằng nào chả ho. Có thằng say vật vã, nôn ọe tứ tung. Rồi đâu cũng vào đấy, phải không Châu?

Làm chén rượu nữa Châu. Uống đi. Lính tráng cái gì cũng phải biết. Hai thằng mình, mới đầu tập uống, mặt đỏ bừng. Hồi đó toàn rượu quốc lủi. Giờ mình mang rượu Campuchia cho Châu đây. Nào, cùng mình nâng chén nhé. Chúc Châu luôn vui! Còn đây nữa. Nước thốt nốt chua của Campuchia đấy. Ngày Châu hy sinh, chắc chưa được nếm loại nước đặc sản này. Rất tuyệt vời Châu ạ. Uống nhiều cũng say. Nhưng say rồi ngủ. Lo gì. Còn đây là mấy lon bia Angkor. Mình để lại cho Châu cùng anh Khai nhé. Mai mình sẽ cùng nhà chùa đón Châu vào chùa nhé.

Ánh nhìn lên. Một đám mây vàng như ngừng trôi. Bóng mây in hình dưới dòng suối trong xanh. Và cây khộp, nơi ngày trước Châu ngã xuống, vẫn đứng thẳng.

Khấn cho hai đồng đội vừa xong, nhà sư Phteah Saniphap thơ thẩn nhìn xung quanh. Chợt nhớ tới hai con bướm. Nhà sư bước lại tìm. Nhưng chúng đã bay đi, biến mất tự lúc nào.

8.
ANH RÍCH MAI CHÂU

Những người lính dân tộc thiểu số ở đơn vị tôi không nhiều, nhưng ai cũng có nét riêng. Mọi người đều yêu mến các anh. Họ có chung phẩm chất thật thà, gan góc. Họ không tụ tập, nói xấu cán bộ như chúng tôi. Không có ai trong họ thuộc thành phần "nằm ỳ nói ẩu". Khi sống trong đơn vị, họ như bị chìm khuất. Nhưng sau cuộc chiến, ngồi tĩnh tâm, chúng tôi lại nhớ họ như nhớ người thân yêu. Có lẽ, khi về với đời thường, những phẩm chất bình dị mà vững bền trong con người của họ đã làm cho chúng tôi thấy thiếu, thấy nhớ. Và lại lên đường.

Chúng tôi đến Mai Châu thăm đồng đội cũ. Chúng tôi có hai "thắng cảnh" ở Mai Châu. Đó là anh Mạc Văn Tướng và anh Hà Văn Rích. Anh Tướng ở Chiềng Châu. Tuy tên là Tướng, nhưng suốt chín năm lính, anh mới là hạ sĩ. Căn nhà sàn sạch sẽ, rộng rãi. Nương ngô bên nhà đang trổ bắp. Thấy khách là đồng đội của chồng, giây phút lạ lẫm qua nhanh. Vợ anh đon đả mời khách bằng nước thảo quả. Hai cô con gái đã lớn, đang bán hàng thổ cẩm ở bản Lác. Hỏi thăm anh Rích. Vợ anh Tướng trầm giọng:

- Ông ấy buồn cười lắm. Suốt ngày ôm đàn đi hát.

- Có được tiền không?

- Hát vui thôi. Trên này không lấy tiền. Nhưng ông Rích, hát chán lại về đốt nhà.

- Đốt nhà ai?

- Nhà ông ấy chứ nhà ai nữa? Nhà đang cháy, không cứu thì thôi, lại ôm đàn hát.

Chúng tôi ngạc nhiên. Anh Tướng giải thích:

- Nó bị thần kinh. Mấy mảnh trong đầu chưa lấy ra được. Tay trái trúng đạn thì bị khoèo.

- Sao không đi viện?

- Thiếu giấy tờ. Họ cũng khám qua loa.

Trường hợp anh Rích bị thương, tôi cũng được chứng kiến. Giấy chứng thương đã cấp cho anh ấy. Nhưng chắc bị mất. Anh Tướng giải thích:

- Nó bị thương. Đi viện. Rồi về nhà luôn. Thôi, anh em mình sang Xăm Khòe tìm nó.

Chúng tôi lên xe. Anh Tướng dẫn đường, Sơn bác sĩ lái sang nhà anh Rích.

Dọc đường, anh Tướng kể, anh Rích tuy bị khoèo tay nhưng chơi đàn hay có tiếng. Chơi ở các bản trong huyện Mai Châu. Nhiều lúc đi các tỉnh xa nữa. Dân các bản nuôi anh. Chơi đàn xong, người ta mời ăn uống, có khi ngủ lại luôn. Nhưng mấy năm gần đây, anh hay bị đau đầu. Nhiều lúc đập đầu vào cột nhà, máu chảy đầm đìa. Vẫn đập tiếp. May có người nhà phát hiện. Nhưng anh có cái hay là chơi đàn rất giỏi. Nhiều người nhờ dạy. Nhưng anh Rích không lấy tiền. Cơm rượu cho vui. Trong lúc trà dư tửu hậu, bao nhiêu bí

quyết lộ ra hết. Nên nhiều người thó được nghề, không thuê nữa. Anh lại đi chỗ khác.

Ngôi nhà sàn cháy dở nằm giữa vườn. Mấy tàu lá chuối bị lửa táp quăn queo. Vườn ngô cũng bị cháy một vạt. Nước đọng thành vũng trên nền. Mái nhà trống huếch. Những cột than đen lem nhem. Những tấm gỗ thưng làm tường nham nhở. Tờ lịch cháy gần hết. Những khung ảnh vỡ kính, trống rỗng. Mấy dây leo đã bám cột nhà sàn. Mấy con cuốn chiếu bò trên đống giẻ rách.

- Có khác gì mấy cái phum bỏ hoang bên Campuchia đâu! – anh Tướng bình luận.

Ngày chúng tôi ở bên đó, đi qua nhiều phum không có bóng người. Nhà cháy. Cây cháy. Chỉ thỉnh thoảng gặp vài con chó hoang. Người dân không còn. Hoặc đã chạy về nơi khác.

Anh Rích đây rồi. Mặt mũi đen sạm. Râu ria lởm chởm. Vai vác cây đàn tự chế nhưng rất đẹp. Vẫn nụ cười hồn nhiên, nhưng giờ pha chút ngờ ngệch. Nhưng anh vẫn nhớ tên tôi. "Người Hà Nội à? Mới lên phải không? Đã ăn gì chưa?". Sơn bác sĩ: "Muốn sang nhà anh ăn cơm đây!". Anh Rích cười: "Ăn uống khó gì. Tuổi ăn được thì không có gì ăn. Tuổi không ăn được cái ăn lại có đẩy!". Tôi hỏi: "Anh Rích, vợ con ở đâu?" – "Về bên ngoại cả rồi!". Anh Rích khó nhọc bẻ mấy thanh gỗ mục vướng lối đi. Ôi, còn đâu hình ảnh anh Rích những ngày xa xưa? Tôi nhớ, trong trận đánh lên Anlong Veng, đợt đầu, tháng Giêng năm 1979, bọn địch bỏ chạy, nhưng chúng tập hợp lại, quay về, bao vây tấn công chúng tôi. Bộ binh không ra được. Người nào nhô ra, bọn chúng xả đạn như mưa. Anh Dậu, Anh Thanh, hai trung đội trưởng cùng mấy lính bị thương. Đại đội hạ lệnh cho khẩu cối 60ml của anh Rích xung trận. Anh vừa lấy phần tử bắn, vừa tự tay nạp đạn. Ta và địch cách nhau vài trăm mét. Vốn là một lính cựu từ hồi đánh Mỹ,

những viên đạn anh Rích bắn ra trúng ngay đội hình địch. Chúng phải rút dần ra xa. Sau trận đó, anh Rích được biểu dương và được cử đi học sĩ quan. Nhưng anh không đi. "Trình độ mình có hạn. Hơn nữa, mình già rồi. Để cho tụi trẻ nó học". Anh Rích nhỏ nhẹ.

Cũng những ngày đó, anh thường đi săn. Xung quanh là địch. Lại rất nhiều mìn. Nhưng anh vẫn đi. Chỉ cần mượn anh Nghị, đại đội trưởng, cái đèn pin. Anh xách khẩu AK, lên đường một mình. Tôi xin đi theo. Anh bảo: "Nếu chẳng may gặp địch, mình tôi xử lý nhanh hơn". Biết anh ngại mình làm "cái đuôi", vừa lộ mục tiêu, vừa vướng víu, tôi đành ở nhà, bổ củi, đun nước, chờ anh mang chiến lợi phẩm về. Khi thì con mang. Hôm thì con hươu. Có hôm được cả con lợn rừng. Anh vừa khoác súng, vừa vác con heo trên vai, ném uỵch xuống trước cửa hầm đại đội. Tôi đang ngái ngủ, bật dậy xem. Ngó con heo thì ít mà nhìn anh thì nhiều. Quần áo bê bết bùn. Vẫn gương mặt đôn hậu, gân guốc. Vệt lông mày dài càng làm ánh lên cái nhìn hiền từ của đôi mắt dài và đẹp. Anh ngồi bệt, vấn thuốc rê. Hút bình thản như chiến binh sau trận đánh. Lát sau, đã thấy anh nằm trên võng. Hai cánh tay đan vào nhau làm gối, nằm ngủ ngon lành dưới bóng xoài đan kín.

Anh Rích còn là một cây đập có tiếng của đội bóng chuyền. Anh được Trung đoàn gọi lên luyện tập để thi đấu cấp Sư đoàn. Buổi chiều, tôi và Hạm cũng thường xem tập. Thấy khuyết chân thì nhảy vào. Anh đập quả nào ra quả ấy. Nếu không kịp đỡ, chỉ có ù tai hay sái tay. Thậm chí bị ngã chổng vó. Anh thường gọi tôi và Hạm là "hai thằng ụ mối". Ở rừng Campuchia có rất nhiều ụ mối. Những ụ mối thường cao và lớn như cây rơm, bám quanh thân khộp. Bị mang tiếng, nhưng chúng tôi không giận anh mà phấn đấu di chuyển nhanh hơn, phản xạ chính xác hơn. Bởi anh động viên: "Lúc mới chơi, mình cũng

là ụ mối. Ông Bàng thông tin còn đập bóng vỡ mặt mình. Máu mồm máu mũi xối xả. Nhưng mình cố tập. Đập lại ông Bàng. Kỳ thắng mới thôi".

Sau giải bóng chuyền, anh trở về đơn vị. Các trung đội tị nạnh vì tiểu đội hỏa lực ít phải đi truy quét. Thế là anh Rích lên đường. Anh dẫn quân đi tìm địch ở gần cửa khẩu. Một trung đội thiếu. Đêm ngủ gần bọn địch mà có anh chàng Hồ Bi, dân Bình Định, ngáy như sấm. Ngáy đến nỗi rung chuyển cả cây rừng. Anh em vừa lo vừa bực. Có người đến bóp mũi Hồ Bi, nhưng chỉ được vài phút, Hồ Bi lại ngáy như cũ. Thậm chí có lúc anh ta nấc, càng ngáy to hơn, đều hơn, rền hơn. Có người không ngủ được, tháo võng, đi mắc chỗ khác, cách xa Hồ Bi. Anh em phàn nàn. Anh Rích cười: "Hồ Bi ngáy trước. Tụi mày ngáy sau. Hồ Bi ngáy to. Tụi mày ngáy nhỏ. Hai cái nhịp điệu này tạo thành nhạc rừng. Tao nằm giữa, nghe khoái lắm!". Tất cả cùng cười.

Anh Rích có vẻ ưu ái Hồ Bi. Tuy anh này tên Bi, nhưng người vạm vỡ, to như con trâu mộng. Hơn nữa, Hồ Bi có người anh ruột là Hồ Bang, hy sinh trong thời kỳ chốt biên giới. Nhưng điều nghi ngờ của anh em không phải không có lý. Gần cuối kỳ truy quét, hôm về núi Hồng, lính tráng định xả hơi, thì ban đêm, địch tập kích. Chúng bắn hỏa lực vào giữa đội hình. Tuy bị đánh bất ngờ, nhưng lính ta vẫn phản ứng kịp. Anh lính gác xả ngay loạt Ak vào đội hình địch. Anh em từ trên võng lăn ngay xuống đất, nổ súng phản công. Bắn nhau chừng hơn mười lăm phút, bọn địch rút lui. Lúc đó, anh Rích mới biết mình bị thương. Mảnh B40 làm anh chảy máu đầu, vài mảnh vào tay nữa. Anh Rích tự rủa: "Mẹ nó chứ, đánh nhau ban ngày chưa chắc mình bị thương. Ban đêm, không kịp đội mũ cối. Dính mảnh ngay". Nhưng sáng ra, bên ta đi kiểm tra, thấy ba xác địch cùng một M79 và một AK, cách

chỗ quân ta khoảng 5 – 7 mét. Khẩu AK bị vỡ, nòng gãy. Khẩu M79 còn nguyên. Thêm hai dây đạn. Định rút đi. Nhưng anh Rích nói: "Chôn mấy thằng địch đã. Để chúng nằm đó, tội nghiệp". Có anh phản đối: "Để đấy! Kệ tụi Pol Pot chôn". – "Tụi nó chạy rồi. Có quay lại chôn khối đấy" – "Thôi, tụi mình cứ nhón tay làm phúc!" – Anh Rích vừa nói vừa cầm xẻng. Mấy thằng phải làm theo.

Anh đi viện. Nhưng bệnh viện Trung đoàn và Sư đoàn không có máy chụp X quang. Các bác sĩ không phát hiện những mảnh đạn trong đầu anh. Mấy vết thương ở tay không tính. Hơn nữa, lúc ấy, anh Rích cũng thấy bình thường. Trong lúc chờ bác sĩ theo dõi bệnh tình, anh Rích cùng mấy đồng đội về phum Ku-len chơi. Phum này cũng có mấy gia đình người Thái Lan. Và anh Rích nói tiếng Thái như gió. Họ quý anh lắm. Có nhà giữ anh lại, mời anh cùng làm bún. Có nhà còn muốn gả con gái cho anh. Những ngày đó, anh sống bình yên như ở nhà. Bỗng một hôm, đâu khoảng gần Tết, có xe Trung đoàn về Thành phố Hồ Chí Minh mua hàng cho đơn vị. Thế là anh Rích nhảy lên xe.

Nhưng ở Sài Gòn, vừa vào viện thì Tết đã cận kề. Anh nôn nao nhớ nhà. Thế là anh lên tàu Thống Nhất, dông thẳng ra Bắc. Lần đầu đi tàu, anh sướng lắm. Say mê ngắm phong cảnh hai bên đường. Đói thì ăn ở các ga. Mỏi mắt thì ngủ. Ba lô ném lên chỗ để hàng. Vừa sạch sẽ, vừa an toàn.

Mấy ngày trên tàu, anh thèm thuốc lào. Các ga phía nam không có hàng chè chén thuốc lào. Phải đến ga Đà Nẵng mới có. Quá thèm, anh rít liền một lúc ba điếu. Lên tàu ngủ ngon. Đến các ga khác cũng thế. Những ngày ở chiến trường K, anh có thể nhịn ăn, nhịn uống, nhưng không thể nhịn thuốc lào. Anh đã nói một câu nổi tiếng toàn Trung đoàn: "Cho tôi một bi đông đá lửa và một thùng phuy thuốc lào, tôi sẽ ở lại quân đội suốt đời".

Tàu gần đến ga Hàng Cỏ, hành khách rục rịch lấy hành lý. Anh Rích sờ đến ba lô của mình thì, trời ơi, nó đã biến đâu mất. Hỏi những người xung quanh, không ai biết. Tìm cả toa, không thấy. Thôi cũng đành phải xuống chứ sao.

Hỏi thăm đường về bến xe Hà Đông. Cuốc bộ gần chục cây số. Đến bến, mua vé, nhưng chưa có xe. Lại ngồi quán cóc hút thuốc lào, uống trà khan. Thấy có một thằng bé chừng 4 - 5 tuổi, mặt mũi nhem nhuốc, ngồi gặm bánh mì. Hỏi thăm, bà chủ quán nói, nó lang thang ở đây gần nửa tháng rồi, không ai đến nhận. Bà chủ quán cho ăn. Ngủ dưới gầm xe buýt. Rích mua cho nó túi kẹo rồi hỏi đùa: "Có về Hòa Bình với chú không?". Thằng bé gật ngay. Bà cụ thêm vào: "Chú đón được nó về thì phúc. Tôi già yếu, không có điều kiện. Với lại, con cháu ngăn". Thế là Rích cùng cậu bé lên xe. Anh để lại địa chỉ cho bà cụ. Phòng khi có người đến tìm.

Rích về bản Lác. Ai cũng ngạc nhiên. Đi bộ đội gì mà chẳng có ba lô. Lúc về lại cõng trên lưng thằng bé. Chắc là con riêng. Nhưng khi nghe Rích kể, chẳng mấy ai tin. Rích cũng chẳng thanh minh. Cậu bé sống cùng nhà. May nó cũng ngoan. Cha mẹ Rích cũng thương người, coi nó như cháu.

Rồi dựng nhà, lấy vợ, sinh con. Cuộc sống ngỡ diễn ra thanh bình. Như rừng cây. Như dòng suối. Nhưng bỗng vài năm gần đây, mấy mảnh đạn trong đầu anh không chịu nằm chỗ cũ. Chúng cựa quậy, di chuyển và gây nên những cơn đau đầu. Anh đi bệnh viện tỉnh nhưng không có giấy chứng thương, không có hồ sơ thương binh, không ai xác nhận nên người ta cũng khám qua loa.

Tôi cũng đến khổ với anh. Đêm đêm, lên cơn đau đầu, mất ngủ, anh lại gọi điện cho tôi. Khi thì 1 giờ đêm, lúc thì 3 giờ sáng. Tôi luôn giật mình. Cả nhà tôi hoảng hốt. Phải tắt

chuông. Chạy ra ban công. Đóng cửa. Gọi lại cho anh. Anh cứ tưởng tôi có phép mầu cấp lại cho anh cái giấy chứng thương! Mách anh vào đơn vị cũ xin lại. Nhưng đơn vị tít tận Quảng Ngãi, liệu còn lưu hồ sơ không? Hay về lại bệnh viện Trung đoàn? Các bác sĩ thời ấy, giờ chắc về hưu cả rồi.

Cậu bé anh mang về năm xưa, giờ đã lấy vợ. Hai vợ chồng đã ra ở riêng. Nhà cháy, anh Rích trú ở nhà con nuôi. Chưa có tiền sửa nhà cháy. Nhưng anh Rích vẫn coi như không.

Hàng ngày, anh vẫn ôm cây đàn đi hát ở các bản quanh đây. Anh chơi được rất nhiều nhạc cụ của người Thái. Đàn tính, khèn bè, đàn môi, các loại sáo… anh đều thành thạo. Nhưng anh thích nhất cây đàn do anh tự chế. Hộp đàn đánh vec-ni vàng óng. Đến đâu anh cũng được mọi người đón nồng hậu. Bởi anh chỉ làm cho họ vui.

Anh Tướng làm cơm mời khách. Có cả vợ chồng anh Rích. Cậu con nuôi cùng vợ ở xã Nà Phòn cũng đến. Uống vài chén rượu, anh Rích sai vợ về nhà lấy cây đàn. Vợ anh làm theo ngay. Anh cầm cây đàn, vừa nhẹ nhàng vừa thân ái. "Nhờ có cây đàn này, mình lấy được vợ đấy!". Anh Rích nhìn vợ với ánh mắt sung sướng. Chị vợ xấu hổ, nhưng vẫn lườm yêu chồng. "Bây giờ, mình hát bài hát tặng vợ mình trong cuộc hẹn đầu tiên nhé!". Anh Rích giới thiệu. Rồi anh trôi như con thuyền. Cây đàn là cánh buồm. Tiếng hát như tiếng suối, tiếng sóng. Giọng anh có chiều thâm nghiêm của rừng cây. Lời hát mang cái mênh mang của gió, của tâm hồn.

Gió sớm mai thổi hàng cây bên suối
Nếu anh là giọt sương
Anh xin tan ra trong bàn tay em

Gió sớm mai thổi lá cây lật nghiêng
Nếu anh là giọt sương
Anh xin tan ra dưới bàn chân em...

Người hát những lời ca đẹp như thế, lỡ đốt nhà mình, ai nỡ giận anh? Tôi nhìn vợ anh, vợ anh Tướng, những người phụ nữ Thái xinh đẹp, hiền thục, đầy tình thương một cựu chiến binh đôi lúc mắc chứng tâm thần. Dường như tâm hồn các chị cũng đang miên man ở cánh rừng hay ngọn núi nào đó.

Đêm trôi rất sâu trong rừng
Những ngôi sao đổi chỗ trên trời
Họa mi hót
Đường đi đã rõ
Anh bước về nhà
Nhưng hồn còn vương ở thắt lưng em...

Đêm trôi rất sâu trong rừng
Những ngôi sao đổi chỗ trên trời
Họa mi hót
Đường đi đã rõ
Anh bước về nhà
Mà hồn còn ngủ trong tà áo em...

Trái tim anh chỉ biết yêu. Những bài dân ca Thái, qua giọng anh, thấm vào mỗi người, thấm vào ngôi nhà, cỏ cây cùng những ngọn gió Mai Châu.

- Anh Rích, sao anh đốt nhà?

- Mình nhớ Anlong Veng quá! Cái đêm đốt Anlong Veng, mình cũng vừa đi vừa thầm hát.

- Nhà cháy rồi. Anh nghĩ sao?

- Cháy thì làm lại. Như rừng Campuchia đấy. Năm nào chả cháy. Lại mọc như thường.

Tôi thầm nghĩ, muốn sang trang mới, phải lấy được mấy mảnh đạn trong đầu anh. Tìm viện phí ngay. Về vận động mấy đồng đội làm ăn được. Và cũng cần giúp anh làm cái thẻ thương binh. Ngôi nhà sàn nữa. Cậu con nuôi nói, chúng cháu có kế hoạch làm lại nhà sàn rồi. Chỉ mong các chú giúp bố cháu làm được hồ sơ thương binh. Tôi và Sơn bác sĩ nhẩm tính. Lại phải huy động các mối quan hệ để đòi quyền lợi chính đáng cho một thương binh bị thiệt thòi.

Nhưng anh Rích, sau khi bắn điếu thuốc lào, phả luồng khói đậm lên cao, mắt lim dim. Anh nhìn tôi:

- Mấy năm trước, tôi hay gọi cho anh. Vì cả đêm không ngủ nổi. Đau đầu lắm. Nhưng tôi cũng biết, anh khó xoay được cái giấy chứng thương. Không nên đẩy đồng đội vào thế khó.

- Khó gì. Anh cứ để bọn em lo liệu. – Sơn bác sĩ cắt ngang. – Tụi em có đầy bạn làm ở các ngành chức năng liên quan đến chuyện thương binh. Như anh Tướng đây, năm ngoái, bọn em để nghị giám định lại, lên hạng. Thêm tiền trợ cấp. Tuy không nhiều nhưng cũng đỡ phần nào. Đúng không, anh Tướng?

- Chuyện đó, tôi biết. Nhưng tôi nghĩ, đời chỉ có hai chữ "may" và rủi" thôi. Lần truy quét đó, không may, mình gặp địch. Nhưng có cái may, là chỉ bị thương. Nhưng lại không may, là bị mảnh vào đầu và đạn thẳng trúng tay. Nhưng lại may, vì được đi viện. Ở viện, không may, vì không có máy X quang chụp. Đang chờ, thì lại may, có xe đơn vị về Sài Gòn. Nhưng đến Sài Gòn, lại không may vì mình không lấy giấy chuyển viện 175. Đang buồn thì lại may. Vì Tết đến. Nhớ nhà.

Thế là mình lên tàu luôn. Nhưng trên tàu, không may bị mất ba lô. Về bến xe Hà Đông, lại may vì vớ được thằng bé bị lạc. Giờ nó là cánh tay đắc lực của mình. Về nhà, không may, người yêu cũ đi làm thủy điện Sông Đà, lấy chồng trên đó. May là mình lấy được vợ mới. Trẻ hơn. Khỏe hơn. Đẹp hơn. Đúng không em?

- Thôi đi anh. Tếu táo vừa vừa thôi - chị vợ xấu hổ, đập vai chồng.

- Tếu táo thế nào? Tôi đang nói chuyện nghiêm túc. Tôi biết các ông thương tôi, quan tâm nhiều. Tôi xin ghi nhận. Nhưng tôi biết, chuyện tôi bị thương là vì mình đánh giặc không giỏi. Đúng không? Bị thương, đó là lỗi của mình. Không chết là may. Giờ, về nhà, lại bắt đền Chính phủ. Tôi nghĩ, mình phải đòi tiền thằng Pol Pot mới đúng.

- Pol Pot chết lâu rồi - Sơn bác sĩ cười.

- Chết thì thôi. Không bắt đền nó nữa. – Quay sang vợ và cậu con nuôi – Tôi nói đây có cả vợ và thằng Hà nữa. Từ hôm nay, không được lên xã hay huyện đòi chính sách gì nữa. Mình bị thương, cái đầu hơi ngớ ngẩn, ông Trời đã cho mình cô vợ. Thế là đền bù rồi. Lại kèm theo thằng Hà nữa. Hỏi còn gì bằng? Giờ tôi chết lúc nào cũng được. Nào, nâng chén!

Đấy là chuyện của anh bạn chúng tôi. Anh ấy có cái lý riêng của mình. Đồng bào dân tộc, họ luôn có cách lý giải mọi vấn đề theo cách riêng của họ. Những chuyện mà chúng ta coi là nghiêm trọng, họ lại nhìn rất nhẹ nhàng. Lên Mai Châu nhiều lần, biết là phong cảnh đẹp, nhưng tôi chẳng nhớ gì. Ấn tượng nhất đối với tôi là cái nhà sàn vừa cháy. Nhưng ấn tượng hơn cả, là anh Tướng, anh Rích. Đấy mới thực là Mai Châu của tôi.

9.
BÊN DÃY DÂNGRÊK

Những ngày ở S'tung T'reng, có một người lính Pol Pot tìm đến nhà sư Phteah Saniphap. Anh ta tên là Bua Thong. Bị cụt một chân, Bua Thong được các bác sĩ Việt Nam ở Viện quân y 21 cứu chữa. Dạo đó, Viện 21 đóng ở S'tung T'reng. Bua Thong bị thương trong trận đánh vào cuối tháng Hai năm 1979 bên sườn Dângrêk thuộc tỉnh Preah Vihear. Anh cố tìm về nhà ở S'tung T'reng. Không có thuốc chữa, anh ta đánh liều tìm đến Viện 21. Bởi Bua Thong biết có nhiều lính Pol Pot như anh, khi vào viện, đều được các bác sĩ băng bó, chữa lành vết thương. Anh nói rằng mình đi tìm trâu, giẫm mìn. Nhìn vết thương của Bua Thong, các bác sĩ biết anh ta nói dối. Đó là vết đạn chứ không phải vết mìn. Vết thương của Bua Thong bị nặng, lại nhiễm trùng. May mà vào phần mềm. Khi gần khỏi, Bua Thong trốn viện. Anh sợ các bác sĩ phát hiện nhân thân. Nhưng bác sĩ Hoàng nói với Bua Thong: "Chúng tôi biết, anh là lính Pol Pot. Nhưng chúng tôi vẫn chăm sóc anh như một bệnh nhân. Bởi lương tâm người thầy thuốc không cho phép chúng tôi phân biệt ta hay địch. Vết thương sắp khỏi. Anh không nên trốn. Ở lại ít ngày nữa,

vết thương lành rồi anh muốn đi đâu thì đi". Bua Thong cảm động. Ra viện, anh về làm dân thường.

Bua Thong gặp nhà sư Phteah Saniphap. Sau nhiều lần trò chuyện, Bua Thong mới tiết lộ, chính anh bị thương trong trận đánh ở chân núi Dângrêk dạo đó. Anh ta kể thời gian, địa điểm, diễn biến trận đánh đúng như trong ký ức nhà sư. Và nhà sư Phteah Saniphap mời Bua Thong cùng đi lên Preah Vihear. Trong đoàn còn có ba nhà sư nữa. Họ là những tình nguyện viên, giúp mang đồ cúng lễ.

Bua Thong dẫn nhà sư đến đúng địa điểm năm xưa. Tiếng là đại đội, nhưng chỉ có 31 người. Trận đó, đơn vị của Bua Thong chết gần hết. Chỉ còn khoảng 7 - 8 người chạy thoát. Nhưng ai cũng bị thương. Bua Thong cùng hai người nữa tìm được đường về nhà ở S'tung T'reng. Một người sau đó cũng chết. Còn hai. May đều được Viện 21 cứu.

Nhà sư Phteah Saniphap cũng hiểu quá rõ trận này. Khi đó, anh cùng Sen Chey, một người dân Khmer, dẫn hai đại đội 6 và 7 của tiểu đoàn 8, trung đoàn 29 đi truy quét. Đoàn quân khoảng 60 người đi dưới cái nắng vỡ đầu của mùa khô khủng khiếp. Mồ hôi giàn giụa tràn xuống mắt. Mọi người cúi mặt đi. Bụi bốc lên mù mịt càng khó thở. Lúc ấy khoảng 11 giờ trưa. Bỗng Sen Chey nói: "Anh Ánh, nhìn kìa! Đằng kia có khói!". Ánh nhìn theo hướng chỉ tay của Sen Chey. Bên bìa rừng, mấy ngọn khói vươn cao trong nắng. Tại sao giữa rừng hoang này lại có khói? Ánh chạy đến anh Y, Tiểu đoàn phó. Anh Y ra hiệu dừng lại. Rồi anh vẫy mấy trinh sát, bò lên kiểm tra. Phát hiện địch, anh ra hiệu cho hai đại đội triển khai đội hình thành vòng cung, bí mật áp sát khu rừng. Khi đã đến gần địch, anh ra lệnh nổ súng. Tức thì, hàng chục khẩu súng nã đạn về phía trước. Lính Pol Pot không kịp trở tay. Không có viên đạn nào bắn trả. Bởi bọn địch đều đang nghỉ trưa. Trận đánh kéo dài

chỉ khoảng mười phút. Kiểm tra trận địa, anh Y đếm được hai mươi ba xác địch. Lính tráng còn thu được mấy xoong cơm vừa chín. Ngay sau đó, đơn vị rút đi. Chắc họ sợ bên kia phản công. Riêng Ánh còn nhớ lời anh Đước, y tá đại đội 6. Nhìn thấy mấy anh nuôi tươi cười khoe lấy được chiến lợi phẩm là mấy xoong cơm vừa chín, anh Đước trầm giọng: "Mình đánh khi tụi nó chưa kịp ăn cơm, chắc tụi nó oán mình lắm đây!".

Từ ngày đó, hình ảnh những người lính Khmer Đỏ nằm chết bên bìa rừng dưới chân Dângrêk cứ ám ảnh Ánh. Anh viết thư cho Sen Chey, giờ đã là cán bộ ở Bộ Ngoại giao. Hai người cùng hẹn trở lại Preah Vihear. Nhưng Sen Chey cứ liên tục công tác ở nước ngoài. Anh là chuyên viên văn hóa của Đại sứ quán Campuchia, hết ở mấy nước Đông Âu, lại sang Tây Âu. Sen Chey cũng bảo, vào dịp Chol Ch'nam Th'mây, ngày lễ Lơng Săk, anh thường làm lễ cầu siêu cho những người lính tử trận. Sen Chey rất muốn cùng Ánh về làm lễ bên bìa rừng, nhưng không thể.

Bây giờ cũng đang mùa khô. Cánh rừng năm xưa rợn lên bầu không khí lạnh lẽo, u uất. Ánh vẫn hình dung rõ hình ảnh những người lính Khmer Đỏ chết thế nào. Có người nằm sấp trên đất. Đầu nghiêng. Máu chảy từ thái dương bên dưới, loang ra. Cỏ cũng nhuốm đỏ. Có người ngã, hai chân còn bắt chéo. Có người nằm vắt ngang thân cây đổ… Và những ngọn khói chiến trận năm xưa như vẫn còn nghi ngút. Âm thanh những tiếng nổ năm xưa lại vọng về. Thấy có người, mấy con quạ bay lại. Chúng đậu trên cành cao, cất tiếng kêu. Âm thanh màu đen như tiếng vọng từ âm phủ. Không gian như quánh lại, đứng yên. Bên hồ nước cạn, có mấy đám cỏ xanh. Phần gốc còn xanh, phần ngọn đã úa. Đám cỏ nào cũng in hình dáng người nằm trên đất. Mọi người nhìn những đám cỏ, vừa sợ vừa thương.

Bỗng một chiếc xe bò đi ngang qua. Người đánh xe dừng lại. Anh mang cá từ Kampong Thom lên bán. Anh kể, những lần qua đây đều cảm thấy có luồng gió lạnh từ bìa rừng thổi ra. Có lần, anh để lại ít cá cùng những lời cầu nguyện. Mong các linh hồn phù hộ cho anh may mắn.

Nhà sư Phteah Saniphap và những người cùng đi kiếm cây rừng, lập thành một giàn thiêu bảy tầng. Rồi nhà sư đặt lên đó ba mươi hình nhân thế mạng bằng giấy. Một mâm cỗ mặn bày ra cùng rượu, trà, thuốc. Nhà sư đốt nhang. Mùi hương linh thiêng chầm chậm lan ra. Không khí trang nghiêm nhè nhẹ dâng lên trong rừng.

Nhà sư Phteah Saniphap chắp tay, cung kính khấn. Những ngọn cỏ cúi đầu. Mấy bông hoa dại như những con mắt đượm buồn. Giọng nhà sư trầm lắng:

- Kính thưa linh hồn những người lính trong quân đội Khmer Đỏ!

Gần ba mươi năm về trước, sau những ngày hành quân mệt mỏi, các anh dừng chân tại nơi này. Tìm thấy nước, các anh nấu cơm. Trong khi chờ cơm chín, các anh giăng võng nghỉ ngơi.

Nhiều người trong các anh chìm vào giấc ngủ. Có anh nằm hút thuốc. Các anh đang trôi trong giấc mơ.

Các anh mơ giấc mơ bình yên. Mơ về ngôi nhà. Gia đình quây quần. Hay mơ về lối mòn bên hàng rào. Anh đứng đợi người con gái cùng phum.

Có ai biết, những hiểm nguy đang tiến dần đến chỗ các anh. Những cái chết đang bao vây các anh.

Các anh nấu ăn trong rừng. Những ngọn khói bay thẳng lên đỉnh rừng. Giữa vùng rừng hoang không có phum nào, sao lại có luồng khói bay lên?

Chính ngọn khói đã chỉ điểm cho chúng tôi, những người lính Việt Nam, áp sát các anh.

Và chúng tôi bất ngờ nổ súng. Hàng trăm đường đạn bay xuyên cánh rừng, bay ngang tầm võng, trúng người các anh.

Các anh đang ngủ và đang nghỉ. Súng đạn không ở bên mình, không kịp phản ứng. Không một viên đạn nào bắn lại phía chúng tôi.

Hoàn toàn bị bất ngờ, các anh hầu như hy sinh tất cả.

Những người bị thương nặng, cũng nằm lại nơi này.

Người bị thương nhẹ, chạy trốn trong rừng.

Và những người tử sĩ, nằm lại nơi này đã mấy chục năm.

Hôm nay, chúng tôi mới trở lại.

Lời đầu tiên, cho tôi được xin lỗi các anh! Xin lỗi những người thân trong gia đình các anh.

Tôi biết, các anh buồn. Các anh còn hận. Các anh còn giận.

Chúng tôi không thể mãi che giấu điều ân hận trong lòng mình. Chúng tôi xin thú nhận và mong các anh ân xá

Năm xưa, chúng tôi lấy được của các anh, nào súng, nào ba lô, nào võng, nào bi đông đựng nước.

Thậm chí có người còn lấy cả dép các anh đang đi.

Lấy cả nồi cơm

Lấy luôn xoong cá

Chúng tôi nhanh chóng rút đi.

Xác các anh nằm lại giữa rừng lẫn trong tiếng đạn nổ.

Những ngọn khói hôm đó đau đớn bốc lên.

Bếp lửa dần tàn.

Chúng tôi không kịp thu dọn chiến trường

Chúng tôi sợ đồng đội các anh phản công.

Chúng tôi rút đi. Để lại các anh nằm chết giữa rừng.

Hôm ấy, chúng tôi ăn xoong cơm của các anh nấu chưa kịp ăn.

Chúng tôi ăn xoong cá của các anh kho nhưng chưa đụng tới.

Chúng tôi ngửa cổ uống phần nước còn lại trong bi đông của các anh.

Hai cái miệng cùng ngậm chung một nguồn nước.

Khi ăn uống như vậy, chúng tôi nghĩ về các anh.

Biết đâu có ngày chúng tôi cũng gặp cảnh ngộ như các anh…?

Chúng tôi thương các anh, cơm chín rồi mà chưa kịp ăn, chết thành ma đói.

Xoong cá kho thơm lừng, chết chẳng mang theo.

Nước trong bi đông, các anh để dành, chết thành ma khát

Lời tổ tiên chúng tôi truyền dạy: "Trời đánh còn tránh miếng ăn".

Nhưng thực tế chiến trường nằm ngoài mọi điều răn

Chỉ có sống và chết, thắng và thua

Như cả hai bên chúng ta cùng chứng kiến trận đánh này.

Chiến tranh đã kết thúc lâu rồi. Chúng ta nên tha thứ cho nhau nếu chúng ta không muốn sống như những kẻ man rợ.

Kính thưa những linh hồn tử trận!

Các anh nằm đây mấy chục năm rồi

Không ai lại qua

Không người thăm viếng

Dù thịt xương tan vào đất…

Nhưng linh hồn các anh chưa siêu thoát.

Các anh vẫn ở nơi này.

Uống nước suối, ăn quả rừng. Và lang thang trên những ngọn lá, tầng cây…

Hôm nay, chúng tôi, những nhà sư về đây làm lễ cầu siêu cho linh hồn các anh. Những linh hồn thôi đừng buồn nữa. Hãy cùng ngồi xuống. Ăn cơm, uống rượu, hút thuốc cho thật chan hòa. Rượu đã rót. Thịt đã bày. Xin kính mời các linh hồn nâng cốc. Xin các linh hồn ăn uống thỏa thuê. Rồi chúng ta từ biệt nơi này. Từ biệt rừng hoang núi lạnh. Chúng tôi làm giàn thiêu, như phong tục người Khmer, để thiêu lại thân xác các anh.

Rồi cùng chúng tôi về lại ngôi chùa mới ở Anlong Veng. Đấy là ngôi nhà của các anh. Các anh sẽ được chăm sóc đầy đủ. Và ước vọng của các anh sẽ được các nhà sư nâng đỡ. Nào, rượu còn đây. Thức ăn còn đây. Chúng ta cùng nâng cốc!

Nhà sư Phteah Saniphap cầm chén rượu nâng lên ngang mày rồi tưới xuống đất. Bất thần, một trận gió nổi. Lá rừng cuốn tung, rào rào bay lên. Những bó hương đang như những con mắt đỏ rực, mở to bỗng biến thành những bó đuốc. Nhà sư không tin ở mắt mình. Gai ốc nổi khắp người. Nhưng ông cố giữ vẻ bình tĩnh. Ông quỳ xuống, chắp tay, giập đầu khấn liên hồi.

Mọi người cũng quỳ xuống, lầm rầm khấn.

Bỗng một con chim lớn, từ phía hồ nước, cất cánh bay ngang.

Nhà sư nhìn theo.

Lòng vừa như có niềm vui lại vừa có điều trăn trở.

Trăn trở vì con đường của mình.

10.
NGƯỜI ĐÀN ÔNG XỨ LẠNG

"Khu Năm dằng dặc/Khúc ruột ông Hoàng Kiên" – nhắc đến ông Kiên, cả Trung đoàn ai cũng nói câu này. Vừa nhắc vừa cười. Cười với sự khâm phục. Khâm phục tính đào hoa của ông. Gần chục tỉnh miền Trung, lính đồn rằng tỉnh nào cũng có con cái của ông Kiên. Thậm chí, ông còn có con ở bên Lào. Bên Campuchia cũng có.

Ông Hoàng Kiên là ai mà có tình trường mênh mang thế?

Thực hư ra sao?

Giờ ông sống thế nào?

Chúng tôi quyết định làm một chuyến lên Lạng Sơn thăm người chiến binh xưa.

Anh Kiên trước đây là lính kỹ thuật của Trung đoàn tôi. Hồi chống Mỹ, Trung đoàn tôi nằm trong đội hình Sư đoàn 968, đóng quân bên Lào, tỉnh Xavanakhet, Champasak… Năm 1975, Sư đoàn rút về nước, tham gia chiến dịch giải phóng Tây Nguyên. Sau khi miền Nam giải phóng, Sư đoàn làm nhiệm vụ truy quét Fulro. Khi xảy ra chiến tranh biên giới Tây Nam, Trung đoàn tôi tách khỏi Sư đoàn 968, biên chế về Sư đoàn 307.

Chúng tôi chiến đấu giữ biên giới đoạn qua tỉnh Gia Lai – Kon Tum. Nói qua như vậy để biết dấu chân Trung đoàn đã đi qua những nơi nào.

Anh Kiên quản lý các loại xe cơ giới của Trung đoàn. Đương nhiên, anh biết lái xe. Các loại như Jeep, GMC, Zin… loại nào anh cũng thạo. Những năm 1975 - 1978, Trung đoàn tôi đóng quân gần thị xã Pleiku, anh Kiên thường đánh xe đi khắp các tỉnh miền Trung. Bánh xe lăn đến đâu, dấu vết tình yêu để lại đến đấy.

Nhưng bây giờ, anh Kiên đang sống với cậu con trai chừng hơn mười tuổi. Cậu bé tên là Kiên Bua Thông. Tôi hỏi:

- Sao lại ghép tên Campuchia vào?

- Chuyện dài lắm.

Anh kể:

- Khi các anh về phục viên, Trung đoàn chuyển về ngầm Saem. Cuộc sống vẫn khổ như trước. Ban chỉ huy có sáng kiến, khai thác gỗ, mang về Sài Gòn bán. Quân Pol Pot biết điều này. Chúng phục kích. Một lần, vào giữa năm 1985, xe trúng mìn tăng. Trên xe có năm người. Hai lính ở thùng xe bị bật lên cao, rơi xuống, chết tại chỗ. Tôi và lái phụ cùng anh Bình ở Ban tham mưu, nhảy ra, cầm súng chiến đấu. Chúng tôi chỉ có hai AK và một súng K59. Bọn địch bắn B40 và B41. Xe cháy. Lái phụ và anh Bình bị thương nặng. Tai tôi ù đi. Đầu choáng váng. Rồi tôi không biết gì nữa.

Khi tỉnh dậy, tôi thấy mình đang nằm ở bệnh viện Sư đoàn. Tôi đoán, nghe súng nổ, chắc anh em mình ra cứu. Nhưng bác sĩ Vịnh bảo, một người lính Campuchia đã đưa tôi vào viện. Anh ta khai là lính của Hun Sen. Anh ta cũng bị thương. Đang nằm tại viện.

Chờ vết thương đỡ, tôi sang thăm anh ta, muốn cảm ơn ân nhân. Hỏi thăm tên tuổi, anh ta nói tên là Bua Thong. Anh ta thú nhận, mình thật sự là lính Pol Pot. Trong trận phục kích hôm đó, phía ta hy sinh bốn người. Phía Pol Pot chết hai, bị thương một. Người bị thương chính là Bua Thong.

Khi anh ta chạy ra đường, thấy tôi nằm thoi thóp. Anh ta băng cho tôi. Rồi anh ta cởi bỏ bộ trang phục lính Pol Pot, mở ba lô của tôi, lấy trang phục bộ đội Việt Nam, mặc vào. Anh ta đưa tôi về Sư đoàn. Cũng may anh ta bị thương nhẹ.

Tôi hỏi: "Sao lúc đó anh không bắn tôi?" Bua Thong nói: "Tôi thấy anh còn trẻ, lại đẹp trai nữa. Tôi không nỡ giết". – "Lúc ấy, nếu anh giết tôi, có ai biết đâu!" – "Đúng. Nhưng tôi cũng đã từng được bộ đội Việt Nam cứu chữa. Tôi không thích đánh nhau nữa. Mệt mỏi lắm rồi. Tôi phải đưa anh về đơn vị. Tôi cũng bị thương".

Rồi anh ta kể, năm 1979, anh ta bị thương. Trốn về nhà. Vết thương nhiễm trùng. Anh ta vào Viện 21 của ta ở S'tung T'reng. Dù biết là lính Pol Pot, nhưng các bác sĩ của ta vẫn chữa. Sau đó, anh ta về nhà. Chỉ huy đến, bắt đi. Thế là anh ta lại phải vào lính. Tôi hỏi tên. Anh ta nói là Bua Thong. Bố người Lào, mẹ là người Khmer. Tôi nói, nếu sau này, tôi có con, tôi sẽ xin tên anh để đặt tên cho con tôi, dù trai hay gái. Bua Thong ra viện trước tôi. Nghe nói anh ta về Phnôm Pênh, làm công nhân điện.

Nhưng khi hỏi đến chuyện vợ, anh Kiên làu bàu: "Sống ở lính, mệt kiểu dễ chịu. Sống với vợ, mệt kiểu khó chịu".

Anh đã hai lần bỏ vợ.

Người vợ đầu, anh kể, cưới khi về phép. Năm đó, anh hai mươi lăm tuổi. Cha mẹ anh giới thiệu. Cô này là bác sĩ, ở gần nhà. Tuổi cũng gần ba mươi. Cha mẹ lo anh chết nên ép cưới.

Anh không yêu cô ấy, nhưng chiều lòng cha mẹ, đành cưới. Sau này, hai người có với nhau một cô con gái. Nhưng ngày trả phép, anh nói thẳng với vợ: "Anh không yêu em!" Vợ ông im lặng. Anh đành nói thẳng lý do: "Em không phải là típ người thuộc gu của anh". Gu của anh là thế nào? Người vợ không hiểu. Anh đành giải thích: "Anh thích tip phụ nữ da trắng, mập mạp. Đằng này, dáng người em và nước da em ngược lại". Giọng người vợ nghẹn ngào trong nước mắt: "Anh chờ em sinh con xong đã. Người ta nói, phụ nữ sau khi sinh, có thể đổi máu. Dáng người đẫy ra". – "Em đừng hy vọng chuyện đó. Anh cảm thấy không hợp với em ngay từ buổi đầu. Anh da trắng. Em ngăm đen. Gương mặt anh vuông vức. Gương mặt em dài. Vợ chồng muốn sống với nhau bền lâu, ít nhất, gương mặt cũng nên hao hao giống nhau. Chúng mình không có điểm đó em ạ. Tốt nhất là em nên tìm người khác, hợp với em hơn. Thứ hai nữa là, anh nói thật, anh không thể làm tình mà không có tình yêu". Đó là năm 1977. Anh khoác ba lô vào lại Tây Nguyên.

Người vợ thứ hai, anh cưới khi phục viên. Cô ấy làm thanh tra giao thông. Thời gian đầu, hai người sống khá hạnh phúc. Nhưng càng về sau, anh càng không thể chịu đựng. Người vợ, tuy không phải là cảnh sát, nhưng lại như quản giáo, kiểm soát mọi hành vi của chồng. Anh đi hội lớp, chị ngăn cản. Chị sợ những cảm xúc đầu đời, tình cũ không rủ cũng về. Sau không kiểm soát nổi. Dù anh thanh minh thế nào, chị cũng nhất quyết không nghe. "Thanh minh là tự thú". Chị kết luận. Anh đi họp hội cựu chiến binh, chị cũng không bằng lòng. Bởi trong hội có nhiều chị em, trước cũng là lính. "Họ ghê gớm, liều lĩnh lắm. Một liếc là lên giường ngay! Đốt đống lửa lên, không dập tắt được. Lửa thiêu đốt cả hai gia đình". Chị phân tích. Thậm chí, chị còn bảo, cựu chiến binh giao lưu vừa vừa thôi.

Có phải ai cũng tốt cả đâu. Khối người còn lừa nhau kia kìa!". Anh đi đâu vợ cũng theo dõi. Anh làm gì vợ cũng để ý. Nhiều lúc anh điên tiết. Cô muốn sở hữu anh toàn phần. Anh coi vợ như Pol Pot, như Angkar, can thiệp thô bạo vào đời tư từng người. "Trước khi lấy cô, tôi có hàng trăm mối quan hệ khác. Cô là kẻ đi sau, bước vào đời tôi, tại sao dám cắt đứt tất cả đời sống tinh thần của tôi? Không thể ngờ chế độ Pol Pot lại hiện hình trong cô!" Là người yêu tự do, anh ra khỏi nhà, không muốn giải thích một câu.

Chúng tôi đùa, hình như số anh lấy vợ miền Trung thì hợp?

Dạo ở Trung đoàn, tôi hay sang chỗ anh Kiên chơi. Tôi thấy các cán bộ Trung đoàn, từ Ban Chính trị, Tham mưu đến Hậu cần, Tài vụ… ai cũng có chung một gương mặt. Nghiêm túc như đá. Hình như, mỗi anh Kiên là khác. Anh lúc nào cũng đùa vui. Mà khi anh nói, dường như câu nào cũng đầy suy tư. Một lần, đêm mùa khô, chúng tôi phải đi gùi nước để cấp cứu cho Đại đội 13. Đơn vị này chốt ở ngã ba đường lên Sư đoàn. Đi đêm. Cắt rừng. Bước thấp bước cao. Đất rừng khộp mùa khô nổi từng cục, to như tảng đá, nhô khắp rừng. Tôi ngã dúi dụi. Miệng thở ra: "Sao đời khổ thế này?" Anh Kiên đi bên, chờ cho tôi lấy lại thăng bằng, nhẹ nhàng hỏi: "Mười năm học ở trường phổ thông, em thấy giáo viên nào giỏi nhất?"- "Em chỉ nhớ mấy cô giáo xinh thôi. Còn giỏi thì… khó trả lời quá!" – "Nhưng em vừa gặp một giáo viên giỏi nhất đấy!" – "Ai thế anh?" – "Đó là sự đau khổ. Sự đau khổ dạy mình nhiều nhất!". Anh làm tôi nhớ đến bài thơ *Xin cám ơn những ngày gian khổ* của một thi sĩ thời chống Mỹ. Những suy nghĩ miên man về ký ức giúp tôi cùng đồng đội đến đích trong đêm mà không thấy mệt.

Lần khác, ở Ban Hậu cần, mọi người nói chuyện về tiền. Gần Tết rồi, Trung đoàn cử xe về Sài Gòn mua hàng Tết. Ai

cũng muốn có nhiều tiền để gửi mua hàng. Lính tráng đâu có nhiều tiền. Tôi có một ít, nhờ ông bạn đồng hương mua vài cây thuốc, tính gửi cho đơn vị cũ của tôi đang chiến đấu ở Anlong Veng. Chắc tôi có ít tiền nhất nên gửi mua ít nhất. Thấy tôi có vẻ ngượng, anh Kiên rủ về chỗ anh, ăn khoai lang. Dọc đường, anh hỏi: "Tuấn có biết ai là người nghèo nhất không?" – Tôi trả lời: "Em"- "Không phải. – anh Kiên nói – Người nghèo nhất là người yêu tiền nhất!". Sau bao năm, tôi nghiệm thấy câu nói của anh Kiên vẫn đúng.

Có lần tôi hỏi: "Cả Trung đoàn ai cũng khâm phục anh vì anh là người tán gái giỏi nhất. Anh nghĩ sao?". Anh trả lời: "Họ nhầm đấy. Người yếu nhất là người thích chinh phục người khác". – "Sao lại thế?" – "Cậu cứ suy nghĩ kỹ trước khi đòi tớ trả lời" – anh nói. Tôi hỏi lại: "Thế ai là người mạnh nhất?". Không đắn đo, anh nói ngay: "Người chinh phục được chính mình". Muốn hiểu câu trả lời của anh Kiên, phải có thời gian và sự từng trải.

Các sĩ quan trong Trung đoàn đồn rằng, anh Kiên có một kho báu. Một kho báu độc nhất vô nhị. Cả Trung đoàn tôi, cả Sư đoàn 307, thậm chí cả Quân khu V, đều không ai có. Kho báu ấy, anh mang theo bên mình, từ trong nước. Anh cất kỹ trong ba lô. Mà ba lô của anh lại để trong thùng tôn, hình chữ nhật. Lúc nào cũng khóa chặt. Tiếng đồn càng nhiều khiến tôi càng tò mò. Làm cách nào để anh Kiên cho mình xem cái kho báu ấy?

Một hôm, tôi cùng anh Kiên vào phum Giểng chơi. Qua suối, thấy một đoàn hai chiếc xe bò chở muối và cá. Người từ vùng Biển Hồ đi bán rong. Có một cô gái mang theo con khỉ nhỏ. Qua suối, cô gái nhúng nước con khỉ. Lông nó ướt đẫm. Con khỉ chạy lên bờ. Cả thân nó dính đầy cát. Con khỉ bỗng nhảy tót lên vai cô gái. Chiếc áo trắng của cô dính đầy

nước và cát. Con khỉ trông thật xơ xác. Nhưng cô gái vẫn để mặc con khỉ chễm chệ trên vai. Người Khmer vốn rất yêu khỉ. Nó là con vật thiêng, mang đầy tính huyền thoại trong truyền thuyết của người Khmer. Anh Kiên có vẻ rất thích con khỉ. Anh hỏi: "Con này tiếng Khmer gọi là gì?" – "Sva" – cô gái mỉm cười. "Có bán không?". Hỏi cho vui vậy thôi chứ dạo đó, người dân Khmer vẫn chưa có tiền. Nhưng cô gái đáp: "Chỉ đổi thôi" – "Đổi cái gì?". Không ngờ cô gái chỉ vào cái đồng hồ của tôi đang đeo. Tôi sững người. Sao họ lại để ý đến cái đồng hồ? "Thật không?" – tôi hỏi. Mấy người đàn ông và phụ nữ, hình như là cha mẹ và họ hàng cô gái, xúm lại. "Thật đấy!" cô gái nghiêm túc đáp. Rồi cô ra hiệu muốn xem đồng hồ. Tôi tháo, đưa cho cô. Đó là chiếc đồng hồ hiệu Citizen Automatic, dây vàng, mặt trắng. Mọi người chuyền tay nhau. Cô gái thích ra mặt. Đưa ngay con khỉ cho tôi. Tôi đỡ nó rồi đưa cho anh Kiên. Anh trợn mắt: "Ông điên à ?" – "Điên thế nào? – tôi cười – Anh vui. Cô gái cũng vui. Còn gì hơn nữa?". Lúc ấy, trong thâm tâm, tôi chỉ nghĩ, mọi của cải vật chất, đối với người lính, đâu có đáng gì. Bao nhiêu quần áo, khăn quý, mang từ nhà vào đều mang đổi chó, gà, bồi dưỡng sức khỏe cho đồng đội. Năm ngoái, đón dân tị nạn từ Thái Lan về, họ cho chúng tôi nhiều vàng, kim cương, nhưng chúng tôi đâu có lấy. Với lại, cái đồng hồ này đâu phải của tôi. Của Thành, cùng trung đội. Nhưng Thành đang bị thương, nằm viện. Nghe nói phải chuyển về Viện 175 ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ấy, thiếu gì đồng hồ. Bắn cái thư. Bảo Thành tìm cái khác. Cái này, lính gác đêm vặn linh tinh, hỏng rồi. Mà Thành đang tập trung chữa vết thương, đâu để ý đến cái đồng hồ.

Anh Kiên ôm con khỉ về nhà. Trên đường anh im lặng. Dường như anh vẫn tiếc cái đồng hồ. Tôi kiếm chuyện vui. "Anh biết không, loài khỉ thông minh lắm. Mẹ em kể, dạo sơ

tán lên Lạng Sơn, ở nhà ông ngoại. Mẹ em ra nương bẻ ngô. Lấy dây chuối quấn ngang người, rồi giắt ngô xung quanh. Mấy con khỉ cũng bắt chước. Cũng tìm dây buộc ngang, cũng bẻ ngô giắt quanh. Nhưng buộc không chặt. Dây lòng thòng. Ngô rơi lung tung. Buồn cười lắm!

Trong thời gian anh Kiên chăm khỉ, tôi lại viết thư về Sài Gòn. Nhờ thằng bạn học cùng, giờ theo gia đình chuyển vào Nam, ra chợ sách cũ, tìm mua bản nhạc *Rừng Lạng Sơn* của Phạm Duy. Dạo trước, vào Sài Gòn, tôi đã thấy bản nhạc ấy ở mấy hiệu sách cũ, nhưng không mua. Chừng tháng sau, thằng bạn gửi sang đích thị bản nhạc ấy. Bìa trước vẽ hình mấy cành cây dưới ánh trăng. Trên nền khoảng sáng vàng tươi, hình ảnh một người lính cưỡi ngựa, vai khoác súng, đang đi tuần. Phía dưới là mầu xanh pha tím đậm, nổi bật tên bản nhạc được vẽ rất điệu nghệ. Bản nhạc này, quả là báu vật. Tôi đã nghe anh Kiên nhắc tới bản nhạc này. Anh bảo, hồi ở nhà, nghe bố anh hát. Nhưng anh không thuộc hết lời. Chỉ nhớ giai điệu theo nhịp hành tiến.

Chọn một tối thật đẹp. Trăng rải đầy rừng. Cả Trung đoàn bộ như trôi trong sắc vàng mơ huyền ảo. Tôi mang bản nhạc đến khoe anh Kiên. Anh vồ lấy. Nhanh hơn vồ con khỉ hôm trước. Lúc này, con khỉ đang ngủ trong chuồng sau nhà. Anh Kiên trải bản nhạc trên bàn, uống từng lời mê say:

Đường Lạng Sơn âm u (u)
Gà bình minh kêu lơ thơ
Rừng êm ái thức giấc trong sương mờ…

Tôi cảm thấy anh đang đắm chìm trong quê hương. Và hình bóng người mẹ, người cha đang lồng lộng trong anh. Mỗi âm thanh, mỗi hình ảnh của quê hương xa lắc, lúc này đang hiển hiện ở ngay bên anh.

Biên khu ù u! Biên khu ù u!
Nghe đồi nương khuyên nhau mong chờ
Người lên chốn đất thiêng rừng xa
Sống thanh bình cuộc đời khoai sắn ngô…

Lạng Sơn đó và Preah Vihear đây, có gì khác nhau đâu. Bài hát ra đời trong những năm đầy khói lửa kháng Pháp. Giờ ở nơi này, chúng tôi cũng đang căng mình chiến đấu chống bọn xâm lược và diệt chủng. Đều ở biên cương. Đều sống đạm bạc nhưng cũng đều yêu đời giản dị. Giọng anh càng về cuối càng âm vang.

Ta nhìn qua Cai Kinh ngang tàng
Chờ tiếng gió Bắc Sơn lùa sang
Biết say đời, cuộc đời trai nước Nam…

Hát xong, anh ôm chặt lấy tôi. Nhấc bổng tôi lên. Rồi hôn vào đầu vào trán vào má tôi rối rít.

Đêm ấy, tôi ngủ lại chỗ anh Kiên. Anh ngồi viết thư cho những người tình của anh. Anh viết cho người đàn bà tên Thanh, có sạp bán cá khô ngoài chợ. Anh nhắc tới đặc sản cá bống sông Trà. "Ông biết không, đàn bà Quảng Ngãi, tuy giọng nói hơi nặng, nhưng nhiều người rất đẹp. Dáng cao ráo. Gương mặt thanh thoát" – Tôi đoán: "Hay có thể họ lai người Chăm?" – "Anh cũng cảm thấy thế!" – "Còn con gái Bình Định thì sao?" – "Yêu điên cuồng, mãnh liệt lắm! Đất võ mà! Cô bồ của mình làm bánh tráng. Nhà ngay Tam Quan. Giữa rừng dừa. Làm tình thì… Ông có thấy cây dừa quay cuồng trong mưa bão đẹp thế nào không? Cô bồ của mình khi làm tình cũng điên cuồng như thế!"- "Thế còn Quảng Nam – Đà Nẵng?" – "Cô bồ của mình, nhà ngay cầu Bà Rén. Bán tạp hóa. Nhưng đông khách lắm. Bởi cô ấy rất xinh,

lại hay cười nữa. Có nhiều khi, mấy cậu học trò đi qua hỏi mua quyển vở, cây viết, nhưng không có tiền. "Không có tiền sao hỏi mua?" – Cô bổ cười. Mấy cậu trai bâng quơ: "Dạ, tụi con tính ghé ngắm cô thôi!" - "Cô méc cô giáo cho coi!" – "Dạ, tụi con chỉ muốn cô là cô giáo thôi!". Mấy đứa cười, mắc cỡ chạy đi. Mình đang nằm trong nhà, vội ngồi dậy. Vừa lúc cô ấy quay vào. Mình ôm chầm lấy. Bế cô ấy đi khắp nhà. "Ôi em xinh quá! Cả tỉnh Quảng Nam phải lòng em!". Mình ghì chặt tấm thân mềm mại thơm ngào ngạt. Hai má cô ấy đỏ bừng. Mắt ướt long lanh. Miệng cười tươi. Ôi hai hàm răng trắng đều đẹp quá. Ông biết không, mình rất thích phụ nữ có hàm răng trắng đều và sáng bóng. Chứng tỏ nội tâm họ rất đẹp" – "Anh kể làm em thèm quá!"- "Thế em đã được nhìn thấy cái ấy của đàn bà chưa?". "Em chưa thấy bao giờ!" – "Chà, nếu chẳng may mà chết thì tiếc lắm đấy!"- "Biết làm sao bây giờ!" – "Này, bí mật nhé. Anh chỉ cho mình em xem thôi". Anh đứng lên giường, cầm đèn pin. Mở hòm. Nhấc chiếc ba lô xuống. Anh soi đèn pin vào ba lô. Lấy ra cái gối nhỏ hình chữ nhật. Anh mở. Tôi thấy khoảng chục cái túi gấm đủ các mầu. Mỗi cái túi chỉ bằng bốn đốt ngón tay. Đường chỉ khâu đều đặn, chắc mịn. Lần đầu tiên tôi được sờ vào gấm. Mát rượi. Êm ái. "Cái gì thế anh?" – "Cỏ đấy!"- "Cỏ gì?" – "Cỏ của đàn bà". Tôi cầm lên. Túi nào cũng ghi các ký hiệu. "Th – CB"; "S – TH"; "H – HVL"… Anh giải thích: "Đây là của cô Thanh, bán cá bống khô; còn cái này là của cô Sương, bán tạp hóa; cái này là của cô Hà – bán hột vịt lộn"; còn đây là của cô Rơ Chăm H'Ben, người J'rai, ở Đức Cơ…"

Mỗi cái túi chứa đựng một câu chuyện tình. Chuyện nào cũng mùi mẫn. Như chuyện cô Sương bên cầu Bà Rén. Dạo mới làm quen, anh ghé nhà cô Sương, ở qua đêm. Cậu con trai chừng 16 tuổi của cô, tên Tiến, rất tức giận. Đêm nào Tiến

cũng đi đi lại lại trong nhà, nghiến răng hàng chục lần: "Tao sẽ giết chết mày!" Cô Sương lo lắm. Nhưng không biết nói với con thế nào. Anh Kiên hiểu. Anh kể cho cô nghe chuyện "Ơ-đip làm vua". Rồi giải thích, tâm lý các cậu trai, tuổi dậy thì, thường yêu chính mẹ mình. Rồi anh tìm cách tiếp cận Tiến. Ngày nghỉ, anh rủ Tiến đi chơi. Ngồi trên cabin, anh đưa Tiến vào Nha Trang. Tắm biển. Nhậu hải sản. Ban đêm, hai người đi dạo trên bãi cát. Anh lại kể cho Tiến chuyện ông vua Ơ-đip. Rồi chia sẻ những tình cảm của chính anh, hồi trẻ, cũng yêu mẹ mình ra sao. Lúc đầu, Tiến hờ hững nghe. Nhưng về sau, nó chăm chú dần. Anh lại kể cho Tiến chuyện cổ tích Nhật Bản về sự tích chòm sao Đại Hùng Tinh. Một bà mẹ Nhật, có bảy con trai. Nhưng đêm đêm bà vẫn lội qua sông lạnh giá, đến với người tình. Bảy cậu con trai thương mẹ. Lớn lên, đi làm, chúng đều tiết kiệm một món tiền. Về góp lại, làm cây cầu hình chòm sao để mẹ qua sông. Thằng Tiến cảm động. Nó thương mẹ hơn. Và nó gọi Kiên bằng ba đàng hoàng. Tốt nghiệp phổ thông. Nó thi trường luật. Nhưng tốt nghiệp, làm nhà báo.

Rồi chuyện cô Rơ Chăm H'Ben. Dạo Trung đoàn đóng ở Đức Cơ, mấy lần qua thị trấn Chư Ty, Kiên thường thấy người phụ nữ trong trang phục dân tộc, âm thầm đi dưới nắng. Anh toàn đi ngược chiều. Một hôm, trời mưa, lại thấy cô ấy cặm cụi bước. Đầu tóc ướt. Quần áo ướt. Kiên đánh xe quay lại. Dừng bên cô, anh hỏi: "Chị về đâu? Lên xe!". Không ngờ, cô ấy mỉm cười, gật đầu, cảm ơn luôn. Từ Chư Ty về nhà cô ấy hơn mười cây số. Hai đứa con còn nhỏ. Đứa lớn, con gái, chín tuổi, ở nhà nấu cơm. Cậu em trai, sáu tuổi, vừa về, trên vai cõng gùi củi rừng. Nước mưa rơi từ đầu xuống chân. Hỏi thăm chồng, H'Ben nói, chồng cô trước là sĩ quan quân đội Sài Gòn, đang học tập cải tạo tại trại Suối Máu, dưới Đồng Nai.

Kiên se lòng khi thấy chuồng heo và chuồng vịt ở ngay cạnh nhà. Mùi xú uế khó chịu. Ít ngày sau, Kiên dẫn hai anh lính đến nhà H'Ben. Họ chuyển chuồng gia súc ra xa. Làm nhà vệ sinh cẩn thận. Cái nhà sàn cũng được gia cố vững chắc hơn.

Trong năm đầu, Kiên còn chở H'Ben đi thăm nuôi chồng. Anh cũng giúp cô chút đỉnh tiền nong và quà cáp. Thuốc lá, bật lửa, xà phòng, dầu gió… là những thứ mà người chồng luôn cần. Kiên kiếm giúp H'Ben. Nhưng năm sau, chồng H'Ben chết. Lúc đi đốn gỗ, anh bị cây rừng đè. Biết H'Ben buồn, Kiên tìm cách đưa cô thoát khỏi cuộc sống hiện tại. Có người bạn cùng Trung đoàn, sau khi giải ngũ, về làm cán bộ ở thị xã Pleiku. Nhờ đồng đội chỉ dẫn, thêm ít tiền, Kiên mua một mảnh đất, dựng ngôi nhà nhỏ. Anh đưa mẹ con H'Ben từ thôn ra thị xã. Rồi anh bày cách cho mẹ con H'Ben bán nước giải khát, thu mua sắt vụn… Cuộc sống khấm khá dần.

Cuộc tình nào của Kiên cũng giống nhau một điểm. Khi chia tay, anh đều muốn xin mỗi người tình một "nhúm cỏ" để làm gối. Chiến tranh biên giới Tây Nam sắp xảy ra. Trung đoàn nhích dần về đường biên. Người phụ nữ nào cũng thương yêu anh. Yêu cầu của Kiên đặt ra, đối với họ, vừa kỳ khôi, vừa thú vị. Cô nào cũng sẵn lòng. Và anh cất giữ kỷ vật tình yêu như kho báu dưới ba lô.

Và có một điểm chung nữa trong những cuộc tình của Kiên: không người phụ nữ nào nói xấu anh. Họ có thể tiếc nuối khi anh không thể sống cùng họ đến cuối đời, nhưng họ hiểu anh và chấp nhận cuộc sống thực tại. Anh vẫn thường viết thư cho H'Ben, cho Sương, cho Thanh… H'Ben đã có chồng. Thanh cũng thế. Sương cũng vậy. Nhưng họ đều nhớ đến Kiên. Anh đã thay đổi cuộc sống của họ. Anh đã truyền sang họ ngọn lửa trái tim, ngọn lửa yêu đời, ngọn lửa hy vọng vào những điều tốt đẹp.

Chiếc gối đặc biệt đó, Kiên mang theo mình suốt đời. Hơn mười năm chinh chiến trên đất nước Campuchia, đêm nào anh cũng gối đầu lên chiếc gối đó. Chiếc gối làm bằng cỏ. Những loài cỏ tình. Mỗi loài mang hương vị khác nhau, nhưng đều nồng lên một mùi chung. Mùi đàn bà. Cái mùi khan hiếm. đưa anh vào giấc ngủ bồng bềnh.

- Anh Kiên, sao anh hạnh phúc vậy? - Tôi hỏi.

- Khi quan hệ với phụ nữ, các ông luôn bất hạnh. Vì sao? Vì các ông tính toán nhiều quá! Với phụ nữ, các ông chỉ được quyền cho. Không được quyền nhận. Và khi cho họ, các ông không được phép cân nhắc. Hoàn toàn vô tư. Không bao giờ được nghĩ khi nào họ trả lại. Dù mình không có gì, cũng phải đi vay mượn để giúp họ. Bởi khi quan hệ với mình, có thể phía phụ nữ, họ mong được cái này, cái nọ. Điều đó mình nên hiểu. Và cần đáp ứng. Đừng bao giờ đặt mục đích quan hệ tình dục lên hàng đầu. Đừng bao giờ vội. Đừng gây cảm giác khó chịu cho họ. Luôn hết lòng vì họ. Hết lòng như đối với chính cha mẹ mình. Và khi tạm biệt họ, các ông hãy trút hết cho họ đến đồng xu cuối cùng. Ra đi người không. Ông sẽ luôn cảm thấy nhẹ nhàng trong tâm hồn. Và vừa đi vừa huýt sáo.

Anh Kiên bỗng huýt sáo một bản nhạc vui. Tiếng huýt sáo tròn và dài, vang vọng. Giai điệu đẹp như tiếng chim buổi sáng. Tôi cảm thấy anh như chú chim đang sải cánh bay trên đường. Những nẻo đường xa xôi đầy yêu dấu.

Trung đoàn tôi, một Trung đoàn anh hùng. Có rất nhiều người đánh giặc giỏi. Nhưng yêu giỏi, tôi tin, chắc chỉ mỗi anh Kiên. Anh phải là thủ lĩnh Trung đoàn về chuyện tình ái.

- Sao anh lại bỏ vợ hai lần?

- Tôi bỏ lần đầu là trước chiến tranh Biên giới. Thú thực là tôi không có tình yêu. Tôi cưới chỉ để làm cho cha mẹ yên lòng. Tôi có lỗi vì đã lừa dối cô ấy. Nhưng tôi phải nói thực. Típ người như cô ấy không hợp với tôi. Còn gì tội lỗi hơn khi làm tình mà không có tình yêu? Khi tôi nói ra điều này, cô ấy bị sốc. Nhưng dần dần, cô ấy hiểu. Rồi cô ấy cũng gặp người yêu của mình. Khi chúng tôi gặp lại nhau, cô ấy cười rất vui. Lại còn phong cho tôi chức sư phụ nữa chứ!

- Thế còn cô thứ hai?

- Cô ấy lấy chồng mà không hiểu gì về tình yêu, về đàn ông. Cứ thích sở hữu tôi như đồ vật riêng. Sau khi thoát khỏi cô ấy, tôi cứ muốn mở lớp dạy về nghệ thuật làm vợ, làm chồng. Nhiều nơi có thể đến để đăng ký kết hôn, nhưng chẳng chỗ nào hướng dẫn người ta làm vợ, làm chồng, làm cha, làm mẹ. Cho nên, gia đình mãi mãi là bi kịch với người Việt.

- Có phải gia đình nào cũng giống nhau đâu.

- Nhưng ít ra, nó phải có những nền tảng chung, nguyên tắc chung. Đó là lòng tốt. Đó là sự thương yêu chân thành. Dù lòng tốt có bị lợi dụng. Dù sự chân thành có bị phản bội. Nhưng hãy cứ thử lần nữa. Yêu lần nữa, sẽ thấy vẻ đẹp chiều sâu của tình cảm.

- Sao anh không yêu lại bà cả?

- Mình chưa kịp thì cô ấy đã có tình yêu mới rồi. Chồng mới của cô ấy cũng đến nhà mình uống rượu. Cả ba rất vui. Con chung của mình với cô ấy đang học dưới Hà Nội, cũng dẫn người yêu về. Tưng bừng hết nhẽ!

- Còn bà thứ hai?

- Trước khi chia tay, mình tặng cô ấy truyện cổ tích "Đười ươi giữ ống". Đười ươi là giống to khỏe, ăn thịt người. Ngày trước, khi đi rừng, người ta thường lồng vào tay hai ống tre.

Gặp người, đười ươi lao đến. Người ta chìa hai tay ra. Đười ươi cầm hai ống tre, rút mạnh. Ngỡ bắt được người. Nó ngửa mặt lên trời, cười tít mắt. Chờ đến tối mới chén. Nhưng thực ra, nó chỉ tóm được hai ống điếu. Nhưng khi đọc chuyện, cô ấy lại lên cơn khùng. Cho rằng mình ám chỉ cô ấy là đười ươi. Cô ấy kết một chàng trai trẻ. Anh ta đến nhà mình, mang theo hung khí. Mình mời anh ta ra quán. Nói chuyện vui. Ông biết thế nào không? Khi về, mặt cũng đỏ. Nhưng cười toe toét. Thỉnh thoảng họ cãi nhau, anh ta lại đến chỗ mình tâm sự.

- Anh em đồn là anh quyết chinh phục được 54 phụ nữ thuộc 54 dân tộc trên đất nước Việt Nam?

- Cái mục đích ấy quá tầm thường. Một người đàn ông, trong đời, yêu 54 người, hãy còn ít. Phải gấp đôi, gấp ba số ấy. Nhưng điều quan trọng nhất là, mình mang lại cho họ cái gì, ngoài chuyện ngủ ngáy?

- Cụ thể thế nào? Ông anh triết lý nhiều quá!

- Năm 1986, sau khi bị thương, mình được Sư đoàn cho về Sài Gòn điều trị tiếp. Có một cô gái Khmer, tên là Thạch Thị San, quê Sóc Trăng, vào viện thăm người em trai nằm cùng phòng mình. Anh ấy cũng bị thương. Mình hỏi: "Từ Sài Gòn về Sóc Trăng bao xa?" – Cô ấy trả lời: "Hơn hai trăm cây à anh". Mình nghĩ đến chuyện thân gái dặm trường. Lại chưa biết miền Tây là gì. Mình ngỏ ý xin đi cùng. Cô ấy không tin. Nhưng mình nhảy xuống. Cởi áo bệnh nhân. Khoác quân phục, đeo ba lô. Ba giờ sáng, ra bến xe miền Tây, đón xe về Sóc Trăng. Các ông biết Sóc Trăng nghĩa là gì không? "Sóc" gốc từ tiếng Khmer là "Srok", có nghĩa là xứ sở, vùng miền. Còn "Trăng" cũng từ tiếng Khmer là "Kh'leang" nghĩa là "kho chứa vàng bạc". Vì vậy, "Srok Kh'leang" được gọi là "Sóc Trăng".

Ở đấy mấy ngày, mình phát hiện một điều, cán bộ xã đối xử với dân tệ quá. Khi mình đến, bố cô ấy đang nằm viện vì chuyện rắc rối về đất đai liên quan tới cán bộ xã. Nghĩ cách nào để trị mấy tay cán bộ này bây giờ? Mình mua tờ *Sài Gòn giải phóng*, giả làm cán bộ của báo. Đến trụ sở xã, mình yêu cầu gặp lãnh đạo. Mình dọa cho một hồi. Mà không phải dọa suông. Mình biết, Trung đoàn có nhà thơ Lê Minh Quốc, đang làm báo ở Sài Gòn, quen biết rộng. Có điểm tựa ấy, mình mới có giọng Trung ương, mặt Thành phố, dọa bọn cường hào mới ở nông thôn chứ. Đầu tiên, bắt tụi nó phải vô viện, xin lỗi ông già. Rồi đền bù tiền thuốc men. Sau nữa, đặt lại bờ ruộng như cũ. Còn mấy thằng đánh ông già, mình đề nghị báo công an huyện xuống làm việc. Xanh mắt mèo hết cả. Ông biết không, từ đó, gia đình cô San dễ sống hẳn.

- Thế còn chuyện tình với cô San?

- Khỏi cần nói. Ông già bảo mình: "Tui cho anh con San nhà tui đó!" Mình chỉ cười, cảm ơn ổng. Mình thấy cô San đi chợ bán chuối nướng, nghèo quá! Đi dạo chợ Sóc Trăng, mình thấy cá cảnh ở đây bán rất đắt nếu so với Sài Gòn. Mình rủ cô San đi mua cá cảnh trên Sài Gòn, về bán sỉ cho các hàng cá ở đây. Mấy chuyến đầu, chuyến nào cũng có lãi. Sau quen dần, việc buôn bán nhẹ nhàng hơn. Cô ấy cứ đặt, người ở Sài Gòn đóng hàng vào thùng. Thuê xe đò chở về. Cá còn sống, tươi nguyên. Giao cho các kios. Thỉnh thoảng mới lên Sài Gòn giải quyết việc cần. Mình lại học được tiếng Khmer nhiều hơn. Đấy, yêu đương là phải thế! À, chuyện thằng Sùng Sái Lếnh thế nào? Chân đã khỏi chưa?

- Khỏi rồi. Bọn em mới đi thăm.

- Chúng mày thấy điều gì không?

- Bọn em lướt qua thôi. Đâu được như anh.

- Thằng Cương ít giao thiệp với thằng Lếnh lắm. Thằng Lếnh chỉ chơi với thằng Triệu Tài Phâu, người Dao ở Điện Biên. Thằng Phâu bên công binh. Nhưng nó chết rồi.

- Anh em đồn rằng anh là người đánh trăm trận trăm thắng. Tán đâu được đấy. Có bao giờ anh thất bại chưa?

- Thất bại chứ. Như dạo mình đi Mường Nhé. Mình đến một bản sâu hút trong rừng. Mấy ông già, bà già thấy mình phóng Honda vào, lạ lắm! Các ông bà đòi mình cho ngồi thử. Mình mời từng cụ một, lên xe, phóng đi khắp bản, vào cả trong rừng. Ai cũng sướng tít cả mắt. Có ông già cầm tay mình: "Thế là tôi yên tâm nhắm mắt được rồi!". Nhưng trong bản vừa xảy ra chuyện buồn. Anh Trưởng thôn Thào A Pó ngoại tình với cô Lù Thị Pán. Vợ anh Pó là Giàng Thị Dề bắt được quả tang. Cô Dề bắt cô Pán phải làm bữa cơm thết cả bản để xin lỗi và bị phạt 90 triệu đồng. Cô Pán mới sinh con đầu lòng được 6 tháng. Chồng vừa bị bắt vì buôn ma túy. Cô Pán lấy tiền đâu? Mình gặp bộ đội biên phòng. Các anh ấy cùng mình gặp cô Dề khuyên nhủ, đề nghị không phạt nữa. Đi đi lại lại cả tháng trời. Cuối cùng cô Dề cũng xuôi. Nhưng mình không chú ý đến cô Pán. Cứ nghĩ làm công tác tư tưởng cho cô Dề là xong. Ngay khi cô Dề đồng ý, mình đến gặp cô Pán. Định báo tin vui. Nhưng đến nhà không thấy. Mình cùng mọi người đi tìm. Thì ra cô Pán đã ăn lá ngón tự tử trong rừng.

Cô Pán xinh lắm. Năm trước, vào bản chơi, nghỉ lại. Giữa đêm, cô Pán lên cơn đau ruột thừa. May có cái xe máy. Mình chở hai vợ chồng cô ấy xuống bệnh viện huyện. Đi trong đêm, 60 kilomet. Đường núi. Mấy lần suýt ngã. May cứu được. Anh chồng cũng hiền lành lắm. Không hiểu sao lại dính vào ma túy. Án tử. Hết đường về quê mẹ. Nghe chuyện buồn, mình lên thăm. An ủi Pán nhiều lắm. Cô ấy cứ gục đầu vào lòng mình mà khóc. Cuối cùng, không ngờ cô ấy chọn cái chết.

Lòng tự trọng của phụ nữ H'Mông làm mình cảm phục. Còn cậu bé, con của cô Pán, mới sáu tháng tuổi, mình xin nhận về nuôi. Đấy, nó đấy. Lên mười rồi. Mình nhớ lời hứa với anh lính Pol Pot cứu mình, đặt tên con là Hoàng Kiên Bua Thông.

Tôi nhìn cậu bé. Người dong dỏng. Trán cao và dô. Mắt sắc. Gương mặt cương nghị.

- Cháu có thích cái tên của mình không?

- Thích chứ!

- Vì sao?

- Vì nó không lẫn với tên người khác. Nghe bố cháu kể, tên cháu có lịch sử. Cháu càng thích hơn!

Chúng tôi ra ngoài sân, ngắm cơ ngơi của anh Kiên. Vườn chuối, luống rau, bụi hồng… Ngọn núi sau nhà uy nghi như tinh thần ông chủ. Lại vào nhà. Giờ tôi được tự do khám phá.

- Anh Kiên, những túi gấm có bổ sung thêm không?

- Sao lại không? Giấc ngủ của mình có yên, có sâu hay không là nhờ những túi cỏ ấy! - Anh cười rất tươi.

Tôi lục đầu giường. Ngoài những túi gấm, còn thêm những túi thổ cẩm. Bên ngoài là những dòng chữ rõ ràng, không phải viết tắt như ngày trước nữa. Tôi đọc lên những cái tên phụ nữ người Pu Péo, Lô Lô, Pa Dí, Mạ, Lự… Tôi xuống giúp anh làm bếp. Vừa vớt gà luộc trong nồi, anh vừa giảng giải: "Những cái túi đó nhắc mình một điều, phải luôn yêu thương và trân trọng phụ nữ. Những mối tình càng cũ, càng phải giữ gìn. Tháng nào tôi cũng đón những người tình cũ dắt con về thăm. Có khi các bà gặp nhau, kết nghĩa chị em. Vui lắm! Đánh giá một người đàn ông không phải chuyện anh ta có bao nhiêu tiền, có những chức tước gì mà chỉ cần xem anh ta đối xử với phụ nữ thế nào. Về nhà tôi, bao nhiêu Sư đoàn trưởng, Trung đoàn

trưởng, chiến công đầy mình, huân huy chương đeo trĩu áo… Nhưng các ông ấy thấy tôi gói những bọc quà, gửi bà này cái áo len, bà kia cái áo dài, bà nữa cái vòng cổ, thậm chí có bà còn nhận cả bộ xoong nồi v.v… Các ông ấy thèm lắm. Nghĩ về mình ít thôi. Nghĩ về họ, đặt mình vào vị trí của họ để suy nghĩ như họ, thấy rất nhiều việc nên làm. Ông nghiệm mà xem, chỉ khi nào phụ nữ hài lòng, cuộc đời mình mới có ý nghĩa".

11.
CHUYỆN Ở KAMPONG SPEU

Nhà sư Som Manbun chừng bốn chục tuổi, trụ trì một ngôi chùa ở tỉnh Kampong Speu. Ông đón nhà sư Phteah Saniphap về nhà chơi. Trên đường đi, nhà sư Som Manbun kể lại những nỗi thống khổ của các nhà sư Khmer dưới chế độ Pol Pot.

"Người dân Campuchia rất sùng đạo Phật. Hầu như chỗ nào cũng có chùa. Ngôi chùa gần gũi với mỗi gia đình. Trẻ con được đi học ở chùa. Các nhà sư dạy họ giáo lý đạo Phật. Ngôi chùa nào cũng đều có công quỹ để giúp đỡ người nghèo, người cô đơn, người đau ốm. Nhưng Pol Pot, một kẻ vô thần, đã coi tôn giáo như lực lượng kìm hãm chủ nghĩa xã hội theo kiểu của ông ta. Ông ta ra lệnh cho binh lính phá nát hàng ngàn ngôi chùa. Những ngôi chùa có kiến trúc vững chắc được dùng làm nơi tra tấn. Thậm chí, nhiều ngôi chùa bị dùng làm chuồng heo, chuồng gà.

Các nhà sư bị cho là những kẻ ăn bám. Hàng chục nghìn nhà sư bị hành quyết. Những người sống sót bị đưa về nông thôn, phải lao động khổ sai. Nhiều người chết vì lao lực. Đặc biệt, bọn Angkar còn nghĩ ra cách làm nhục các nhà sư.

Họ làm thịt chó, bắt chúng tôi ăn. Lại bắt cả uống rượu nữa. Lúc hứng lên, họ còn bắt chúng tôi đốt kinh Phật. Nhiều người không chịu nổi, đã tự vẫn. Nhưng tôi tự nhủ, các quyển kinh đó có trong đầu mình cả. Mình vừa làm vừa khấn Phật. Xin lỗi và cầu phù hộ. Tôi làm tất cả. Miễn là mình còn sống. Tôi tin sẽ có ngày trở về để phục hồi. Sư Som Manbun nghẹn giọng.

Nhưng chùa ở nước tôi nghèo lắm. Để đảm bảo cuộc sống hàng ngày của các sư, đôi lúc phải sửa chữa, tu bổ, chúng tôi phải mở dịch vụ hỏa táng tại chùa. Người dân đóng góp cho nhà chùa một khoản nhất định. Nếu nhà giàu thì tiền đóng góp nhiều hơn. Nhưng cũng có nhiều lời ra tiếng vào. Bởi họ nói chùa là nơi giảng giáo lý chứ đâu phải là nơi hỏa thiêu. Có ngày chúng tôi phải hỏa thiêu ba – bốn xác chết. Nếu xác chết nào chết vì sốc ma túy hay bị tai nạn giao thông, vô thừa nhận, thì chúng tôi làm phúc".

Nhà sư Som Manbun có người cha, năm nay đã hơn tám mươi tuổi. Ông cứ đòi nhà sư phải tìm và đưa nhà sư Phteah Saniphap về nhà để làm lễ cầu siêu cho con trai cả của ông là Som Khame. Anh này là lính trong quân đội Pol Pot nhưng lại bị chính đồng đội giết. May mà xác anh được đưa về đến nhà, chôn sau vườn.

Som Khame đi lính năm 1974. Anh ta tin rằng, Khmer Đỏ chống Mỹ, cứu nước Campuchia. Vì vậy, anh ta rất trung thành với chế độ.

Som Khame là lính đặc công thuộc Quân khu Đông Bắc. Những năm 1976 - 1977, đơn vị của anh ta hoạt động dọc tuyến biên giới Campuchia – Việt Nam. Som Khame cùng đồng đội gài mìn, đánh tập kích các đơn vị bộ đội Việt Nam. Cấp trên ra lệnh, khi bắt được tù binh Việt Nam, phải tiêu diệt ngay.

Bọn Angkar còn tuyên bố lính Khmer Đỏ, nếu bị phía Việt Nam bắt, sẽ bị chặt đầu, mổ bụng. Vì vậy, đơn vị của Som Khame đã thâm nhập vào biên giới Việt Nam. Họ giết bất cứ ai mà họ nhìn thấy. Họ đốt bất cứ thứ gì trước mặt.

Nhưng vào một ngày đầu mùa khô năm 1977, một đơn vị khác từ Quân khu Tây Nam xuất hiện. Họ xưng là đơn vị đặc biệt, thay thế đơn vị đặc công. Som Khame cùng đồng đội được về Thủ đô Phnôm Pênh để tập huấn.

Họ lên xe. Nhưng chiếc xe lại rẽ về một công xã. Som Khame cùng đồng đội bị đẩy xuống làm nông dân. Hàng ngày, họ đi cày, gánh đất… Som Khame cảm thấy có điều gì bất an trong toàn quân. Và anh ta biết mình đang bị lừa.

Nhưng trốn đi đằng nào?

Chưa kịp suy nghĩ thấu đáo thì Som Khame và mấy chục đồng đội đã bị bắt. Nhiều người bị bắn ngay tại chỗ. Som Khame bị đưa đi thẩm vấn. Chom Chây, người đại diện Angkar hỏi: "Mày là gián điệp của Việt Nam hả?" – "Không. Tôi chỉ là một người lính" – "Chúng tao biết rồi. Mày có bà ngoại là người Việt Nam. Thân thể mày là người Khmer, nhưng trong đầu mày chứa tư tưởng của người Việt". Som Khame hỏi lại: "Tư tưởng người Việt là gì?" – "Mày làm bộ không hiểu hả?". Chom Chây lấy báng súng đập như giã gạo lên đầu Som Khame.

Chiều tối, Chom Chây bắt Som Khame cùng hai chục người khác cởi bỏ quân phục. Đêm đó, họ bị trói chặt, nhốt trong căn nhà hoang. Một số người bỏ trốn. Họ bị lính gác bắn chết tại chỗ. Sau đó, Chom Chây dẫn họ đi. Cứ bốn người một dây trói. Vào rừng, chúng bắt họ ngồi xuống. Rồi xả đạn. Nhóm của Som Khame ngồi gần đó, nghe rõ tiếng la hét của những người bị hành quyết. Dù tay rướm máu, nhưng Som

Khame vẫn cố cởi trói. Cởi cho mình và ba người còn lại. Họ lao vào bóng đêm. Lính gác phát hiện, nổ súng xối xả. Một người gục xuống. Người khác bị thương. Som Khame cùng người bạn nhảy bừa xuống sông. Đạn nổ trên đầu. Họ lặn sâu rồi bơi vào bờ.

Họ nhằm hướng Việt Nam mà đi. Nhưng đến gần trưa, lại bị lính Pol Pot phát hiện. Những đường đạn lại xé gió bay quanh. Hết nằm lại bò. Hết nấp gốc cây lại nhảy xuống suối. Hết chạy vòng vèo lại nấp sau các ụ mối. Đêm phải kiếm lá khô vun lại làm chỗ ngủ. Người bạn cùng chạy với anh bị lạc. Hôm sau Som Khame mới gặp bộ đội Việt Nam.

Nhìn dáng người đầy bùn đất của Som, bộ đội Việt Nam biết ngay anh đến đây làm gì. Sau ít ngày hồi sức, bộ đội Việt Nam đưa anh đến một đơn vị của Quân đội Heng Samrin. Anh cùng đơn vị mới trở về quê hương, chiến đấu chống bọn diệt chủng.

Trong một lần đụng độ với lính Pol Pot ở Phnom Malai, đơn vị của Som Khame bắt được một toán tù binh trong núi. Som Khame nhận ra Chom Chây. Anh muốn xử bắn nó tại trận. Chom Chây chắp tay xin tha mạng. Cùng lúc đó, bộ đội Việt Nam không cho phép bắn tù binh. Họ dẫn Chom Chây đi, giao cho Tỉnh đội Battam Bang.

Mấy năm sau, Som Khame được cử đi tập huấn ở Phnôm Pênh. Anh bất ngờ nhận ra, giáo viên giảng bài lại chính là Chom Chây. Nhưng giờ Chom Chây mang tên khác là Keo Thuon. Anh ta đeo quân hàm đại tá hẳn hoi.

Som Khame chưa kịp tố cáo lai lịch của Keo Thuon với cấp trên thì tối hôm đó, về phòng khách sạn, anh được hai bác sĩ đến kiểm tra sức khỏe. Họ đo huyết áp và tiêm thuốc bổ cho anh. Đêm đó, anh cảm thấy khó thở rồi từ từ chìm sâu vào hôn mê.

Sáng hôm sau, anh không dậy được nữa.

Một chiếc xe đưa xác anh về quê nhà.

Nhà sư Som Manbun biết anh mình bị đầu độc, nhưng không biết kêu ai. Không có chứng cớ.

Sư Som Manbun chỉ thuần túy là nhà sư. Ông muốn đi học về giáo lý Phật giáo ở Myanma nhưng chưa có kinh phí. Ông muốn nhà sư Phteah Saniphap về nhà làm lễ cầu siêu cho anh trai mình. Người cha Som Him cũng muốn thế.

Nhà ông Som Him nằm bên suối. Dọc suối là những vườn chuối kéo dài hàng cây số. Suối đá, nước trong quanh năm. Khi nhà sư Phteah Saniphap đến, ông Som Him mời khách bữa cơm. Đêm ấy, nhà sư nghỉ lại cùng ông Som Him. Ông Som Him có dáng người cao, gương mặt cởi mở. Đặc biệt, ông có nụ cười rất hiền. Không hiểu sao, mới gặp ông lần đầu mà nhà sư đã cảm thấy rất gần gũi. Ông Som Him cũng vậy. Sau bữa cơm, họ ăn chuối, uống trà. Câu chuyện giữa họ kéo dài suốt đêm. Ông Som Him kể:

- Trước đây, tôi làm việc ở Phnôm Pênh. Tôi là chuyên viên của Bộ Y tế. Từng tháp tùng các quan chức cao cấp, kể cả ngài Hoàng thân Norodom Sihanouk lẫn tướng Lon Nol đi công tác. Nhưng tôi nhận thấy tình hình phức tạp quá nên xin về nghỉ sớm.

- Phức tạp thế nào, thưa ông?

- Những năm 1960, Hoàng thân Sihanouk rất thân với Trung Quốc và Việt Nam. Khi đó, quan hệ giữaTrung Quốc và Liên Xô căng thẳng. Viện trợ của Liên Xô khó đến Việt Nam. Chính Hoàng thân đã cho Việt Nam Dân chủ cộng hòa mượn

cảng Sihanoukville để tàu Liên Xô viện trợ vũ khí, lương thực cho Việt Nam cập bến. Hai bên thân nhau đến mức, năm 1965, Sihanouk còn quyết định cắt đứt quan hệ ngoại giao với Mỹ. Tôi cảm thấy không nên. Nhưng tôi không dám nói. Đến năm 1970 thì ông Lon Nol, khi đó là Thủ tướng, làm đảo chính lật đổ Hoàng thân Sihanouk. Khi ông Lon Nol đàn áp người biểu tình thì tôi xin nghỉ, về đây.

- Dạo đó, tôi cũng nghe tin đảo chính. Phía Việt Nam lên án Lon Nol nhiều lắm. Nhưng tôi chỉ biết, ông ấy thân Mỹ…

- Ông Lon Nol quê ở tỉnh Pray Veng. Là người Khmer lai Hoa. Lúc nhỏ, ông ấy cũng qua Sài Gòn, học trung học. Sau đó, về Phnôm Pênh, học trường Quân sự Hoàng gia. Ông ấy phản đối việc cắt quan hệ ngoại giao với Mỹ. Và khi ông Sihanouk ra nước ngoài, ông ấy đảo chính luôn. Nhưng tôi không thích cách ứng xử của ông ấy.

- Cụ thể như thế nào thưa ông?

- Làm đảo chính rồi nhưng ông ta vẫn sợ Hoàng thân Sihanouk. Thậm chí ông ta còn đến cung điện Hoàng gia, quỳ trước Thái hậu Sisowath Kossamak là mẹ của Sihanouk xin tha thứ. Tôi không hiểu ra sao. Ông ấy chẳng có tài cán gì. Toàn dựa vào viện trợ của Mỹ.

- Và ghét Việt Nam?

- Đúng rồi. Vừa nắm quyền, ông ta đóng ngay cảng Sihanoukville. Cấm tàu Liên Xô vào. Ra lệnh đuổi kiều dân Việt Nam về nước. Tôi biết, nhưng không dám nói.

- Còn trong nước thì sao?

- Dân chúng biểu tình ủng hộ Sihanouk thì ông ấy cho lính đàn áp. Nhiều người chết lắm… Lon Nol có nước da ngăm đen nên ông ta lấy mình làm chuẩn cho tất cả người Khmer. Cứ ai có nước da ngăm đen mới là người Khmer chính gốc.

Trong khi đó, ở Campuchia còn có người Khmer gốc Chàm, gốc Hoa, người Cuôi v.v… Tư tưởng kỳ thị dân tộc của Pol Pot cũng có phần giống Lon Nol. Bản thân gia đình tôi cũng có bốn người bị Pol Pot giết.

- Kể cả anh Som Khame?

- Vâng. Tất cả bốn người. Nhưng dưới thời Pol Pot, người gốc Việt, người gốc Chàm, người gốc Hoa bị giết nhiều nhất. Mấy đứa con tôi bị giết vì có nước da hơi trắng. Chúng nghi không phải chủng tộc Khmer. Pol Pot cũng như Lon Nol đều có khát khao xây dựng một nước Campuchia toàn người Khmer thuần chủng. Lon Nol còn kêu gọi thành lập Nhà nước Đại Khmer, bao gồm cả người Khmer ở Thái Lan và Việt Nam. Pol Pot cũng vậy.

- Những kẻ độc tài thường hay hoang tưởng…

- Đúng. Tôi thấy Lon Nol và Pol Pot đều giống nhau ở điểm này. Nhưng hai ông này cũng còn có điểm nữa giống nhau.

- Cụ thể là gì vậy?

- Đó là cái máu dân tộc cực đoan. Tôi nghĩ, dân tộc Khmer có lịch sử ngàn năm. Có khu đền Angkor hùng vĩ. Nhưng tôi nghĩ, để xây được Angkor, bên cạnh công sức của người Khmer là chủ yếu, còn có công sức của người Cuôi, người Khmer gốc Lào, gốc Chăm, gốc Hoa v.v… Ngay cả Lon Nol và Pol Pot cũng có phải là người thuần Khmer đâu. Họ đều có nguồn gốc là người Hoa. Người Campuchia thuần chủng đâu có. Người Khmer là dân tộc có nét pha trộn với người Ấn Độ, người Mã Lai, người Hoa… Nhưng để đạt được mục đích của mình, họ kích động máu dân tộc cực đoan nổi lên, tiêu diệt dân tộc khác.

- Tại sao họ tàn ác vậy?

- Tôi nghĩ vì họ sợ hãi. Tàn ác là sự biểu hiện của sợ hãi. Trước đây, người Khmer sợ người Thái Lan. Xây dựng

xong Angkor, bị người Thái chiếm, các vị vua phải rút về Phnôm Pênh. Về đó, họ lại gặp nỗi sợ khác. Sợ bị người Việt tiến đánh. Trong thâm tâm, họ luôn bị ám ảnh bởi số phận của vương quốc Champa. Vì vậy, họ tàn sát người Việt, người Chăm, người Hoa…

- Từ thời Lon Nol?

- Đúng. Tôi thấy Lon Nol cũng chỉ là một ông lính tầm thường. Lên nắm quyền, ông ta ra lệnh đuổi người Việt về nước. Dạo đó, tôi có tham gia việc này. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa mang quân sang đón người Việt. Đi bằng xe tải, máy bay, thuyền v.v… Chúng tôi vừa đuổi vừa bắn giết. Chết cũng vài ngàn người. Đuổi xong rồi, ông Lon Nol sống hoàn toàn bằng viện trợ của người Mỹ. Ông ta tham nhũng và mê tín dữ lắm, chẳng biết thuộc hạ làm gì…

- Bây giờ tôi mới nghe đấy!

- Quân đội Lon Nol ô hợp lắm! Chúng tôi thường gọi đó là đội quân ma. Vì sao? Vì trong các đơn vị, danh sách "lính ma" rất nhiều. "Lính ma" là những người có tên nhưng không có thật. Chỉ huy khai ra để nhận lương bổng của những người lính này. Hơn nữa, tiền lương của lính Lon Nol không nhiều nên họ thường mang cả vợ con, thậm chí cả cha mẹ già đi theo. Vậy thì còn đánh đấm gì nữa? Tôi còn thấy lính Lon Nol rất mê tín, đeo bùa đầy người. Chính Lon Nol cũng mê tín lắm. Ông ta luôn cầu Phật. Những ngày cuối cùng của chế độ, ông ta không nghe ai, không nói chuyện với ai. Quanh ông ta toàn một lũ thầy bói, thầy tướng, thầy tử vi… Đầu năm 1975, ông ta còn nghe theo lời khuyên của một ông thầy bói người Hoa, rắc cát thành một vòng tròn quanh thủ đô Phnôm Pênh làm bùa ngải để ngăn quân Khmer Đỏ. Đó là câu chuyện tức cười nhưng có thật.

Lính Pol Pot thiện chiến hơn. Nhưng dân chúng Campuchia không biết Khmer Đỏ là ai. Cái tên này do ông Sihanouk đặt cho. Còn dân chúng thấy họ hoạt động ở rừng núi thì gọi là "peap prey" nghĩa như lục lâm thảo khấu. Khi chính quyền Lon Nol yêu cầu người Việt Nam phải về nước thì Khmer Đỏ lại lợi dụng ngay chính sách này. Khmer Đỏ mặc sức giết những người mà họ nghi ngờ. Những cán bộ và chiến binh được huấn luyện ở Việt Nam đều bị giết. Cả dân chúng nữa. Nhiều người Chàm, người Việt… đều bị lôi ra rừng, xử bắn tại chỗ. Họ không xét xử. Thậm chí, những người trong chính quyền Lon Nol ở Phnôm Pênh cũng bị bắn giết. Tội ác của Khmer Đỏ như tai họa khủng khiếp ập xuống đầu dân tộc Khmer. Không có lực lượng hay thần thánh nào ngăn được.

Ngày ngày, tôi nhìn thấy bao cảnh đau thương. Đêm đêm, tôi nhìn lên trời. Tôi tự hỏi: Hỡi các đấng linh thiêng, dân tộc Khmer đã phạm những tội gì mà phải chịu nỗi thống khổ như vậy? Và những kẻ lãnh đạo dân chúng đều bất lương. Tập đoàn Lon Nol gồm ba ông Lon Nol – Siric Matak – Sơn Ngọc Thành cũng nhiều lúc chĩa súng vào nhau. Tập đoàn Pol Pot cũng vậy. Bức hại lẫn nhau đến chết. Quá tầm thường…

- Khi Pol Pot vào Phnôm Pênh thì Lon Nol ở đâu?

- Ông ta từ chức trước đó vài tuần rồi chạy sang Mỹ.

- Cả hai đều chung kết cục thật buồn.

- Lon Nol chết năm 1985 bên Mỹ, ở một thị trấn nhỏ. Còn Pol Pot thì chết ở một góc rừng trên Anlong Veng.

- Nhưng bóng ma của họ vẫn còn?

- Con trai Lon Nol về nước, thành lập đảng mới. Còn Pol Pot, khi hỏa táng, người ta đồn rằng cánh tay phải của ông ta co lại, giơ lên thành hình nắm đấm!

Câu chuyện càng về đêm càng sâu lắng. Hai cái võng treo trên nhà sàn như hai con thuyền đang trôi vào vùng sâu thẳm. Nơi đây, trong làng nhỏ này, ông Som Him đang cất giữ lịch sử đất nước Campuchia, cất giữ bộ gen của dân tộc Khmer. Trong con người ông chứa đựng những khát vọng hòa bình của một dân tộc vừa trải qua bao tầng địa ngục. Trong trái tim ông còn nhiều vết thương, nhưng từ trong cơ thể ông, cơ thể của người Khmer có màu bền vững như màu đất đai, tự sản sinh ra những kháng thể, tự chữa lành vết thương. Và tự hồi sinh.

12.
THANH GÀN

Không biết nó gàn thật hay gàn dở? Nhưng đồng đội cứ gọi Thanh như thế từ lâu. Ngày ở lính, nó tên là Thanh, không có chữ "gàn" đứng bên. Từ ngày xuất ngũ, đồng đội mới đặt cho nó biệt hiệu Thanh gàn. Tại sao nó gàn? Nó gàn vì sao?

Vì Thanh gàn như kển kển, như quạ. Cứ chỗ nào có đồng đội bị chết là hắn đi viếng. Nhưng không đi một mình. Thanh gàn luôn hô hào anh em đồng đội cùng đi. Hôm thì: "A lô! Tin buồn đây! Thằng Quang "dổ" ở Quảng Nam chết rồi. Nó uống rượu. Đi xe máy, bị ngã. Chấn thương sọ não. Chết sáng nay. Tôi vừa nhận được tin. Chuẩn bị lên đường đi viếng nhé!". Hôm khác: "Chào bạn! Tôi vừa nhận được tin ông Khán ở Phú Thọ mất rồi. Đưa tang chiều mai. Tôi gọi cho mấy đứa rồi. Anh em mình tổ chức đi viếng nhé. Tôi thuê xe đây". Mới tuần trước: "Này, đồng hương, ông Năng, lính công binh ở Bình Định vừa chết. Ung thư phổi. Một số anh em để nghị gửi vòng hoa. Nhưng tôi nghĩ, ngày kia mới chôn. Mai bọn mình bay vào Bình Định luôn đi. Lâu không gặp anh em Bình Định. Tôi đặt vé nhé. Minh béo cũng đi đấy!"... Cứ nghe điện thoại

của Thanh gàn là anh em biết có đồng đội chết. Là chuẩn bị đi viếng.

Lý lẽ Thanh gàn đưa ra rất đơn giản: "Nếu không có thằng X. ở Trinh sát Sư đoàn, thời gian đấy, chắc chắn tôi hoặc ông, phải về đơn vị đó. Và có thể mình sẽ chết! Vì vậy, thằng X. nó ở đó, lấp chỗ trống thay mình. Giờ nó chết, mình đi viếng. Có đúng không?" – "Nhưng tôi đâu biết thằng X. Nó mãi trên Sư đoàn. Tôi ở tít dưới đại đội. Sáu năm lính, có gặp nó bao giờ đâu? Khi giải ngũ, về nhà, nó cũng ít giao du với anh em lắm!" – "Ông nói thế, cũng có phần đúng. Nhưng nó không xứng với một cựu chiến binh trên chiến trường K. Ông biết không, nếu không có thằng X về Trinh sát Sư đoàn, chắc tôi hoặc ông, hay một thằng nào đó, phải về Trinh sát. Nó thay mình ở đó. Mình mới có cơ may còn sống. Trở về, phải nhớ đến ân tình chứ! Tuy bọn mình không gặp X., nhưng vẫn có sợi dây vô hình nối chúng ta. Ông nghĩ lại mà xem!" Không cần nghĩ lại, chúng tôi đều biết Thanh gàn có lý. Và phải nghe theo nó.

Giải ngũ, về hậu phương, chúng tôi mang theo bao thứ bệnh. Nghiện thuốc lào, thèm thuốc lá, nghiện rượu, sốt rét, vết thương cũ hành hạ... Lại thêm vất vả với cuộc mưu sinh. Thất nghiệp, làm xe ôm, đi chôn cột điện trên núi, vào rừng chặt cây, đi buôn luồng, vợ ngoại tình, con hư hỗn, tiểu đường, huyết áo cao, tai biến, tai nạn giao thông, bị cướp đâm chém, xã hội đen đe dọa v.v. bao đồng đội không chết ở chiến trường nhưng lại chết vì những thứ rất bình thường ở quê hương.

Tuổi chưa đến sáu mươi, nhưng nhiều đồng đội của tôi từ giã cõi đời. Nhiều nhất là ở các tỉnh miền Trung. Thằng Lộc quê Quảng Nam, đang ăn nên làm ra, bỗng bị ung thư gan, lăn ra chết. Thằng Lục ở Đà Nẵng, bao nhiêu năm vất vả, dành dụm, vay mượn bạn bè, xây được cái nhà. Đêm trước ngày khánh thành, leo cầu thang kiểm tra gì đó, trượt chân, ngã từ trên lầu hai.

Khiêng vào bệnh viện. Đến nơi thì tắt thở. Thằng Dũng ở Bình Thuận, làm ngành điện. Bướng, không chịu nịnh thằng trưởng phòng. Bị nó hành lên hành xuống. Chán đời. Uống rượu. Vợ khuyên không được. Lại còn nổi khùng. Đánh vợ. Đá thằng trưởng phòng lộn cổ xuống cầu thang. Xin ra khỏi ngành. Giải sầu bằng rượu. Vợ ôm con, bỏ đi Sài Gòn. Anh em phát hiện nó nằm chết ở nhà… Nhưng đồng đội được Thanh gàn an ủi. Thanh đi hết. Vào tận nơi dự đám tang. Hình như Thanh có duyên nợ gì với những cái chết của đồng đội chăng?

Thanh nhập ngũ trước chúng tôi. Anh ở Tiểu đoàn 4. Thời kỳ chốt biên giới, quân ta có lúc chủ quan, coi thường địch. Giao thông hào đào thấp tè. Vũ khí không đủ. Nghĩ bọn địch đánh vớ vẩn. Không ngờ, nó có hỏa lực nhiều hơn. Mình bắn một trái B40, nó bắn lại chục trái. Lại còn cả DKZ nữa. Tiểu đoàn 4 của Thanh giáp địch. Ai cũng nghĩ rằng đối đầu với bọn địch ở phía trước là đủ. Nhưng không ngờ, bọn địch tập trung cả trung đoàn, đánh ta từ phía sau. Ban đêm, chúng bất ngờ tấn công. Tiểu đoàn không phòng thủ. Bị địch đánh tan tác. Các đại đội không cứu được nhau. Vừa chiến đấu vừa chạy. Chỉ có con đường duy nhất là rút về phía sau. Nhưng bọn địch đã chặn. Tiểu đoàn hy sinh quá nhiều. Thanh bò trong đêm. Đạn nổ phía trước, phía sau, cả hai bên. Cả trên đầu. Rừng cháy. Khói, bụi cuộn lên. Không thể thở. Thanh luôn chạm phải những xác người. Thật kinh khủng.

Bỗng Thanh rơi xuống một cái hố. Không ngờ, ở đó có mấy chiến sĩ mình. May mọi người vẫn còn vũ khí. AK, B41, lựu đạn. Đạn vẫn nổ xung quanh. Quân địch ngày càng gần. Chờ địch đến gần, anh em tổ chức phản công. Những xác địch ngã gập trước công sự. Bỗng Thanh thấy một tên từ sườn bên trái đang ném lựu đạn vào công sự. Thanh nhảy vọt lên. Vừa nhảy, Thanh vừa hét: "Lựu đạn đấy! Nhảy lên!". Vừa thét,

Thanh vừa xả cho nó hai viên AK. Tên địch gục xuống. Nhưng cũng vừa lúc đó, lựu đạn nổ. Hai chiến sĩ ta không kịp thoát.

Còn lại mỗi mình Thanh.

Chờ đêm xuống. Thanh quan sát xung quanh. Không ai còn sống. Đơn vị mình ở đâu? Thanh bò lên hố. Anh đi lang thang. Xác chết rất nhiều. Cả ta lẫn địch. Nhiều bộ phận cơ thể vương vãi. Trời càng tối sầm. Bỗng Thanh nhìn thấy phía trước có mấy bóng người lố nhố. Tưởng quân mình, Thanh chạy đến. Bỗng nghe thấy tiếng Khmer. Trời ơi, bọn Pol Pot! Thanh vội rút hai trái lựu đạn, ném từng trái. Bọn địch kêu lên. Lựu đạn nổ đùng đùng. Thanh bỏ chạy. Bọn địch bắn như mưa. Thanh chạy ngoằn ngoèo. Lúc nấp sau cây, lúc nằm xuống. Bỗng anh thấy bên sườn mình đau nhói. Một viên đạn xuyên qua. May vào phần mềm. Thanh nhảy đại xuống một bờ mương. Toàn bùn và nước. Anh bước đến một cái cây. Phía trước là ngôi làng đang cháy. Trong ánh sáng, Thanh chợt phát hiện ra đại đội trưởng và tiểu đoàn phó cùng bốn người lính.

Thanh hét lên: "Anh Ngọc! Anh Ngọc! Tiểu đoàn đâu? Đại đội mình đâu?".

Đại đội trưởng Ngọc rầu rĩ: "Không còn Tiểu đoàn. Không còn đại đội…"

Tất cả bảy người. Họ trở về Trung đoàn.

Đêm đó, một câu hỏi cứ xoáy trong đầu Thanh: "Tại sao mình còn sống". Hình như có một thiên thần nào đó chở che? Nếu có, Thanh thầm cầu nguyện, mong thiên thần luôn ở bên anh.

Được biên chế về đơn vị mới, Thanh nhanh chóng hòa nhập với các chiến sĩ trong trung đội bộ binh. Và họ lại lên chốt.

Được một ngày im ắng. Anh em phát hiện ra quy luật tấn công của bọn địch. Đánh hai ngày, nghỉ một ngày. Sao lại có

hiện tượng này? Thì ra, ngày nghỉ là ngày bọn địch vận chuyển đạn lên biên giới. Chúng chở bằng xe bò.

Những ngày tiếp theo, trận chiến thật dữ dội. Mưa tầm tã. Lính ngập trong bùn. Áo quần cũng bết bùn đỏ. Tóc tai bết lại. Mặt mũi nhem nhuốc. Không có nước. Anh em phải xé những mảnh nilon, quấn thành hình phễu. Để trên mặt đất, bị đạn xuyên. Nước chảy hết. Phải đào hố, đặt lên, trữ nước vừa để uống, vừa rửa mặt.

Những cây khộp trên chốt bị đạn chém ngang, gục xuống. Hôm trước, còn thấy mấy con khỉ. Hôm sau, chúng biến hết. Nhưng có một con khỉ trúng mảnh pháo, chết trên cây. Mùi hôi nồng nặc. Dòi rơi xuống chiến hào. Không có cách nào khử được mùi hôi. Mỗi lần mưa xuống, chiến hào càng kinh khủng. Đất nhão. Dòi rơi. Mảnh đạn tua tủa. Lựu đạn để trên các ống tre dính đầy đất. Anh em phải bẻ chốt cho thẳng. Lúc cần, chỉ việc rút ra. Khi ném, sau bốn giây mới nổ. Nhưng lính chiến dày dạn, không ném ngay. Cầm trong tay hai giây mới ném. Một giây đạn bay. Vừa rơi xuống chốt địch, nổ ngay. Địch không thể ném lại.

Nhưng hỏa lực địch mạnh hơn ta, nhiều hơn ta. Rất nhiều vũ khí Tàu. Chúng bắn về phía ta dồn dập. Đạn AK nghe như đạn giấy, như pháo tép. Không thể so với DKZ , B40, B41 của địch. Đó là chưa kể các loại cối. Đạn địch vãi như mưa trên đầu. Chiến hào không sâu. Lính chui trong các hàm ếch tránh đạn. Nhưng hàm ếch cũng không đủ an toàn. Sau mỗi đợt tấn công, quân số trung đội lại vơi dần. Thanh sử dụng đủ các loại vũ khí. Sáng qua, Thanh chạy như sóc. Địch xông lên. Trung đội trưởng gọi Thanh lại, bắn B41 vào mấy tên địch đang bò lên. Thanh vừa bắn xong, vội di chuyển sang trái. Trung đội trưởng di chuyển sang phải. Một cụm khói đọng giữa hai người. Bỗng một trái DKZ của địch nổ ngay miệng

hào. Trung đội trưởng bị bay hết da mặt. Hở ra lớp thịt đỏ lòm. Nhưng Thanh đứng gần đó lại không sao. Chỉ inh tai nhức óc. Vài mảnh nhỏ làm xước da. Thanh lấy băng, quấn trùm đầu trung đội trưởng. Anh em đưa về tuyến sau. Không biết có sống không?

Hôm khác, Thanh đang đứng cạnh đại đội phó, bàn bạc về hướng đánh vận động tập kích về phía địch. Bỗng một quả pháo nổ ngay gần họ. Một mảnh cắm ngay vào tim đại đội phó. Máu trào ra. Anh gục xuống. Ngay lúc ấy, Thanh cảm thấy, rất chính xác, một thiên thần hộ mệnh đang che chở cho anh.

Sau thời kỳ chốt, quân ta bắt đầu tấn công. Thanh đã là Trung đội trưởng. Trong trận đánh bên kia sông Mekông, đơn vị Thanh bí mật sang sông trong đêm. Họ tiếp cận vườn chuối. Trời vừa sáng đã thấy bọn địch ngay phía trước. Thanh định khoác ba lô lên vai, tập hợp anh em. Nhưng anh bỗng thấy sau cây vú sữa bên sông có một tên địch vác B40, đang lấy tư thế bắn về phía ta. Không cần ngắm, Thanh xả cho hắn loạt AK. Tên địch khuỵu xuống. Nhưng hắn vẫn kịp bóp cò. Đường đạn đi không chính xác. Nó vút lên cao. Thanh lại cảm thấy, dường như, thiên thần hộ mệnh lại che chở anh. Tối hôm trước, Thanh định để ba lô phía trái, dưới chân. Nhưng nghĩ thế nào, anh lại nhấc ba lô, để lên phía trên, nên khi trời hửng sáng, vừa nhấc ba lô, mắt anh liếc nhanh phía bờ sông, thấy ngay tên địch. Và tiếng súng của anh đã mở màn cho trận đánh bên sông. Nhờ tiếng súng ấy, anh em cảnh giác. Mọi người chủ động tấn công. Nếu để tên địch nện B40 trước, đội hình quân ta sẽ rối loạn.

Hơn 5 năm đi lính, Thanh dừng ở cấp Thượng sĩ. Kịch tầm hạ sĩ quan. Cấp trên không thấy sự đặc biệt của Thanh. Họ cho anh phục viên. Chắc thiên thần hộ mệnh cũng cảm nhận được điều này. Thiên thần không thể che chở mãi.

Về nhà, Thanh xin làm bảo vệ ở nhà máy xuất khẩu đồ hộp. Rồi anh cũng về hưu. Làm xe ôm. Nhưng Thanh luôn nhớ đến đồng đội ở các địa phương. Nó đóng quyển sổ, ghi tên từng người. Trước ở đơn vị nào? Giờ ở đâu?... Và Thanh thường xuyên liên lạc. Khi đồng đội đau yếu hoặc qua đời, Thanh luôn đến thăm dù ở xa hay gần. Nó lúc nào cũng tâm niệm: "Nếu không có đồng đội ở đó, chắc mình phải có mặt. Và biết đâu, mình sẽ chết?..." Nó truyền tâm niệm này cho mọi người. Và ai cũng cảm thấy có lý.

"Tất nhiên, mình phải có thời gian, có sức khỏe và có tiền mới đi được nhiều nơi – Thanh nói – Nhưng mình vẫn ngạc nhiên, làm thế nào mà mình sống sót? Khi làm lính, mình chỉ bị thương nhẹ. Khi làm chỉ huy trung đội, đánh không biết bao nhiêu trận, mình cũng không việc gì. Trong khi ấy, đồng đội bị thương và hy sinh rất nhiều. Chắc mọi người chết thay cho tôi? Hay phải chăng tôi được thiên thần phù hộ? Nhiều đêm, tôi thầm hỏi. Nhưng không tìm ra câu trả lời. Tôi cũng không có ai để hỏi. Chỉ biết, tôi còn sống. Đồng đội tôi, bao nhiêu người nằm dưới đất. Và tôi cảm thấy, để nhẹ lòng, để thanh thản sống, chỉ bằng cách quan tâm đến đồng đội mình. Không kể thân hay sơ, biết hay không biết. Mình đến, với tấm lòng chân thành, đồng đội vừa nằm xuống, họ cảm thấy được an ủi. Họ đã sống cuộc đời vất vả. Và khi ra khỏi cuộc đời này, họ được ra đi trong vòng tay ấm áp của người thân, của tình đồng đội.

13.
CÂU CHUYỆN BÊN SÔNG BASSAC

Dòng sông Mekông từ cao nguyên Tây Tạng chảy qua nhiều nước. Đến Campuchia, sông chia làm hai nhánh. Nhánh bên trái vẫn mang tên Mekông. Còn nhánh bên phải gọi là sông Bassac (Ba Thắc).

Ông Sreng Chantha, người đàn ông Khmer đã 60 tuổi cùng một nhóm năm người đến gặp nhà sư Phteah Saniphap. Trước đây, họ sống ở nội thành và ngoại ô thành phố Phnôm Pênh. Năm 1970, họ đã chứng kiến cảnh hàng ngàn người Việt bị chính quyền Lon Nol đuổi về nước. Người dân phải bỏ nhà cửa, ruộng vườn cùng mồ mả ông bà để ra đi. Họ đã sống ở đây gần trăm năm. Họ nói tiếng Khmer. Nhưng chính quyền Lon Nol vẫn cho rằng họ là người Việt. Hàng ngàn người bị bắn chết, bị giết bằng các loại vũ khí khác, thả xuống dòng sông Bassac để trôi về Việt Nam. Ông Sreng Chantha mang theo một cuốn album. Trong đó có hàng chục bức ảnh của các phóng viên *New York Time* và *Reuters*… ghi lại những cảnh người Việt bị tàn sát.

Ông Sreng Chantha nói:

- Chúng tôi đã ở đây từ giữa thế kỷ 19. Tôi là người theo đạo Ki-tô. Thế kỷ 19, khi người Pháp đến đây, họ thành lập Liên bang Đông Dương. Năm 1861, chúng tôi rời Việt Nam sang Campuchia để lánh nạn bức hại tín đồ đạo Ki-tô.

Người Pháp còn đưa sang đây rất nhiều người Việt. Họ làm những công việc như quản lý, phiên dịch, đánh cá, buôn bán lúa gạo, trái cây… Đặc biệt, ở các đồn điền cao su của Pháp, đa phần là người Việt vì người Việt chăm chỉ, thức khuya dậy sớm được, thích hợp với đời sống của cây cao su.

Khi ấy, thủ đô Campuchia vẫn ở tỉnh Oudong. Mãi đến năm 1865, nhà vua mới chuyển về nơi này. Và Nhà thờ Giáo xứ Russeykeo cũng được người Pháp xây dựng ở đây, tại quận Russeykeo này. Đầu tiên, một Đức cha người Pháp tên là Jean-Claude Miche làm Đại diện Tông tòa Phnôm Pênh. Sau đó, các Đức cha người Việt kế nhiệm.

Chúng tôi ở đây đã mấy đời. Khi bị đuổi, phải bỏ lại nhà cửa, ruộng vườn cùng mồ mả ông bà. Khi trở lại, tất cả đều bị san phẳng. Cụm dân cư khác mọc lên…

Bà Trau Sla kể:

- Hồi đó, ở đây, ngoài người Việt, còn có người Hoa, người Mã Lai, người Thái Lan, người Ấn Độ, người Lào v.v.. Tôi có người bạn thân là người Khmer. Chúng tôi cùng bán gạo ở chợ. Khoảng trước đó một tuần, bà bạn đã bí mật nói với tôi, hãy về Việt Nam sớm đi. Hôm trước, có mấy người lính tập hợp dân chúng lại. Họ nói, dân chúng trong làng hãy chuẩn bị vũ khí như gậy gộc, giáo mác… để hỗ trợ quân đội đánh đuổi bọn Duôn (Yuon) về nước. Họ nói, làng người Yuon sẽ mở rộng. Dân số người Yuon sẽ tăng nhanh, lấn át người Khmer. Vì vậy, cần đánh đuổi bọn Yuon càng sớm càng tốt,

càng nhanh càng tốt. Một mình quân đội không làm xuể. Cần người dân giúp sức.

Tôi không tin. Chúng tôi làm ăn bình thường. Có hại ai đâu? Nhưng bầu không khí thù địch cứ nóng dần lên. Đến một buổi sáng, cả làng bị tấn công. Lính Lon Nol vào làng, chia tách đàn ông một bên, đàn bà và trẻ em một bên. Họ bắn đàn ông trước mặt chúng tôi. Máu lênh láng. Người chết chồng lên nhau. Rồi họ giết trẻ con. Con gái tôi bị bắn ngay trước mặt tôi. Họ vứt xuống sông. Rồi họ lùa chúng tôi vào rừng. Nhiều người bị hãm hiếp. Ai chống cự đều bị giết, bị chặt đầu. Tôi cùng bốn người phụ nữ khác bị chúng lùa đến một ngôi nhà hoang. Sau khi làm nhục, họ trói chúng tôi lại. Tôi nghe chúng nói chuyện là bọn chúng sẽ đi lấy mìn, cho nổ ngôi nhà. Tôi nói điều này với mấy người, định bỏ trốn. Nhưng ai cũng nói chống chết, con chết, mình bị làm nhục, sống làm chi? Đang nói thì bỗng hai tiếng nổ rầm. Ngôi nhà sập xuống. Tôi ngất đi.

Nửa đêm, tôi tỉnh dậy. Thấy người đau ê ẩm. Sờ lên đầu, lên mặt, thấy máu vẫn rỉ. Tôi hỏi, có ai còn sống không. Chỉ còn một chị rên: "Cứu tôi với!". Tôi thấy hai chân chị giập nát. Ngực cũng đầy vết thương. Không bò được. Tôi đành để chị ấy lại, bò ra ngoài.

Tôi cứ lần theo các xác chết, đến bờ sông. Trên đường, tôi bỗng gặp một người phụ nữ Hoa kiều. Chị ấy gánh cá ra chợ sớm. Chị ấy thấy tôi, bèn quay lại, đưa tôi về nhà chị. Rồi gia đình chị băng bó vết thương, cho tôi ăn uống, bí mật nuôi tôi. Rồi sau đó, tôi tìm được những người Việt khác. Chúng tôi được quân đội Việt Nam Cộng hòa đón về nước. Đoàn chúng tôi đi đông lắm. Những hơn ba trăm chiếc ghe. Chúng tôi xuôi dòng Mekông, cập bến Trà Nóc ở Cần Thơ. Số khác thì về Chợ Mới ở An Giang…

Ông Hau Talong kể, dạo đó, ông đang làm tài xế ở Phnôm Pênh. Khi Lon Nol lên nắm quyền, ông ta ra lệnh người gốc Việt chỉ được ra ngoài đường từ 7 giờ sáng đến 11 giờ trưa. Nhiều hôm, ông phải chở hàng quá giờ, bị cảnh sát đánh đập. Họ lấy hết tiền. Về đến nhà, ông được tin vợ con ông đã bị lính Lon Nol lùa vào trại tập trung.

Rồi ông cùng một nhóm người nữa bị bắt. Lính trói ông, quẳng lên chiếc xe bán tải. Trên đó đã có mấy người Việt, tất cả đều bị trói. Chiếc xe chạy đến một trại giam. Lúc đó, trời đã khuya. Đến nơi, những cơn gió mang theo mùi tanh của máu thổi vào người. Ông thấy kinh rợn. Bước lên bậc thềm cao, ông thấy chân mình nhớp nháp. Nhìn xuống, thấy mình đang đứng trên mấy bậc thềm máu. Bước lên mặt thềm, ông thấy những xác người nằm la liệt. Có người chưa chết. Nghe tiếng bước chân, những tiếng rên rỉ, kêu cứu khe khẽ vang lên. Nửa đêm về sáng, lính Lon Nol khiêng những người này chất lên xe. Ông cùng mấy người bị bắt sau giả chết, lấy máu bôi khắp người. Lính Lon Nol chở họ ra ngoài. Trút xuống sông Bassac. Ông biết bơi, bơi theo dòng nước. Rồi ông thấy một chiếc thuyền hoang. Lên thuyền, ông để thuyền trôi xuôi.

Về đến Cần Thơ, hỏi thăm những người quen, ông tìm được vợ. Nhưng đứa con ông đã bị chết trong trại tập trung. Cháu bị đau ruột thừa nhưng không thể ra ngoài để đến bệnh viện.

Biết nhà sư Phteah Saniphap dự định làm lễ cầu siêu cho những linh hồn người Việt bên sông Bassac, họ tìm đến, kể sự tình.

Nhà sư nói với họ, hãy kêu thêm nhiều kiều bào Việt đang ở Phnôm Pênh về ngôi chùa gần đó để nghe nói chuyện.

Sáng hôm sau, khi mọi người đến chùa, nhà sư Phteah Saniphap mở đầu câu chuyện:

- Kính thưa các quý vị, thưa bà con, mọi người có biết vì sao người Khmer gọi người Việt là "Yuon", mà người Việt đọc là "Duôn" không? Và có ai hiểu nghĩa của từ "Yuon" là gì không? Tôi xin trả lời thế này. Theo nghĩa của tiếng Khmer thì từ "Yuon" có nghĩa là hoạt bát, nhanh nhẹn. Không những người Khmer gọi người người Việt như thế, mà cả người Thái Lan, người Chăm cũng gọi người Việt như vậy. Vì sao? Vì họ đều cảm thấy người Việt rất nhanh nhẹn, thích nghi rất nhanh với môi trường mới. Họ thấy người Việt ăn nói hoạt bát, đi lại nhanh nhẹn, làm việc gì cũng được. Hôm trước, trong lúc chờ phà qua sông Mêkông, tôi có nói chuyện với một người Khmer bán quán bên phà. Nhân nói về người Việt, bà ấy nói, chúng tôi ghen tị với người Duôn lắm. Đang làm nghề đánh cá, họ chuyển sang nghề buôn bán gạo rất nhanh. Đang làm nghề buôn bán gạo, họ lại chuyển sang làm nghề thu mua trái cây cũng rất nhanh. Chúng tôi không làm thế được. Người Khmer chậm lắm. Vừa làm vừa chơi. Một năm làm một vụ. Nghe nói, ở Việt Nam, họ làm đến ba vụ. Khi họ sang đây, họ tranh hết công việc của chúng tôi. Nên chúng tôi rất sợ họ lấn át. Ý nghĩa của từ "Yuon" trong tiếng Khmer là như vậy. Họ gọi như thế, không có nghĩa là họ miệt thị hay khinh bỉ người Việt. Người Khmer gọi người Ấn Độ là "Khleung", gọi người Hoa là "Chen", người Pháp là "Barang"… cũng đâu có ý miệt thị. Cũng như người Việt gọi người Hoa là người Tàu, gọi người Campuchia là người Miên… Mọi người không nên mặc cảm khi nghe người Khmer gọi người Việt là Duôn. Tôi nói điều này từ sự hiểu biết và thực tế của tôi và của nhiều người Khmer chân chính. Xin mọi người hiểu cho.

Thưa quý vị, thưa bà con!

Tôi cũng đã tiếp xúc với nhiều người Khmer gốc Hoa, để tìm hiểu từ "Youn" trong tiếng Hoa nghĩa là gì? Thì các bạn

người Hoa giải thích rằng từ "Yuon" trong tiếng Quan Thoại dùng để chỉ những dân tộc ở phía Nam Trung Hoa. Từ "Yuon" nghĩa là người ở phía Nam.

Nhưng tôi cũng lưu ý một điều. Ý nghĩa của ngôn từ có thể thay đổi theo thời gian. Như thời kỳ Lon Nol cai trị Campuchia, thì "Youn" là từ mà chính quyền Lon Nol dùng để miệt thị người Việt. Lon Nol chỉ là một người lính. Dù ông ta có làm đến chức nguyên soái hay tổng tư lệnh tối cao gì chăng nữa, ông ấy vẫn chỉ là một người lính. Cả đời ông ta làm theo mệnh lệnh và ra lệnh. Các vị thấy một người chỉ sống và chết bằng mệnh lệnh sẽ như thế nào? Vì vậy, thưa quý vị, người ta nói: "Hiểu tức là tha thứ". Khi quý vị hiểu được nguyên nhân tại sao, thì quý vị hãy tha thứ, không để bụng, không chấp nhặt.

Có quý vị nói, nay dù chính thể Lon Nol không còn nữa, nhưng dư âm của từ này vẫn còn, thì có nghĩa là người dân vẫn sử dụng. Nhưng như tôi đã nói ở trên, quý vị không nên mặc cảm. Quý vị sống trên đất Campuchia, uống nước Campuchia, ăn gạo Campuchia thì quý vị cũng nên học hỏi ý nghĩa của ngôn ngữ Khmer một cách đầy tình yêu và lòng kính trọng như chính người Khmer. Quý vị sống trên đất nước này, sống bên trong đất nước này, quý vị nên nhìn đất nước và con người Khmer bằng cái nhìn từ bên trong, chứ không nên nhìn bằng cái nhìn từ bên ngoài. Nếu quý vị nuôi dưỡng cái nhìn từ phía quý vị thì mãi mãi, quý vị chỉ là những người khách. Dù người Khmer có coi quý vị là những người khách đi chăng nữa, quý vị hãy nuôi dưỡng tình yêu đất nước, con người và ngôn ngữ Khmer, thậm chí, phải gấp nhiều lần hơn người Khmer. Bởi quý vị đã đến đây sinh sống, tự trong lòng quý vị đã phát sinh những sức mạnh tiềm năng, quý vị cố gắng gấp đôi, gấp ba so với người nước sở tại. Tôi hy vọng,

quý vị không những cố gắng về sức lực mà còn cố gắng cả về tâm hồn, về trái tim.

Tôi xin hỏi đôi điều. Có quý vị nói, chúng tôi đã sống ở đây trên trăm năm. Mồ mả ông bà tôi ở đây cả. Nhưng quý vị có bao giờ đọc một cuốn truyện tiếu lâm của người Khmer không?

Ở dưới im lặng.

Tôi xin hỏi câu nữa: Ở đây có quý vị nào biết hát Quốc ca Campuchia không?

Ở dưới im lặng.

Câu hỏi nữa của tôi: Có quý vị nào tìm đọc truyện dân gian *Thơ Mênh Chây* rất nổi tiếng của người Khmer chưa? Có ai đọc chuyện *Tum Tiêu* rất hay của người Campuchia chưa?

Ở dưới im lặng.

Tôi hỏi câu nữa: Hàng ngày, trên truyền hình Campuchia, có rất nhiều vở kịch, nhiều bài hát hay. Đã có vị nào xem trọn một vở kịch hay một chương trình ca nhạc chưa?

Ở dưới im lặng.

Vâng, qua mấy câu hỏi của tôi, thấy rõ một điều: Quý vị tuy sống ở đây lâu, nhưng không thể thâm nhập vào đời sống bình thường của người Khmer. Quý vị mãi chỉ sống bên lề. Quý vị có trách nhiệm là sống làm sao để hòa nhập vào dòng chảy của người Khmer.

Bỗng có tiếng nói vọng lên:

- Dạ thưa, chúng tôi phải làm lụng suốt ngày. Thời gian đâu mà xem!

- Xem đâu có hiểu!

- Kính thưa quý vị. Một ngày có 24 giờ. Quý vị mưu sinh khoảng 10 hay 12 giờ. Còn 8 giờ quý vị ngủ nghỉ. Như vậy

còn lại 4 giờ. Quý vị hãy dành thời gian đó, học viết, học đọc tiếng Khmer. Quý vị không chịu học. Con cái của quý vị cũng không được đến trường. Mấy thế hệ mù chữ. Quý vị sống trên đất nước này. Quý vị làm nghề đánh cá. Tôi hỏi: Quý vị có nuôi cá không? Quý vị không nuôi, sao đòi thu hoạch mãi? Con cái quý vị, phải cho chúng học chữ Campuchia, học tiếng nói của người Khmer để sau này, chúng có thể tiếp cận xã hội Campuchia, tiếp cận văn hóa Campuchia. Chứ không thể sống co cụm như quý vị bây giờ.

Tôi có nói chuyện với một nhà thơ. Anh ấy là người gốc Hoa. Anh ấy theo cha sang đây từ năm lên 4 tuổi. Anh ấy học chữ Khmer ở một lớp học tư nhân ở một hẻm nhỏ. Rồi bận mưu sinh. Anh ấy chỉ học hết lớp 6. Nhưng anh ấy vẫn tự học. Lớn lên, anh ấy vừa làm vườn vừa viết văn. Anh ấy viết những câu chuyện về đời sống của những người dân Khmer trong xóm nhỏ của anh. Anh viết với tình yêu trong sáng, với lòng biết ơn ánh trăng của xứ sở này, dòng nước của xứ sở này, mớ rau xanh, con cá của xứ sở này, cơn mưa của xứ sở này, điếu thuốc, ngụm bia của xứ sở này… Nhiều tờ báo Campuchia đăng bài của anh. Và họ trao cho anh ấy nhiều giải thưởng. Và tôi biết, người Khmer rất yêu quý tác giả này, dù người Khmer không thiếu những nhà văn, nhà thơ của họ. Bởi vì sao? Vì họ rất quý trọng một tiếng nói, một góc nhìn lạ về đất nước, con người họ.

Trong số quý vị ở đây, có ai viết lên lời cảm ơn con người và xứ sở nơi đây chưa? Có ai vẽ bức tranh đẹp về bình minh hay hoàng hôn trên sông Mêkông, trên sông Bassac chưa? Có ai cất lên lời hát về một buổi chiều thanh bình nơi đây chưa? Có một ngày quý vị thấy vui vẻ, thấy yêu đời, quý vị hay mua một chai rượu hay một ổ bánh, để quý vị tặng cho một ông già hay một bà già mà quý vị tình cờ gặp trên đường. Quý vị sang

đây, không chỉ để mưu sinh. Hãy ca ngợi, hãy tỏ lòng biết ơn mỗi hạt nắng, mỗi giọt mưa của đất nước này bằng những lời tốt đẹp nhất từ trái tim, tâm hồn mình.

Hãy yêu đất nước này, thậm chí, hơn đất nước mình. Dù thời thế thay đổi, dù có lúc quý vị cảm thấy bị phản bội, nhưng quý vị hãy tin rằng, mình đã sống một thời tốt đẹp nhất cho đất nước này. Trời Phật sẽ phù hộ cho quý vị.

Sau ít phút tạm nghỉ, nhà sư Phteah Saniphap đã giải đáp một số câu hỏi của người nghe.

- Thưa nhà sư, cho phép tôi được hỏi: Tại sao có nhiều người nước ngoài sống ở Campuchia, sống ở Phnôm Pênh. Nhưng người Khmer lại có định kiến không tốt với người Việt?

- Thưa quý vị, tôi không muốn dựng lại lịch sử mối quan hệ giữa người Khmer và người Việt Nam, vì đây là một vấn đề rất lớn. Nhưng tôi xin trả lời vắn tắt thế này. Người Thái cũng sống ở đây. Giữa Thái Lan và Campuchia cũng từng xảy ra xung đột. Thậm chí, có lần Thái Lan chiếm hai tỉnh của Campuchia là Siêm Riệp và Battambang. Sau, dưới áp lực của Pháp, người Thái buộc phải trả lại hai tỉnh này cho người Khmer. Ngay cái tên tỉnh Siêm Riệp, theo tiếng Khmer, có nghĩa là "người Xiêm (Thái Lan) bị đánh bại" trong một trận chiến từ thế kỷ 17. Người Thái, tuy gây nhiều xung đột với người Khmer, nhưng không thể chiếm đất Campuchia.

Còn đối với người Hoa, thì người Khmer cho rằng, đất nước Trung Hoa ở xa, không có biên giới chung với Campichia, nên họ không sợ người Hoa xâm chiếm.

Còn đối với người Việt, người Khmer luôn cảnh giác. Họ sợ Campuchia sẽ có số phận như Champa. Bởi lịch sử từng ghi nhận, vương quốc Champa muốn tiến ra Bắc. Nước Đại Việt muốn tiến về phương Nam. Xung đột xảy ra suốt 500 năm. Và cuối cùng, nước Đại Việt thắng. Đó là lịch sử. Còn vùng đồng bằng sông Cửu Long cũng có một lịch sử phức tạp. Lúc đầu, vùng đất này có tên là Thủy Chân Lạp do người Khmer quản lý. Nhưng người Java và người Chăm liên tục gây hấn, người Khmer không giữ nổi, vùng đất này gần như bỏ hoang. Đến thế kỷ 17, lưu dân người Việt đã đến đây khẩn hoang lập nghiệp, từng bước sát nhập vùng này vào nước Việt.

- Thưa nhà sư, chúng tôi thường nghe người Khmer nhắc lại chuyện xưa, có những chuyện liên quan đến người Việt…

- Tôi cũng được nghe nhiều câu chuyện như vậy. Nhưng tôi cho rằng những câu chuyện này do một bên thứ ba nghĩ ra. Mục đích của họ là để chia rẽ hai dân tộc. Tôi đã dò tìm nhiều tài liệu, nhưng không thấy ai, không thấy chỗ nào chính thức viết về những câu chuyện đó. Lịch sử chỉ có một. Còn dã sử, dị sử thì rất nhiều. Những câu chuyện tương tự được những chính đảng lấy chủ nghĩa dân tộc cực đoan làm kim chỉ nam luôn thích thú và lợi dụng. Họ luôn muốn thổi bùng lên ngọn lửa thù hằn người Việt. Dù chính quyền của Thủ tướng Hun Sen đã hạn chế sử dụng những câu chuyện này, nhưng mệnh lệnh hành chính không thể ngăn nổi thói quen trong dân chúng. Quý vị nên chấp nhận và thích nghi. Và bằng những việc làm của mình, quý vị có thể chứng minh cho người Khmer hiểu người Việt hơn. Như tôi gợi ý ở trên. Đức kiên trì cùng lòng nhẫn nại nên được rèn luyện trong thử thách.

- Thưa nhà sư, cảm ơn nhà sư đã nói đến điều này…

- Thưa quý vị, quý vị sống trên đất Campuchia. Nhưng quý vị chỉ nhìn người Khmer từ phía quý vị. Hôm nay, bắt đầu từ

hôm nay, quý vị hãy thử đặt mình vào vị thế người Khmer để nhìn nhận mình, nhìn nhận người Khmer ra sao.

Có thể nói, trong thế kỷ 20, người Khmer đã trải qua và chịu đựng những vết thương lịch sử, những sang chấn lịch sử đau đớn của đất nước, của dân tộc. Sau khi Pháp xâm lược Việt Nam, thì năm 1863, Pháp cũng xâm lược Campuchia. Từ đó, nước Campuchia bị cuốn vào vòng xoáy chiến tranh. Người Pháp gộp ba nước Lào, Việt Nam và Campuchia trong Liên bang Đông Dương.

Nhiều cuộc chiến xảy ra giữa Việt – Pháp, Pháp – Thái Lan, Campuchia – Pháp, Nhật – Pháp v.v.. Đến năm 1954, Pháp rút khỏi Đông Dương. Nhưng họ đã bí mật bán Đông Dương cho người Mỹ. Trong chính quyền của nhà vua Norodom Sihanouk, có phái Khmer Xanh ủng hộ Mỹ. Khi Mỹ đổ quân vào Việt Nam thì ông hoàng Sihanouk ủng hộ Trung Quốc và Việt Nam, cắt quan hệ với Mỹ. Từ đó dẫn đến cuộc đảo chính của Lon Nol mà quý vị đã biết.

Đất nước Campuchia, dân tộc Khmer chịu đựng sự chia rẽ khủng khiếp. Người theo Sihanouk, người theo Lon Nol, người theo Pol Pot, người chạy sang Việt Nam… Các phe phái chống đối nhau. Đặc biệt, dưới chế độ Pol Pot, người Khmer phải chịu đựng nạn diệt chủng… Đó là những sang chấn tâm lý dân tộc, sang chấn lịch sử đất nước. Những biến động thảm khốc về kinh tế, văn hóa và chính trị đã để lại những vết thương đau đớn trong lòng đất nước, trong lòng dân tộc, trong mỗi ngôi làng, mỗi gia đình, mỗi con người.

Bao nhiêu năm qua, mỗi người Khmer, khi đi ngủ đều gặp ác mộng. Những xác người, những vũng máu, những cảnh chết chóc, những tiếng kêu la… vẫn trở về trong giấc ngủ. Họ vẫn nghe thấy tiếng gọi của người thân, vẫn thấy hình bóng chập chờn của cha mẹ, vợ con, anh em họ đâu đây.

Nhiều người thất lạc gia đình, lưu lạc tha hương. Họ không thể sống trong ngôi nhà cũ của mình. Bởi ở đó, họ không thể chịu đựng nổi những kỷ niệm yêu thương lẫn ký ức đau đớn.

Rất nhiều người đã trở nên nhạy cảm quá mức. Họ giận dữ với người khác vì những hành vi nhỏ. Họ dễ dàng nổi giận khi bị ai đó kích động. Họ dễ mặc cảm khi ai đó nhắc lại quá khứ đau buồn. Họ tìm đến những chất kích thích để mong quên đi quá khứ. Hoặc họ có cảm giác mang nhiều thứ bệnh trong người…

Nếu ai có hệ thần kinh vững vàng, họ có thể vượt qua. Nhưng những người này không nhiều. Đa số dân chúng Khmer đều bị hậu chấn tâm lý.

Tôi đã gặp nhiều nạn nhân, những người vừa thoát khỏi địa ngục diệt chủng. Tôi cũng gặp những người thân của họ. Những người này vẫn chưa thể trở lại cuộc sống tâm lý bình thường. Và tôi đã gặp chính những người bộ đội Việt Nam, những người đến cứu họ khỏi nạn diệt chủng. Quý vị biết không, chính bộ đội Việt Nam cũng chịu những hậu chấn tâm lý. Họ luôn bị ám ảnh bởi những cảnh tượng kinh hoàng mà họ thấy dưới thời Pol Pot. Tôi đã gặp nhiều người thuộc nhiều thành phần trong xã hội Campuchia, người của nhiều phía, Khmer Đỏ, Khmer Xanh hoặc người Khmer từ nước ngoài trở về… tất cả cộng đồng người Khmer đều chịu tác động của thảm họa diệt chủng.

Tôi quan sát và nhận thấy, hiện nay, trong xã hội Campuchia, người dân dường như tách ra thành hai phía. Một phía cho rằng họ vừa trải qua những biến cố thảm khốc và cay đắng như vậy, cần trở nên mạnh mẽ hơn, khoan dung hơn, lương thiện hơn. Song một phía khác cho rằng, chính những kẻ gây ra nạn diệt chủng và những người là nạn nhân đều phải chịu đựng những sang chấn tâm lý theo chiều hướng tiêu cực. Cả

thủ phạm lẫn nạn nhân đều chịu tác động ghê gớm của cái ác. Đều làm tâm hồn họ suy sụp. Đều làm đạo đức đi xuống. Họ cùng có chung tâm lý oán giận. Và cả hai đều dễ nổi khùng. Cả hai đều muốn trút nỗi giận dữ, trút nỗi hận thù lên đầu ai đó. Vâng, xin thưa, các quý vị hãy hết sức kiềm chế tình cảm, cảm xúc của mình khi sống trong đất nước bị sang chấn lịch sử như vậy.

Sự sang chấn tâm lý lịch sử này còn kéo dài, rất dài. Và quý vị hãy cố gắng không làm tổn thương đến người Khmer. Hãy tìm cách cùng họ giảm nhẹ dần những sang chấn tâm lý.

Thưa quý vị, vào những ngày kỷ niệm của gia đình, quý vị làm giỗ cho những người thân, mong quý vị chia sẻ với các linh hồn những điều tương tự. Những linh hồn cũng cần được giải thích, khuyên giải và sẻ chia để thoát khỏi những oán hận, tức tưởi. Tôi hy vọng rằng, ở thế giới bên kia, các linh hồn sẽ bình tâm đón nhận những điều này. Người xưa đã khuyên, lấy đức báo oán chứ không nên lấy oán báo oán. Nếu lấy oán báo oán thì, thưa quý vị, oán lại chồng lên oán. Phỏng có ích gì?

Thưa quý vị!

Chiều mai, bên bờ sông Bassac, tôi sẽ làm lễ cầu siêu cho những linh hồn đã bị hành quyết vào năm 1970. Kính mong quý vị đến dự.

Xin chân thành cảm ơn các quý vị.

14.
TRONG VƯỜN VẢI THANH HÀ

Mỗi người lính, không chỉ đơn thuần là một người lính. Sau lưng họ, còn cả một gia đình. Mỗi người mất đi, cả một gia đình đau thương. Trong nỗi đau thương ấy, mỗi người vợ, người mẹ, người con lại có nỗi đau riêng.

Chúng tôi về Thanh Hà giữa mùa vải chín. Vải có ở nhiều nơi, nhưng chỉ Thanh Hà mới có vải thiều. Đất nơi này thơm vị phù sa. Quanh Thanh Hà là những con sông lớn như sông Thái Bình, sông Rạng, sông Văn Úc. Những con sông này lại chia thành hàng chục nhánh sông, nhánh ngòi nhỏ, đưa nước và đất đến từng làng, từng xã. Người dân nơi đây rất tự hào về quê hương mình. Ngỡ như trên thế giới này, không đâu đẹp bằng mảnh đất của họ. Từ bao đời, người già truyền cho người trẻ câu ca: "*Đã là con mẹ con cha / Thì sinh ở đất Thanh Hà xứ Đông*". Ngày trước, tỉnh Hải Dương có tên là tỉnh Đông, xứ Đông.

Người đồng đội của chúng tôi đã hy sinh, quê ở Thanh Hà. Anh hay kể cho lính tráng về vải thiều quê anh. Những chùm vải chín mọng, vỏ đỏ, hạt nhỏ, cùi dày, ăn vào cứ gọi là mê tơi. Khi anh hy sinh, trong sổ tay anh còn ghi những lời ngợi

ca của nhà bác học Lê Quý Đôn về loại trái cây tuyệt vời này: "Mã ngoài như lụa hồng tơ tía, thịt vải như thủy tinh, vị ngọt đậm. Ăn thấy hương thơm, tưởng như thứ rượu tiên trên đời". Những nét chữ ngay ngắn, rõ ràng, hơi nghiêng nghiêng như ánh mắt tươi sáng của anh. Khi làm biên bản kiểm tra di vật tử sĩ, cuốn sổ của người sĩ quan chiếm một vị trí quan trọng. Bởi họ chẳng có gì riêng tư. Quần áo lính, chăn màn lính… Chỉ có cuốn sổ mang theo từ nhà.

Nhưng người lính ấy không bao giờ được trở về Thanh Hà nữa.

Anh đã hy sinh trong một trận đánh mà Trung đoàn tôi cũng mất rất nhiều sĩ quan và binh lính.

Nhưng cái chết của anh ai cũng nhớ.

Một cái chết gây sốc toàn Trung đoàn, toàn Sư đoàn.

Một cái chết mà, khi nhắc lại, ai cũng ái ngại và đau đớn trong tâm can.

Anh bị bọn địch chặt đầu!

Tiểu đoàn tôi ít người quê Hải Dương. Nhưng trên Trung đoàn và Sư đoàn có nhiều.

Tôi nhớ, Tiểu đoàn 8 có mỗi mình anh quê ở huyện Thanh Hà. Có một anh nữa, cũng quê Thanh Hà, nhưng chỉ về đơn vị ít ngày, rồi được về nước ngay.

Anh hy sinh khi là Tiểu đoàn trưởng.

Sau chiến tranh, chúng tôi tìm nhau. Trước hết, tìm những người sống. Sau đó, tìm những người chết. Những người đồng đội thường đi tìm gia đình những liệt sĩ mà mình gắn bó nhiều.

Riêng trường hợp người đồng đội ở Thanh Hà, phải ba mươi năm sau, chúng tôi mới tìm được nhà.

Bởi không ai biết, cụ thể nhà anh ở đâu. Thôn nào? Xã nào?

Cũng thử hỏi qua một số nơi như Tỉnh đội, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội hay Hội Cựu chiến binh… song, những người trùng tên với anh – Nguyễn Mạnh Hùng – có khá nhiều. Người hy sinh tại mặt trận phía Nam, người phía Bắc, người bên Lào… Chúng tôi chỉ muốn tìm người hy sinh ở Campuchia.

Lại thấy có nhiều người hy sinh tại mặt trận Tây – Nam.

Đất nước, nửa thế kỷ qua, bốn bể đều có địch. Đấy là trên mặt đất. Còn những người hy sinh trên trời hay tử trận dưới đáy sông, đáy biển thì sao?

May sao, nhờ công sức của vợ tôi, một người làm trong dự án nhân đạo của một tổ chức phi chính phủ, có dự án ở Hải Dương, mới tìm thấy địa chỉ nhà anh Nguyễn Mạnh Hùng.

Vợ tôi đi lại nhiều lần. Nhờ Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Chữ thập đỏ v.v.. Mọi người hỏi thăm nhau trong giờ làm. Rồi khi về nhà, lại hỏi người quen xã này, xã khác, thôn nọ thôn kia… Trời Phật phù hộ lòng người, cuối cùng, vợ tôi cũng tìm được chính xác địa chỉ cần tìm.

Tôi nhắn tin cho một số anh em trong Tiểu đoàn, những người có "tâm hồn tìm kiếm" và những người đã cùng chiến đấu bên anh.

Một ngày mát trời, chúng tôi đến thăm gia đình anh.

Trên đường, không ai có thể tìm ra cách nói thế nào với gia đình về cái chết thương tâm của anh.

Im lặng và chờ đợi.

Đến nhà, vợ con anh đã chuẩn bị từ lâu. Cậu con trai, chúng tôi nhận ra ngay. Giống bố y hệt. Mặt vuông chữ điền.

Hai xương hàm căng ra, đỡ khuôn mặt vuông vức với vầng trán cao. Lớp tóc trên trán như mái gianh mới lợp, lao ra tua tủa một cách ương bướng. Chàng trai có nước da ngăm ngăm nhưng tỏa ánh hồng chứ không xanh mét như bố. Đặc biệt, giọng nói hết sức nhẹ nhàng chứ không nghiêm khắc như ông bố. Tôi nghĩ thầm, chắc chắn chàng trai này có số phận không vất vả như bố.

Nhìn vợ anh, ai cũng ái ngại. Chị cao và gầy. Cái gầy se sắt của người đàn bà góa bụa. Mái tóc chị vẫn để dài. Nụ cười vẫn cố tươi. Nhưng đôi mắt sáng trong vẫn không thể giấu được ánh buồn sâu thẳm.

Mới hỏi thăm vài câu, cậu con trai đã hồn nhiên kể. Năm cháu 16 tuổi, gia đình nhận được thư của một người đồng đội của bố cháu. Trong thư, bác ấy kể, mộ bố cháu nằm ở tỉnh Gia Lai. Cháu nghĩ, mình phải quyết tâm đi vào đó, đưa bố cháu về.

- Cháu có nhớ tên bác nào gửi thư không?

- Dạ, cháu không nhớ. Thư cháu đọc nhiều. Cháu lại cầm theo. Mồ hôi, mưa nắng làm nát hết cả.

Vợ anh nhỏ nhẹ tiếp lời:

- Năm đó, tôi dành dụm, mua được cho cháu cái xe máy để cháu đi học Trung cấp điện trên tỉnh. Nhưng nghỉ hè, cháu xin phép bán để lấy tiền đi tìm hài cốt bố.

Chúng tôi nhìn chàng trai. Khi chúng tôi gặp, cháu đã ngoài hai mươi. Mừng thay, cháu đã có vợ và con. Như thế là ông nội Nguyễn Mạnh Hùng đã có cháu. Nhưng rất tiếc, chàng trai chưa hề biết mặt cha. Bởi khi cháu mới được một tháng tuổi thì cha cháu đã hy sinh. Cha cháu chỉ biết mình có con trai qua lá thư của mẹ cháu. Tin vui đến với ông giữa lúc cả Sư đoàn chuẩn bị vào chiến dịch đánh điểm cao 547 ở tỉnh Preah Vihear. Và ông đã cầm thư đi khoe khắp đơn vị.

Mấu chốt của chuyến thăm vẫn chưa thể nói được. Bỗng chàng trai kể tiếp:

Cháu theo địa chỉ, tìm đến nghĩa trang. Nhưng người quản trang không cho lấy. Cháu cũng không hiểu vì sao. Cháu đã đưa cho bác ấy đủ các loại giấy tờ cần thiết. Nhưng bác ấy vẫn không cho. Có một bác cũng đi nhận hài cốt con mình. Bác ấy nói với cháu nên đặt ít tiền lại cho đường về được hanh thông. Lúc đầu, cháu cũng ngần ngừ. Vì cháu không còn nhiều. Sau nghĩ lại. Bố mình ở đây, đã từng được các chú quản trang chăm sóc. Cháu bèn làm theo lời bác ấy.

- Chúng tôi thương chàng trai. Mới 16 tuổi, chưa va chạm đời nhiều. Cháu biết không, không phải lúc nào và ở đâu nghĩa trang cũng là nơi hoàn toàn thanh sáng, nơi những tâm hồn trong sạch và ân tình đến với nhau. Sau chiến tranh, đạo đức con người xuống cấp nhanh lắm. Bởi đói nghèo. Bởi họ cần phải sống cuộc sống như ý họ mong muốn.

Cháu kể tiếp:

- Tìm đến mộ bố, cháu đào ngay. Đúng mộ bố cháu rồi. Vì trong tiểu không có hộp sọ.

Tôi hỏi nhỏ:

- Sao cháu biết mộ bố cháu không có hộp sọ?

- Vì trong thư, bạn bố cháu viết thế.

Trời, cháu trả lời hồn nhiên quá! Chúng tôi như vừa được giải thoát, như vừa cảm phục. Cháu biết không, vì một cái hộp sọ của bố cháu mà toàn Trung đoàn, toàn Sư đoàn các chú chấn động đấy. Một vị chỉ huy, từ Trung tá bị giáng cấp xuống Đại úy vì tội bỏ thương binh lại trận địa. Khi đơn vị rút về nước, ông ấy còn buộc phải ở Đà Nẵng suốt 4 năm! Và lính tráng trong Trung đoàn, bao nhiêu năm qua vẫn bàn tán về cái chết của bố cháu. Dường như ai cũng cảm thấy mình

là người có lỗi. Bởi cháu biết không? Kỷ luật quân đội rất nghiêm. Khi chiến đấu, không ai được phép làm mất vũ khí hay bỏ đồng đội lại trận địa. Nếu bỏ lại, phải ra tòa án binh, nhận án tử hình.

Nếu bố cháu vấp mìn như bao đồng đội của các chú, người bỏ lại một bên chân, người bỏ lại cả hai chân ở chiến trường, thì đi một nhẽ. Riêng bố cháu là trường hợp hy sinh đặc biệt. Bị bọn địch chặt đầu!

Nếu là lính tráng như bọn chú, chắc dư âm nhẹ hơn. Đằng này, bố cháu là sĩ quan. Một sĩ quan dũng cảm! Một sĩ quan dày dạn trận mạc! Một sĩ quan của Tiểu đoàn chủ công thuộc một Trung đoàn anh hùng!

Tôi muốn nói với cháu, chuyện trả thù ở chiến trường, nhiều lắm. Nhưng chúng ta chỉ nghe. Còn bố cháu, là trường hợp mà chính bọn chú được chứng kiến. Nhưng cháu biết không, bố cháu là một người anh hùng. Bố cháu chiến đấu rất dũng cảm. Ông, với khẩu K54 trong tay, đã bắn đến viên đạn cuối cùng. Nhiều xác địch ngã xuống quanh bố cháu.

Chúng tôi kể cho hai mẹ con nghe những kỷ niệm đẹp về người chồng, người cha của họ. Không biết có giúp họ nguôi ngoai phần nào không, nhưng chúng tôi không còn cách nào khác.

Bác Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã cũng đến. Lại có cả người đồng đội của anh Hùng cũng lại. Trong khi chàng trai làm cơm, người vợ anh dẫn chúng tôi đến nghĩa trang liệt sĩ của xã viếng mộ anh.

Buổi chiều, chúng tôi sửa soạn ra về. Vợ anh, lựa lúc thích hợp, hỏi nhỏ tôi:

- Chú có biết cái đầu chồng tôi bọn địch mang đi đâu không?

Tôi không thể trả lời một câu hỏi làm tan nát trái tim như vậy. Cũng không thể im lặng. Chị ơi, chị có biết không, điểm cao 547 nằm sát biên giới Campuchia – Thái Lan. Anh Hùng nhà mình bị thương ở lưng chừng điểm cao đó. Nói lưng chừng, nhưng chị hình dung, nó vẫn có những khu đất bằng phẳng. Rộng như cái sân bóng. Nơi ấy, bọn địch đặt trận địa hỏa lực gồm toàn pháo lớn, bắn xuống quân ta.

Cái đầu của anh Hùng, bọn địch xách theo trong đêm ấy. Hôm sau, quân ta mới tổ chức đánh lại, lấy được xác anh Hùng. Đơn vị cũng đã tổ chức cho anh em đi xung quanh để tìm phần thi thể còn thiếu của anh, nhưng không thấy. Biên giới mênh mang. Rừng núi điệp trùng. Làm sao tìm thấy?

Chị đi bên tôi. Chị kể chuyện buồn nhưng ánh mắt vẫn lấp lánh:

- Chú biết không, từ ngày anh ấy hy sinh, tôi bị mắc bệnh đau đầu. Người cứ gầy đi. Ăn gì cũng không béo lên được…

Chị cười mà mắt ngấn lệ.

Tôi nghĩ về vết thương. Nó không chỉ làm người chồng tử trận, còn làm đau người con, người vợ. Người ta hay nói đến chuyện thần giao cách cảm hay giác quan thứ sáu. Chị là một nhân chứng rõ ràng, một bệnh nhân mãi mãi. Các nhà khoa học, không cách gì giải thích. Các bác sĩ siêu giỏi không thể có thuốc nào chữa lành. Một vết thương chiến tranh, không phải do súng đạn gây ra, mà đau vô tận.

Người ta hay nói đến số lượng người hy sinh, số bom đạn trút xuống, số vũ khí tham chiến… Những con số đó nói lên quy mô của cuộc chiến. Nhưng chỉ số phận một con người, số phận một phần cơ thể con người, rất nhỏ bé, mong manh, nhưng làm chúng ta đau đớn. Nỗi đau dai dẳng, bám chặt vào chị, vào đứa con, vào tôi, vào chúng ta. Người mang nỗi

đau này sẽ nhìn cuộc đời một cách thận trọng hơn, khoan dung hơn.

Nếu ở các nước có điều kiện, trường hợp như chị, có thể được các bác sĩ đưa ra những liệu pháp điều trị tâm lý trong các bệnh viện hoặc nơi an dưỡng. Có thể, trong thời gian nào đó, chị mắc chứng trầm cảm sau sang chấn. Nhưng ở quê hương, chị tự rèn luyện tinh thần và tâm lý cho mình bằng những buổi cầu nguyện vào các ngày sóc, ngày vọng hàng tháng, bằng lễ Tết, bằng những dịp giỗ anh… được tổ chức ngay tại ngôi nhà thân yêu của mình. Thỉnh thoảng, chị cũng đi chùa, tìm sự cứu rỗi từ đạo Phật.

Chúng tôi nhìn ảnh của anh trên bàn thờ. Một bức ảnh đen trắng đã mờ. Nó không giống lắm với hình ảnh anh Hùng của chúng tôi khi anh chỉ huy đánh trận. Nếu tôi là họa sĩ, tôi có thể khắc họa tấm ảnh khác cho anh. Trẻ hơn. Khỏe hơn. Gân guốc hơn. Tươi sáng hơn. Và đậm chất chiến binh hơn…

Những lời chị tâm sự vẳn vằng vẳng bên chúng tôi.

"Dù có người để ý, muốn xây dựng gia đình với tôi. Nhưng tôi không thể yêu ai khác ngoài anh ấy".

"Tôi nhớ anh ấy hàng ngày, hàng đêm… Dường như anh ấy luôn sống trong căn nhà này. Tôi thường kể với con tôi về người cha của nó…"

Người vợ liệt sĩ ấy đã sống theo nguyên tắc của một người vợ chân chính. Người vợ ấy đã thủy chung với chồng ngay cả lúc anh ấy đã hy sinh. Và một khi đã kết hôn, chị tâm niệm, sẽ kết hôn suốt đời. Chỉ với một người mà chị yêu thương nhất.

Chiều nhẹ nhàng buông xuống Thanh Hà. Những người nông dân đi làm đồng về, vác cày trên vai. Họ dừng chân bên cổng nhà cùng thôn, tiện tay hái chùm vải trĩu quả trên đầu, mời chúng tôi. Khung cảnh thật bình yên.

Xe ra đến đường quốc lộ số 5. Nhìn về Thanh Hà, chúng tôi thấy nhấp nháy hàng ngàn ánh điện. Nhìn từ xa, nơi ấy rất đẹp, rất thanh bình. Nhưng đến gần, ghé vào mỗi ngôi nhà, ta mới cảm thấy, sao có nhiều nỗi đau đến vậy? Nhưng những người con của những dòng sông, của đất đai đậm màu phù sa vẫn kiên gan sống. Họ nâng đỡ cuộc đời. Những nỗi đau chiến tranh, trong tâm hồn họ, như lời nguyện cầu, sống sao cho xứng đáng với phẩm giá người đã khuất.

15.
TRONG CÁNH RỪNG KRATIÉ

Trên những bức tường đá của khu đền vĩ đại Angkor, các nghệ nhân điêu luyện của dân tộc Khmer đã tạc nên hình những nàng Apsara đẹp mê hồn. Những khối đá nặng hàng tấn trong bàn tay các nghệ nhân Khmer bỗng trở nên mềm mại, dịu hiền như đất sét. Và hình ảnh những nàng Apsara đó chính là biểu tượng của người phụ nữ Campuchia. Họ có thân hình cân đối, dáng khoan thai, uyển chuyển. Trên gương mặt thanh tú của họ là nụ cười duyên dáng, ánh mắt mơ mộng, cái nhìn xa xăm. Theo truyền thuyết Campuchia, những hình ảnh trên đá vĩnh cửu ấy tượng trưng cho nước cũng như sự tinh khiết và nét dịu dàng của người phụ nữ đức hạnh.

Khu đền Angkor được xây dựng từ thế kỷ 12. Nhưng từ hàng ngàn năm trước đó, hình ảnh nàng Apsara đã định hình trong tâm hồn người Khmer. Đó là vẻ đẹp bất tử trong ước mơ bình dị của người dân Khmer.

Trong văn học truyền thống Campuchia, người dân vô cùng quen thuộc với hình ảnh nhân vật Srey Kroup Leakhnak – một người phụ nữ đẹp người đẹp nết, luôn gìn giữ đạo đức, gia phong trong gia đình cũng như ngoài xã hội.

Nhưng đó là những câu chuyện của một thời tốt đẹp xa xưa. Bà M. S. – một người phụ nữ giữ chức vụ quan trọng trong Chính phủ Campuchia trò chuyện với nhà sư Phteah Saniphap. Sau hơn hai mươi năm chiến tranh đầy đau khổ, đặc biệt dưới chế độ tàn bạo và diệt chủng của Khmer Đỏ, người phụ nữ Khmer rất khó để tìm lại hình ảnh của mình như vẻ đẹp lý tưởng ngày xưa.

Bà M. S. kể với nhà sư:

- Năm 1970, tôi vừa tròn 17 tuổi. Tôi ước mơ trở thành vũ nữ Hoàng gia. Con gái Khmer, người nào cũng thích múa và đều múa đẹp. Cha mẹ gửi tôi đến một cô giáo dạy múa trong tỉnh Kratié. Nhưng một ngày nọ, khi đi học về, tôi bỗng gặp một cảnh tượng kinh hoàng: rất nhiều người trong làng bị chết vì bom. Máy bay Mỹ ném bom xuống làng. Tôi lao vào cứu họ. Nhưng tôi không biết băng bó cho họ thế nào. Không có bông băng đã đành, nhưng điều quan trọng là tôi không biết sơ cứu. Tôi chỉ có chiếc khăn rằn trên người. Xé ra, băng vết thương cho một cô gái bị mảnh bom văng vào ngực. Dân chúng kéo đến rất đông. Nhưng không có xe chở nạn nhân đến bệnh viện. Họ đành cáng từng người bằng võng. Một số người được chở bằng xe bò.

Một con trâu bị thương vào bụng và vào cổ. Nó ngã xuống. Khi nó thở, máu cứ trào ra. Nó không kêu được như người. Tôi rất thương nó nhưng không biết phải làm gì. Nó cứ mở to con mắt nhìn tôi.

Tối hôm đó, tôi nói với cha mẹ tôi rằng, tôi không thích học múa nữa. Tôi muốn làm bác sĩ để cứu giúp mọi người.

Nhưng muốn làm bác sĩ thì phải về Phnôm Pênh. Ở đó mới có trường. Và phải tốt nghiệp trường Trung học. Năm đó, tôi chưa tốt nghiệp. Phải chờ đến năm sau thì lâu quá.

Tôi có cô bạn gái Men Chanary cũng có ước mơ như tôi. Nó cho biết có thể đi học làm y tá ngay. Lớp học do một đơn vị bộ đội Việt Nam đóng ở Krache mở. Thế là tôi và nó xin nhập ngũ, làm y tá quân đội.

Chúng tôi được học những điều cơ bản của một ý tá cấp đại đội. Nào đo nhiệt độ cơ thể, đo huyết áp, các kỹ thuật tiêm, các phương pháp băng bó, garo vết thương v.v.. Dưới sự hướng dẫn tận tình của các bác sĩ và y tá Việt Nam, chúng tôi học rất say sưa. Tiếng súng và tiếng bom luôn rền vang xung quanh.

Sau ba tháng, chuẩn bị tốt nghiệp. Chúng tôi đang mơ mộng sẽ được đưa về những đơn vị đang chiến đấu ở tuyến đầu thì bỗng có lệnh, Khmer Đỏ đòi các đơn vị Việt Nam trả chúng tôi về cho các đơn vị của Pol Pot. Chúng tôi hãi hùng. Vì lúc đó có tin đồn rằng khi trở về, chúng tôi sẽ bị giết.

Nguyên do là tỉnh chúng tôi thuộc Quân khu Đông Bắc, gần với các tỉnh cao nguyên của Việt Nam. Pol Pot cho rằng chúng tôi là người của phía Việt Nam cài vào hàng ngũ Khmer Đỏ. Vì vậy, chúng đã điều những tướng lĩnh thuộc Quân khu Tây Nam, đứng đầu là Ta Mok, lên đây, để thanh trừng và giết chúng tôi.

Chúng tôi muốn trốn. Nhưng xung quanh là các đơn vị của Pol Pot đóng. Chúng tôi ở giữa.

Hôm sau, đến lượt trung đội tôi bị trao trả. Chúng tôi muốn ở lại, không ai muốn sang hàng ngũ Khmer Đỏ, nhưng không được. Vì Khmer Đỏ nắm danh sách. Từng người một bị gọi lên xe. Chắc họ chở chúng tôi vào rừng rồi bắn. Tôi ngồi trên xe, cầu Phật đến cứu. Bỗng chiếc xe bị sa lầy. Tôi nhảy xuống, xin phép đi vệ sinh. Rồi tôi chạy một mạch vào rừng. Không biết phương hướng gì nữa. Tôi cứ chạy. Chạy xa chiếc xe. Chạy xa khỏi những tên lính Khmer Đỏ.

Tôi cứ chạy về hướng Đông Bắc. Bởi tôi biết nơi đó gần biên giới Việt Nam nhất. Ngày đi. Đêm nghỉ. Giày rách. Chân ứa máu. Nhưng tôi vẫn bước. Nếu dừng lại, tôi sẽ chết. Nhiều lúc mệt quá, lại gặp voi, gặp hổ. Tôi run lên. Tìm nơi ẩn nấp. Rồi lại cầu Phật. Hình như Phật cũng độ trì. Những con vật đó cũng bỏ đi hướng khác.

Một tuần sau, tôi gặp một đơn vị. Nhưng khi đến gần thì hóa ra đây là đơn vị lính Pol Pot. Tôi vội bỏ đi.

May sao, hôm sau, tôi gặp một đơn vị khác. Tôi đứng nấp bên kia suối. Bỗng thấy một anh bộ đội ra suối vo gạo. Lúc ấy khoảng 5 giờ sáng. Người tôi ướt nhẹp sương. Tôi đang ngủ bên suối, bỗng nghe tiếng chó sủa. Tôi nhỏm dậy. Nhìn về phía đó. Thấy một người bước xuống suối, tay cắp theo rá gạo lớn. Tôi không biết là người bên nào. Hình như con chó phát hiện ra tôi. Nó sủa. Nhưng anh lính kia không biết. Cứ vo gạo xong, rồi về.

Khi nắng hửng lên, tôi nhìn thấy những luống rau, giàn đỗ, giàn bí… Tôi biết ngay đây là đơn vị bộ đội Việt Nam. Vì khi học y tá ở Kratié, tôi thấy bộ đội Việt Nam tăng gia rất giỏi. Đơn vị lính Khmer Đỏ không bao giờ có chuyện này.

Tôi bơi sang. Càng đến gần, tôi càng mừng. Vì nghe thấy giọng một anh lính thông tin đang gọi liên lạc. Đúng là tiếng Việt. Tôi mừng muốn khóc. "Mẹ ơi! Con đã sống rồi!". Tôi thầm kêu lên.

Bỗng một tiếng hô cùng tiếng lên đạn AK.

- Ai? Đứng lại!

Tôi giơ hai tay lên.

Người lính gác tiến lại phía tôi.

Tôi không sợ.

Tôi muốn ôm lấy anh ấy.

Nhưng chân tôi muốn quỵ xuống.

Tôi không có vũ khí. Anh ta đến gần, đỡ tôi dậy.

Tôi gục vào vai anh ấy.

Vì đói

Vì mệt

Vì mừng.

Nước mắt tôi trào ra.

Tôi đã được cứu. Tôi đã được sống. Và hạnh phúc hơn, tôi được thực tập ở Viện quân y 211, một bệnh viện của quân đội Việt Nam trên Tây Nguyên. Rồi sau đó, tôi lại được bộ đội Việt Nam cho ra Hà Nội để học Đại học Quân y. Năm 1979, sau khi Phnôm Pênh được giải phóng, tôi được về nước. Chín năm xa gia đình, tôi về nhà với ước mơ của mình đã trọn vẹn nhưng tôi lại đứng trước nỗi đau lớn: cha mẹ tôi đã bị Pol Pot giết hại. Đứa em gái của tôi, khi tôi đi, nó mới gần bốn tuổi. Giờ, lẽ ra nó phải là một thiếu nữ tuổi mười lăm. Nhưng trông nó nhỏ xíu như đứa trẻ lên mười.

Tôi đến thăm nhà Men Channary. Bố chết. Anh chết. Hai đứa em cũng chết. Chỉ còn bà mẹ mắt lòa. Bà đã biết Channary cùng các bạn bị bắn trong rừng.

Bây giờ, tôi muốn cùng nhà sư Phteah Saniphap đến rừng Kratié để làm lễ cầu siêu cho những linh hồn của hai trung đội y tá bị bắn năm xưa. Tôi đã chuẩn bị mọi thứ cần thiết. Nhà sư hẹn cho tôi ngày lên đường.

Kratié là một tỉnh nằm ở phía Đông Campuchia. Dòng Mêkông chảy qua, mang đến cho tỉnh này huyền thoại về loài cá heo nước ngọt. Năm 1979, đơn vị của Ánh hành quân qua S'tung T'reng. Lúc đó buổi chiều, Ánh đã nhìn thấy một tấm biển. Mũi tên chỉ về phía bên trái, ghi dòng chữ "Kratié". Ánh gặp Dũng, thằng bạn thân cùng trường. Dũng đi trong đội hình Sư đoàn 309, rẽ về hướng Kratié. Hai thằng gặp nhau vài phút. "Có nhận thư nhà không?" – "Không. Bọn mình đánh nhanh thế này, quân bưu chuyển sao kịp. Còn nước uống không? Mẹ, bọn mình đi bộ. Mệt bái sái. Bụi đỏ ngầu. Khát khô". Dũng đưa bi đông cho Ánh. "Uống đi! Bọn mình sắp đến sông Mêkông rồi. Lại đóng đẩy ngay!"

Một chút kỷ niệm nhỏ chợt về với nhà sư Phteah Saniphap. Rồi Dũng bị thương. Về học Đại học Sư phạm. Ngỡ ra trường, làm ông giáo. Nhưng lại nhảy sang ngạch hành chính, làm công chức. Giá bây giờ đi cùng, chắc Dũng sẽ kể thêm nhiều kỷ niệm về Kratié. Còn nhà sư, bây giờ mới đặt chân đến. Nhưng không phải đến với niềm vui. Nhà sư đến với nỗi buồn. Với niềm đau thương. Một vết thương trong cánh rừng Kratié. Nếu bà M. S. không còn sống, có ai nhớ không?

Đất nhớ.

Trời nhớ.

Rừng nhớ.

Bao nhiêu nàng Apsara kiều diễm đã đổ máu nơi này?

Ngày làm lễ cầu siêu, bà M. S. mang theo một trăm bông hoa Rumdul. Đó là loại hoa hình tròn, có mầu vàng sậm khi chín. Mầu sắc hoa biến đổi theo các thời kỳ. Lúc đầu có mầu xanh, sau ngả dần sang mầu vàng. Cũng có loại Rumdul mầu trắng và đỏ. Đặc điểm chung của loại hoa này là mỗi bông hoa thường có sáu cánh. Ba cánh nở xòe ra, ba cánh e ấp chúm lại.

Các cánh sắp xếp rất đều đặn. Từ xa xưa, người Khmer đã biết dùng hoa Rumdul để làm sáp thơm.

Từ bao đời nay, hoa Rumdul được người dân Campuchia ví như những người con gái của mình. Loài hoa này tượng trưng cho vẻ đẹp, sự vui tươi, sức sống trẻ trung cùng vẻ đẹp thanh cao, duyên dáng của người con gái Khmer. Hoa có vẻ đẹp bền lâu. Khi hoa kết trái, có mầu đen bóng. Vị ngọt và thơm.

Hoa Rumdul quyến rũ không chỉ ở mầu sắc mà còn cả hương thơm. Mùa hoa nở, đi từ xa đã thấy ngạt ngào trong không gian hương thơm vừa nồng nàn vừa thanh dịu. Lại gần, vít cành hoa xuống, thấy bông hoa không lớn lắm. Vừa độ nằm gọn trong lòng bàn tay. Hoa giản dị, mộc mạc như những người con gái làng quê. Mầu sắc giản dị nhưng mùi hương quyến rũ thật khó quên. Nhìn những bông hoa, Ánh nhớ lại, vào một ngày tháng 5 năm 1979, khi Ánh đi một mình trên con đường ở huyện Choăm Khsan, ra khỏi phum Cămtin, anh bỗng thấy tâm hồn chộn rộn bởi một mùi hương thanh tao từ trên cao tỏa xuống. Gặp cô gái Khmer đi làm đồng về, Ánh hỏi: "Hoa gì đấy em?" Cô gái mỉm cười, đáp ngay: "Rumdul". Ánh mang theo mùi hương thân thiết ấy hàng chục năm trời. Không ngờ, hôm nay, bà M. S. mang đến.

Mở đầu lễ cầu siêu, bà M. S. đề nghị nhà sư cùng tất cả mọi người làm lễ truy điệu các liệt sĩ theo nghi thức Quân đội Hoàng gia.

Hàng trăm ngọn nến lung linh. Mùi hương trầm linh thiêng lan tỏa. Những mâm lễ đầy lòng thành kính.

Giai điệu tiễn đưa hồn tử sĩ vang lên.

Cả cánh rừng trôi trong không khí thiêng liêng.

Đột nhiên, những cánh bướm từ đâu xuất hiện, đậu quanh bà M. S.

Bà thầm nói điều gì đầy âu yếm với đàn bướm.

Rồi những con bướm đậu xuống những bông hoa Rumdul.

Tiếng nhạc truy điệu dần nhỏ lại.

Nghe bà M. S. kể về loại hoa này, trong lòng nhà sư Phteah Saniphap hình dung những cô gái Khmer đội mũ tai bèo, vai đeo túi cứu thương, đang đứng trước mặt mình.

Những người con gái dịu dàng, đẹp như những bông hoa.

Những chiến binh xinh tươi của dân tộc, những bông hoa Rumdul trong khói lửa chiến tranh.

Tuổi thanh xuân từ nhiều miền đất nước, các em về đây.

Tất cả đều có chung ước mơ, mang Tình yêu và lòng Dũng cảm đi khắp nơi, băng bó những vết thương trên thân thể đồng đội, trên cơ thể đất nước.

Các em không sợ đạn bom, không quản gian nguy, chỉ ước mong tình cảm của mình hóa thành bàn tay, xoa dịu vết thương chiến sĩ.

Các em chưa biết mối tình đầu. Mối tình cao đẹp nhất của các em là mối tình với đất nước, với con người Khmer.

Các em không có vũ khí. Vũ khí của các em là sự quả cảm và Tình thương.

Các em sẽ trở về đơn vị. Sự có mặt của các em có sức mạnh hơn cả một binh đoàn.

Nhưng vì sự nghi ngờ và định kiến, các em đã ngã xuống.

Những loạt đạn bắn vào chùm hoa. Những bông hoa rụng xuống cánh rừng.

Máu các em thấm vào Đất Mẹ

Từ Đất Mẹ mọc lên những cây Rumdul

Từ Đất Mẹ nở ra những bông hoa Rumdul

Hôm nay, những bông hoa Rumdul thơm trên tóc những người thiếu nữ, thơm trên áo em thơ, thơm trong mỗi khu vườn nhỏ, thơm trên mỗi ngả đường của đất nước Campuchia thân yêu.

Hỡi những bông hoa Rumdul năm xưa!

Các em có nghe chăng những bài hát Rumdul Kraties, Rumdul Pursat?

Những bài hát này đang vang lên trên khắp đất nước.

Hôm nay, chúng tôi đến đây, cánh rừng năm xưa nơi các em ngã xuống, để cất lên tiếng hát về một loài hoa Rumdul. - Hoa Rumdul bất tử.

Cầu Trời cầu Phật cho những bông hoa Rumdul bất tử hồi sinh

Hỡi những bông hoa Rumdul trong trắng

Hỡi những người con gái – liệt sĩ trinh nguyên

Các em có nghe thấy lời cầu nguyện của chúng tôi không?

Các em sống khôn chết thiêng

Hãy hóa thành hương hoa đất nước!

Hồn các em phiêu dạt nơi nào?

Hãy trở về

Đất nước đã yên bình

Không còn nghe súng đạn

Hãy trở về những hương hồn linh thiêng

Năm xưa, các em ước mơ băng bó vết thương đất nước

Giờ hãy trở về đây

Mẹ Tổ quốc sẽ băng bó vết thương cho các em

Băng bó bằng Nỗi đau

Băng bó bằng Tình thương
Băng bó bằng niềm Nuối tiếc
Băng bó bằng lòng Cảm phục
Băng bó bằng Hy vọng
Bằng lời chúc Hồi sinh
Hãy trở về…
Về đây các em…
Nhà sư vừa cầu nguyện xong, dường như có cơn gió ùa về.
Gió xao động tán rừng.
Bao nhiêu lá rơi lả tả.
Bà M. S. thắp thêm tuần nhang.
Những bó nhang bỗng bùng cháy.
Và tiếng hát Quốc ca Campuchia âm vang.
Mọi người đứng trang nghiêm, cùng hát:

"Trời cao giúp đỡ che chở Quốc vương chúng ta
Ban cho Hạnh phúc và Vinh quang
Canh giữ, làm chủ linh hồn và vận mệnh chúng ta
Tổ tiên truyền lại cơ đồ sự nghiệp đời đời
Ngẩng cao tự hào Vương quốc nghìn xưa.

Miếu đền đang ngủ sâu kín trong rừng
Nhớ thời kỳ vinh quang Đại vương quốc
Dân tộc Khmer kiên cường như đá
Chúng ta tin vào vận mệnh Campuchia
Thử thách Đế chế qua nhiều thời đại.

Tấm tắc ngợi ca từ trên Phật tháp
Kể lại hồi ức Phật giáo huy hoàng
Chúng ta trung thành tín ngưỡng tổ tiên
Vì thế, Trời Đất sẽ giúp phát triển phồn vinh
Campuchia – Đại vương quốc.

16.
DƯỚI NẤM MỘ KIA ĐÂU CHỈ CÓ MỘT NGƯỜI

Kỷ niệm ngày nhập ngũ, lính tráng tụ tập. Trước khi liên hoan, chúng tôi có một nghĩa cử: mặc niệm những đồng đội hy sinh. Không có bàn thờ. Không có hương khói. Không biết liệt sĩ có về không? Nhưng đâu có sao. Gọi là thắp nén tâm nhang. Cho nhẹ lòng mình.

Nhưng sau buổi gặp mặt, ngồi hàn huyên bên bàn trà, mấy đứa quyết định đến thăm gia đình liệt sĩ. Gia đình nào cũng có những vấn đề của họ. Nhưng khi đến nhà Minh, chúng tôi ái ngại nhất.

Nhà Minh ở gần chợ. Bà mẹ đang bán hàng. Nghe hàng xóm báo tin nhà có khách, bà vội chạy về nhà.

Trao cho mẹ món quà nhỏ. Bà ngậm ngùi. Bà đâu nhớ hôm nay kỷ niệm ngày Minh nhập ngũ. Bà chỉ nhớ ngày Minh mất. Chúng tôi nhớ ngày dương. Mẹ nhớ ngày âm. Không sao. Còn nhớ là tốt. Chúng tôi muốn thắp nén nhang cho Minh. Nhưng không thấy bàn thờ đâu. Bà mẹ vội bắc ghế, đứng lên. Đưa tay rờ nóc tủ. Ảnh nằm úp trên đó. Không có chỗ đặt.

Đành đặt tạm ảnh bạn trên cái ghế đẩu. Coi như bạn đang có mặt tại nhà.

Tấm ảnh đã sờn. Chúng tôi xin phép mẹ mang đi, làm lại.

Chẳng biết chúng tôi tên là gì. Chỉ biết là đồng đội của con mình, mẹ đồng ý ngay.

Xong ảnh, chúng tôi mang lại. Lúc này, bà mẹ mới nói:

- Tôi năm nay đã 75 tuổi rồi. Tôi chỉ có một ước vọng, trước khi chết, mang được hài cốt em nó về.

Chúng tôi nhất trí. Sẽ giúp mẹ làm việc này. Kinh phí chúng tôi sẽ lo. Chỉ cần bà mẹ xin giấy của chính quyền phường để làm việc cho hợp pháp.

Chúng tôi dự tính sẽ tốn khoảng năm mươi triệu. Thôi, quyên góp anh em vậy. Tâm béo ngồi ở quán cà phê Triệu Việt Vương, cầm điện thoại gọi mấy đồng đội "làm ăn được" đến, trình bày lý do. Cuối cùng, số tiền đồng đội quyên góp cũng được bốn mươi nhăm triệu. Đủ lên đường.

May quá, mộ Minh nằm ở Gia Lai. Năm 1979, Minh hy sinh tại Anlong Veng. Chúng tôi chuyển hài cốt Minh về nước. Sau chiến tranh, một số đồng đội ở lại Tây Nguyên, trong đó có Công. Và Công đã cho chúng tôi biết, mộ Minh nằm ở nghĩa trang liệt sĩ huyện Ia Grai. Khi nào chúng tôi đi, Công sẽ đi cùng.

Giấy tờ bà mẹ xin chưa được. Tôi đến hỏi chuyện, bà than vãn: "Anh ạ, tôi ra phường. Gặp người này, họ chỉ người khác. Hôm sau ra, người khác lại đi vắng… Năm lần bảy lượt, mất hơn tháng trời chưa xong cái giấy". Tôi hỏi mẹ Minh: "Thế bà có mang phong bì theo không?" Bà trả lời: "Không" – "Mai bà đi, chuẩn bị phong bì. Việc này phải khéo léo và kiên trì". Tôi động viên. Cuối cùng, giấy tờ cũng xong.

Chúng tôi lên đường. Bên nhà Minh, có bà mẹ, bà bác và người cháu. Tôi phải kéo thêm Thanh xồm vì cứ lên xe là tôi buồn ngủ. Phải có người thức để nói chuyện với lái xe. Và khi qua sông qua cầu, ngã ba ngã tư, cần có người rải tiền và vàng mã…

Xe Ford, 16 chỗ. Đồ lễ, tiểu sành cùng các thứ cần thiết đã chuẩn bị đầy đủ. Chúng tôi đi theo đường Hồ Chí Minh cho nhanh. Không ngờ, nhiều đoạn xấu quá. Mãi nửa đêm mới đến Tam Kỳ. May sao, các đồng đội ở đây vẫn đợi. Vì biết chúng tôi đi làm việc nghĩa. Vào nhà anh Lê, húp tô cháo gà. Ngủ ở nhà nghỉ gần đó. Bốn giờ sáng lại lên đường.

Đến Bình Định, anh em chiêu đãi bữa trưa. Cơm nóng. Canh nóng. Quá ngon. Tình đồng đội nóng hôi hổi. Tôi giới thiệu với mẹ những đồng đội năm xưa chiến đấu bên Minh. Bà nhìn từng người với ánh mắt nhòa lệ đầy yêu thương. Xe thêm người. Anh Quỳnh, Trung đội trưởng năm xưa của tôi và Minh, đi cùng.

Đến Pleiku, phải đi năm mươi cây số nữa mới đến nhà Công. Từ nhà Công, lại phải chạy chục cây nữa mới đến nghĩa trang. Đường vào biên giới heo hút, mịt mùng. Năm xưa, chúng tôi vào đây. Súng nổ ầm ì. Từng đoàn thương binh, tử sĩ được cáng ra. Đường đầy bụi đỏ. Giờ chỉ thấy lau sậy ngút ngàn. Lái xe hơi ngại. Chúng tôi động viên: "Giờ ông đi là ngon rồi đấy! Ngày trước, chỗ này te tua. Mạnh dạn lên!"

Gần 9 rưỡi tối mới đến nghĩa trang. Vắng tanh. Quản trang đâu nhỉ? Tôi hỏi Công. "Mình đã hẹn nó là tối nay ở đây mà!" – Công bực. Cái khóa to nằm giữa hai cánh cổng sắt. Có thanh chấn song bị bẻ gãy. "Thử gọi lại cho nó xem!" Tôi giục. Công gọi. Không có tiếng trả lời. Sốt ruột, bà mẹ chui vào. Ái ngại vô cùng. Mẹ đi lấy hài cốt của con mà phải chui luồn thế này! Biết làm sao. Tôi cũng chui. Vào tìm mộ Minh đã.

Đèn pin bật lên. Công nhớ vị trí Minh nằm. Cũng không khó tìm. Gần hàng đầu. Mọi người sắp lễ. Đang sắp, cậu quản trang về. Anh xin lỗi vì phải dự đám cưới. Rồi anh mở cổng.

Hương đã thắp trước mộ Minh. Chúng tôi đứng sau bà mẹ. Giọng mẹ nghẹn ngào:

- Minh ơi! Sau khi con hy sinh, bố con mất theo. Các em con hư hỏng cả. Mình mẹ, mải mưu sinh, không còn thì giờ dạy dỗ…

Tôi ứa nước mắt. Vội mang rượu cùng ít vàng mã, thăm mộ những đồng đội cùng đơn vị. Toàn thấy hài cốt lính F307. Mấy thằng bạn thân đây rồi. Hút thuốc nhé, đồng hương. Rượu đây, uống cho vui. Nhớ các đồng hương quá! Hôm nay, bọn mình chỉ lấy hài cốt đồng hương Minh thôi. Các đồng hương chịu khó nằm lại. Khi nào gia đình các đồng hương muốn đi lấy, bọn mình lại đi cùng. Các đồng hương yên tâm.

Tôi trở lại chỗ bà mẹ. Bà vẫn khóc thầm. Bó hương bỗng cháy bùng. Thanh xồm châm thuốc cho Minh. Tôi thắp thêm hương mới.

- Thôi, được rồi đấy! – Mẹ Minh nói.

Chắc bà cảm thấy nhẹ lòng.

Rất nhanh nhẹn, anh quản trang lật nắp mộ, nhấc lên một bọc nilon màu đen. Trong đó là hài cốt Minh.

Chúng tôi cho vào tiểu mang theo. Đậy lại. Phủ quốc kỳ ngay ngắn. Anh Quỳnh bưng hài cốt Minh ra ô tô.

Xe đã quay đầu sẵn. Từ từ di chuyển.

Tôi nhìn đồng hồ. Gần 11 giờ khuya.

Về nhà Công, nghỉ lại. Hôm nay, lại đúng giỗ mẹ Công. Anh đãi bọn tôi bữa thịt chó làm theo kiểu đồng bào Tây Nguyên. Công mang một suất ra xe mời Minh. Mẹ Minh cùng hai người họ hàng kiêng không ăn. Công nấu cháo cho họ.

Thanh xồm vừa ăn vừa chê, mặc cho em Công thanh minh. Thì ăn cho biết thịt chó Tây Nguyên ra sao. Tài xế ăn qua loa, rồi ra xe ngủ. Thanh xồm làm vài chén rượu, cũng ngáy khò. Tôi trò chuyện với Công một lúc, rồi đi nằm. Thấy anh Quỳnh ngủ dưới sàn nhà, tôi đến, nằm cạnh anh.

Tưởng anh Quỳnh đã ngủ, không ngờ anh còn thức. Anh hỏi:

- Tuấn có biết vì sao mình đi cùng lên đây không?

- Ờ thì tiện xe, anh đi cùng. Với lại, anh là Trung đội trưởng.

- Không phải. Tuấn biết không, đầu năm 1979 ấy, Tuấn đang đi với C6, mình ở tiểu đoàn, trực máy. Một hôm, mình nhận được bức điện từ Sư đoàn gửi, qua Trung đoàn xuống D mình. Bức điện đề nghị Tiểu đoàn và Trung đoàn giải quyết chính sách cho Minh hoặc chuyển Minh về tuyến sau. Nhưng Ban chỉ huy Tiểu đoàn bị cuốn theo chiến dịch. Không ai nghĩ đến chuyện ấy nữa…

- Một bí mật mà mấy chục năm sau anh Quỳnh mới tiết lộ. Không biết Minh nằm ngoài kia có biết không. Mẹ Minh chắc không biết. Bà bác Minh, vợ một cán bộ quân đội cao cấp, chắc biết? Bố Minh, khi đó, là Giám đốc một nhà máy ở Hà Nội. Nhưng trách làm sao được Tiểu đoàn?

Lúc ấy, đơn vị tôi đang hành quân gấp. Đánh địch khắp tỉnh nọ sang tỉnh kia. Có dừng được đâu? Hơn nữa, Minh đang bị kỷ luật. Hôm ấy, đơn vị đánh địch dọc sông Mêkông. Đuổi địch mệt lử. Lại còn chuyển tử sĩ, thương binh qua sông. Mười giờ đêm mới được vắt cơm. Uống nước cho trôi. Rồi tranh thủ nghỉ. Khoảng 12 giờ khuya, bỗng nghe phía Tiểu đoàn bộ vang lên một loạt AK. Cả Tiểu đoàn bừng dậy. Tiểu đoàn trưởng Võ Sĩ Lực quát lớn: "Thằng nào bắn gì đấy?".

Tôi ở xa chừng ba trăm mét cũng nghe thấy tiếng ông. Ngưng tiếng súng. Ai cũng bực. Ngày bã bời. Đêm vừa nằm lại bị đánh thức. Tìm nguyên nhân. Thì ra lúc ấy, Minh đang gác thì thấy con trâu vào vườn chuối. Nghe sột soạt, tưởng địch, Minh nổ súng. Trâu chạy. Nhưng Minh bị kỷ luật. Từ lính thông tin chuyển xuống Đại đội 5.

Tôi lại có băn khoăn khác. Không biết nói cùng ai khi thấy người quản trang bật nắp mộ rất nhẹ nhàng, rồi dùng một tay nhấc bọc nilon đựng hài cốt Minh lên, tôi đã ngỡ ngàng. Sao lại dễ dàng đến thế? Không cần dụng cụ gì?

Nghĩa trang trải nhựa phẳng. Các nấm mộ bằng đá, có bia đàng hoàng. Tôi cứ tưởng họ chôn đồng đội tôi sâu dưới lòng đất như các nghĩa trang ở ngoài Bắc. Ai ngờ, họ để trên mặt đất thế kia! Chỉ cần lấy cái nắp bằng đá đậy lên. Như thế, xương cốt sẽ mủi rất nhanh. Không chỉ có Minh. Hàng ngàn đồng đội của tôi, họ đều chôn như vậy. Phải chăng là do phong tục ở từng vùng?

Khác với nghĩa trang Yên Kỳ, khi đồng đội tôi bị thương ở Campuchia, được máy bay chở ra Hà Nội cứu chữa, nếu không qua khỏi thì người ta chôn ở Văn Điển. Ba năm sau, họ mang lên Bất Bạt. Rồi cũng mấy chục năm sau, gia đình mới từ Phú Yên ra Hà Nội kiếm tìm. Chúng tôi đi giúp. Lên Bất Bạt, thấy hài cốt được chôn rất sâu, hơn một mét. Vẫn còn nguyên vẹn bộ xương. Gia đình lấy về, cảm thấy nhẹ lòng.

Còn bà mẹ Minh, khi chôn Minh ở nghĩa trang Ngọc Hồi xong, bà mới phân trần với tôi: "Sao tôi thò tay vào, tìm xem còn mảnh xương nào không mà chỉ toàn thấy đất anh ạ!"

Trên đường về, lời bà mẹ khấn trước mộ Minh đau nhói trong tôi. Sau ngày Minh hy sinh, thỉnh thoảng tôi ghé qua nhà bạn. Vẫn mặc quân phục. Đứng ở cửa, bố Minh chạy ra. Ông ôm vai tôi: "Cháu giống thằng Minh nhà bác quá!". Tôi nghẹn ngào. Cố không khóc mà mắt ngấn lệ.

Tôi biết ông buồn nhiều. Mấy năm sau, ông mất vì buồn. Vì thương Minh. Nó là đứa con ông đặt nhiều hy vọng nhất. Khi con còn sống, bố thương theo cách lặng thầm, khác mẹ. Nhưng khi con hy sinh, bố lại thương theo cách không thể giấu được. Còn mẹ, ngược lại, nén nỗi đau vào sâu trong lòng.

Còn mấy đứa em. Anh mất. Bố mất. Mẹ bận mưu sinh. Chúng tha hồ tung hoành.

Một đứa hút chích, chết vì AIDS.

Đứa khác đang ở trong tù.

Cậu thứ ba đang bị truy nã.

Đi lấy hài cốt Minh, có mẹ Minh cùng hai người trong họ.

Nếu Minh không chết, chắc bố Minh còn sống lâu. Và các em Minh, chắc không thể hư hỏng đến thế. Vì Minh rất có uy với đồng đội. Minh chiến đấu rất dũng cảm. Cầm khẩu trung liên, tấn công địch giữa cánh đồng xa lạ.

Nhưng Minh đã hy sinh.

Một cái chết kéo theo nhiều cái chết khác.

Dưới nấm mộ kia, đâu chỉ có một người.

Dưới đó, có cả một gia đình. Mỗi người chết theo một cách khác nhau.

Lúc hy sinh, Minh chưa vợ chưa con. Mới mười chín tuổi xuân. Chưa có mối tình nào.

Đừng ai nghĩ, một người lính chỉ là một người lính. Họ có bao mối liên hệ với nhiều người đang sống. Một người lính chết

đi, để lại trong lòng mẹ, trong lòng những người thân bao vết thương. Những vết thương chảy máu suốt đời. Ai băng bó nổi?

Ước gì, nếu một người lính hy sinh, chúng ta không chỉ quan tâm đến cha mẹ, vợ con, mà còn có thể chú ý đến anh em ruột thịt của họ nữa. Chắc dưới suối vàng, họ càng mát dạ.

Chỉ mẹ là người còn sống. Đứa con bà yêu thương nhất đã chết. Chẳng có lịch sử nào viết lại được sức chịu đựng của bà mẹ. Chẳng có ngôn từ nào diễn tả nổi sự tan vỡ trong trái tim bà.

Trên đất nước này, ở mỗi đường phố, trong mỗi thôn làng, có biết bao gia đình như gia đình của Minh? Có biết bao bà mẹ có số phận như mẹ của Minh?

Họ không có danh hiệu gì

Họ sống lặng lẽ

Chìm lấp giữa bao nhiêu ồn ào hàng ngày

Nhưng những lúc ta chợt nghĩ về họ

Họ sẽ âm thầm tỏa sáng

Như những ngôi sao trong vắt giữa trời…

Một khoảnh đất nhỏ

Một ngôi sao nhỏ

Đêm khuya, trong nghĩa trang liệt sĩ, ai có thể lắng nghe lời trò chuyện của những nấm mồ với ngôi sao?

17.
NHỮNG LINH HỒN CHẾT KHÁT

Tôi nhận thư Ánh. Nhà sư thông báo, tuần tới, từ Kratié sẽ lên Preah Vihear, đến điểm cao 547. Mục đích là làm lễ cầu siêu cho gần một trăm người lính của Sư đoàn 307 chết khát năm 1983. Trận đó, Ánh cũng tham dự. Nhưng may mắn thoát chết.

Căn cứ này nằm trên dãy Đăng Rếch. Về mặt quân sự, đó là một vị trí rất thuận lợi để tác chiến. Nó là một thung lũng. Giữa thung có một ngọn núi. Ngọn núi này cao hơn mặt nước biển 547 mét. Hai sườn thung, phía đông và tây là hai dãy núi cao 600 mét. Lính ta gọi là "đông" 600. Trên đông này có nhiều nơi bằng phẳng như hành lang, như ban công. Đứng trên này nhìn xuống thấy rõ đường hành quân của đối phương. Phía nam, địch gài nhiều lớp mìn. Phía bắc, giáp Thái Lan, lại rất bằng phẳng. Chiếm giữ điểm cao 547 là hai sư đoàn Pol Pot – Sư đoàn 612 và 616. Từ đây, có nhiều hướng xâm nhập nội địa rất dễ dàng.

Lúc đầu, đây là một căn cứ nhỏ của Pol Pot. Năm 1981, một đơn vị của Trung đoàn 95 đã san phẳng, nhưng không hiểu sao sau đó lại rút. Phía Pol Pot, với nhãn quan chiến thuật tinh

tường, chiếm lại ngay. Chúng xây dựng thành một căn cứ kiên cố. Năm sau, ta tổ chức đánh. Lực lượng là trung đoàn thiếu. Nhưng đánh không được. Đầu năm 1983, ta lại tấn công. Vẫn không được. Các đơn vị của Trung đoàn 29 và trinh sát Sư đoàn nhiều lần vây phục, chỉ làm hao tổn địch không đáng kể. Vì vậy, giữa tháng Tư năm 1983, Sư đoàn quyết định dồn hết các lực lượng, quyết chiếm 547.

Trinh sát Sư đoàn và các Trung đoàn được tung vào thám hiểm. Vượt hàng cây số đá tai mèo, lại không quen địa hình nên khi về, trinh sát báo cáo không chính xác. Các vị chỉ huy Sư đoàn cũng tin lời trinh sát, tổ chức hành quân đánh ngay.

Ai cũng biết, mùa khô Campuchia thiếu nước thế nào. Dù mỗi người lính, được phát một cái can mầu vàng, đựng được 4 lít nước. Lại thêm một bi đông nữa, nhưng vẫn không đủ. Lính phải mang theo từ 1,5 đến 2 cơ số đạn. Lương thực 5 ngày. Quân trang quân dụng đầy đủ. È lưng cõng. Lính hỏa lực vác những nòng pháo nặng đến 60 – 80 kg, leo núi lởm chởm. Hành quân ban ngày đã mệt, lại còn đi đêm. Lính mệt lả, nằm lăn ra rừng. Cán bộ đại đội, trung đội đốc thúc, động viên. Nhưng lính không còn sức. Thủ trưởng Hà Quang Hán thương lính, cho nghỉ lại một đêm. Ông bị kỷ luật ngay. Quân lệnh như sơn.

Mặt trời dội lửa. Trời xanh ngần ngặt. Không một sợi mây. Rừng vừa cháy. Cỏ le nhọn hoắt, tua tủa đâm chân lính. Thỉnh thoảng gặp đám cháy rừng. Dàn lửa như đoàn quân, rùng rùng lao về phía lính. Hơi nóng phả hầm hập. Mồ hôi ướt đẫm. Càng uống càng khát.

Sư đoàn cũng biết thiếu nước. Có ba téc đẩy nước do ba chiếc T54 kéo. Nhưng chưa đi được bao lâu, đều bị vấp mìn, đứt xích. Địch từ trên cao, xả 12 ly 7. Những téc nước trúng đạn, như cái bụng vỡ toác.

Vì mệt mỏi, nhiều đơn vị không đến được vị trí tập kết như hiệp đồng. Cũng nhiều mũi, do trinh sát dẫn đường bị lạc, không xác định được phương hướng, đang ở chỗ nào.

Nhưng giờ nổ súng vẫn không thay đổi. Sáng sớm, pháo binh Trung đoàn 576 bắn dọn đường. Nhưng chỉ bắn ước lượng, không chính xác. Bởi trinh sát không tiếp cận mục tiêu một cách cụ thể nên đạn rót tới tấp, nhức óc đinh tai, nhưng đều ra ngoài. Tiếng pháo cũng góp phần trấn an tinh thần lính. Rồi bộ binh xông lên. Đường đâu bằng phẳng. Leo núi. Bám cây. Chiếm từng vách đá. Bấy giờ địch mới phản pháo. Từ trên cao, chờ lính ta vào gần, chúng đồng loạt xả hỏa lực. Lính ta dừng lại. Nhưng ngớt tiếng súng, lại xông lên. Trên đầu hai tầng lửa. Tầng nào cũng kinh hồn. Địch lừa ta, cho vào gần hơn chút nữa.

Buổi chiều, bộ đội lại tấn công tiếp. Xế chiều, ta đã vào gần địch hơn. Tối, hai bên không nổ súng. Nhưng lính ta quá mệt mỏi. Vừa đói vừa khát. Không ai ăn được gì. Lính nằm thẳng cẳng. Khô họng nhìn trời. Cành khô như những cánh tay cầu cứu. Lượng sức mình không đủ để ngày mai đánh tiếp. Ai cũng mở ba lô. Vứt mùng mền, tăng võng, quần áo. Mấy lon thịt hộp, thứ mà ngày thường lính tráng mơ không thấy, giờ như cục đất sét. Quăng đi cho rồi. Ngày thường chẳng có. Đi đánh nhau mới cấp. Nhưng giờ cháy họng. Vứt cho đỡ tức mình. Mấy lon sữa tươi, hiệu Ông Thọ. Ngày thường, đi viện cũng chẳng có. Giờ đang đánh nhau, nặng quá. Giờ ra. Vứt thì phí. Đành cố ăn. Nhưng không thể uống nổi. Miệng đứa nào cũng khô khốc. Lưỡi rộp trắng. Môi bứa ra. Chuyền tay nhau ngửi, thưởng thức hương vị thôi. Thằng Tiến trinh sát định tu, nhưng vội nhổ ra. Sao sữa đỏ thế này? Máu từ đôi môi nứt nẻ. "Mẹ! Chưa bao giờ thấy sữa đắng thế này!" Nó đưa tay quệt miệng. Một vệt máu nguệch sang mép phải.

Sáng hôm sau. 5 giờ, trời đã bừng nắng. Pháo binh lại tiếp tục dọn đường. Nhưng muốn bắn chính xác, trinh sát pháo phải bắc ống nhòm, xem bọn địch phản pháo ra sao. Từ điểm lửa pháo địch, ước lượng khoảng cách. Báo kế toán pháo. Anh này nhận khoảng cách, rồi tính phần tử bắn. Lúc đó, lính mới hạ hay nâng nòng để pháo thủ tiếp đạn, bắn mới trúng mục tiêu. Đằng này, bọn địch im lặng. Không phản trái nào. Vậy nên, pháo ta bắn ầm ầm, chỉ có thể động viên tinh thần lính tráng thôi.

Và khi pháo bắn xong, bộ binh lại xông lên. Nhưng ngay lập tức, hỏa lực địch lại từ trên cao dập xuống. Cao xạ 12 ly 7 nhẽ ra dùng để bắn máy bay, nhưng bọn địch chúc nòng, xả đạn vào lính ta. Mỗi viên đạn to như ngón cái, dài cả gang tay, bắn thép còn chảy, giờ dội xuống người. Pháo không giật DKZ, mỗi viên nặng đến 4 kilo, dùng để bắn xe tăng, giờ cũng chúc nòng bắn tà âm, nhằm vào đội hình lính ta mà nhả đạn. Chắc chúng ở rất gần. Vừa nghe đepa đã thấy súng nổ. Lính thương vong quá nhiều. Đó là chưa kể các loại hỏa lực khác như B40, B41, mỗi trái to như cái hoa chuối, bắn xe tăng chảy thành nước, giờ cũng giáng xuống đầu bộ binh. Hỏi còn gì là người?

Những cái can vàng, giờ trở thành mục tiêu cho địch. Rừng trơ lá. Từ trên cao, địch thấy can vàng nơi đâu, xả súng nơi đó. Lính càng thương vong.

Địch ở trên, lại có công sự vững chắc.

Tiếng chúng hò hét làm lính mình ghê rợn. Quá gần.

Ta ở dưới, phơi mình ra chịu trận.

Tổn thất quá nhiều. Lính cáng lính ra ngoài. Cõng nhau. Dìu nhau. Đi không nổi. Toàn núi đá. Người bị thương, phải buộc dây, ròng xuống. Người chết, khiêng ra ngoài, không

chuyển đi đâu được. Những người còn sống biết không thể lên được, tùy nghi rút lui.

Tôi nhớ anh Nguyễn Ngọc Ca, thiếu úy, quê Hà Bắc. Một người khỏe mạnh. Khuôn mặt vuông vức. Mái tóc đen đẩy. Mái trước xoăn, bồng lên, rất nghệ sĩ. Anh bị thương nặng. Đồng đội tìm cách cáng anh xuống núi. Nhưng không thể. Nếu buộc dây, thả xuống, máu ra nhiều, chắc cũng chết. Anh nói đồng đội khiêng mình vào một cái hang. Để lại cho anh khẩu AK và hai trái lựu đạn. Anh bình tĩnh lắm. Anh nói, các đồng hương về đi. Tôi biết số phận mình. Các đồng hương không thể mang nổi tôi đâu. Tôi sẽ chết ở đây. Đi đi… Đừng lo cho tôi… Anh Thiện, quân lực Trung đoàn, thay mặt nhóm, từ biệt anh Ca. Còn chút nước, chúng tôi đổ hết vào bi đông. Được một nửa, đưa lại cho anh.

Ôi anh Ca, tôi viết tên anh là chữ "Cờ - a - Ca". Nhưng anh lại viết tên mình thành chữ "Ka" với nét dưới dài ngoằng, cong xuống như cánh võng, đỡ chữ "a" nhỏ nhắn. Đó là kỷ niệm từ ngày tôi còn ở thông tin Tiểu đoàn 8, thường đi phối thuộc với đại đội của anh. Anh viết điện. Tôi chuyển về Tiểu đoàn. Tôi nhớ nét chữ anh. Phóng khoáng. Tươi tắn. Giờ anh chết thế này. Cầm lòng sao được?

Buổi trưa, nắng càng dữ dội. Lính không còn giọt nước nào.

Lúc bấy giờ, Sư đoàn mới ra lệnh cho các Trung đoàn tùy nghi rút.

Lính càng vứt nhiều đồ.

Đạn chưa bắn được, vứt bớt.

Ba lô cũng quăng luôn.

Chỉ tay cầm khẩu súng, lưng đeo toòng teng cái can vàng.

Và bây giờ, cơn khát nước mới càng sôi sục.

Sang ngày thứ tư, không có nước uống.

Chúng tôi đi, khắp rừng, chỗ nào cũng gặp lính tráng. Xuống đến chân núi, gặp Bình điếc, anh nuôi đại đội tôi, bị thương ở khuỷu tay. Máu ra nhiều. Anh em băng bó. Nắng gắt. Bình chui vào bụi cây nằm. Lát sau, đồng đội lay Bình dậy. Nhưng Bình đã còng queo. Mấy người nữa cũng gục xuống tự lúc nào. Chúng tôi lay, không dậy được. Đưa tay lên mũi, xem còn thở không. Cũng không thấy gì. Không thể cáng các đồng đội về. Vì không có gì để khiêng. Đành chôn ở đây. Kiếm cái xẻng của anh nuôi Bình điếc, Phan Văn Á, người Thăng Bình, đào cái hố bên suối. Nhưng đất rắn quá. Á phải đào dưới lòng suối cái hố lớn. Đồng đội khiêng Bình cùng bốn người khác, đặt xuống. "Có gì làm dấu không?"- Ai đó hỏi. Nhưng ai cũng biết là không có gì. "Nhỡ mùa mưa, nước cuốn đi thì sao?" – Một người hỏi. "Biết làm sao bây giờ?". Thôi, các đồng hương nằm lại. Năm sau, tụi tui vô lấy xác. May thì còn.

Chúng tôi tìm đường về. Đi loanh quanh chân núi. Dọc suối, chỗ nào cũng thấy xác đồng đội. Người nằm thẳng cẳng. Chân tay giang ra như đã yên giấc tự bao giờ. Người tựa lưng vào bờ suối, gục xuống. Cạnh đó, một con trăn đã đánh hơi thấy. Anh Đình tác chiến cầm khẩu AK, dí sát đầu trăn, bóp cò. Năm viên đạn hạ gục kẻ rình mồi. Có cả một cáng thương. Không biết thương binh hay tử sĩ mà người cáng và người nằm trên cáng đều chết. Tôi nhìn thấy xác một người nằm bên gốc cây. Anh mới về đơn vị. Vừa tốt nghiệp trường Sĩ quan Lục quân II. Quân phục còn mới. Tôi chỉ biết anh này tên Nguyễn Bá Lan, quê Tĩnh Gia, Thanh Hóa. Tôi hỏi, sao anh ấy chết? Tâm y tá D8, người Đà Nẵng trả lời: "Ảnh khát nước. Chịu không nổi. Nên tự sát."

Đấy chỉ là lối rút đi của tôi. Còn những ngả khác, ai cũng chứng kiến bao cảnh đau lòng. Mãi cả tuần sau, quân lính vẫn lếch thếch kéo về Tiểu đoàn tôi. Mỗi nhóm vài ba người.

Tổng kết trận đánh, Sư đoàn tôi thống kê có khoảng 95 lính chết khát.

Cuối thư, Ánh – nhà sư Phteah Saniphap nhờ tôi viết bài văn tế. Tôi viết theo cảm xúc của mình.

Văn tế đồng đội chết khát trận 547 chiến trường K

Tôi ngậm ngùi trở lại chiến trường xưa
547 – điểm cao trên núi đá
Cuối mùa khô năm 83 nghiệt ngã
Đồng đội tôi khát nước
Chết trăm người!

Ơi những chàng trai đẹp nhất Sư đoàn tôi
Từ Thanh Hóa, Nghệ An, Hải Phòng, Hà Nội
Từ Quảng Nam, Khánh Hòa, Nha Trang, Bình Định…
Về tụ nghĩa trong Sư 307 kiên cường
Với những Trung đoàn quả cảm lừng danh
E 95 Anh hùng hai bận
E 29 vào sinh ra tử
E 94 can trường máu lửa
E pháo binh 576 oai hùng…

Chúng ta đi vào chiến dịch trùng trùng
Ngày đội nắng
Nắng mùa khô khủng khiếp
Cả rừng cháy
Cỏ cây đều chết
Chúng ta đi
Xuyên đêm tối mịt mùng
Cõng năm ngày lương thực trên lưng
Đạn ít nhất cũng hai cơ số
Mỗi người lính – một can vàng rực lửa
Gùi theo năm lít nước từ nhà
Bao dốc đèo lầm lũi vượt qua
Vai vác pháo, tay bám đá tai mèo leo núi
Ai cũng mơ
Trận này là trận cuối
Nhổ 547 xong
Sẽ được về nhà
Bao năm rồi không được gặp mẹ cha
Không gặp vợ con
Thương người yêu mong nhớ

Nhưng ai biết mùa khô Campuchia gian khổ
Năm lít nước mang theo uống không đủ một ngày
Xe tăng kéo nước theo, bỗng vấp phải mìn
Đạn 12 ly bẩy xuyên ngang téc nước

Lên cơn khát
Cả đoàn quân rạo rực
Như lửa như than thiêu đốt cháy người
Lương thực mang theo vứt bỏ khắp nơi
Cùng tăng võng, áo quần, súng đạn…
Trong khi đó, điên thay, trinh sát
Dẫn nhiều mũi đi đứt khúc lạc rừng
Đến giờ G rồi
Nơi nổ súng
Nơi không
Tan phương án hợp đồng binh chủng
Địch ở trên
Dội từng tràng hỏa lực
Vào quân ta giữa bãi tráng lùng nhùng
Những đoàn quân đang ở lưng chừng
DKZ bắn tà âm tan tác
Các đội hình tả tơi rối loạn
Lính và chỉ huy
Ai nấy chạy cùng đường…

Nhưng lính rút đi
Vẫn mang súng đến cùng
Gặp địch vẫn
Kiên gan nổ súng
Nhưng lính phải

Đầu hàng
Khuất phục
Một kẻ thù
Khuấy đảo tứ tung
Một kẻ thù
Dội lửa lên đầu lính
Ấy là Nước
Nước mùa khô cạn kiệt
Không có nước
Lính chết ngồi chết rục
Kiến bò lên
Côn trùng cắn khắp người
Họng cháy khô
Không nói được nữa rồi
Không chịu nổi
Bao người cùng muốn
Đặt mũi súng vào thái dương
Và
Bóp
Óc phọt ra
Thoát kiếp đọa đầy
Bao người bị thương bò dưới rừng cây
Vừa mất máu lại vừa chết khát
Đồng đội vùi trong lòng suối cát
Chẳng có gì làm dấu nơi đây

Và bao người bị ngất dưới rừng cây
Giấc mộng đến
Trôi về miền cực lạc
Mơ thấy mình đang bơi trên nước bạc
Sóng dạt dào
Thiên thần bỗng hiện ra
Gương mặt dịu hiền áo dài trắng thướt tha
Đỡ chiến binh mẹ hiền vào giấc ngủ
Giấc ngủ thiên thu
Giấc ngủ vĩnh hằng...

Hỡi các linh hồn năm xưa chết khát chết oan
Hãy tụ về đây
Dưới bàn thờ Phật
Chúng tôi mời các anh của ngon vật lạ
Hãy về đây
Đứng dưới bóng Phật bà
Bình thanh tịnh Phật nghiêng xuống rót ra
Nhành dương liễu rẩy chan hòa mưa xuống
Nước cam lồ đồng đội mình cùng uống
Nước ngọt nước thơm nước mát nước lành
Đồng đội gọi thêm tất cả chúng sinh
Lính Lon Nol, S'rayaka, Pol Pot
Tất cả cùng về đây cùng uống
Dòng nước từ bi trong sạch tâm hồn

Hòa bình đã về trên khắp quê hương
Trên ngôi đền thiêng, trên 547
Thù hận tan rồi
Các linh hồn có thấy
Lính hai bên đã chụp ảnh chung
Và hôm nay Phật pháp về cùng
Cầu cho các linh hồn siêu thoát
Nam mô A di đà Phật!
Nam mô A di đà Phật!
Nam mô A di đà Phật!

18.
TRÁI TIM NGƯỜI MẸ

Năm 2006, tôi đi công tác ở Thành phố Hồ Chí Minh. Một chị người miền Trung nhờ tôi mang gói quà cho đứa em rể là kỹ sư. Anh ấy đang xây dựng hầm chui Kim Liên ngoài Hà Nội. Anh tên là Lâm.

Tôi mang quà đến. Anh kỹ sư người Quảng Nam rất vui. Biết tôi là bộ đội phục viên, lại ở cùng Sư đoàn với người chú họ của anh, nên anh rất quý. Người chú họ của anh hy sinh tại chiến trường K do một người lính cùng đơn vị, tên X, trong cơn điên loạn, đã hạ sát nhiều người cùng đại đội.

Tôi lại được anh Quảng, quê Thái Nguyên, người lính cùng Trung đoàn tôi, cho biết có đứa cháu tên Thiệu, làm công nhân xây dựng hầm chui Kim Liên. Anh Thiệu là cháu của anh X - người gây tổn thất lớn cho một Trung đoàn của chúng tôi đang chiến đấu trên chiến trường K.

Hỏi Lâm có biết Thiệu không? Lâm cười, biết chớ. Anh Thiệu khéo tay lắm. Trước ảnh làm thợ mộc ở nhà. Lấy vợ Hà Nội. Hai vợ chồng dọn lên Thủ đô.

Hỏi Thiệu có biết anh Lâm không? Thiệu trả lời, em rất thân với anh Lâm. Em tưởng mình đã là thợ hàn bậc cao,

không ngờ anh còn chỉ cho em cách hàn siêu hơn. Đúng là kỹ sư.

Nhưng tôi băn khoăn, không hiểu hai người đã biết chuyện tày đình mà anh X gây ra chưa? Liệu biết rồi, họ đối xử với nhau thế nào? Còn nếu chưa thì sao? Nếu sau này họ biết, có trách tôi không?

Một hôm, Chủ nhật, tôi mời hai người đi uống bia ở nhà hàng Hoa Viên. Nhưng họ nói chỉ thích uống bia hơi Hà Nội. Đã hơn. Được ngay. Chúng tôi đến nhà hàng Bia Hải Xồm.

Chuyện trò hồi lâu mới biết Lâm đã từng về quê Thiệu. Tôi chột dạ, hỏi về lâu chưa? Lâm nói, cháu có ý định về lâu rồi. Về để xem gia đình chú X ấy như thế nào? Tại sao chú lại bắn chú họ của cháu cùng nhiều đồng đội? Nhưng cháu không vào. Chỉ đi qua ngõ thôi. Cháu phải giấu gia đình Thiệu. Chỉ có mỗi Thiệu biết.

Tôi hỏi:

- Nhưng hai anh em không ghét nhau à?

- Sao lại ghét nhau? - Lâm cười – Ai làm nấy chịu. Tụi con đâu dính dáng gì.

- Còn Thiệu thì sao?

- Dạ, lúc đầu cháu cũng ngại. Sau thấy anh Lâm chân tình quá, cháu mới bình thường.

- Nhưng ai nói cho các cháu biết chuyện chú X?

Lâm nói:

- Thì khi nhận công tác ở Hà Nội, cháu đã có ý định về nơi đó rồi. Xem danh sách công nhân, cháu thấy anh Thiệu, quê gần đó. Cháu để ý, làm quen. Rồi anh em tâm sự. Lúc đầu, cháu thấy Thiệu cũng có vẻ ngại ngùng. Nhưng sau cháu thuyết phục, rằng cháu chỉ muốn đến đó, ngó qua thôi. Để khi

mô về Quảng Nam, thắp nhang cho ông chú, cháu sẽ kể. Kể cho linh hồn chú cháu siêu thoát.

Tôi không ngờ, một câu chuyện nặng nề và phức tạp, lại được các bạn trẻ giải quyết một cách nhẹ nhàng và giản dị đến vậy.

Chiến tranh không chỉ là những đoàn quân ra trận; những bản tổng kết rực rỡ hay những huân, huy chương rạng ngời. Đối với những người lính, họ nhìn chiến tranh bằng cặp mắt khác. Họ soi rõ ngọn ngành từng vụ việc, từng cái chết, từng lần chết hụt, từng chuyện đau lòng. Và chỉ có những người lính chiến mới có thời gian và tâm trạng nhìn từng sự việc nhỏ như vậy.

Có những câu hỏi không ai muốn trả lời. Có những câu chuyện buồn không ai muốn gợi lại. Nhưng một cuộc sống trung thực và can đảm không cho phép chúng ta sống hời hợt, đại khái. Một thái độ sống chân chính đòi hỏi chúng ta phải sống kỹ với từng chi tiết của quá khứ, của ký ức.

Tôi về Thái Nguyên. Anh Quảng cũng biết sự chần chừ của tôi. Sự chần chừ có lý do. Nhưng không thể lùi. Thời gian cũng qua lâu rồi. Vị thuốc đã ngấm vào vết thương. Và vết thương đã thành sẹo.

Tiến, người em của X, kể:

- Dạo xã tư giấy báo tử về, cả nhà em bị sốc. Không ai tin chuyện đó. Ngay cả ông chủ tịch xã, một cựu chiến binh, cũng kinh hoàng. Bố em thì im lặng. Ông xin làm ông từ giữ đền. Mấy tháng sau bố em chết. Mẹ em thì đúng là "con dại cái mang". Bà vẫn làm giỗ cho anh ấy. "Nghĩa tử là nghĩa tận" mà. Nhưng bà không chịu yên. Bà quyết tìm ra lý do. Tại sao anh ấy

lại hành động như vậy? Bà không tin những gì mà xã báo về gia đình. Không tin lời kể lại của bất cứ ai. Bà có kênh riêng. Bà đi gọi hồn. Nghe nói bên làng Gầu có bà mù gọi hồn thiêng lắm.

Đứa cháu gái đưa bà đi. Đây là cái băng cassette. Anh có thể cầm về nghe. Em đã sao thành mấy bản.

Tôi cầm về. Đêm khuya. Thắp nén nhang cho không gian thêm phần sâu lắng, tôi lắng nghe cuộc trò chuyện của hai mẹ con.

- Con đã về đấy à? Mày thế nào, con?

- Dạ, con bình thường mẹ ạ.

- Ngày con mất, mẹ nằm mơ thấy người con đẫm máu, rũ như tàu lá khô…

- Mẹ đừng nhắc chuyện buồn ấy nữa.

- Mẹ hỏi thực, tại sao con lại làm chuyện tày trời thế?

- Mẹ có biết không, đời lính, trong đơn vị, cũng có đủ mọi chuyện như ngoài xã hội. Lúc đầu, con phân làm hai loại: Người tốt và người xấu. Nhưng khi vào chiến trường, con lại thấy hai loại khác: Người dũng cảm và người hèn nhát.

- Thế con làm gì người ta?

- Đôi khi con thấy, lính dũng cảm, còn chỉ huy hèn nhát. Vả lại, suốt 5 năm đi lính, con không được về phép một ngày nào. Nhiều anh em lính tráng trong đơn vị con cũng vậy. Sĩ quan thì họ có tiêu chuẩn nghỉ. Bọn con chỉ nghe động viên suông. Chán quá. Con phản đối. Thế là có ông cán bộ kia trù dập, tìm cách cô lập con…

- Con phải trình bày với chỉ huy chứ…

- Trong Ban chỉ huy, có mỗi một anh thân với con. Chỉ anh ấy hiểu con. Nhưng một mình anh ấy thì chẳng thay đổi được gì…

- Dù sao thì con vẫn sai. Anh em, đồng đội mình, cùng chung lưng chiến đấu, tại sao con lại bắn người ta?

- (khóc) Con biết con sai rồi mẹ ạ. Con sai nhiều lắm! Mẹ tha thứ cho con…

- Mẹ đau lòng lắm…

- Con biết. Nhưng mẹ biết không, chúng con sống trong rừng. Xung quanh không có dân. Nếu cứ như trước 1975, tụi con đóng gần dân. Ra dân tâm sự, cũng nguôi đi. Đằng này, có dân đâu? Hơn nữa, nếu có, họ có hiểu mình nói gì đâu. Con uất ức quá. Con lên cơn điên…

- Giờ con thấy sao?

- Con thấy mình đáng chết. Con không thể tha thứ cho mình. Dưới này, gặp đồng đội, con xấu hổ lắm! Rồi anh em đại lượng, cũng dần cho qua…

- Hài cốt của con, nếu mang về, xã không cho vào nghĩa trang liệt sĩ đâu…

- Con xin lỗi. Mẹ tha lỗi cho con. Thôi, mẹ cứ để con nằm trên này. Giờ về Tây Nguyên, con cũng được an ủi. Nhất là các anh đi trước…

- Thôi, mẹ khuyên con cố tu tâm tu tính, rèn luyện cho bằng anh bằng em. Ở nhà, mẹ sẽ cầu Trời Phật cho con được đầu thai thành người tử tế…

- Dạ, con xin đội ơn mẹ suốt đời.

- Mẹ đi đây…

- Con chào mẹ. Con có lỗi lớn. Không chăm mẹ được ngày nào, lại còn để mẹ đau khổ… Mẹ tha thứ cho con…

- Mẹ tha rồi mẹ mới đến đây. Ở dưới đó, con nhớ tu luyện cho tốt!

Tiếng khóc nghẹn ngào của người con kết thúc buổi gọi hồn.

19.
CAMPUCHIA
CÒN NHIỀU MÌN LẮM!

Một nhà báo Mỹ tên là Hay Loeuth trò chuyện với nhà sư Phteah Saniphap. Ông nói, nhà sư đi cầu siêu cho những linh hồn siêu thoát, cho tâm hồn người sống bình yên. Đó là điều rất cần thiết. Nhưng ông cho biết, trong đất Campuchia, hiện nay còn rất nhiều mìn. Theo ước tính của Trung tâm Hành động Bom mìn Campuchia, thì phải mất tới 100 năm mới có thể tháo gỡ và dọn hết mìn ở đất nước này.

Đó là những vết thương trong đất.

Đó là một phần di sản của chiến tranh. Nó cướp đi những sinh mạng mỗi ngày.

Ngay những người lính từng đặt mìn, cài mìn cũng không nhớ, không biết chúng được đặt chỗ nào.

Ngỡ như hết chiến tranh, dân chúng được sống trong hòa bình. Nhưng người dân Campuchia còn gặp nhiều tai họa. Nạn nhân của mìn ở đất nước thân yêu này, có thể nói là đứng đầu thế giới. Từ người già đến em nhỏ, từ phụ nữ đến đàn ông, người nào cũng có thể trở thành người tàn tật vì mìn. Kể

từ năm 1979, hơn năm mươi nghìn người dân Khmer bị cắt cụt chân, cụt tay vì mìn. Tính trung bình, mỗi tuần có hơn bốn chục người là nạn nhân. Đó là số người có thể cấp cứu được. Số chết vì mìn còn cao biết bao.

Mìn ở Campuchia mang đủ các nhãn hiệu. Từ các quốc gia lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nga… đến một loạt các nước khác như Đức, Sec, Ấn Độ, Chile, Hàn Quốc, Triều Tiên, Thái Lan, Iran, Iraq, Nam Phi, Bungari, Việt Nam, Hunggari, Ba Lan v.v… Không chỉ những bên tham chiến mà những nước khác cũng cung cấp mìn cho các bên ở Campuchia.

Ông Hay Loeuth trao cho nhà sư Phteah Saniphap bức thư của một người đàn ông Khmer. Ông bị cụt tay. Khi cuốc đất, ông cuốc phải trái mìn. Nó nảy lên và nổ. Ông bị mất một cánh tay. Phải cưa đến bả vai. Bức thư nói lên nỗi niềm cay đắng của một con người yêu lao động, bỗng gặp phải tai họa đau đớn. Tôi xin phép ông Hay Loeuth đăng bức thư này.

Thư của một người Khmer bị cụt tay

Tôi muốn kể cho bạn nghe về nỗi đau khổ đã ập đến trái tim tôi và tôi không thể tự mình giải thoát. Khi tôi, một người bị cụt tay, đau buồn, và những người xung quanh vui vẻ, hạnh phúc. Tôi đã đau khổ biết bao. Tôi đã không còn sức lực để đấu tranh và tiếp tục tồn tại trên thế giới này. Trái tim tôi đầy đau khổ và tuyệt vọng. Sống để làm gì? Chỉ cần một chút thức ăn để lấp đầy cái bụng đói và chờ đợi cuối ngày. Nhưng tôi muốn kể cho các bạn nghe về cảm giác của tôi sau khi chân tôi giẫm phải mìn, nhưng tay lại bị đứt.

Tôi mất hết ý thức về bản thân và lòng tự trọng. Thay vào đó là sự hèn nhát, sợ hãi và tuyệt vọng. Tôi không muốn sống. Những lời không ngừng văng vẳng bên tai tôi: "Tôi là một người cụt tay". Không có lý do sống được tìm thấy trong những từ này.

Đầy nỗi buồn, sự xấu hổ và sự khiêm tốn khi bị người khác coi thường.

Khó khăn cả về thể chất và tâm lý. Không có gì để cười, vì vậy đừng bao giờ cười.

Luôn bị căng thẳng trước sự coi thường của người khác. Giống như sống trong một địa ngục.

Sống như loài bò sát thường che mặt khi gặp các con vật khác. Hoặc như loại cây mọc trên cây khác. Đó là lý do tại sao người khác thất vọng và coi thường tôi. Tôi là một ký sinh trùng. Mọi thứ mà tôi có thể làm trước đây, đi, đứng, ngồi, nhảy, chạy… Giờ tôi không thể làm gì hơn. Bất cứ khi nào tôi ở trong một nhóm người, tôi đều nhìn lại bản thân và thấy rằng tôi là người xấu nhất trong tất cả.

Nếu tôi có tiền (500 riels hoặc hơn) và đi đến cửa hàng để mua thứ gì đó, người chủ đã hét lên để tôi biến đi. Tôi đã nhục nhã biết bao. Họ nói rằng họ chỉ mới mở hàng và không có gì để cho tôi. Ôi Chúa ơi! Tôi đã xấu hổ biết bao! Tôi bước vào cửa hàng để mua, không phải để ăn xin, nhưng họ không chào đón tôi như bất kỳ khách hàng nào mà như một người ăn xin. Tôi có tiền để trả cho họ, nhưng họ nghĩ rằng tôi đi ăn xin. Tôi là một người ăn xin! Trái tim của người cụt tay không có gì khác ngoài nỗi buồn và sự xấu hổ. Đó là món quà của chiến tranh và mìn cho người cụt tay.

Mỗi ngày chỉ có hai từ văng vẳng bên tai tôi: "Kyum chhunpika - Tôi là một người cụt tay". Có vẻ như sấm sét đánh vào đầu tôi từ tám hướng. Tai tôi ù đi, tầm nhìn mờ đi, cổ họng tôi thắt lại và đau nhói ở ngực. Ôi, Chúa ơi, hãy chỉ cho con con đường để đi. Tôi chết khô để vật lộn sống trong thế giới tăm tối này mà không có cách nào. Hãy chỉ cho tôi cách để rời khỏi nó.

Tôi đã quên đi khả năng lao động nặng nhọc để kiếm sống như làm đồng áng hay công việc nhà máy. Giờ tôi chỉ đi bộ, nằm xuống ngủ. Ngay cả việc đi vệ sinh cũng là khó đối với tôi. Vậy làm sao tôi có thể kiếm sống? Tôi không có tiền khởi nghiệp. Không có người thân để nương tựa. Không có ai.

Trước đây, tôi rất muốn làm việc trên cánh đồng để trồng lúa hoặc rau. Nhưng thật khốn khổ cho cánh tay của tôi đã bị mìn thổi bay. Chân của tôi, tuy không bị mất, nhưng cũng phải đi khập khiễng. Nhưng tôi cố gắng tự động viên mình rằng chân và tay của mình sẽ mọc lại sau khi Campuchia đạt được hòa bình. Tôi luôn nghĩ về phúc lợi xã hội của người dân chứ không phải tham lam quyền lực. Tôi mơ ước nếu được như vậy, tôi sẽ hạnh phúc và cố gắng trở thành một công dân tốt trong xã hội. Bây giờ cái gọi là bình yên đã đến, nhưng chân và tay của tôi vẫn chưa mọc lại. Làm thế nào? Tôi đã thấy một con cua và nó có thể mọc lại chân, con giun đất cũng có thể sống sót nếu một phần cơ thể của nó bị đứt lìa. Nhưng điều gì xảy ra với chân và tay! Khi nào chúng sẽ mọc trở lại?

Vì vậy, trong khi chờ mọc lại tay chân, bụng tôi cảm thấy đói. Nó kêu gào đòi ăn. Tôi đang đói. Tôi sẽ làm gì để lấp đầy cái bụng đói của mình? Tôi sẽ cầu xin, mà đầy xấu hổ. Tôi sẽ bị chê bai, trách móc và coi thường bởi những người không quan tâm. Tôi cố gắng kiên nhẫn và chịu đựng số phận tồi tệ mà tôi phải đối mặt. Tôi thậm chí còn khóc. Tôi khóc không ra nước mắt. Tôi thậm chí hét lên, một tiếng hét không thành tiếng. Nhưng không có sự thương xót. Tôi đi ăn xin khắp nơi, ở chợ, quán ăn, ga tàu... Đi đâu tôi cũng so sánh mình với người khác. Họ có khuôn mặt vui vẻ, mặc quần áo đẹp, có làn da mịn màng và có mùi thơm. Trong khi đó, quần áo tôi nhàu nát, mồ hôi khắp người. Tôi có mùi rất kinh khủng. Mông tôi chỉ được che bằng

chiếc quần đùi kaki cũ. Bụi đất làm tôi bẩn và ruồi nhặng bu quanh. Tôi thường giơ tay chào khi mọi người vượt qua.

Nhà sư Phteah Saniphap đọc thư. Nhưng ông nghĩ về thân phận con người. Người đàn ông trong bức thư này không phải là thương binh. Anh chỉ là một người dân bình thường, nhưng mất tay. Chân mang thương tật. Anh có ước mơ mình biến thành con cua vì khi mất chi, con cua có khả năng mọc lại. Anh có ước mơ mình biến thành con giun đất. Hình như loài này vẫn có thể mọc lại phần cơ thể bị đứt lìa. Và nhà sư có ước mơ. Ước gì có thể chia sẻ một phần cơ thể mình cho anh ấy được!

Ánh viết thư cho tôi. Anh kể chuyện về những đứa trẻ đang đùa chơi trên cánh đồng, bỗng vấp phải mìn. Chúng đau đớn. Bệnh viện thì xa. Cấp cứu nhanh mới may thoát chết. Nhưng hậu quả thật thương tâm. Đứa mất tay. Đứa mất chân. Đứa mất mắt.

Nhưng sâu xa hơn, chúng mang trong mình nỗi đau mặc cảm. Vết thương bị gạt ra rìa xã hội. Làm sao giúp chúng thoát khỏi vũng lầy tâm lý này?

20.
NGHĨA TRANG KHÔNG BIA MỘ

Tôi viết thư cho Ánh, kể câu chuyện ngược lại. Câu chuyện của một bác sĩ quân y Sư đoàn. Một người mà cả tôi và Ánh đều biết. Một con người có nỗi đau riêng. Ông không mất chân mất tay. Nhưng ông chính là người cắt chân, cắt tay cho hàng trăm người lính trong Sư đoàn tôi.

Tháng trước, nhân có đồng đội từ Đà Nẵng ra, chúng tôi về thăm anh, người chủ nhiệm quân y Sư đoàn. Anh Trình, bác sỹ Trình. Sư đoàn tôi có nhiều đời chủ nhiệm quân y. Anh là đời thứ hai. Gọi là "đời" vì Sư đoàn hành quân liên miên, các bác sĩ cũng thay nhau đến rồi lại đi. Nhưng anh ở Sư đoàn tôi khá lâu, lại đúng vào thời gian Sư đoàn thương vong nhiều nhất.

Thấy chúng tôi đến, dù đã điện thoại trước, anh cũng vừa buông tay. Nhà anh làm bia mộ. "Trước đây, tớ làm pháo. Tết đến, tiền xếp mấy bao tải. Vợ con đếm không xuể. Từ ngày cấm pháo, tớ chuyển sang làm bia mộ. Cái này ăn ra phết.

Dân giờ có của. Ai cũng thích làm bia mộ hoành tráng. Giúp mình có thằng cháu. Nó làm toàn bằng vi tính. Vốn mình bỏ ra. Mình trả lương cho nó. Bà nó đâu, mâm bát xong chưa?"

Người vợ đon đả: "Mời các anh! Cây nhà lá vườn. Gà nuôi sau nhà. Đậu phụ tôi tự làm đấy. Rau thì ngoài vườn. Rượu ông ấy ngâm hàng hũ, chôn đấy góc bếp".

Đúng là cơm đồng quê. Thịt gà ngọt, ấm chân răng. Rượu uống êm, thơm nồng cổ họng. Rau xanh ngắt. Hết nâng lên lại hạ xuống. Những câu chuyện lính tráng lại xoay quanh cánh rừng.

Người vợ ngồi bên, ít ăn. Tuy vui nhưng gương mặt chị vẫn ẩn hiện nỗi lo về sức khỏe của chồng. Chờ lúc nguôi chuyện, chị mới nói:

- Các chú biết không, ông nhà tôi, không hiểu có bị ma làm không, cứ thỉnh thoảng lại bỏ nhà, đi lang thang.

- Bà nói gì vậy? Lang thang đâu mà lang thang!

- Không lang thang mà cứ lên đê, ngồi ở đầu cống, tay cầm tấm bia… Dân làng cứ đồn, bảo ma ám.

- Thôi! Bà đừng tin những lời xằng bậy ấy! Anh Trình nói to.

Càng nói, câu chuyện càng đi vào chiều sâu. Anh Trình thanh minh:

- Dân làng đồn tôi, làm bia, lấy đất, nên bị ma ám. Nhưng tôi là người thần kinh vững vàng, đầu óc minh mẫn, luôn làm việc tốt giúp thiên hạ. Tôi hiểu tôi chứ. Nhưng các ông biết không. Tôi bị ám ảnh bởi cái nghĩa trang. Nghĩa trang Sư đoàn mình.

Dạo Sư đoàn đóng quân ở Cầu Cháy ấy. Thương binh các nơi chuyển về nhiều lắm. Trong đầu tôi, lúc nào cũng chỉ vang

lên hai tiếng: "Cắt chân! Cắt chân!". Lúc ăn cũng thấy cắt chân. Lúc ngủ cũng mơ thấy cắt chân. Ngày nào cũng cắt chân. Ngày cắt dăm bảy ca. Có ca cắt một chân, ca cắt hai chân. Tôi quay cuồng trong mỗi việc cắt chân.

Tôi cố giữ lại cho anh em, nhưng không được. Ngoài phần thịt giập nát, nhiễm trùng, thậm chí hoại tử, còn phần xương thì vỡ. Làm sao nối lại được? Xương vỡ, đành phải cắt. Đau lắm chứ. Dù có chút thuốc tê, nhưng khi cắt, tôi có cảm giác như cắt chính thịt xương mình. Mình có cảm tưởng, hình như, trên cơ thể đồng đội có một phần của chính cơ thể mình.

Khi cắt chân xong, tranh thủ lúc anh em chưa tỉnh, tôi xách cái chân ra nghĩa trang. Tôi không muốn nhờ y tá. Sợ họ chôn cẩu thả. Bởi có lần, tôi thấy cậu y tá đào cái hố nông choèn, quẳng cái chân xuống, vùi sơ sơ, rồi bỏ đi. Tôi muốn tự tay mình chôn. Tha lỗi cho tôi. Tôi chôn một phần thân thể, một phần linh hồn đồng đội nơi này. Tôi nhìn quanh. Rất nhiều nấm mộ nhỏ, mới chôn. Khác với các nấm mộ đắp cao, mộ chân tay đều bằng. Làm sao nhớ được? Tôi cũng đánh dấu mộ chân, mộ tay của các đồng đội. Nhỡ khi họ tỉnh, hỏi chân tay tôi đâu, mình còn có chỗ chỉ.

Nhưng khi tỉnh lại, thấy mất chân, anh em chỉ khóc thầm. Họ biết cái chân họ hết tác dụng, hết vai trò. Họ hiểu nỗi đau của mình. Nhưng họ mừng vì đã thoát chết. Bởi đồng đội chết nhiều quá! Và họ có niềm vui sẽ được chuyển về nước.

Các ông biết không, tôi hay nằm mơ. Tôi thường mơ về nghĩa trang Sư đoàn. Có một nghĩa trang dành để chôn cất tử sĩ, còn nghĩa trang khác lại dành để chôn cất các bộ phận cơ thể của anh em. Nghĩa trang kia có sơ đồ mộ chí. Nghĩa trang này không có gì. Hoàn toàn không. Nơi này đôi chân; chỗ kia cái cẳng; có chỗ lại chôn hai bàn tay của một anh lính mới đi đánh cá bị bộc phá cắt cụt… Nhưng nhiều nhất vẫn là chân

đồng đội. Vì đều bị mìn. Mà cũng lạ, người bị cắt cũng chẳng ai hỏi cái chân mình vứt đâu?

- Lúc ấy ai chẳng lo mạng sống của mình – Tôi nói.

Anh Trình thong thả:

- Nói vật thôi, chứ tôi biết anh em thương cái chân mình lắm! Các ông biết không, mấy năm trước, tôi đi Quảng Trị. Tôi gặp một ông già, quê Ninh Bình, làm rể Quảng Trị. Các ông biết vì sao không? Thì ra, hồi chống Pháp, năm 1952, ông này chiến đấu ở Quảng Trị. Bị mất một chân. Du kích chôn cái chân của ông ở đồi cát đầu làng. Cứ chiều chiều ông ta lại ra ngồi trước nấm mộ có cái chân mình để mặc niệm. Thế rồi, có một bà mẹ thương cảm, nói với cô con gái: "Người ta xa quê hương, chiến đấu hy sinh vì làng quê mình, chúng mày phải có nghĩa vụ bù đắp cho người ta." Thế là cô gái yêu anh này. Rồi nên vợ nên chồng. Thế có hay không?

Đấy chuyện cái chân đấy. Gì thì gì, nó cũng ở bên mình hai mươi năm, cùng mình đi hàng ngàn cây số. Bỗng một ngày nó biến mất. Anh em phải tập đi, tập đứng, tập ngồi… như đứa trẻ con. Này, nói các ông đừng cho là bậy. Mất hai chân là phải tập đi vệ sinh đấy. Lâu hơn trẻ con. Lại còn xấu hổ nữa. Đau khổ lắm! Nên nhiều hôm tôi cứ ngồi bần thần.

Nhớ về nghĩa trang tay chân ấy, chắc giờ đã mọc thành rừng cây. Nghe anh em đi thăm chiến trường K về kể, nơi ấy đã là thị trấn. Có khách sạn hẳn hoi. Nhưng riêng tôi, tôi không thấy cái gì mới. Tôi chỉ thấy một nghĩa trang toàn tay chân. Các ông biết không, tôi có một ước mơ. Ước mơ nhỏ thôi. Là hôm nào, sang lại K, đến Cầu Cháy, tìm vị trí trạm phẫu Sư đoàn, dựng tấm bia. Trên tấm bia này, không ghi gì cả. Chỉ khắc đôi bàn chân. Ai muốn hiểu thế nào cũng được!

Tôi nói cho các ông biết, chỗ đó không phải chỉ có một lớp tay chân đâu. Mà nhiều lớp. Mỗi mùa mưa, nước ngập, lại một lớp mới. Mùa khô, lại chôn lớp nữa. Tôi ở đó 4 năm. Khoảng 8 lớp tất cả. Còn sau này nữa…

- Thế mục đích anh dựng bia để làm gì?

- Mình không biết nữa. Mà cũng chẳng để làm gì. Thật đấy! Ít ra cũng chỉ để an lòng mình; hoặc an lòng anh em thương binh. Cái chân, cái tay cũng biết nghĩ đấy!

- Thôi anh Trình ơi, đừng nghĩ nữa. Kẻo tâm thần đấy!

- Anh đưa tấm bia đây, tôi khắc cho anh đôi chân luôn. Mạ vàng hẳn hoi nhé. Anh để trong nhà. Cần gì sang K. Vừa xa vừa mệt!

Anh Trình tưởng chúng tôi nói đùa. Câu chuyện mới rồi không thể làm phai ý nghĩ bao năm nung nấu trong anh. Thôi cứ mặc anh sống với tâm tưởng của mình.

Tôi hỏi:

- Anh có nhớ trường hợp cắt chân nào ấn tượng nhất không?

- Có chứ. Nhưng đó lại là chân của một nữ chiến binh Pol Pot. Nhưng mình không cắt. Quyết giữ lại.

- Chuyện thế nào?

- Hôm ấy, mình nhớ là buổi trưa, anh em Tiểu đoàn vận tải khiêng về một ca thương. Mình kiểm tra, thì ra, đó là một nữ chiến binh Pol Pot. Lính vận tải đang đi tuần, bỗng gặp hai chiếc xe bò, ba người đàn ông và hai phụ nữ mặc trang phục dân sự. Họ đi ngược chiều. Bỗng một chiếc xe bò bị vấp mìn. Một người đàn ông chết. Một phụ nữ bị thương. Lính mình chạy đến băng bó. Nhưng họ không cho, xua tay đuổi. Lính mình cứ tiếp cận. Vì mình đông hơn. Anh em mình băng bó

cho cô gái. Một nhóm giúp khiêng người chết lên xe. Nhưng mấy người Khmer lúng túng. Bỗng một anh lính mình, gạt các thứ trên xe ra, thì phát hiện dưới đồ đạc là rơm và nồi niêu xoong chảo có một đống AK, B40, B41…. Còn mới coong. Địch rồi! Lính mình bắn chỉ thiên. Tóm gọn ba tên. Giải về Sư đoàn.

Riêng cô gái bị thương được khiêng về viện. Cô ta bị nhiều mảnh, nhưng nặng nhất là vết thương ở đùi. Anh em ga-rô, nhưng máu vẫn sôi lên, sủi bong bóng, trào ra. Mình sơ cứu, nhưng cô ta không cho. Cứ giãy. Được một lúc, cô ta ngất. Nhưng khi tỉnh, cô ta tháo ga-rô. May mình biết, chặn ngay. Mình kêu mấy cậu y tá trói chặt tay chân cô ta vào sạp. Cô ta liên tục chửi bới bộ đội Việt Nam. Nhưng mình mặc kệ.

Xương ống chân bị giập. Chữa không khéo, bị nhiễm trùng, hoại tử, phải cưa như chơi.

Giao ban, mình báo cáo với Sư đoàn trưởng. Ông cũng đồng ý với mình về quan điểm. Bằng mọi cách phải giữ được đôi chân cho cô ấy.

Phải dùng nẹp băng lại. Nhưng cô ta không muốn. Cứ giãy giụa, đòi chết.

Mà các ông biết, bệnh xá Sư đoàn toàn nam. Kể cả bệnh nhân và y tá, bác sĩ. Phải lấy một nhà đựng y cụ làm phòng riêng cho cô ta.

Tôi bó bột. Nhưng hôm sau, thấy các ngón chân thâm đen lại. Nguy rồi. Chắc mình bó quá chặt. Phải nới bột. Chắc thịt phụ nữ mềm hơn thịt đàn ông. Tôi còn phải kê cao cái chân bị thương để giảm sự ứ máu ở tĩnh mạch, gây phù nề.

Bệnh xá có ít thuốc canxi và vitamin B6, B12… đều dành cho cô ta. Việc này, khi giao ban, tôi phải thuyết phục Ban chỉ huy Sư đoàn.

Nhưng cô ta vẫn chống lại liên tục. Cuối cùng, tôi nghĩ ra kế. Phải mời anh Ánh, phiên dịch của Sư đoàn đến ngồi bên cô ta. Trò chuyện, thuyết phục. Thậm chí cậu Ánh còn hát cho cô ấy nghe bằng tiếng Miên, bài "Mẹ ru con" gì đấy. Tôi thấy Ánh nói thế. Giai điệu ngọt ngào lắm. Từ hôm đó, cô ta mới đỡ quậy.

Nhưng vết thương không đỡ. Những ngón chân bầm tím, đen xạm, có nguy cơ hoại tử. Nhiều lúc, tôi nghĩ đến phương án cắt chân. Tôi, bác sĩ Đoán, y sĩ Cách… đã thống nhất. Nhưng nghĩ lại, thấy thương. Đàn ông đi nạng còn đỡ. Chứ đàn bà đi nạng, mấy ai yêu?

Cũng may, bác sĩ Đoán vào rừng tìm một số lá cây đem về giã ra làm thuốc, đắp cho cô ấy.

Chúng tôi nấu cháo cho cô ấy. Thức ăn tăng cường các loại rau, củ quả chứa nhiều vitamin để vết thương mau lành.

Hơn tháng sau, vết thương không chảy máu trong nữa. Lúc này, cô ta mới khóc. Cô kể, bị bọn Pol Pot lừa, nói bộ đội Việt Nam độc ác, nếu bị bắt làm tù binh, sẽ bị chặt đầu. Cô ấy xin lỗi nhiều lắm. Nhưng tôi chỉ động viên cô, giữ tâm trạng ổn định cho vết thương chóng lành.

Rồi chúng tôi gửi cô ấy về Viện 175 ở Thành phố Hồ Chí Minh bằng máy bay trực thăng. Buổi sáng, trước khi lên máy bay, cô ta viết cho tôi bức thư. Thư bằng tiếng Miên. Tôi không đọc được. Định hôm nào nhờ cậu Ánh đọc. Nhưng Ánh lại đi công tác dân vận. Tôi để lá thư đâu đó, rồi thất lạc. Tôi không nhớ họ tên cô ấy là gì. Chỉ nhớ mỗi tên cô ấy là Ung hay Un gì đó. Tôi cũng viết cho các bác sĩ Viện 175 lá thư, nhờ cô ta chuyển. Tôi nhờ các đồng nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh cấy ghép da cho cô ấy để bắp đùi không có vết sẹo. Phụ nữ Campuchia thường mặc váy.

Chúng tôi xin phép anh ra về. Chiều đang xuống. Trăng chiều lơ lửng phía xa. Lâu lắm mới nhìn thấy trăng chiều.

Khi xe chúng tôi ra đến đường cái, bỗng gặp vợ anh Trình đã đứng đợi ở chỗ cống thủy nông. Chị cắp nón, dáng như đi đâu đấy. Chị bảo:

- Mong các chú về chơi thường xuyên. Để ông nhà tôi đỡ phần nào. Ai đời, từ ngày về, chiều nào cũng ra đây ngồi. Vác theo tấm bia. Mắt cứ nhìn đi đâu ấy. Tối thẳm mới về ăn cơm.

Tôi an ủi:

- Thôi chị ạ. Chị cứ để anh ấy tự chăm sóc vết thương trong lòng. Tự anh ấy sẽ biết khi nào vết thương thành sẹo. Anh ấy có khoảng đời riêng của mình. Chị yên tâm, thời gian sẽ là bác sĩ của anh ấy.

21.
ĐÔI MẮT
LÀ VẾT SẸO CỦA SOPATH

Một người phụ nữ Khmer tên là Sopath, từ Mỹ về. Cô gặp nhà sư Phteah Saniphap. Cô nhờ nhà sư một việc. Ấy là nhà sư cùng cô sang Sakaeo, một địa điểm nằm bên kia biên giới Campuchia – Thái Lan, để cầu siêu cho khoảng 350 người Khmer đã chết trong trại tị nạn. Trại cũ giờ không còn. Nhưng cô vẫn nhớ địa điểm. Và cô kể cho nhà sư nghe về số phận gia đình cô cùng hành trình trốn khỏi địa ngục.

- Bây giờ, Khmer Đỏ không còn nữa. Nhưng những vết thương mà họ gây ra cho đất nước tôi, dân tộc tôi, mãi mãi không lành. Những người chết có vết thương của người chết. Và những người sống sót như chúng tôi cũng có những vết thương của mình.

Chúng tôi cứ tưởng, khi Khmer Đỏ vào Phnôm Pênh, chiến tranh sẽ chấm dứt. Nhưng chúng tôi không ngờ, đây mới là bắt đầu một cuộc chiến khủng khiếp. Hơn cả chiến tranh với Mỹ.

Gia đình tôi đang sống ở Phnôm Pênh. Khmer Đỏ đến, chúng tôi không biết mục đích của họ là gì. Hành động đầu tiên của họ là đuổi tất cả dân chúng ra khỏi thành phố. Mẹ tôi làm việc ở bệnh viện. Tất cả bác sĩ, y tá đều phải ra đi. Thương nhất là những bệnh nhân. Họ không đi được. Phải bò trên đường. Mẹ tôi đang chăm sóc cho mấy người bị tai nạn giao thông và bị ngã giàn giáo, nhưng phải bỏ lại. Người nhà phải đẩy họ đi. Bác tôi cùng mấy người là công chức chính quyền cũ, bị bắn hết. Nhà bác tôi có cháu bé, mới được hơn một tuổi, cũng bị giết. Chúng tôi mang đồ đạc cá nhân nhưng bị tịch thu hết. Mọi thứ đều thuộc về Khmer Đỏ. Chợ bị đóng. Tiền không dùng. Sách bị cấm. Đất nước Campuchia dường như bị đóng cửa.

Khmer Đỏ phân tán gia đình tôi. Mỗi người một nơi. Anh tôi đi Battambang. Mẹ tôi đi Pailin. Tôi bị đưa về Prey Veng. Nhóm lao động của tôi có 50 người. Tất cả là phụ nữ. Chúng tôi trồng lúa. Hàng ngày phải ra đồng từ 6 giờ sáng. Chúng tôi làm lán ở. Mỗi lán có khoảng 6 – 7 người. Lính Khmer Đỏ luôn canh gác chúng tôi. Dù lao động vất vả, nhưng chúng tôi không dám trốn. Ra ngoài là chết.

Lính Khmer Đỏ rất ác. Người lao động luôn bị hành quyết. Một bà cụ già bị bắn vì nhặt khăn. Angkar cho rằng bà ăn trộm. Bà bị bắn ngay trên đồng. Một cô gái, đói quá, ăn trộm quả bí, bị đâm chết và vứt bỏ trong rừng. Nhiều người khác bị treo cổ. Một số thì bị dìm xuống nước. Vì không có gì ăn, họ phải tự đi kiếm. Nhưng trong khi cố gắng tìm cái ăn, nhiều người bị chết. Họ mắc bệnh tiêu chảy. Nhiều người bị mù. Không có thuốc. Chỉ có vài bài thuốc dân gian, chữa bằng lá cây. Không thể cứu những người bệnh nặng. Không có bác sĩ. Vì bác sĩ đã bị Khmer Đỏ bức hại. Họ rất ghét bác sĩ.

Nhưng sự nguy hiểm đối với chúng tôi không phải là cái chết, mà là những cơn đói. Chúng tôi chẳng có gì ăn. Chỉ có cháo. Đầu năm 1976, chúng tôi đi làm thủy lợi cùng đội nam. Đó là năm chúng tôi đói nhất. Ban đêm, chúng tôi vẫn mò đi tìm cái ăn. Chúng tôi bắt tất cả những con vật mà mình nhìn thấy. Chuột, rắn, dế, châu chấu… chúng tôi ăn hết.

Một người bạn dạy tôi, hãy nhìn những con chim. Con chim ăn những gì trong rừng, mình theo chim, ăn những thứ đó sẽ không chết. Một hôm, đi làm đồng, tôi để ý thấy có con chim lớn, không biết là chim gì, đang ăn trái cây trên cao. Ban đêm, tôi tìm đến cái cây ấy, trèo lên, hái được trái mà chim ăn dở. Cứ như thế, chúng tôi không chết.

Nhưng có một lần, tôi suýt chết.

Ngày làm việc, tối chúng tôi phải họp, nghe Angkar huấn thị. Tên Angkar rất nóng tính. Hắn đang nói, ai ngủ gật là bị đưa đi ngay. Và không thấy họ trở về. Một hôm, tôi đi làm, bị vấp ngã. Móng chân cái bật ra. Máu tuôn xối xả. Tôi phải xé chiếc khăn rằn, băng lại. Rồi tôi vẫn lội xuống ruộng. Mỗi bước di chuyển thấy đau buốt óc. Nhưng tôi không thể ngã quỵ. Nếu tôi ngã, Angkar sẽ mang tôi đi thủ tiêu.

Ngày nào tôi cũng phải đi làm. Không dám xin nghỉ. Tôi cố đi lên hàng đầu để chứng tỏ mình không đau. Tối về họp, tôi buồn ngủ lắm. Nhưng cố cắn vào môi thật đau để khỏi ngủ gật. Angkar đọc tên một người phụ nữ đã gọi cháo của Khmer Đỏ là "nước suối", cho rằng cô ấy đã khinh thường chính quyền. Angkar sẽ có chỗ cho cô. Tên Angkar hất hàm. Hai tên lính vào lôi cô gái đi. "Ra bờ mương. Không cần đào hố!". Angkar nói.

Đến người thứ hai là một người đàn ông. Anh này, khi làm thủy lợi, đào được con cá tràu. Anh đã giấu trong túi áo,

không nộp cho Angkar. Khi bị gọi tên, anh ta khóc. Van xin. Nhưng Angkar nói, ở đây không còn chỗ của mày. Anh ta bị lôi đi. Mọi người đều im lặng và hồi hộp.

Ngừng một lát, bỗng Angkar gọi đúng tên tôi.

Tôi giật mình. Tưởng như có một lưỡi cuốc bổ xuống đầu. Tim tôi vỡ nát. Cảm giác như máu trào ra. Tai tôi bị ù. Người nóng bừng.

- Sopath, tôi theo dõi cô hàng ngày – Angkar nói – Tôi biết, cô bị thương, nhưng không kêu ca, mà vẫn đi làm bình thường, thậm chí tốt hơn người khác.

Tôi như từ cõi chết trở về. Người tôi toát mồ hôi. Mọi người nhìn tôi cười vui. Tôi cũng cười sung sướng, cảm ơn Angkar.

Một bản hành quyết vừa lướt qua đầu tôi, bỗng biến thành bản đặc xá.

Đầu hơi thở là bản án tử hình. Cuối hơi thở là lời tuyên ân xá.

Và Angkar tiếp tục nói về sự nghiệp cách mạng, động viên mọi người học tập theo tấm gương lao động của tôi. Và phần thưởng của Angkar là tôi được nghỉ ngày mai.

Nhưng chuyện đó qua nhanh.

Chúng tôi đói. Ai cũng chỉ còn bộ xương. Còn bọn Khmer Đỏ, tên nào cũng khỏe mạnh.

Chúng tôi làm ra lúa gạo. Nhưng số lương thực này lại bị đem bán để đổi lấy vũ khí.

Chúng tôi cảm thấy các chính sách về thủy lợi và nông nghiệp của Khmer Đỏ đang có nguy cơ thất bại. Để tránh sự chú ý của nhân dân vào những chính sách đối nội, Pol Pot chĩa mũi nhọn ra bên ngoài. Ông ta phát động cuộc chiến tranh với Việt Nam. Ngay từ năm 1977, chúng tôi đã nghe tin

đồn ở biên giới, quân đội Campuchia bắt đầu tấn công Việt Nam. Rồi tin đồn ngày một rõ. Thành sự thật. Một cuộc chiến tranh toàn diện trên biên giới đã nổ ra. Tất cả đàn ông chỗ tôi đều bị sung lính. Ai không đi sẽ bị bắn chết. Người ốm cũng phải đi.

Nhưng Khmer Đỏ cầm cự không được bao lâu. Thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng. Chúng tôi rất vui. Nhiều người được từ bỏ lối sống tập thể của Angkar, trở về nhà mình. Tôi chạy sang tỉnh Battambang, từ đó, tôi tìm đường sang Thái Lan vì nghe đồn bên đó có trại tị nạn. Từ đây có thể đi Mỹ.

Tôi gặp lại mẹ và anh trai. Nhưng mẹ tôi đang ốm nặng. Ít lâu sau, bà mất. Chúng tôi chôn mẹ trong rừng Battambang. Hai anh em tôi đi bộ suốt ba tháng trời. Nhưng lính Pol Pot cũng tụ về đây nhiều. Chúng tôi nhận đồ viện trợ của Liên hợp quốc, nhưng bị lính Pol Pot tịch thu hết. Nhiều khi lính Pol Pot cởi sắc phục, trà trộn vào dân thường như chúng tôi để lấy đồ viện trợ. Họ rất đói.

Chúng tôi bị cướp đồ, nhưng không sợ bằng sợ mìn. Lính Pol Pot cài rất nhiều mìn. Dân chúng bị vướng nhiều. Chết nhiều. Nhưng không có ai băng bó. Anh trai tôi cũng bị thương. Anh phải chống gậy, bám vào tôi để đi tiếp.

Sau ba tháng đi bộ, cuối cùng, chúng tôi cũng đến được Thái Lan. Hội Chữ Thập đỏ đưa chúng tôi đến trại Sakaeo.

Tưởng đến trại là yên bình. Nhưng tôi lại thấy rất nhiều người chết. Anh tôi chết vì kiệt sức. Vết thương không có thuốc. Bàn chân có dòi. Tôi phải chôn anh tôi trên đất Thái Lan.

Nhưng hàng ngày, chúng tôi phải vào rừng để tìm những người Khmer. Họ trên đường đến trại, nhưng chưa kịp đến đã chết trên đường. Những người còn sống, chúng tôi đưa về trại. Các bác sĩ nước ngoài mệt mỏi vì bệnh nhân quá nhiều.

Họ hết lòng cứu chữa, nhưng số người chết ngày một tăng. Vì bệnh tật. Vì suy dinh dưỡng. Vì bị thương… Ở Sakaeo có gần 30.000 người tỵ nạn. Nhưng người chết nhiều quá. Xác chết nằm khắp nơi. Người tỵ nạn khiêng xác người thân về trại. Họ không thể chôn trong rừng. Họ chết vì kiết lỵ, thương hàn, suy dinh dưỡng, bị thương do mìn v.v.. Ngày nào tôi cũng phải đi thu gom xác chết. Chỉ hai tuần đầu, số người chết đã lên đến hơn 400.

Chúng tôi phải đào nhiều hố sâu, chôn mỗi hố vài chục người. Để tránh nhiễm trùng cho trại, người ta phải rắc vôi bột trong trại và trên những hố chôn tập thể.

Ở trại tỵ nạn, các sĩ quan Pol Pot vẫn bí mật quản lý người Khmer. Họ bị ép đi lính. Ai trốn thì bị giết. Mặc dù có Hội Chữ thập đỏ bảo vệ, nhưng lính Pol Pot vẫn bắt người Khmer trở về Campuchia, đến những vùng do chúng kiểm soát.

Ở Sakaeo được một năm, tôi xin được định cư bên Mỹ. Họ đưa tôi đến bang Ohio.

Giờ tôi trở về Campuchia. Tôi đến đây để tìm lại nơi chôn mẹ và anh trai. Mẹ tôi nằm trong đất Campuchia. Anh tôi nằm trong đất Thái Lan cùng hơn 400 người khác. Tôi nhờ nhà sư cầu siêu cho linh hồn mẹ tôi và anh tôi cùng những người dân nước tôi. Họ đã chết trong đau đớn nhọc nhằn. Làm sao để linh hồn họ được siêu thoát?

Lời đề nghị của Sopath đặt ra cho nhà sư Phteah Saniphap bài toán khó. Nhà sư suy nghĩ, tìm cách giải. Nhưng khi nhìn vào gương mặt của Sopath, nhất là đôi mắt, nhà sư Saniphap hình dung bao giông tố đau thương đã tràn qua đời chị. Trên mái tóc, trên vầng trán, trong khóe mắt, dấu vết của những sự mất mát còn hằn in. Nhưng xoáy sâu hơn tất cả là đôi mắt. Dẫu nhiều năm trôi qua, nhưng đôi mắt của chị như vết sẹo khắc

ghi bao dấu tích đau đớn. Tưởng tượng những gì Sopath đã chứng kiến, nhà sư Phteah Saniphap cảm thấy trái tim mình dường như đã chết mấy lần. Ngay ngày mai, nhà sư quyết định đi cùng Sopath. Đi lại những con đường mà mẹ và anh của Sopath đã đi. Và nằm trong đất cùng họ. Nằm trong đất cùng hơn bốn trăm cuộc đời. Lắng nghe tâm sự của họ. Giúp họ cất lên tiếng nói của mong ước, của niềm tin. Và lắng nghe tiếng nói của đất. Để làm sao, đất cũng bớt nặng nề. Để đất sẽ trở lại như xưa. Là đất của hương thơm. Đất của nguồn sống. Để cho hồn người và hồn đất cùng thanh thản.

22.
"RÁNG SỐNG, VỀ VỚI MÁ NGHE CON!"

Các đồng đội ở miền Trung mời chúng tôi vào dự lễ kỷ niệm ngày nhập ngũ. Tối ngủ ở nhà Quang, một thương binh. Anh để lại hai chân trên chiến trường K.

Đêm. Chúng tôi định ra khách sạn nghỉ. Nhưng đồng đội quý nhau quá, nhất định không cho đi đâu, bắt về nhà mình ngủ. Quang lôi tôi về nhà anh.

Và tôi có cuộc trò chuyện với anh.

- Quang này, kể từ khi đồng hương bị mất hai chân, đến nay đã bao năm rồi nhỉ?

- Chính xác là 38 năm. Tui vấp mìn năm 1981. Tại Anlong Veng.

- Tôi hỏi thiệt, để giữ được hai cái chân bị cụt đến gần bẹn như thế này, đồng hương bị cắt mấy lần?

- 7 lần. Tất cả tổng cộng là 7 lần! Nói thiệt, không giỡn đâu!

- Cụ thể từng lần thế nào?

- Lần thứ nhứt, tui đang đi tuần thì vấp mìn. Cũng may tui vấp, tui bị. Chỉ mình tui hưởng trọn trái mìn. Không ảnh hưởng đến ai. Mặc dù hôm đó tụi tui đi tuần có khoảng 7 - 8 người. Cũng may, hôm đó, anh em đi thưa.

- Khi vấp mìn, đồng hương thấy thế nào?

- Muốn chết luôn! Đang đi, vừa nhấc chân lên, nghe "tách" một phát. Chưa kịp nghĩ gì thì một ánh chớp vàng rực, sáng như tia sét, lóe ngay trước mắt. Chưa kịp tránh thì một tiếng nổ xé tai. Cả người tui như bay đi. Tim như bật ra. Tai điếc. Mặt mũi tối sầm. Đất đá dính toàn thân. Rồi tui thấy chân mình như bị chặt ngang. Ngã gục xuống. Và cảm thấy máu tuôn ra, tuôn ra… Nghe cả tiếng máu xối mà. Và dường như, thần kinh tui cũng tuôn ra như máu. Tê liệt thì đúng hơn. Tui không biết gì nữa…

Lúc đó vào khoảng 10 giờ sáng. Đang mùa khô. Trời nắng dữ. Tui vừa quệt tay lau mồ hôi trên mặt thì vấp mìn. Mọi lần tụi tui đi có sao đâu. Chắc bọn địch theo dõi, nắm được quy luật của ta…

- Sau đó đồng hương tỉnh dậy lúc nào?

- Đến đêm tui mới tỉnh được. Trong hầm phẫu của tiểu đoàn.

- Chân bị nát nhiều không?

- Hai ống chân giập hết. Có bác sĩ Mẫn. Ông rửa vết thương cho tui bằng thuốc tím, chống nhiễm trùng. Sau đó ông quyết định cắt chân tui. Cắt phần giập nát thôi. Dưới gối. Đồng hương biết rồi đấy, phẫu thuật ở tiểu đoàn thì có thuốc quái gì đâu.

Khi tỉnh dậy, tui mở mắt, thấy một bình thuốc tím cứ nhỏ từng giọt xuống vết thương. Còn tui, mắt cứ trơ ra. Không ngủ nổi. Tui cũng muốn ngủ một mạch, cho chết luôn. Nhưng bác

sĩ Mẫn muốn cứu tui. Ông cho tui uống rượu. Loại rượu mạnh nhất đó, cốt để cho tui say. Tui say để ông cắt chân…

- Nhưng hình như tửu lượng của đồng hương khá cao?

- Chúng nó giỡn đấy. Tui uống đâu có nhiều. Đồng hương tính, lính chiến đấu, chốt ở Anlong Veng, có rượu đâu mà uống? Nhưng khi nghe bác sĩ Mẫn dỗ dành, tui cũng uống. Uống nhiều. Nhưng thiệt lạ, càng uống, tui càng tỉnh. Không say. Mà đã không say thì không ngủ được. Bác sĩ Mẫn vẫn quyết định cưa chân tui. Cưa sống. Ông có cái cưa nhỏ. Nhưng tui vẫn tỉnh. Thôi kệ bác sĩ. Ông muốn làm gì tui thì làm. Tui xác định mình chết rồi. Nhưng tui thương bác sĩ Mẫn. Ông vỗ về tui: "Quang thương anh, nằm yên nghe em. Để anh cắt chỗ nhiễm trùng đi. Cắt nhẹ thôi. Dưới đầu gối. Để sau này, em vẫn đi lại bình thường"… Ông cầm tay tui, thầm thì như người cha. Tui ứa nước mắt. Để yên cho ông cắt. Tiếng lưỡi kim loại cưa vào xương nghe rợn người. Có lẽ cái phần xương, khi bị mìn, nó cũng đau đớn lắm rồi. Đau đột ngột. Đau bất thình lình. Giờ nó lại bị đau. Nhưng đau có chuẩn bị…

- Đồng hương biết mình sẽ sống?

- Năm đó, tui mới 21 tuổi. Người không cao, nhưng cũng không ốm. Tui khỏe mà. Lại khá thông minh nữa. Tui không nói đùa đâu. Sách đọc ngàn quyển. Thơ thuộc trăm bài. Lại biết tiếng Khmer nữa. Biết cả chữ của họ. Tức là tui còn rất ham sống. Đêm ngủ, tui cứ mong nhìn thấy Thần Chết, xem hình dạng hắn ra sao. Định bụng, trước khi chết, uýnh nhau với hắn một trận xem thế nào. Nhưng hình như hắn sợ tui, không dám đến.

- Đồng hương nằm ở phẫu tiểu đoàn mất mấy ngày?

- 5 ngày. Trời nóng. Ruồi nhiều. Bác sĩ Mẫn cứ sợ nhiễm trùng, hoại tử. Cứ nằm đó đợi máy bay trực thăng. Nếu khiêng

về D8, chắc mình không sống nổi. Bởi từ D9 về D8 mất 1 ngày. Từ D8 lên bệnh xá Sư đoàn cũng mất 1 ngày nữa. Lại còn bị địch phục. Bác sĩ Mẫn cứ treo chân mình lên như vậy. May có thuốc tím rỏ suốt mấy ngày.

- Lúc bị thương, đồng hương có cầu nguyện gì không?

- Có chớ. Mình thầm cầu Trời, khấn Phật và tổ tiên phù hộ.

- Đồng hương có tin vào lời cầu nguyện không?

- Phải tin. Mình không nói là "phải", nhưng đó là đức tin. Một đức tin tự nhiên. Một nhu cầu tự nhiên. Không ai nói với mình. Nhưng mình cảm nhận và làm theo. Đó cũng là một sức mạnh. Sau này, mình tâm sự với bác sĩ Mẫn. Ổng cũng nói với mình những câu chuyện tương tự.

- Vậy khi nào lời nguyện cầu ứng nghiệm?

- Sang ngày thứ sáu mới có máy bay xuống, đưa tui và một số anh em thương binh về Viện 175 ở Sài Gòn. Họ khám. Rồi xác định vết thương của tui nhiễm trùng nặng. Và họ cắt chân lần nữa.

- Đồng hương có nói cho họ cắt đến đâu không?

- Thì mình nói, mong họ không tháo khớp mình. Họ đồng ý. Chỉ cắt sát khớp gối thôi. Họ đếm từ từ. 1- 2 - 3 - 4… rồi mình chìm sâu vào đâu đó. Tỉnh dậy, thấy chân ngày càng ngắn. Nhưng đau lắm. Buốt đến óc.

- Sao ở Viện 175 mà đồng hương bị cắt những 5 lần nữa? Có phải vì xương mọc ra nhanh không?

- Không. Bình thường, mỗi lần cắt, họ phải chờ xương non mọc ra. Cắt tiếp. Rồi sau đó mới cố định. Mài. Giũa. Làm nạng, v.v.. Đấy là người bình thường. Vì người ta tính, xương người còn phát triển trước 25 tuổi.

- Nhưng của đồng hương thì sao?

- Mình bị cắt 5 lần nữa đều do bị nhiễm trùng. Chắc hồi đó, phẫu không tốt. Hơn nữa, thương binh về nhiều quá. Toàn cụt chân. Từ các mặt trận của Quân khu 7, Quân khu 9 và các nơi khác đổ về. Viện lúc nào cũng quá tải.

- Bị cắt nhiều lần thế, đồng hương không có phản ứng gì sao?

- Mình cũng đau đớn lắm chứ, nhất là lần thứ 3, bị tháo khớp gối. Lúc đó mình bi quan lắm. Tự tử mấy lần.

- Tự tử thế nào?

- Thì mình tích trữ thuốc ngủ. Xin nhiều, để dành. Được khoảng 80 hay 100 viên thì uống.

- Ai phát hiện?

- Thì mấy em y tá. Họ thấy mình nằm li bì, liền chở ngay xuống phòng cấp cứu. Tống nước vô, rửa ruột. Lại ép bụng. Tháo nước ra. Hôm sau thì tỉnh.

- Tỉnh như thế nào?

- Nói là tỉnh nhưng vẫn lơ mơ. Đầu óc như bay trên trời. Nói năng lảm nhảm. Không nhớ chi hết. Các em y tá kể vậy.

- Có em nào xinh không?

- Có chứ. Em Phương, em Trinh đều xinh.

- Các em có trách đồng hương không?

- Sao lại không? Các em khóc. Nếu mình có làm sao, các em ấy bị kỷ luật. Mình cũng thương các em ấy. Nhưng chán đời hơn.

- Từ lúc bị thương, đồng hương có viết thư về nhà không?

- Không.

- Vì sao?

- Kêu ca à? Mình không thích. Than vãn ư? Để làm gì? Việc đã xảy ra rồi, ai cứu nổi? Giờ biết mình bị thương thế này, chắc cha mẹ buồn tủi lắm…

- Khi nào ba má đồng hương biết?

- Khi mình cưa chân lần thứ tư, tức là cưa quá đầu gối, thì má mình từ ngoài Trung vô thăm. Thôi, đoạn này, mình không muốn kể. Vì nhiều nước mắt. Mình biết, má mình là giáo viên dạy Văn. Bàn tay bà mẹ nào chả nâng niu bàn chân đứa con mình sinh ra. Dắt nó tập đi. Rửa chân cho nó. Chăm sóc vết muỗi cắn, gai cào… Bây giờ, bàn chân đó nằm tận đầu tận đâu tít cánh rừng Anlong Veng, ở miền Đông Bắc Campuchia, má mình đâu hình dung nổi…

- Đồng hương nhớ nhất điều gì má nói?

- "Ráng sống, về với má nghe con!"

- Thế còn những lần cắt sau?

- Lần thứ 5 và 6 thì mình mặc kệ các bác sĩ. Muốn chẩn đoán kiểu gì cũng được. Vì mình bị cắt lên đến đùi rồi. Cắt lên chút nữa có sao đâu.

Nhưng đến lần thứ 7 thì xảy ra sự cố. Lần đó, má mình lại vô thăm. Trong phòng vừa xảy ra chuyện. Anh Dương tự sát. Hôm trước, đồng đội từ mặt trận về, ghé vô thăm. Chuyện trò rôm rả lắm. Nhưng hôm sau, vợ ảnh ghé qua. Cô ấy đưa đơn ly hôn. Ảnh không nói gì. Chờ cổ vừa ra đến cửa, ảnh bung lựu đạn. Rầm một phát. Cô vợ quay lại, ôm xác ảnh, khóc như mưa.

Vừa lúc đó, má mình đến. Khói bụi còn đầy. Má mình khóc, kêu mình về nhà. Sợ ở đây mình nghĩ dại. Nhưng mình nói, con đã cắt chân đến 7 lần rồi, nghĩa là 7 lần chết đi sống lại. Chưa chết thì thôi, chứ dại gì mà tự vẫn. Với lại, mình đã có vợ đâu mà đau khổ. Mình phân tích cho má. Bả nói, con còn mắt, còn tay, thế là hạnh phúc lắm rồi. Mất hai chân, nhưng còn

chân giả, còn nạng thay thế. Con đừng tự tử nghe. Cụ Nguyễn Du nói, tự tử là "cướp công cha mẹ" đó. Kẻ thù cướp của con đôi chân, con đừng cướp hết công lao của cha mẹ.

Má mình đúng là nhà sư phạm vĩ đại.

- Đồng hương tập đi thế nào?

- Nhưng trước khi tập đi thì mình mắc một hội chứng.

- Hội chứng gì?

- Đó là hội chứng "chân tay ma". Cái hội chứng này, khi vô Viện 175 mình đã nghe anh em thương binh cũ kêu la, nghe các bác sĩ nhắc đến, nhưng mình không chú ý vì vết thương của mình chưa xử lý xong. Sau này, khi vết thương lành, mình mới cảm nhận, đúng ra là mình đã thấy cái hội chứng "bàn chân ma" nó ở ngay trong mình, ngay trước mặt mình. Đồng hương có tin không?

- Sao lại có chuyện ma quỷ ở đây?

- Ma quỷ thiệt chớ không giỡn đâu. Đồng hương cứ chọc mình hoài. Còn thuốc không?

- Mình còn đây. Cái hội chứng đó thế nào?

- Đấy là tình trạng thương binh bị cưa mất chân hay mất tay rồi, nhưng nhiều lúc vẫn cứ tưởng mình còn chân, còn tay. Thế mới sinh chuyện. Có anh, mất một bên chân rồi, đang đêm, bỗng kêu ầm lên: "Y tá đâu? Y tá đâu? Cứu tôi với!". Y tá chạy đến.

Thấy anh ta ngồi dậy, khóc. Hỏi làm sao? Anh ta bảo: "Cái chân trái của tui đau quá! Chỗ bị mìn xuyên". Y tá ngạc nhiên: "Chân trái của anh đã bị cắt lâu rồi kia mà!". Nhưng anh ta vẫn chỉ vào cái chân trái vô hình, kêu đau thảm thiết. Y tá phải dỗ mãi, rồi cho uống thuốc giảm đau, anh ấy mới ngủ tiếp được. Hầu như tất cả thương binh đều mắc hội chứng này.

- Nguyên nhân do đâu?

- Bác sĩ giải thích, khi bị cắt chân hay tay thì hệ thần kinh, nhất là não bộ vẫn hoạt động. Và não bộ vẫn chỉ huy các hệ thần kinh chân tay hoạt động bình thường. Nhưng khi chân hay tay bị cắt đi thì các hệ thần kinh cũng bị cắt ngang. Khi não bộ ra lệnh hoạt động, các hệ thần kinh này vẫn vận động như thường. Đến chỗ bị cắt, nó chưa quen dừng lại mà, theo quán tính, nó vẫn tỏa đi.

Và các đầu dây thần kinh bị ngưng tụ lại một chỗ chỏm xương ấy, nó vận hành ngược lại não bộ, tạo nên cảm giác mất mát, sinh ra những cơn đau ở những vị trí đã bị cắt. Người ta gọi đó là những "cơn đau ảo" ở những "chân tay ảo". Nhưng đó là cách gọi của ngành y thôi. Chứ thương binh tụi mình đau thấy cha thấy mẹ. Không ảo tí nào đâu.

- Thế đồng hương thì sao?

- Chuyện của mình dài lắm. Một lần, mình bị cắt chân, đâu như lần thứ 4 hay 5 gì đó, giường bên, tụi nó hút thuốc. Đấy là đám lính Sư đoàn 5 hình như của Quân khu 7 vô thăm thằng Bình, lính trinh sát. Thằng này bị mất một chân. Tụi nó mang thuốc Samit của Thái và thuốc Apsara của Campuchia về.

Lúc tụi nó vô, mình đang ngủ. Khi tụi nó hút, mình thèm quá. Nhưng vẫn giả vờ ngủ. Mình mơ màng nghĩ đến những điếu thuốc ngon được đồng đội tiếp tế khi mình nằm trong hầm ở Anlong Veng. Đang mơ thì mấy đồng hương Quân khu 7 mời mình thuốc. Mình mừng quá. Vùng dậy, nhảy ngay sang. Nhưng vừa bước, mình ngã ngay xuống nền gạch đá hoa. Chu cha, đau buốt óc. Vết thương của mình đang mọc xương non, chờ cắt tiếp. Chỏm xương non cắm phập xuống nền gạch đá hoa. Mình hét lên một tiếng, rồi ngất luôn.

Tụi nó vội khiêng mình lên giường. Y tá chạy đến. Họ chuyển mình đến phòng cấp cứu. Tiêm thuốc giảm đau. Mình mê đi. Sau này mình chỉ nhớ là lúc ấy, mình đang sống trong tâm trạng còn hai chân. Quên béng chuyện mình đã bị cụt. Đấy, chỉ riêng chuyện phải nhớ mình đã bị cụt rồi đã khó thế nào. Lại còn chuyện nhớ mình không bị cụt, cũng khó không kém. Nhưng nói thiệt, sau khi hai chân mình bị cắt, mình lại rơi vào hội chứng "bàn chân ma".

- Nhưng hai chân đồng hương, họ cắt có đều không?

- Không đều. Chân trái ngắn hơn.

- Cái hội chứng đó xảy ra thường xuyên không?

- Lúc đầu thì nhiều. Sau thưa dần. Nhưng lúc nào cái đầu bỗng nhớ đến thì nó đau lắm. Muốn khóc cho bớt đau. Nhưng mình thường ngồi im. Nước mắt cứ ứa ra.

- Hội chứng đó thường xảy ra vào ban ngày hay ban đêm?

- Ban đêm nhiều hơn. Chắc ban ngày cuộc sống ồn ào hơn. Ban đêm, khi các giác quan kém hoạt động, các đầu dây thần kinh mới đi lại những con đường cũ của mình. Bị ngưng lại, nhưng dường như chúng vẫn đi theo những lối mòn của chúng. Gặp bạn thân, thấy máu me, thấy thương tổn, chúng cũng quần quại. Rồi báo về trung tâm. Não bộ cũng thương cảm, chia sẻ cơn đau. Khi não bộ đau thì mình thức dậy. Nhớ chân mất rồi sao vẫn còn đau?

- Khi đau như vậy, các bác sĩ cho uống thuốc gì không?

- Họ cho thuốc giảm đau này, như aspirin, thuốc ngủ seduxen, sau này có loại thuốc nữa là bupropion, loại này tạo hưng phấn. Và còn có loại thuốc tê nữa. Nhưng nói chung, các loại thuốc này uống vô thì hại thần kinh lắm.

- Hội chứng đó kéo dài không?

- Thì cái gì cũng có giới hạn. Chừng đăm năm thì nó biến mất.

- Làm thế nào đồng hương đi lại được?

- Tập đi chớ còn gì nữa. Trẻ con thì "ba tháng lẫy, bẩy tháng bò, chín tháng lò dò biết đi". Còn mình thì lại thua bọn trẻ con. Hai chân cụt, điều khiển hai chân giả không những khó mà còn đau nữa. Nhất là cái chỏm xương, nơi tập trung các đầu dây thần kinh. Nó chịu đựng cơ thể mình, lại cọ xát với cái chân gỗ, đau đớn khủng khiếp.

Lúc đầu mình đi bằng hai nạng. Ngã lên ngã xuống. Mặt mũi tím bầm. Đầu luôn sứt mẻ. Trán băng bó thường xuyên. Nhiều lúc tính bỏ. Không những mình mà nhiều anh em cũng thế. Các bác sĩ, y tá không làm gì được. Sau họ nghĩ ra cách: thưởng tiền. Cách này được anh em hưởng ứng. Vì có tiền là được mua thuốc hút nè, uống cafe nè. Chiều thứ 7 hay chủ nhật vô quán nữa. Nhưng cũng phải mất gần 2 năm mình mới đi lại được.

Lúc đầu đi nạng đôi. Sau đó, mình quen dần, chống nạng một. Đồng hương biết không, mình có anh hàng xóm, sống sát nhà mình hơn 20 năm trời, mà anh ta vẫn tưởng mình chỉ bị cụt một chân!

- Nghe nói, trong lúc tập đi, đồng hương có một chuyện tình mùi mẫn?

- Tụi nó vẽ lên cho lãng mạn thôi. Hôm đó, mình đi ngoài phố, bị mấy thanh niên trẻ phóng Honda, tông vô. Mình bị ngã, giơ tay chống. Nhưng cú tông mạnh, tay mình bị bong gân, sưng tấy, nhất là hai bàn tay. Ngón nào cũng tụ máu, bầm đen. Đau đến nỗi không làm gì được. Lại bị băng nữa. Mà cuộc sống hàng ngày, phải tắm giặt này nọ.

Có một em y tá, người miền Tây, chăm sóc mình. Nói thiệt với đồng hương, sau khi bị thương, mình chán đời lắm. Không dám về nhà dù má mình mong đợi. Mình quen sống ở trại rồi. Nhưng từ khi bị ngã, được em Thu chăm sóc, cái con người đàn ông của mình mới sống lại.

- Cụ thể thế nào?

- Nghĩa là mình thấy yêu đời. Bớt đánh lộn, bớt quậy phá và... mơ về tương lai. Cô ấy tên là Thu nhưng mình cảm thấy cô ấy mang mùa Xuân đến cho mình. Chuyện tình đang ngát hương thì Thu phải chuyển đi bệnh viện khác. Hình như chồng cô ấy phát hiện. Anh chồng làm ở bộ phận dược trong viện.

Tuy là người miền Tây, nhưng ảnh không hào sảng. Đã thế lại còn thường xuyên say xỉn và đánh vợ nữa. Còn mình, sắm được cây guitar cũ. Mình tự học nhạc. Mình sáng tác mấy bản, tặng riêng cho Thu. Chiều chiều, cô ấy đưa mình đi dạo bên sông. Đến chỗ nghỉ, mình chơi đàn, hát cho cô ấy nghe...

Thu đi rồi, má tui vô đón tui về. Tui không muốn về lại cái thị xã miền Trung bé nhỏ ấy. Vì ngày đi, tui đường đường là một thanh niên khỏe mạnh. Nhưng ngày về, tui lại mất đôi chân. Trong thâm tâm, tui như một chiến binh... bại trận.

Trong khi đó, ở thị xã, cũng có người mất một tay, một chân hoặc lành lặn trở về. Họ đều vui. Tui cũng có niềm vui nhưng nỗi buồn lớn hơn. Cũng có người động viên rằng còn sống là may rồi. Nhưng họ có ở trong tình trạng của tui đâu. Họ từ ngoài nhìn vô. Còn tui, từ trong lại nhìn ra ngoài. Hai cái nhìn đều khập khiễng.

Nhưng thương má, tui phải về. 5 năm xa cách, nhà tui vẫn như xưa. Thị xã cũng vậy. Ít thay đổi. Tui cứ đi lang thang trong thị xã. Các quán xá, nhà hàng, quán nhậu... đều nhẵn mặt tui. Nhưng tui lại không thể quen với nỗi buồn mất mát, què cụt.

Những năm 1980 ấy, đời sống khó khăn lắm. Đồng đội tui trở về, người thất nghiệp, người làm phu hồ, người lại làm nông, người đi trồng cột điện trên núi. Quá vất vả mà đồng lương chẳng đáng là bao. Tui thì được tiền trợ cấp thương tật. Đưa hết cho má. Vì nhà tui đông anh em. Ba tui lại đau bệnh, bị tai nạn lao động. Cả nhà trông vào đồng lương giáo viên của má.

Tui thường đến chỗ đồng đội. Một hôm, qua nhà Lâm, ngày trước là lính thông tin, gặp vợ Lâm cùng các bà bạn đi buôn chuyến ở phía Bắc. Họ buôn vải, hàng tiêu dùng, nói chung là đủ thứ. Các chị rủ tui đi chơi. Họ bao vé. Tui nói, tui là thương binh, cần vé làm chi. Họ rủ đi liền. Thế là lên tàu Thống Nhất.

- Nghe nói đồng hương là người bảo kê rất có uy tín?

- Hề... hề... Khi chị em mua hàng, chất lên tàu thì phòng thuế đi khám xét, bắt bớ này nọ. Vợ Lâm với mấy chị mới nói tui nhận đó là hàng của tui. Thấy họ động viên, với lại thương chị em vất vả, lại là vợ đồng đội nữa, tui nhận liền. Chuyến ấy, tui còn được chia lợi nhuận nữa.

Thấy mình chỉ đi du lịch mà cũng kiếm ra tiền, nhiều là đằng khác, tui tham gia đi buôn cùng với họ lúc nào không hay. Và không những họ, còn nhiều người khác cũng nhờ vả tui. Đến lúc đó, tui mới thấy cái thẻ thương binh của mình có giá trị, mới thấy mình mất đôi chân cũng đáng giá thế nào.

- Đồng hương có kỷ niệm gì trong thời gian đi áp tải hàng?

- Bị cướp hàng. Tránh được thuế vụ, còn phải đối mặt với những vụ cướp hàng. Đó là hàng của mấy người xuống ga xép. Tụi cướp quây lấy, tính cướp của người dân. Nhưng tui đâu có sợ. Đấu lý không xong. Tụi nó đàn trận, tính cướp hàng. Dao găm sáng loáng, mã tấu, kiếm, đao loảng xoảng. Tui gầm lên. Mấy thằng xăm trổ đẩy mình, thấy lựu đạn, biết mẹ gì về

chiến tranh, chạy re kèn. Nhưng tui bung lựu đạn chỉ là cách dọa thôi.

- Đồng hương bung nhiều không?

- Ba bốn lần gì đó. Dọa nhau thôi.

- Biến cố nào khiến đồng hương rời tàu?

- Có nhiều thứ. Đầu tiên, mình không chịu nổi mùi các sân ga, mùi các toa tàu. Chúng có mùi đặc biệt. Rất khó chịu. Mùi đó thấm vào tóc tai áo quần, thấm cả vào giấc mơ. Thứ hai là sự thay đổi bản thân. Đầu óc lúc nào cũng đầy ắp các con số, tiền bạc. Tính khí lúc nào cũng cương lên, đối phó, cãi cọ các kiểu. Mắt thì liên láo. Giọng nói lúc nào cũng căng ra, đầy khí nóng…

Tui biết, mình đã đổi thay quá nhiều. Mà đổi thay theo chiều hướng... thiếu thiện cảm. Trong khi đó, tui thấy đồng đội trở về thị xã sống bình thường. Ngay cả mấy người thương binh mất chân, mất tay, họ cũng sống như ai. Không giầu không nghèo. Tui muốn hòa mình vào họ. Đó là tình cảm quý giá mà tui bỏ quên. Nhưng đến biến cố sau này thì tui... đành suy nghĩ lại.

- Đó là cái gì?

- Đó là khi thị xã và phường kêu tui về, chia đất cho làm nhà. Chợt nghĩ, mình cũng 30 tuổi rồi. "Tam thập nhi lập", giang hồ đã đến lúc nghỉ tay gác kiếm. Lúc đầu, nhà tui trong hẻm, nhỏ thôi. Rồi tui gặp vợ tui. Cô ấy thương tui. Không chê Quang "cụt". Tui rất thương vợ tui. Bao nhiêu người lành lặn, tài cao, hà cớ gì cô ấy lại lấy tui? Cô ấy là trụ cột gia đình đó.

Sau này chính quyền giải tỏa, tui được đền bù và... ra mặt phố. Mở kios tạp hóa. Cũng đủ sống. Con tui cũng chăm học lắm. Tốt nghiệp đại học cả rồi. Tui muốn chúng nó mang tinh thần đại học vào cuộc sống tự lập.

- Câu hỏi cuối cùng nhé! Khi bị mất hai chân, đồng hương thấy có lợi thế gì nhất?

- Lợi thế khỉ gì. Đi đâu tụi nó cũng bắt mình đi đầu.

- Tại sao?

- Để phòng chó cắn. Chó chỉ ngoạm hai chân gỗ của mình cũng gẫy răng rồi.

(Chuông điện thoại reo).

- A lô! Đồng hương Thái đấy à? Qua tui ngay. Có đồng hương Tuấn mới từ Hà Nội vô. Tới liền nghe! Đồng hương có nhớ Thái cụt không?

- Nhớ chứ. Nó bị cụt tay chứ gì?

- Cụt tay thế mới hay. Đi bia ôm nó chỉ phải trả nửa tiền thôi. Hehe...

23.
NHỮNG BỨC THƯ

Trong chiếc cặp của nhà sư Phteah Saniphap có nhiều bức thư. Những bức thư của người Khmer gửi đến thường kể lại cái chết của những người thân trong gia đình, họ hàng. Đi nhiều nơi trên đất nước Campuchia, nhưng trong lòng nhà sư mãi vang lên một câu hỏi: "Tại sao Khmer Đỏ lại giết nhiều người Campuchia đến thế?" Và những bức thư đã phần nào giúp nhà sư tìm được câu trả lời.

Thư của ông Chom Chay ở tỉnh Kampong Chhnang:

"Kính gửi Nhà sư Phteah Saniphap!

Tôi viết thư cho ông là tôi nhớ đến cha tôi. Cha tôi bị hành quyết cũng chỉ vì ông đã viết một lá thư cho lãnh đạo Khmer Đỏ Ta Mok vào năm 1973. Ông bị bắt và bị giam trong nhà tù của tỉnh Kampong Chhnang. Lãnh đạo Khmer Đỏ kết án ông vì tội nói xấu chính quyền. Trong thư, ông phản ánh tình trạng mất an ninh trong "vùng giải phóng" của Khmer Đỏ. Đó là tội thứ nhất. Còn tội thứ hai, do ông biết chữ. Chính quyền Khmer Đỏ rất căm thù những ai biết đọc và biết viết."

Đây là thư của ông Bo Bonthoun ở tỉnh Kandal:

"Lúc đầu Khmer Đỏ tử hình những người làm cảnh sát, lính tráng và công chức dưới chế độ Lon Nol. Nhưng sau đó, họ xếp những người thân, như cha mẹ, vợ, chồng hoặc con cái của những người này vào danh sách bị giết. Gia đình tôi không ai thuộc những thành phần trên. Nhưng cha mẹ tôi bị giết chỉ vì họ giấu trong người bức ảnh của Quốc vương Norodom Sihanouk. Khmer Đỏ không thích những ai quyến luyến chế độ quân chủ".

Thư của bà Noy Pichenda ở tỉnh Prey Veng kể:

"Gia đình tôi bị Angkar chia làm hai đội lao động. Chúng tôi gánh đất trên công trường thủy lợi nằm giữa hai phum Chrey và Por. Một hôm, tôi bị gãy tay. Tôi gánh đất lên cao thì bị ngã. Mẹ và em gái tôi từ phum Prey sang thăm. Nhưng chưa kịp nhìn thấy tôi thì mẹ cùng em gái tôi bị Angkar xử tử hình vì họ đi ra khỏi phum mà không được Angkar cho phép. Họ bị chặt đầu…"

Thư của cô Dath Monika ở tỉnh Banteay Meanchey viết:

"Ở công xã của tôi, Angkar đã giết nhiều người vì họ cố gắng kiếm ăn. Do bị đói, nhiều người đã bắt cua, ốc, thằn lằn, tắc kè… Bị Angkar phát hiện, họ bị kết tội chiếm đoạt tài nguyên của công xã. Nhưng trường hợp mẹ tôi và cô tôi bị giết lại khác. Khi ra đồng làm việc, Angkar thường bắt mọi người đi bên phải con bò. Nhưng hôm ấy, mẹ và cô tôi vô tình đi bên trái. Thế là ra đến ruộng, Angkar đã giết hai người…"

Thư của ông Kim Heng ở tỉnh Battambang:

"Trên đất nước Campuchia, có nhiều phum bị bỏ hoang. Bởi trong các phum này, có nhiều người chết. Phum Chrey của tôi đã trở thành nghĩa địa. Ban đêm, phum tối tăm, vắng lặng. Không có người. Chỉ có lũ chó hoang hú và lùng sục.

Ở phum Chrey, cha tôi, anh tôi đã bị chết vì đói. Họ bị giam trong nhà tù Battambang. Đó là năm 1977. Nhưng tôi thương nhất em trai tôi. Nó tên là Omarith. Nó bị liệt hai chân. Angkar nói rằng, những người bị tàn tật ăn bám xã hội. Cần phải loại bỏ. Mẹ tôi thương em tôi, nhiều lần quỳ lạy Angkar. Em trai tôi cũng cố gắng làm việc. Nó vào rừng chặt cây rồi buộc thân cây ngang người, kéo đi. Nó muốn chứng tỏ với Angkar là nó có ích. Nhưng Angkar vẫn cho rằng nó làm việc chậm. Một đêm, chúng tôi đang ngủ, hai người của Angkar vào lôi em tôi đi. Nó bị hành quyết bằng lưỡi rìu ngay bên con đập mà hàng ngày chúng tôi xây dựng…"

Thư của ông Bun Vantha ở tỉnh Takeo:

"Tháng 5 năm 1975, nhiều gia đình ở Phnôm Pênh bị đuổi khỏi Thủ đô, đến Takeo. Họ không có nơi ăn chốn ở. Nhà tôi rộng, cho họ ở nhờ trong lúc họ chờ đưa về các đội lao động. Vợ con tôi nấu cơm cho họ. Nhưng Khmer Đỏ đã bắt vợ con tôi, giam trong nhà tù Takeo. Họ bị kết tội là có cảm tình với những người dân Thủ đô, những người mà Angkar liệt vào loại dân "17 tháng Tư". Vợ con tôi bị giam cùng hơn bảy trăm người. Tôi còn sống vì biết đóng và sửa xe bò cho công xã. Ngày vợ con tôi bị giết, tôi nhìn thấy mà không dám cứu…"

Còn rất nhiều những lá thư khác từ các tỉnh như Mondolkiri, Ratanakiri, Siem Reap, Kratié… Những lá thư từ đồng bằng miền Nam trù phú đến miền Bắc rừng núi ngút ngàn, từ những kho lúa gạo nổi tiếng của miền Tây đến những phum làng xa xôi hẻo lánh của phía Đông cũng như từ nhiều tỉnh xung quanh Biển Hồ…

Những lá thư này đều có nội dung giống nhau. Họ kể về cái chết của người thân trong gia đình. Những người này đều phải chịu đựng cách giam cầm giống nhau, cách tra tấn giống nhau và cách hành quyết cũng giống nhau. Điều đó chứng

tỏ rằng, công cuộc diệt chủng của Khmer Đỏ tiến hành trên khắp đất nước vừa có tính hệ thống, vừa có tính quy mô.

Đối mặt với quá khứ, người Khmer nên làm gì?

Nhiều người nói với nhà sư Phteah Saniphap rằng, muốn không để quá khứ ám ảnh, người Khmer nên nhìn về phía trước nhiều hơn. Và thời gian đối với người Khmer cũng cần trôi nhanh hơn. Mỗi người dân, mỗi gia đình, mỗi ngôi làng Khmer đều đang có một tương lai tốt hơn ba mươi năm đau khổ vừa qua.

Vì vẫn mang những vết thương trong tâm hồn, dường như, những người Khmer đều mang cảm giác sống khép mình lại. Đất nước, quê hương, gia đình… đều có nỗi đau chung, nhưng cuộc sống không thể dừng lại. Không thể cứ quay đầu nhìn về quá khứ mà than vãn. Dù không ai và không gì có thể loại bỏ nỗi đau khỏi cuộc sống, nhưng chúng ta vẫn có thể biến nỗi đau thành động lực. Và cái gì cũng có tính hai mặt. Mỗi người chúng ta hôm nay nên sống nhiều hơn nữa. Sống thay những người đã chết. Sống tiếp cho họ. Mỗi người, mỗi gia đình, mỗi phum làng… đều mất rất nhiều những người thân yêu. Không thể để những cái chết làm ta dừng lại. Cần phải bước tiếp.

Mỗi người dân, mỗi gia đình, mỗi ngôi làng Khmer đều có bao nhiêu câu chuyện của mình. Chúng ta nên kể về những đổi thay trong cuộc sống. Nhưng chúng ta cũng cần kể những câu chuyện trong quá khứ. Để con cháu chúng ta nghe và đọc. Điều đó sẽ nhắc nhở chúng ta và các thế hệ người Khmer, dù ở bất kỳ nơi đâu trên thế gian này, đừng quên quá khứ và thận trọng nhìn về tương lai.

Những người chết không kể chuyện được nữa. Không nói được nữa. Những người sống, hãy kể chuyện. Bằng giấy, bằng bút, bằng lời, bằng âm nhạc, bằng phim, bằng ảnh, bằng các

phương tiện truyền thông. Chúng ta có rất nhiều lựa chọn, rất nhiều sự tự do. Chúng ta cần kể để những người chết được mát lòng. Họ vẫn sống cùng chúng ta.

Trên thế giới, nạn diệt chủng không phải xảy ra duy nhất ở Campuchia. Nó đã từng xảy ra ở Đức đối với người Do Thái, đã từng xảy ra ở Ruanda bên châu Phi… Nó còn xảy ra ở nhiều nơi khác. Người Khmer kể chuyện không chỉ cho người Khmer nghe. Toàn thế giới đã và đang lắng nghe câu chuyện của chúng ta.

Và không chỉ những người sống, ngay cả những người chết cũng lắng nghe câu chuyện của chúng ta.

Những người đang sống, dù làm công việc gì, dù ở đâu, dù có những hoàn cảnh và điều kiện sống khác nhau, song đều có chung khát vọng về cuộc sống hòa bình. Ở đó không còn lòng thù hận. Chúng ta sẽ nhận lại tình yêu thương.

Những lá thư bắt đầu bằng nỗi đau. Chúng được lan truyền bởi sự thực, bởi những thực tế mà những người viết thư trải nghiệm. Nhưng tác giả của những bức thư ấy không yêu cầu phải báo thù. Họ đều mong nhà sư làm thế nào cho linh hồn những người chết siêu thoát. Để tâm hồn những người sống bình an. Nhà sư làm lễ cầu siêu cũng như đang kể câu chuyện về Campuchia với thế hệ hôm nay, thế hệ tương lai. Kể để họ chạm vào ký ức, chạm vào cuộc đời của những người thân. Và khi họ biết, họ hiểu, họ sẽ mang lại ý nghĩa cuộc sống cho những người đã khuất, cho những người viết thư.

Chỉ kéo dài bốn năm, nhưng thời kỳ Khmer Đỏ để lại trong lòng người dân Khmer cũng như nhân dân thế giới những ký ức kinh khủng. Đó là khoảng thời gian không ai ngờ. Nó là khoảng thời gian mà hệ tư tưởng kỳ quái dẫn đến sự hủy diệt. Nó để lại cho Campuchia và thế giới những cái

tên khủng khiếp như Diệt chủng, Pol Pot, Angkar, Tuol Sleng, Cánh Đồng Chết…

Campuchia đang thay đổi.

Thế giới đang thay đổi.

Những người sống sẽ tìm công lý cho những người chết.

Không để chế độ Khmer Đỏ quay lại…

24.
NGƯỜI CÕNG HENG SAMRIN

Các anh ở Hưng Yên mời chúng tôi về dự lễ Ngày thành lập Quân đội. Hưng Yên, cũng như bao tỉnh đồng bằng Bắc bộ, đã cống hiến cho Quân đội và Đất nước hàng triệu người con ưu tú. Nhiều người hy sinh, chìm trong im lặng. Nhiều người trở về, mỗi người mang theo bao câu chuyện, nhưng cũng để mãi trong lòng. Họ không thể kể lại. Khi trò chuyện, họ nói dăm ba câu về trận đánh, về những kỷ niệm sâu sắc. Câu chuyện bay theo gió. Họ chỉ biết chiến đấu, không biết kể về bản thân. Nhưng ở thị trấn Bần Yên Nhân, có một người kể chuyện rất hay. Song anh này chỉ kể mãi một chuyện.

Hôm về dự lễ, tôi gặp Lam, người trinh sát của Sư đoàn 10. Nước da ngăm đen, dáng người xương xương, chắc khỏe. Đôi mắt sáng dưới bộ lông mày rậm. Giọng oang oang. Bữa trưa, tôi được ngồi cạnh anh. Hầu như anh ít ăn. Chỉ thỉnh thoảng uống rượu. Nhưng nói nhiều. Từ sáng đến bữa trưa, lúc nào anh cũng nói. Và chỉ nói mỗi chuyện mình đã cõng ông Sư đoàn trưởng Heng Samrin thoát khỏi vòng vây của Pol Pot ra sao.

- Bọn tôi, mười trinh sát Sư, mà phải mười tay thiện chiến nhất. AK báng gập. Vũ khí gọn nhẹ, trang bị như đặc công, bí mật hành quân. Theo sau có một đại đội bộ binh yểm trợ. Chúng tôi hành quân vào sâu trong đất Campuchia. Dễ đến hơn chục cây. 9 giờ tiếp cận mục tiêu. Nằm im. Chờ lệnh. Sư đoàn bộ của Heng Samrin ở ngay trước mặt. Cách 700 mét. Nhưng bọn địch canh gác rất kỹ. Phải đến 3 lớp lính. Vì Pol Pot đã biết âm mưu đảo chính của Sư đoàn trưởng Heng Samrin, nhưng chúng bận, chưa xử lý được. Pol Pot ra lệnh cho lính canh gác rất cẩn mật. Nhưng bọn lính cũng chủ quan. Chúng chỉ canh gác mỗi ông Heng Samrin, tức là canh gác không cho người từ trong thoát ra. Nhưng chúng đâu có biết, chúng tôi lại từ ngoài đột nhập vào. Nói về trình độ kỹ chiến thuật thì lính Khmer Đỏ phải gọi mình là anh! Tôi nói vô tư đấy! Nào, chúc sức khỏe cái đã!

- Mười một giờ đêm, chúng tôi bò vào doanh trại. Tôi đi tốp đầu. Trời tối đen. Nhưng tôi vẫn phát hiện ra thằng lính gác. Nhờ cái gì, anh biết không? Mùi thuốc rê. Mẹ cha nó, mình lên cơn thèm thuốc. Cái mùi khuấy động tâm can. Suýt hắt hơi. Phải bịt mũi. Dí mặt xuống đất. Đất dính đầy mũi. Phải cạy mãi mới thở bình thường. Tôi ra hiệu cho hai đồng đội bò về hai phía. Chặn hai thằng gác hai bên phải và trái. Tôi xử thằng ở giữa. Nó cũng khoác AK. Nhưng còn lâu mới nhanh bằng tôi. Mình chủ động mà. Chờ thằng này vừa ngồi xuống ụ gác, tôi nhảy vào, chụp cổ. Điểm vào mấy cái huyệt. Hắn không kịp kêu một tiếng. Nằm quay lơ. Như con gà bị vặn cổ. Hai chiến hữu kia cũng làm như thế. Ngon lành. Anh em phía sau tiếp cận. Trói gô chúng lại. Nhét giẻ vào mồm. Bọn tôi lại tiếp cận vòng trong. Thằng thứ hai, tôi cũng xử ngon lành. Anh em lại trói. Buộc vào gốc cây. Mở trái lựu đạn, rút chốt, đặt bên cạnh y. Ngồi ngoan nghe con. Cựa quậy là chết liền. Thằng thứ ba,

tức là hàng rào thứ ba, lại quá ngon. Thằng này đang ngủ gật. Thôi kệ nó. Tôi chỉ lướt qua, lấy cây AR15 của nó đem giấu đi.

Rồi tôi vào phòng Heng Samrin. Ông ấy vẫn còn thức. Mắt nhìn vào tấm bản đồ. Tôi vội xông vào. Ông ấy giật mình, lùi lại. Tay vớ khẩu súng lục. Tôi vội đứng nghiêm, giơ tay chào:

- Thưa Sư đoàn trưởng Heng Samrin! Tôi là lính trinh sát Sư đoàn 10 của Quân đội Việt Nam! Tôi được lệnh cứu Sư đoàn trưởng! Mời Ngài theo chúng tôi!

Vừa lúc ấy, cũng có hai lính trinh sát tiến vào. Như có ám hiệu từ trước, ông Heng Samrin vội khoác ba lô. Nhưng một anh lính đã vội khoác giúp. Ông vơ vội chiếc khăn rằn, cái mũ mềm, rồi chạy theo chúng tôi.

Nhưng chạy được khoảng hai chục mét thì, anh biết không, cái thằng gác mà tôi giấu súng của nó, bỗng tỉnh giấc. Mất súng. Hắn hét ầm lên. Lại thấy xung quanh có tiếng động. Những bước chân. Nó chạy lung tung. Thấy mấy đồng đội bị trói, hắn hiểu tình tình. Vội kiếm súng, hình như M16 thì phải, tôi nghe rõ loại đạn này mà. Hắn bắn báo động. Ít phút sau, đạn bắn đuổi theo chúng tôi chiu chíu. Ba chúng tôi chạy quanh ông Heng Samrin để bảo vệ. Bỗng tôi thấy mông mình nhói đau. Quờ tay ra sau. Thấy ướt. Lại dinh dính. Chết mẹ, mình bị thương rồi. Nhưng không dám kêu. Tôi luôn chạy bên ông Heng Samrin. Hai cậu kia, chắc bở hơi tai, tụt lại. Chợt ông vấp ngã. Ông vội nhỏm dậy, nhưng chân đau. Chạy khập khiễng. Bọn địch đuổi gần đến. Quyết cứu được ông, tôi vội chạy lên trước, cúi xuống. Ra hiệu cho ông nhảy lên lưng. Ông chần chừ. Tôi vội xốc ông lên. Khẩu AK, tôi đeo trước ngực. Tôi cõng ông Heng Samrin chạy trước. Hai trinh sát bắn yểm trợ phía sau. Đạn vẫn bay chiu chíu. Lại có cả cối 82 và cối 105 nữa. Nhưng chúng bắn không chính xác. Đạn nổ khá xa. Tôi không sợ. Vẫn cõng ông chạy. Tuy ông hơi to con, nhưng

tôi cõng không thấy nặng lắm. Không hiểu sức lực từ đâu. Tôi chạy một mạch. Dễ đến hơn cây số. Chừng bình yên, tôi mới đặt ông xuống. Nhìn lại mình, mồ hôi vã ra như tắm. Cả thân áo phía trước của ông Heng Samrin thấm mồ hôi của tôi. Ông chắp hai tay trước mặt tôi, nói cảm ơn bằng tiếng Khmer. Vừa lúc đó, lính bộ binh chạy đến. Họ mời ông lên võng, cáng về Việt Nam. Lúc đầu ông không đồng ý, nhưng lính mình ép mãi, ông mới lên.

Sau trận đấy, về họp rút kinh nghiệm. Trinh sát bọn tôi, mười người, ba bị thương nhẹ ở phần mềm. Tôi được đề nghị khen thưởng Huân chương Chiến công hạng II. Nhưng sau bị tụt xuống hạng III. Vì tội chủ quan. Không xử lý thằng địch ở vòng canh gác cuối cùng.

Về sau, ông Heng Samrin cứ hỏi thăm tôi. Mình giấu tên mình. Vì mình là người lính vô danh. Làm việc nghĩa thì nên khiêm nhường. Không để cho ông ấy biết. Để ông ấy nhẹ lòng. Tôi biết, đất nước Campuchia mới hồi sinh. Ông ấy có rất nhiều công việc cần giải quyết. Ngay trong gia đình tôi, hai vợ chồng, ba đứa con. Bên nội rồi bên ngoại. Lễ Tết, giỗ chạp… mình đã phải giải quyết bao chuyện rồi. Huống chi ông ấy ở tầm quốc gia. Đúng không anh? Thôi, keng cái nào! Chúc sức khỏe! "Xum s'bok, sok s'bai!"

Sau đó, anh kéo tôi về thăm nhà. Một căn nhà nhỏ ở bên đường làng. Xung quanh cỏ dại mọc. Trong vườn có mấy khóm hoa. Tôi khen đẹp. Anh nói, vợ trồng đấy. Vợ anh bán cá ngoài chợ. Vừa lúc đó thì chị về. Anh vừa pha trà, vừa kể chuyện Campuchia.

Vợ anh cằn nhằn:

- Không biết ông ấy ở Campuchia mấy năm mà về nhà, hàng chục năm nay, lúc nào cũng kể chuyện bên ấy. Gặp ai

cũng kể. Kể hết ở Hội Cựu chiến binh, kể sang cả Hội Người cao tuổi. Đến Hội Phụ nữ cũng mời ông ấy đến kể.

- Chị phải tự hào, mấy ai kể chuyện hay như anh Lam đâu!

- Nhưng chú không biết mấy bà sồn sồn đâu. Người bỏ chồng, người chồng chết, cứ quây lấy ông nhà tôi, đòi kể đủ thứ chuyện.

- Bà cứ hay tưởng tượng. Mình chỉ nói chứ có làm gì đâu! - Anh cười- Ngay vết thương ở mông, mất cả mảng thịt, mình cũng còn phải giấu đi!

Chị vợ lườm anh một cái. Đôi mắt sắc như dao cau, rất có duyên.

Mấy năm sau, chúng tôi lại về Hưng Yên dự đám cưới con một anh bạn. Hỏi thăm anh Lam. Mọi người cho biết, anh ấy đưa cả gia đình lên Thái Nguyên trồng chè. Trên đấy, anh có ông bác. Gia đình ông có mấy cô con gái đều sống ở Hà Nội. Ông nhượng lại mấy đồi chè cho anh Lam.

Một hôm, tôi có việc lên Thái Nguyên, ghé thăm anh Lam. Anh không có nhà. Chị vợ bảo: ông ấy lại đi nói chuyện. Hỏi nói chuyện gì? Chị bảo, mỗi chuyện cũ. Chuyện cõng ông Heng Samrin từ đời nào đời nào mà cứ kể mãi. Ông ấy kể cho học sinh. Hết ở trường tiểu học, sang trường trung học cơ sở, đến cả trường trung học phổ thông. Lại còn Hội Sinh vật cảnh cũng mời ông ấy đến nói chuyện. Tôi tưởng mỗi Hưng Yên thích nghe, không ngờ trên này cũng thích.

Tôi ngồi đợi. Lát sau, anh Lam về. Anh kể, đang tham gia làm trang trại trồng chè sạch cho công ty để xuất khẩu. Gia đình anh được cán bộ kỹ thuật của công ty hướng dẫn nắm được những yếu tố cơ bản của nông nghiệp hữu cơ. Họ giúp anh cải tiến kỹ thuật chăm sóc chè. Lại giúp nông dân hiểu được những tiêu chuẩn của thương mại công bằng… Anh nói

về cây chè rất nhiều chuyện. Nào mua hạt giống ra sao, cải tạo đất thế nào? Có sâu hại trên nương chè không? Có sử dụng thuốc trừ sâu không? Vận chuyển chè về nhà bằng cách nào? v.v. tất cả phải theo đúng quy định của công ty. Đang say sưa, bỗng anh hỏi:

- Dạo này ông có đi công tác ở Campuchia không?

- Có việc gì anh?

- Tôi có cân chè ngon. Muốn biếu ông Heng Samrin quá!

- Làm thế nào để ông ấy biết người gửi?

- Chỉ cần nói, một người lính trinh sát Sư đoàn 10 là ông ấy nhớ ngay! À, tôi sưu tầm rất nhiều ảnh và tiểu sử ông Heng Samrin đấy. Mình đi nói chuyện, cứ trưng ảnh ra. Chuyện càng hấp dẫn. Thằng con tôi, lại làm cho bố cái video có ông ấy đang phát biểu. Thêm bài dân ca Khmer vào nữa. Buổi nói chuyện nào cũng rất xôm trò.

Hứng lên, anh mở đĩa. Nhưng nhạc vừa vang lên, bà vợ xuất hiện. Biết tôi là khách quen, thường đồng lõa với chồng, chị gào lên: "Giời ạ! Suốt ngày lúc nào cũng Heng Samrin thôi! Cõng ông ấy mỗi một lần mà kể hàng chục năm không chán! Giờ thử sang bên ấy xem! Ông ấy có cho mình cõng nữa không? Chiều nay, Công ty họp về thu hoạch chè. Tôi đã bảo ông đi dự rồi kia mà!". "Ấy chết! Tôi quên mất! Mấy giờ rồi nhỉ? Chết cha! Bốn giờ!". "Họ họp từ lúc một rưỡi kia! Tan rồi còn đâu!"

25.
NGƯỜI MANG *VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC* SANG TỈNH KAMPOT

Nhà sư Phteah Saniphap đi về phía Nam Campuchia để cầu siêu cho những người lính hải quân. Họ hy sinh khi đổ bộ vào Tà Lơn, tháng 1 năm 1979. Nhà sư nghỉ lại Kampot một ngày.

Đầu mùa khô, những con đường sạch sẽ, thưa vắng. Giữa thị xã, tượng đài trái sầu riêng nổi bật. Đây là một trong những tỉnh có nhiều cây trái nhất. Kampot còn nổi tiếng với những vườn hồ tiêu đi mỏi chân không hết. Dòng sông Teuk Chhou xanh mát, hiền hòa. Những cây bằng lăng làm rơi những cánh hoa tím xuống mặt nước lấp lánh ánh nắng. Bình yên vô cùng. Dường như không còn dấu vết chiến tranh.

Khi đang cuốc bộ trong thị xã, từ xa, nhà sư bỗng gặp một người Việt Nam. Nhà sư nhận ra ngay vì anh ta đeo ba lô. Chiếc ba lô mầu cỏ úa. Anh đi bên kia đường, hướng ngược lại. Nhà sư bước sang, cắt chéo đường, bước đối diện. Anh ta vẫn đi bình thường, không chú ý. Bỗng nhà sư cất tiếng:

- Chào anh! Anh là người Việt Nam?

- Vâng. Kính chào nhà sư. Nhà sư biết tiếng Việt?

- Tôi gốc người Việt. Sao anh lại ở đây?

Nhà sư mời anh vào quán gần đó. Anh nói tên là Nguyễn Ngọc Quyến, quê Xuân Trường, Nam Định, từng là lính thông tin. Khi giải ngũ, anh mang quân hàm trung úy. Trước đây, anh ở Trung đoàn công binh 276, chiến đấu ở tỉnh này. Nhưng trong một trận đánh năm 1980, đại đội anh hy sinh 41 người. Chỉ hai người còn sống. Đó là anh và người nuôi quân, quê Bến Tre. Hai người hẹn nhau trở lại Kampot, nhưng người đồng đội bị ung thư. Mình anh trở lại. "Tôi chẳng biết nói gì với đồng đội. Tôi chỉ mang theo bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* đến cánh rừng năm xưa, đọc trước linh hồn đồng đội, mong họ siêu thoát.

- Sao anh lại chọn *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc?*

- Một hôm, tôi thấy con trai tôi, học lớp 11, đọc bài này. Tôi thấy hay quá. Tìm hiểu, tôi được biết cụ Đồ Chiểu quê Bến Tre. Tôi gọi cho Thành, anh nuôi, cùng quê cụ. Anh ấy còn kể cho tôi về trận Cần Giuộc. Đó là trận đánh năm 1861. Quân ta đánh Pháp. Hy sinh khoảng hai chục người. Vậy mà cụ Đồ Chiểu làm bài văn tế chấn động tâm can. Đơn vị tôi hy sinh gấp đôi, chả nhẽ chúng tôi im lặng? Nhiều đêm, nhớ về đồng đội, tôi thắp hương, ngồi dưới bàn thờ, mang bài *Văn tế* ra đọc. Nhưng vẫn cảm thấy chưa thỏa. Ước gì mình được đọc *Văn tế* ở chính nơi đồng đội mình ngã xuống, tôi mới cảm thấy yên lòng.

- Trận ấy diễn ra thế nào?

- Buồn lắm, thưa nhà sư! Dạo đó, tôi là lính thông tin. Đại đội công binh của tôi vừa khắc phục cây cầu hỏng để xe qua. Hôm đó, chúng tôi nhận điện, biết bọn địch từ trên núi

Damrei sẽ tràn xuống. Trong tiếng Khmer, Damrei nghĩa là "núi Con Voi". Một đại đội khác của Tỉnh đội An Giang, ở gần chỗ chúng tôi, đã rút quân. Các anh ấy cũng muốn chúng tôi rút cùng. Nhưng đơn vị tôi có anh Được, người Hải Phòng, không chịu. Ông này mới được phong thiếu úy, giữ chức quyền đại đội trưởng nên máu đánh. Ông ta nói: "Địch đến thì đánh. Sợ quái gì!" Nhà sư biết không, từ trong rừng, nhìn lên núi, bằng mắt thường, chúng tôi thấy bọn địch kéo xuống rất đông. Nhưng chiều tối ập xuống, chúng tôi không biết bọn địch đi hướng nào.

Đêm đó, chúng tôi canh gác cẩn trọng. Nhưng không thấy động tĩnh gì. Sáng hôm sau, khi ăn sáng, tình hình vẫn bình thường. Ai cũng đoán chắc bọn địch đi hướng khác. Buổi trưa, chúng tôi nấu cơm. Vẫn không nghe động tĩnh gì. Nhưng vừa ăn cơm xong, bỗng nghe bốn bề súng nổ rền vang, đồng loạt. Đúng là như bắp rang. Ầm ầm xung quanh. May sao, tôi và cậu anh nuôi đứng ở vòng ngoài. Lúc ấy chúng tôi đi bẻ cành cây rừng làm tăm. Ông Hùng ăn cơm xong, không có tăm. Ông ấy hỏi: "Ai có tăm không?". Tôi rủ Thành ra bụi tre cách đó khoảng ba chục mét để bẻ cành tre làm tăm. Đang bẻ tre thì nghe súng nổ liên hồi. Thế là chúng tôi chạy thục mạng. Cứ nhằm phía trước mà chạy.

Chúng tôi chạy trong rừng suốt chục ngày. Ăn lá rừng, rau rừng cầm hơi. Đêm thì leo lên cây ngủ. Không vũ khí. Không bật lửa. Nhiều lúc, cậu anh nuôi muốn nằm lại, nhưng tôi động viên. Anh ấy lại đi tiếp. Nhưng chúng tôi chẳng biết hướng nào. Thôi thì cứ đi. Quần áo rách nát. Giầy cũng rách. Chúng tôi đi đất. Bàn chân ứa máu, nhói đến tận óc, vẫn cố bước.

Sang đến ngày thứ mười, buổi trưa, bỗng chúng tôi nghe phía trước, phía cánh rừng, có tiếng người. Chúng tôi dừng lại, nằm sát đất, lắng nghe. Thấy có mấy tiếng văng tục này nọ, tôi

biết ngay là người mình, nhưng không biết là đơn vị nào. Và chúng tôi cứ thế chạy đến. Khi gặp đồng đội, chúng tôi gục ngã.

Họ đỡ chúng tôi vào. Đầu tiên, người y tá cho bọn tôi mỗi người uống một thìa nước đường. Rồi bảo nằm nghỉ. Buổi chiều, anh y tá lại cho mỗi người một bát cháo. Bảo ăn từ từ. Chúng tôi ăn xong thì cơn buồn ngủ kéo đến. Hai thằng bọn tôi ngủ li bì. Từ ngày này qua ngày khác. Hai hôm sau mới tỉnh dậy. Và khi tỉnh dậy, nhà sư biết không, người tôi đau ê ẩm. Các cơ căng cứng. Không bước được. Anh y tá lại bảo chúng tôi tập đi. Tập nửa ngày tôi mới đi lại bình thường. Rồi anh ấy cho chúng tôi ăn cháo. Ăn bình thường. Sau bữa đó, chúng tôi mới được ăn cơm.

Rồi sau đó, họ đưa chúng tôi về Trung đoàn. Đại đội tôi bị xóa sổ. Thay toàn lính mới. Tôi được đi học sĩ quan. Còn Thành được ra quân. Nhưng chúng tôi luôn nhớ về trận ấy.

Chúng tôi có lỗi. Khi đồng đội bị tấn công, chúng tôi lại chạy thoát thân. Sau khi về đến Trung đoàn mới biết 41 đồng đội tôi đều chết cả. Năm ngày sau, Trung đoàn mới biết tin, tổ chức đi lấy tử sĩ. Từ ngày giải ngũ, tôi rất muốn đi tìm lại gia đình từng đồng đội. Nhưng không nhớ hết. Bởi đa số anh em là lính miền Tây Nam bộ. Tôi không có sổ trích ngang của đại đội. Nhưng đêm đêm, tôi vẫn hình dung cảnh đồng đội tôi trúng đạn. Họ bị thương thế nào? Trúng đạn bồi ra sao? Thân thể chết rồi còn bị hành hạ. Chắc họ chết thê thảm lắm!

Nhìn gương mặt sạm đen nhưng ánh lên vẻ nhân hậu của Quyến, nhà sư mời anh cùng ăn tối và về nghỉ cùng khách sạn. Quyến kể, anh có vợ và ba con, hai gái một trai. Các cháu đã trưởng thành, đều lập gia đình. Hai vợ chồng lên Hà Nội làm thêm. Vợ anh thu mua đồng nát. Anh làm thợ xây. Tích cóp được ít tiền, để dành phòng thân lúc tuổi già, nhỡ đau bệnh cũng không phải nhờ con cái. Nhưng anh vẫn quyết dành ra

một khoản để đi Campuchia, để đến cánh rừng, ngọn núi năm xưa, tạ lỗi cùng đồng đội. Cho nhẹ lòng cả đôi bên.

Đêm ấy, nhà sư Phteah Saniphap mượn Quyến bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Hơn ba mươi năm trước, ở trường phổ thông, Ánh đã học bài này. Nhưng giờ đọc lại, nhà sư cảm thấy, trước mắt mình là một văn bản do thần viết. Chắc cụ Nguyễn Đình Chiểu, trong giờ phút viết *Văn tế*, đã linh thiêng hóa thần. Hoặc lúc ấy, hồn thiêng sông núi đất Việt đã tụ trong linh hồn cụ. Năm ấy, cụ đã mù. Nhưng trái tim còn rực sáng. Trong giờ phút hiển linh viết *Văn tế*, trái tim cụ tràn đầy năng lượng của lòng yêu nước, thương dân. Trái tim cụ thấu cảm cảnh binh đao, nỗi đau của những người thân, nỗi buồn của cỏ cây sông núi. Năm viết *Văn tế*, cụ mới 39 tuổi. Nhưng người Việt sống trong cảnh nước mất nhà tan thường trưởng thành sớm hơn lứa tuổi.

Đọc lại *Văn tế*, nhà sư phát hiện một điều, những lời trong *Văn tế* như có nhạc bên trong. Cả bài *Văn tế* là bản nhạc bi hùng. Mỗi cặp đôi trong Văn tế lại kết thành giai điệu. Và mỗi giai điệu lại có những nhịp điệu khác nhau. Đây là nhịp 2/2 "*Việc cuốc/ việc cày/ việc bừa/ việc cấy/ tay vốn quen làm / Tập khiên/ tập súng/ tập mác/ tập cờ/ mắt chưa từng ngó*". Nhịp điệu ấy chính là nhịp điệu lao động hàng ngày của người nông dân. Họ chỉ quen với công việc trên đồng, đâu biết việc binh đao. Nhưng khi xung trận, họ chiến đấu với những động tác thật mạnh mẽ, quyết liệt: "*Chi nhọc / quan quản / gióng / trống kỳ / trống giục / đạp rào / lướt tới / coi giặc như không/ Nào sợ / thằng Tây / bắn/ đạn nhỏ / đạn to / xô cửa / xông vào / liều mình / như chẳng có/ Kẻ đâm ngang / người chém ngược/ làm cho / mà tà ma ní / hồn kinh*". Bài Văn tế như dòng thác lúc đổ về xuôi. Những đoạn về cuối, nhịp điệu buồn thương: "*Ôi thôi thôi / Chùa Tổng Thạnh năm canh ưng đóng lạnh / Tấm lòng*

son gửi lại bóng trăng rằm…/ Đau đớn bấy / mẹ già ngồi khóc trẻ / ngọn đèn khuya leo lét trong lều / Não nùng thay / vợ yếu chạy tìm chồng / cơn bóng xế / dật dờ trước ngõ". Đoạn cuối bài như truyền sinh lực cho nhà sư, cho anh Quyến đi tiếp chặng đường của mình: "*Sống đánh giặc / thác cũng đánh giặc / linh hồn theo giúp cơ binh /… Nước mắt anh hùng / lau chẳng ráo / thương vì hai chữ thiên dân / cây hương / nghĩa sĩ thắp thêm thơm / cám bởi một câu vương thổ / Hỡi thương thay / Có linh xin hưởng.*

Rất linh. Rất linh thiêng. Những chàng trai trẻ bất ngờ ngã xuống, dù trên Đất Mẹ hay Đất Bên Ngoài Tổ Quốc, đều muốn được nghe bài văn tế này, đều muốn được cầu siêu để trở về Tổ quốc, trở lại làng quê, về với gia đình.

Ôi những trận đánh quân ta hy sinh nhiều không kể hết. Quân số tử trận cỡ hàng chục người. Như tháng Giêng năm 1979, một đại đội hỏa lực của Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 95 hy sinh bên bờ kia sông Mekông. Đội hình hành quân cấp Tiểu đoàn. Nhưng bọn địch phục hai bên đường. Chờ cho ba đại đội bộ binh cùng Tiểu đoàn bộ đi qua bình an, đến đại đội hỏa lực, mang súng lớn, đi sau cùng, chúng mới đánh. Đúng lúc anh em bỏ súng, vừa xuống suối uống nước thì bất ngờ, từ trên bờ, những khẩu 12 ly 7 của địch bắn chúc nòng. Quân ta không kịp phản ứng. Rồi trận bên suối Crolanh ở huyện cùng tên vào tháng 11 năm 1986. Đại đội 13 của Trung đoàn 4 hy sinh tại chỗ 39 người. Họ không thể chống trả hàng ngàn tên địch. Còn hàng chục trận đánh tương tự xảy ra ở Battambang, Pailin… Trong mười năm trời đằng đẵng, bao đại đội, trung đội lính Việt Nam đã cùng ngã xuống một ngày? Và nhà sư cũng đang trên đường về cảng Sihanoukville, nơi đó, tháng 1 năm 1979, một đơn vị lính thủy của hải quân đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng…

Ngày mai, Quyến vào rừng Damrei. Đêm đã khuya, Quyến vẫn ngồi hút thuốc ngoài ban công. Anh đang nghe nhạc từ băng cassette. Giọng ca sĩ thiết tha "*Trả súng đạn này, khi sạch nợ sông núi rồi*". Nhà sư bước lại. Quyến tắt băng. Anh nhìn nhà sư:

- Lạ thật! Câu này tôi nghe nhiều lần, hát nhiều lần, nhưng không nghĩ. Giờ nghĩ lại, mới thấy khác.

- Khác thế nào?

- Câu ấy chỉ đúng khi chúng tôi nhận được giấy xuất ngũ, phục viên. Cảm giác hoàn thành nghĩa vụ như hết nợ nước non. Nhưng sau này, khi đã hồi tâm, nghĩ lại, thấy khác. Làm sao sạch nợ được? Mình mang ơn nhiều người lắm. Từ nhà dân nhường giường cho mình ở; từ người lính cựu dạy mình cách chiến đấu; từ bao đồng đội giúp đỡ, chở che, cứu sống mình v.v. làm sao có thể trả hết nợ? Đấy, tại sao ông Hùng hỏi tăm? Nếu lúc đó mình không đi tìm thì chắc mình cũng chết. Lần này, ngoài đồ cúng ra, tôi còn mang gói tăm. Sẽ hóa vàng. Biếu ông Hùng… Tình đồng đội cao như núi, dài như sông… Càng nghĩ lại, càng thấy mình mang ơn cả người sống lẫn người chết. "*Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh*". Cụ Đồ Chiểu nói từ xưa, tôi nghiệm thấy đúng lắm! Ngay lúc này, tôi ngồi đây, vẫn cảm thấy có nhiều linh hồn đồng đội quanh quẩn đâu đây. Ngày mai, họ sẽ đi cùng tôi…

- Mai, tôi sẽ đi cùng anh nữa.

26.
"CHO TUI VỀ BA LẺ BẢY"

Phai là lính thông tin. Thông tin 15W hẳn hoi, chứ không như tôi, lính 2W. Máy của tôi, đeo trên lưng, sóng ngắn, thuộc biên chế tiểu đoàn. Còn thông tin 15W, nặng chịch, hai người khiêng, sóng dài, liên lạc về nước được, thuộc biên chế cấp trung và sư đoàn. Bọn tôi sử dụng mật mã lên đến cấp sư đoàn là cùng. Còn như Phai, mật mã thuộc bí mật quốc gia. Phai lại là lính cơ yếu, một vị trí quan trọng. Mỗi tổ máy 15W gồm 6 người. Hai người quay máy phát điện, hai người nhận điện. Hai người dịch mật mã. Khi máy 15W đang làm việc, có người cầm AK canh gác. Ai bước vào, bị bắn bỏ ngay. Còn bọn tôi, máy 2W khoác trên lưng, chạy khắp trận địa. Lọt vào tầm ngắm của địch, chỉ có nước chết. Thông tin là tai mắt của chỉ huy. Khi vào trận, đối phương thường tìm cách diệt thông tin đầu tiên.

Ngày tiểu đoàn tôi ở Anlong Veng, trung đoàn cử một máy 15W xuống phối thuộc. Nhìn Phai đẹp trai, cao mét bảy, tóc gợn sóng, lại có râu quai nón xanh rì, ai cũng khen đẹp mê hồn. Người như thế mới xứng đáng ở thông tin trung đoàn! Chẳng bù cho bọn tôi, quần áo rách tả, lộn đằng trước ra đằng

sau, chuyên ngủ bờ rúc bụi. Có bữa còn không có nước đánh răng. Nhìn Phai, tôi thầm mơ ước, được cấp trên để mắt tới, đưa về trung đoàn. Đó là chuyện viễn mơ.

Bọn tôi đi truy quét liên tục. Còn Phai, suốt ngày ngồi trong hầm, nhận điện, dịch mật mã. Tính Phai ít nói, nhưng cười rất duyên. Thỉnh thoảng bọn tôi bắn được con thú, gẩy mồi nhậu, mời Phai. Anh lịch sự đến. Áo quần sạch sẽ. Nhưng anh chỉ ngồi một lát rồi về. Chúng tôi ai cũng tôn trọng nghề nghiệp bí mật của anh.

Rồi tôi được ra quân. Gần sáu năm lính, cũng gọi là đủ. Đủ mùi lính. Đủ vốn chiến trận. Nhưng thấy Phai vẫn chưa được xuất ngũ. Anh vào lính trước tôi hai năm. Hôm về trung đoàn, thấy Phai vẫn đi bưng cơm. Tôi hỏi: "Sao anh chưa được về?". Phai cười nhã nhặn: "Cũng sắp. Còn vướng vài thủ tục".

Rồi ít lâu sau, Phai cũng được về. Anh không là sĩ quan. Đeo quân hàm thượng sĩ suốt ba năm. Kịch tầm. Tuy là trung đội trưởng, song thuộc dạng "đầu binh cuối cán". Nhưng Phai chưa được về nhà. Anh được thuyên chuyển về Kon Tum. Ở đó có đơn vị tăng gia của Quân khu.

Đơn vị mới giao cho Phai mấy con bò. Hàng ngày, anh có nhiệm vụ thả bò vào rừng. Kệ bò ăn. Anh muốn làm gì cũng được. Nằm ngủ. Hút thuốc. Vào bản người Bana hay Ê đê chơi. Tối về, lùa bò vào chuồng. Ăn tối, nghe đài, đọc báo. Rồi đi ngủ. Cấp trên bảo, mấy năm ở chiến trường Campuchia, công việc của Phai làm anh căng thẳng đầu óc. Giờ về nước, anh chăn bò để thư giãn.

Phai thường lang thang trong bản hàng tuần. Mấy con bò, gần thì tự về, xa thì nhờ dân trông giùm. Tính Phai hiền lành, người dân tộc rất quý. Họ thường mời Phai uống rượu cần. Gặp đám cưới hay đám ma, Phai như sống trong men rượu,

loại rượu cần đích thực của Tây Nguyên, say như chết, cả tuần như không biết gì. Thế mới đã. Anh kể, có lần, anh còn cho dân cả một con bò để góp vui cùng đám cưới. Thế mà đơn vị cũng không để ý. Họp hành, có người nhắc đến số lượng bò, nhưng anh trả lời quấy quá. Anh mang về đơn vị chục vò rượu cần. Mọi người ngất ngư. Không ai nhớ chuyện mất bò nữa.

Đàn bò Phai chăn càng ngày càng gầy nhom. Mấy con bò già, ăn cỏ bình thường, nhưng chúng uống nước nhiều nên đi phân lỏng. Phai không biết chữa thế nào. Ông Y Điêng, người Bana bảo, cho nó uống nước muối. Phai làm theo. Cũng không đỡ. Chắc phải tìm bác sĩ thú y. Nhưng ở đây không có. Ít ngày sau, bò chết. Phai buồn. Anh xin trả lại đàn bò. Nhưng cấp trên động viên. Bò chết do thời tiết. Không sao. Phai lại lùa bò vào rừng. Đêm lại lên nhà sàn, nghe già làng hát sử thi bằng tiếng Bana. Anh trôi trong mơ bên tiếng hát "khan" như tiếng kinh kệ ngân lên bên bếp lửa nhà rông.

Chừng hai năm sau, anh chính thức được ra quân. Về Đà Nẵng. Đẹp trai như Phai, vơ một tay cũng được chục cô vợ. Anh cưới Hiệp, cô gái bán hàng tạp hóa ở chợ Cồn. Cưới xong, Phai mới tính chuyện đi làm. Chương, thằng bạn cùng đơn vị, xin cho Phai vào làm công nhân cùng cơ quan hắn. Nhiệm vụ hàng ngày là vác cọc gỗ lên đồi trồng, làm cột điện. Nhưng thằng Chương, vừa to vừa khỏe, làm như chơi. Còn Phai, dáng thư sinh, sức yếu, vác được một tuần, bỏ việc. Đau lưng, sụn gối. Lương chẳng được bao nhiêu.

Đang lang thang thì gặp Phận. Anh chàng này ở tiểu đoàn 8, giờ hành nghề cắt tóc ở bán đảo Sơn Trà. Phận rủ Phai cùng làm nghề. Nhưng Phận khéo tay. Cắt tóc cũng khó chớ bộ. Phai thử mấy lần, thấy mình không hợp. Lại thôi.

Chán đời. Thất nghiệp. Phải giải sầu bằng rượu. Vợ lại mang bầu. Rồi sinh con trai. May sao, ông anh vợ, nhờ người

quen, xin cho Phai vào làm ở Công ty Du lịch. Làm được ít ngày, Phai phát hiện cha Trưởng phòng lập quỹ đen. Mấy cái nhà của Công ty cho thuê, hắn chỉ nộp cho Công ty một phần nhỏ. Còn lại, hắn chi dùng cá nhân. Phai góp ý. Hắn kêu anh ra quán café. Hắn yêu cầu Phai im lặng. Đổi lại, hắn sẽ nâng lương cho anh. Mẹ đời, một thằng trốn lính, giờ lãnh đạo mình, lại còn giở giọng mua chuộc. "Tui không thèm cái đồng lương hôi hám của ông!". Phai dằn mạnh ly café xuống bàn, đứng dậy, đạp xe về. Lại bỏ việc.

Lần này, Phai làm bảo vệ một nhà hàng. Anh có chứng chỉ bộ đội phục viên nên được tín nhiệm ngay. Hàng ngày, nhà hàng nhập nhiều cá quý, thịt ngon. Khi nhập, kế toán, thủ kho, đầu bếp đều kêu Phai làm chứng. Anh cũng ký tên vào phiếu nhập kho. Nhưng không hiểu sao, khi kiểm kê, thực phẩm luôn thiếu. Sếp nhà hàng đau đầu. Một hôm, Phai để ý, thấy những người vào thu mua hộp giấy đã dùng, dáng điệu khả nghi. Khi họ ôm những chồng hộp giấy ra ngoài, Phai thấy con chó chạy đến. Nó ngửi. Rồi nó cào. Hình như nó đánh hơi thấy trong đống hộp có gì. Phai mở dây, lật mấy lớp hộp. Anh giật mình. Từng tảng thịt bò tươi được giấu trong đó. Lật mấy lớp nữa. Những khúc cá hồi, mấy cái chân giò nằm ngay ngắn. Phai kêu người thu mua lại. Chị ta thú nhận đấy là hàng của nhà bếp gửi. Nhờ chị mang bán cho nhà hàng khác. Việc này kéo dài đã lâu. Chị ta khóc. Van xin anh không báo cáo giám đốc. Hình như chị ta lại còn có họ hàng gần xa chi đó với một đồng đội. Tiến thoái lưỡng nan. Mình làm ở đây, có ngày oan gia. Nghĩ chán, Phai lại xin nghỉ.

Những chuyện chán chường ngoài xã hội làm Phai u uất. Không có người tâm sự, Phai tìm quên trong rượu. Về nhà, vợ lại trách móc, mắng nhiếc. Trong cơn khốn cùng, Phai thường đánh vợ. Có lần, Phai đánh Hiệp gẫy xương sườn. Cô

phải nằm viện mấy tháng. Tình ra, Phai hối hận. Sau những ngày trốn về ngoại, Hiệp lại thương chồng, về chăm sóc Phai. Nhưng Phai đã trở thành sâu rượu. Nhiều lúc, anh như kẻ mất trí. Giữa đêm, hành hạ Hiệp vì những chuyện vớ vẩn. Không chịu được tính nết của Phai, Hiệp bồng con vô Sài Gòn. Cô thuê nhà trọ, bán quà sáng cho sinh viên.

Phai ở lại một mình. Anh đổi tên căn nhà của mình, từ số 128 phố BT thành số 307. Đó là tên Sư đoàn anh. Hàng xóm góp ý thế nào cũng mặc. Hàng ngày, Phai thường giao du với những đồng đội cũ. Anh đến làm khách, ngày một ngày hai, bạn bè còn quý. Nhưng đến miết, bạn bè cũng ngại. Đã vậy, các bà vợ nhiều khi còn cấm cửa Phai. Họ sợ Phai dẫn lối chồng họ vào con đường nghiện ngập. Cứ thấy Phai đến nhà, mấy bà vợ lại nói khéo. Vốn đầy lòng tự trọng, Phai vẫy tay chào cùng nụ cười thân thiện. Nhưng các ông chồng vẫn giao du với Phai. Họ có lý: "Tui chơi với ông Phai trước cô. Với lại, dạo ở K, ổng che chở cho tui nhiều lắm! Không có ổng, tui đâu được như giờ". Họ thường hẹn Phai ở quán cóc.

Mấy người đồng hương Đà Nẵng sống ở Sài Gòn mời Phai vô thành phố. Phai lên máy bay. Nhưng an ninh không cho. Anh chẳng có giấy tờ tùy thân. Chỉ có mỗi cuốn lý lịch quân nhân cũ. Một người bạn, quen an ninh sân bay, gọi điện can thiệp. Cuối cùng, Phai cũng được bay vô Sài Gòn.

Tuy Đà Nẵng cách Sài Gòn không bao xa, nhưng đây là lần đầu Phai vô thành phố đầy nắng phương Nam. Không khí sôi động lôi cuốn Phai. Anh trách đồng đội rước mình vô chậm. Nhưng ai cũng bảo, ngày ấy, rời lính, tụi tao rủ nhưng mày không đi. Phai lý sự: "Phải ở lại để chống tiêu cực". Đồng đội đùa: "May cho mày đấy! Cái tiêu cực chưa hợp tác chống lại. Nó hợp tác thì mày tù rục xương!". Lại cười như bắp rang.

Ở Sài Gòn, Phai lấy nhà Lưu làm nơi trú chính. Vợ con Lưu tính nết nhẹ nhàng. Thấy nhà có khách càng dịu dàng hơn. Song ngồi một chỗ cũng cuồng chân. Vốn thích khám phá, Phai muốn đi thăm Sài Gòn. Nghe nói Thảo Cầm Viên thú vị, Phai bắt xe ôm đi. Lang thang trong đó nửa ngày. Ngắm những người bạn xưa. Nào voi, nào khỉ, nào chim công. Bụng đói, mua bánh mì gặm. Khát nước. Chai Lavie đầy. Rồi Phai ra cổng, bắt xe ôm. "Chào anh. Anh về đâu?" – Phai dõng đạc: "Cho tui về 307!" – "307 đường mô anh?" – Phai trầm giọng: "Đường BT. Gần xíu mà!" – "Ok!". Nhưng đến số 307 đường BT, Phai thấy lạ. Đây không phải nhà mình mà là một hẻm nhỏ. Phai đành xuống. Trả tiền đàng hoàng. Quanh quẩn trước hẻm, Phai không dám hỏi ai. Người bán hủ tiếu, người bán tạp hóa, người qua lại, toàn người lạ. Đây là đâu nhỉ? Vắt óc nghĩ không ra. Thôi thì cứ ngồi xuống. Lấy thuốc lá ra hút. Nhìn đời ngược xuôi. Có sao đâu!

Lưu đi làm về, không thấy Phai. Lấy điện thoại hỏi các đồng đội ở Sài Gòn, ai cũng nói Phai không qua. Vậy hắn đi đâu? Hay hắn đến nhà họ hàng? Cũng có thể. Người ngoài Trung vô Sài Gòn làm ăn nhiều lắm. Thôi, ngủ cái đã.

Đêm trôi qua, cũng không thấy Phai về. Cả ngày hôm sau nữa. Đồng đội mới bổ nhào đi kiếm. Sài Gòn như biển, người như kiến. Hạt bụi Phai bay nơi nào? Cũng may, vợ Lưu nhanh trí, nói chồng phóng xe ra Thảo Cầm Viên. "Em nhớ, sáng hồm, ảnh nói ảnh đi ra đó mà!". Lưu phóng xe đi. Buổi trưa, hỏi thăm mấy bác xe ôm. Có người nhận, hôm rồi, có chở một ông đứng tuổi, giọng xứ Quảng, về hẻm 307 đường BT. Lưu phóng xe đến đó. Thấy Phai ngồi nguyên chỗ cũ. Cái bánh mì gặm dở. Chai nước ngọt cạn sạch. Tay chống cái cằm, râu lởm chởm. Mắt buồn nhìn xa. Lưu dừng lại. Phai cũng chẳng thèm nhìn. Lưu xuống xe, đến bên: "Phai, sao đồng hương lại

ở đây?" Phai phân trần: "Đồng hương, nhà tui đây, sao lắm người lạ vậy?" – "Nhà nào của ông?" – "Nhà tui mà! Nhà tui thiệt mà! Số 307 đó. Đồng hương thấy không?" – "Thôi ông ơi! Đây là Sài Gòn! Hẻm 307 ở Sài Gòn, không phải nhà 307 của ông ở Đà Nẵng đâu!" – "Đây là Sài Gòn à? Vậy mà tui cứ tưởng Đà Nẵng!" – "Thôi, lên xe cho lẹ!"

27.
TRÊN CẢNG SIHANOUKVILLE

Như đã hẹn, nhà sư Phteah Saniphap đến cảng Sihanoukville để gặp ba vị khách. Đó là ba cựu binh. Họ đều đã tham dự trận đổ bộ của hải quân Việt Nam vào khu vực cảng ở phía Nam Campuchia. Người thứ nhất là Nguyễn Thành, cựu binh Lữ đoàn thủy quân đánh bộ 101; người thứ hai là Phạm Quang Thọ, cựu binh Lữ đoàn Hải quân 126 và người cuối cùng, Trần Văn Kiểm, cựu binh săn tàu ngầm thuộc Hạm đội 171.

Lính hải quân chết thế nào? Chôn cất ra sao? Làm sao để linh hồn họ đỡ đau thương và siêu thoát? Những câu hỏi đó cứ ám ảnh tâm trí nhà sư. Lính bộ binh hy sinh trên mặt đất còn có thể tìm thấy xác. Lính không quân trúng đạn trên trời, cũng rơi về Đất Mẹ. Còn lính hải quân? Nhận được lời mời của ba cựu binh, nhà sư cảm động. Họ hẹn nhau, vào một ngày đầu tuần tháng Giêng cùng có mặt tại Sihanoukville.

Cựu binh Nguyễn Thành kể:

- Tôi là lính của Lữ đoàn 101, Vùng 5 Hải quân. Ngày 4 tháng Giêng năm 1979, chúng tôi xuất phát từ đảo Phú Quốc. Đơn vị tôi gồm một số tàu tuần tiễu lớn của Mỹ và tàu khu

trục Petya của Nga. Chúng tôi có nhiệm vụ đổ bộ vào bãi biển Tà Lơn, bên địch gọi là Bokor. Đó là vị trí nằm giữa thị xã Kampot và cảng Sihanoukville.

Để yểm trợ cho cuộc đổ bộ, pháo 130 ly ở đảo Phú Quốc bắn mở màn, tức là dọn bãi cho lính. Bên ta cũng cẩn trọng. Đêm 7 tháng 1, gần một trăm lính đặc công nước đã bí mật tấn công các trận địa pháo ven bờ biển của địch. Từ quân cảng Ream, bọn địch đã tung ra những tàu hải quân để phản công. Nhưng tàu tụi nó nhỏ, bị tàu ta bắn cháy gần hết. Lúc đó, các loại hỏa lực của địch từ trong bờ bắn ra dữ dội. Bên ta cũng không kém. Phản hỏa lực. Đồng đội tôi vác DKZ75, không cần giá, bắn vào các hỏa điểm của địch. Đạn nổ đinh tai nhức óc. Mặt sông sáng lòa.

Tàu chúng tôi vừa bắn vừa tiến. Xác định đúng tọa độ tập kết, chúng tôi rời tàu, nhảy xuống biển. Nhưng, nhà sư biết không, nước biển quá sâu. Có lẽ do thủy triều. Hoặc cũng có thể do trinh sát xác định tọa độ sai. Chúng tôi chới với. Nước ngập quá đầu. Giữa trận mưa đạn ấy, chúng tôi phải lấy nilon bọc ba lô để làm phao rồi bơi vào. Bọn địch trong bờ phát hiện, chúng quét đại liên, trung liên sát mặt nước. Đồng đội tôi trúng đạn. Dưới ánh lửa đạn, tôi thấy nước đỏ ngầu. Nhiều người bị thương, vùng vẫy trong nước. Nhiều người chìm xuống biển. Tôi phải lặn tránh đạn. Cuối cùng, chân tôi cũng chạm đất. Cảm thấy sống rồi. Chúng tôi áp sát bờ. May chỗ đó không có địch. Hoặc chúng đã rút chạy.

Tôi nhìn ra biển. Thấy lềnh bềnh những mũ, những ba lô, giày và xác người. Ngay lúc đó có lệnh tập hợp, tấn công ngay. Tôi ngoảnh lại. Cầu mong đồng đội tha thứ…

Cựu binh Trần Văn Kiểm tiếp:

- Chúng tôi rời quân cảng Cam Ranh. Lữ đoàn tôi gồm chín tàu quân sự HQ và một số tàu tuần tiễu PGM. Chúng

tôi có nhiệm vụ khóa chặt hai cảng Ream và Kampong Som, đồng thời yểm trợ cho Lữ 126 đổ bộ.

Chúng tôi chia thành hai biên đội. Mỗi biên đội lại chia thành nhiều nhóm tàu để dễ tổ chức chiến đấu. Trên tàu chúng tôi có nhiều hỏa lực. Chúng tôi còn mang theo nhiều giàn pháo H-12. Tôi nhớ, đêm mùng 6 tháng 1, khi Lữ 126 chuẩn bị đổ bộ thì chúng tôi phát hiện hai tàu địch xông đến. Chúng tôi lập tức nổ súng. Hai chiếc bị cháy. Vì đánh giáp lá cà nên tôi nghe tiếng bọn địch kêu la rất gần. Pháo địch từ trong bờ bắn ra rất mạnh. Tàu HQ-05 bắn chìm một tàu địch. Nhưng bốn chiếc khác xông đến, bao vây tàu HQ-05. Trước tình thế nguy cấp, hai tàu tuần tiễu là T-203 và T-215 dễ cơ động hơn, cũng xông thẳng vào bốn chiếc tàu địch. Hỏa tiễn trên hai tàu này bắn tới tấp. Hai tàu địch trúng đạn. Hai chiếc kia quay đầu chạy. Nhưng tàu HQ-05 cũng bị trúng đạn. Chiến sĩ lái tàu Tô Duy Khải, quê Nam Định, bị trúng đạn vào ngực. Tàu T-215 truy kích. Nhưng sự cố xảy ra. Đang chạy nhanh, bỗng tàu chết máy. Thấy vậy, hai tàu địch quay lại, phản công. Chúng bắn pháo vào tàu. Bốn thủy thủ hy sinh. Hai người bị thương nặng. Tàu T-215 chìm xuống biển.

Trên tàu HQ-07, chiến sĩ lái tàu bị một quả đạn cối của địch bắn trúng. Viên đạn nổ ngay buồng lái. Mùi thuốc súng nồng nặc. Khói mịt mù. Tôi chỉ còn thấy nửa thi thể của người lái. Đó là anh Long, quê Nghệ An. Tôi vừa khóc vừa bế phần thi thể còn lại của Long xuống hầm lạnh. Nhưng trên tàu, mọi người không nao núng. Chúng tôi vẫn bắn về phía địch. Nhưng phát hiện tàu ta không di chuyển, bọn địch tập trung hỏa lực. Một quả rơi trúng tàu. Anh Hòa, thủ pháo, mất hai chân, máu tuôn xối xả, ngất đi.

Khoảng hơn một tiếng sau, bọn địch lại tập trung một đoàn tàu năm chiếc, lợi dụng đêm tối tấn công tàu ta. Nhưng rada

của ta phát hiện. Chúng tôi đợi địch vào gần mới nổ súng. Cả đêm mùng 6 rạng ngày mùng 7, vùng biển Kongpong Som đỏ rực. Ba tàu địch bị cháy, nhiều chiếc khác bị hỏng. Nhưng bên ta cũng bị hỏng hai tàu chiến và một tàu tuần tiễu. Điều quan trọng là, Lữ đoàn tôi đã kìm chân bọn địch ở phía Tây, yểm trợ cho Lữ đoàn 126 đổ bộ.

Cựu binh Phạm Quang Thọ tiếp lời:

- Tôi ở Lữ đoàn 126. Đó là đêm mùng 5 tháng 1. Chúng tôi có nhiệm vụ đổ bộ bộ, tiến đến hai chiếc cầu trên đảo Kongpong Som. Có thể do lực lượng địch bị hút về phía Lữ đoàn 101 nên hướng chúng tôi đổ bộ, địch chống cự yếu. Mỗi tiểu đoàn tôi lên được bờ. Ba tiểu đoàn khác bị chặn lại. Chính vì vậy, ông Tiểu đoàn trưởng của tôi chủ quan. Nhẽ ra, phải chờ các đơn vị khác cùng hợp đồng tác chiến, nhưng ổng ra lệnh cho tiểu đoàn tôi hành tiến ngay. Trời vừa sáng, 12 xe tăng và xe bọc thép tiến thẳng về cảng Sihanoukville. Song chúng tôi đâu ngờ, trên bờ, lực lượng địch còn rất nhiều, rất mạnh. Một đội hình hành quân đơn độc vào nội địa. Ngay lập tức, chúng tôi lọt vào vòng vây của địch. Chúng bao vây, bám theo. Đơn vị tôi bị vây đánh từ chiều, qua đêm đến cả ngày hôm sau. Xe tăng cháy. Xe bọc thép trúng đạn. Lính bị thương và hy sinh nhiều. Thiếu bông băng, phải xé quần áo băng cho nhau. Đến khi quần áo cũng hết, phải lấy lá cây bên đường. Nhưng đang mùa khô, lá cây cũng hiếm. Nhiều đồng đội chết vì mất máu. Vì nhiễm trùng. Vì ruồi rất nhiều.

Tôi rất thương những người lính tăng. Khi hy sinh, họ bị cháy rụi trong xe, không thể nhảy ra ngoài. Tôi nhớ một sĩ quan, khi xe tăng bốc cháy, anh nhoài lên thùng xe. Người anh như bó đuốc. Tôi vội nhảy lên, cầm tay anh kéo ra. Bàn tay anh cũng vừa bị cháy. Mùi máu, mùi thuốc đạn nồng lên. Tôi vừa cầm bàn tay anh, một lớp da tuột. Bàn tay cháy đen.

Máu đỏ ngòm. Trong ánh lửa, tôi thấy bàn tay ấy như bàn tay ngâm formon trong phòng thí nghiệm. Tôi vừa cúi xuống, xốc anh lên thì anh trúng đạn. Cả người anh gục xuống lưng tôi. Không biết tên anh ấy là gì, quê ở đâu.

Nhà sư biết không, chúng tôi bị vây đánh liên tục. Hết quân. Hết vũ khí. Còn khoảng hai chục người co cụm, chống đỡ với hơn chục quả lựu đạn, mấy khẩu AK. Còn khẩu B41 thì hết đạn. Chúng tôi cố cầm cự. May sao, đến sáng mùng 7, ba tiểu đoàn của Lữ đoàn tôi cũng lên được cảng. Lúc ấy, chúng tôi mới được giải nguy.

Họ đi trên đường. Phố cảng Sihanoukville lộng gió. Biển xanh trải rộng tới chân trời. Trong lòng biển chứa bao câu chuyện. Họ vào quán giải khát bên đường của ông già. Ông ngồi uống trà cùng hai người bạn. Ông tên Leang. Ông xác nhận, năm 1979, ở biển nơi này xảy ra trận đánh lớn giữa hải quân Việt Nam và hải quân Pol Pot. Suốt đêm, ông nghe tiếng nổ. Biển rực sáng. Mảnh đạn bay khắp nơi. Cả nhà ông phải chạy xuống hầm. Ông là thợ nguội. Giờ tay run, giải nghệ. Quán giải khát này là của con dâu, tên là Rolea. Nghe nhắc đến mình, cô gái ra chào khách.

Nhà sư Phteah Saniphap nói:

- Tôi sẽ cùng các anh làm lễ tế vong linh trên biển. Trước hết, các anh hãy ghi ra giấy họ và tên của các đồng đội đã hy sinh. Chắc các anh không nhớ hết. Nhưng nhớ ai thì ghi vào. Cả quê quán nữa.

Nhà sư nhờ cô Rolea mua ba vòng hoa lớn và chục bó nhang. Tiền vàng thì ba cựu binh đã mang theo. Nhà sư băn khoăn một điều. Ông muốn thả xuống biển hình mẫu những

con tàu hải quân bị chìm dưới đáy biển. Ông già Leang nhận lời. Ông kêu hai người bạn đến, cùng làm giúp. May sao, gần nhà ông Leang có mấy xe tải hỏng. Họ cắt sắt làm thân tàu. Rồi họ uốn cột buồm, các khẩu pháo. Họ làm suốt chiều, đến tối, sang cả trưa hôm sau. Ba chiếc tàu lớn nhỏ của hai bên đã xong. Ba cựu binh lấy sơn, nắn nót ghi tên những con tàu HQ-05, HQ-07 và T-215. Để cho các linh hồn binh lính dưới đáy biển yên lòng, nhà sư đã chuẩn bị một bức tượng Phật bằng gốm, cao bảy mươi phân và bức tượng bà Mao, người mà, theo tín ngưỡng dân gian, là vị thần che chở cho vùng này. Và tất nhiên, đoàn tế lễ mang theo ba mâm cỗ mặn và rượu.

Đêm hôm đó, nhà sư Phteah Saniphap mang tượng Phật và tượng bà Mao đến ngôi chùa gần đó. Ông nhờ sư trụ trì tụng kinh. Những bức tượng được thấm Kinh Phật sẽ thêm linh thiêng. Trong lúc chờ sư trụ trì chuẩn bị, nhà sư Phteah Saniphap nói với cựu binh Nguyễn Thành một chuyện. Để tượng thật linh thiêng theo đúng chất tượng thờ, trong mỗi bức tượng cần yểm vàng. Thành nhất trí ngay. Sẵn có chiếc nhẫn cưới nặng hai chỉ trên tay, Thành tháo ra. Ông già Leang chặt đôi, uốn lại thành hai nhẫn. Rồi ông yểm vào lưng tượng Phật một chiếc, yểm vào cổ tượng bà Mao chiếc còn lại.

Làm xong việc thì đã gần ba giờ sáng. Lúc bấy giờ, ông già Leang cùng hai người bạn mới ngỏ lời nhờ nhà sư làm lễ cầu siêu cho lính Pol Pot luôn. Bởi thời trẻ, ông cũng là lính Pol Pot, nhưng ở mặt trận Đông Bắc. Hai người kia cũng thế. Thảo nào, nhà sư nhận thấy, họ thường thầm thì với nhau. Nhà sư rất cảm kích, chắp tay trước ngực: "Các ông không nói, chúng tôi cũng sẽ làm. Tôi cảm thấy những linh hồn đồng đội các ông dưới biển nhờ các ông lên tiếng". Ba người chắp tay đáp lễ.

Sáng hôm sau, may sao, trời yên biển lặng. Nhà sư thuê con tàu ra đúng chỗ diễn ra chiến trận năm xưa, làm lễ tế vong. Ra

đến biển, con tàu tắt máy. Dường như những con sóng cũng cầm tay nhau đứng lùi ra xa. Và từ trên trời, dường như có một thiên thần bay qua, nhẹ nhàng buông bẩu không khí linh thiêng trùm xuống con tàu. Mọi người nhìn xuống nước. Đáy biển trong xanh. Dường như những linh hồn binh lính đang nhấp nhô phía dưới.

Nhà sư đốt hương. Mọi người cắm vào những vòng hoa, cắm vào mâm cỗ. Một luồng gió lạnh tràn qua. Những cây nhang bùng cháy. Giọng nhà sư thống thiết bằng tiếng Việt và tiếng Khmer.

- Hỡi những linh hồn các chiến binh hải quân Việt Nam và Campuchia!

Ba mươi năm trước, các anh đã chiến đấu trong lửa đạn nóng bỏng. Và các anh ngã xuống giữa biển khơi. Nước đã ôm các anh vào lòng. Đã ba mươi năm rồi, các anh nằm dưới đáy biển. Chắc các anh lạnh lắm phải không?

Bao nhiêu người thương nhớ các anh. Cha mẹ già ở quê nhà đêm nào cũng ứa lệ; những người vợ vẫn thầm mong các anh về; những người chị, người anh, những đứa em, những đứa con vẫn chờ đợi. Ôi! Năm tháng quá dài! Nhưng không dài bằng nỗi thương nhớ các anh! Và biển rất sâu! Nhưng không sâu bằng niềm tiếc thương vô hạn của những người còn sống! Và biển rất rộng! Nhưng không rộng bằng tấm lòng của bao người thương nhớ khôn nguôi…

Tôi xin phép được gọi tên những linh hồn bất tử. Mời các linh hồn về đây cùng gặp gỡ, chia sẻ với chúng tôi. Nào Phan Hữu Long, nào Tô Duy Khải, nào Nguyễn Nhật Anh, nào Trần Văn Bá, nào Vũ Như Quang… nào An Sopher, nào Chay Th'menh, nào Seng Kunhem… những linh hồn đã ba mươi năm nằm dưới đáy biển giá lạnh.

Cuộc chiến nào rồi cũng đến ngày chấm dứt. Những nơi từng diễn ra trận chiến năm xưa rồi cũng đến ngày yên bình. Và thời gian sẽ làm lành những vết thương của mỗi người, mỗi đất nước, mỗi dân tộc… Làm lành những vết thương của những người sống và những người chết. Ba mươi năm qua, các anh sống trong cõi lặng im. Nhưng chúng tôi biết, lời các anh cũng như lời chúng tôi. Chúng ta đều mong hòa bình về với đất đai quê hương, về với bầu trời, về trên mặt biển, về trên gương mặt mỗi người già trẻ nơi đây.

Hôm nay, chúng tôi đến đây, từ nơi xa xôi cũng như từ nơi gần gũi, để làm lễ cầu siêu cho những vong linh của cả hai bên trên biển khơi này. Chúng tôi biếu các anh tiền về. Chúng tôi làm bữa cơm dâng lên thần biển, thần sông, thần núi, làm cơm mời các linh hồn. Nếu các anh nghe được những lời tôi nói, bằng cả hai thứ tiếng Việt Nam và Khmer, xin các anh hãy bay lên mặt nước, hoan ca trên không trung rồi bay về với xứ sở quê hương. Các anh hãy về ngay, về ngay đi! Đừng ngại ngùng gì cả! Hãy về ngay! Đừng tần ngần gì nữa. Bởi các anh biết không, cha mẹ các anh đang chờ. Vợ con các anh đang đợi. Anh chị em các anh đang mong. Tất cả mọi người đều muốn gặp các anh. Họ sẽ khóc, sẽ cười, sẽ vui khi được đón các anh trở về…

Tôi nói với các anh bằng những lời từ sâu nặng trái tim. Tôi đã đi khắp đất nước Campuchia thân yêu, cầu siêu cho những linh hồn siêu thoát. Hôm nay đây, tôi về vùng biển phía Nam đất nước Chùa Tháp. Tôi xin cúi đầu, chắp tay, muôn nghìn lạy các anh. Cầu mong và kính chúc các anh rẽ mây đón gió bay về quê hương.

Kính thưa các linh hồn thương nhớ!

Hôm nay, được Trời Phật phù hộ, bầu trời Campuchia, bầu trời Sihanoukville trong xanh, gió trong lành hiền hòa. Chúng

tôi xin thả xuống biển mô hình những con tàu thân yêu của các anh, mô hình những ngôi nhà yêu dấu của các anh, cùng tên tuổi những đồng đội của các anh… Mong các anh hãy vui lòng đón nhận.

Chúng tôi cũng xin thả xuống biển những vòng hoa lớn, dành cho các anh. Những vòng hoa của đất nước Chùa Tháp dâng tặng những linh hồn tử trận năm xưa. Những vòng hoa dâng tặng những con tàu cháy trong sóng biển. Những bông hoa dâng tặng những linh hồn bất tử. Hỡi các linh hồn thương yêu! Đây là những vòng hoa do các bà, các mẹ, các chị Khmer đan kết, dành cho những người con của cả hai bên. Đó là tấm lòng của Trời, của Đất, của người Khmer nhân hậu, cần cù.

Và những cây nhang chúng tôi thắp lên. Những làn khói mong manh nhưng bền bỉ, dẻo dai ngàn năm, mang thông điệp của những người có mặt trên con tàu này, thay lời muốn nói của hàng trăm gia đình, hàng ngàn người vắng mặt, gửi đến các anh. Những của ngon vật lạ của quê hương Việt Nam, của Đất Mẹ Campuchia, xin kính dâng các linh hồn. Cầu mong các linh hồn, sống khôn chết thiêng, lắng nghe và đón nhận.

Nhà sư cùng mọi người thả những vòng hoa xuống biển. Những con sóng biển như bao vòng tay, bên nhau đón nhận. Và dường như, những linh hồn dưới biển, cùng nâng trên vai những vòng hoa, rước xuống quanh tàu. Những vòng hoa rập rờn. Hương khói lan như như những lời nguyện cầu chìm vào trong hơi nước, lan sâu vào lòng biển. Hương hoa cùng hòa quyện hương nhang. Và từ lòng biển dâng lên một mùi hương kỳ lạ, như từ thuở xa xưa, rất lâu rồi, bây giờ mọi người mới được cảm nhận.

Nét mặt trang nghiêm, cử chỉ khoan thai, nhà sư Phteah Saniphap bắt đầu thả tượng Phật và tượng bà Mao. Nhà sư

nâng hai tay, thả từng bức tượng. Những con sóng như trăm ngàn cánh tay ôm lấy những bức tượng, mang về lòng biển. Mọi người nhìn theo. Mắt người nào cũng ứa lệ. Các cựu binh Việt Nam và Khmer khóc thành tiếng. Nhà sư cảm thấy, thân thể mình như đang bay lên không trung. Nhà sư trấn tĩnh, đưa hai tay vuốt mặt. Bỗng chuỗi tràng hạt trên cổ nhà sư, như có phép màu, tự nhiên đứt, rơi xuống biển.

Mọi người cùng chắp tay, tiễn tượng Phật, tiễn tượng bà Mao, tiễn chuỗi tràng hạt. Mỗi hạt đã thấm bao kinh Phật. Một trăm linh tám hạt rơi vào lòng biển, giúp các linh hồn gạt bỏ bao đau khổ bấy lâu, gạt bỏ bao nỗi đau thương của chiến tranh, gạt bỏ hết những hận thù, hiềm khích.

Rồi không ai bảo ai, ba cựu binh Việt Nam cùng ba cựu binh Campuchia, bỗng cùng quỳ thành một hàng, chắp tay vái biển. Dường như có sợi dây tâm linh thiêng liêng kết nối họ với nhau. Không những vậy, sự linh thiêng ấy đang dâng đầy mặt biển. Và dưới biển, những linh hồn lính chiến của cả hai bên dường như cũng đều hoan hỉ. Họ được cứu rồi. Họ được siêu thoát. Họ được hồi sinh. Họ được bay về xứ sở quê hương.

28.
GIAN NAN ĐƯỜNG VỀ

– Chúng tôi về nước đã mấy chục năm. Nhưng chẳng ai hỏi: các anh về nước thế nào? Chúng tôi cần một câu hỏi như thế để bày tỏ nỗi lòng của mình. – Chim cu rít hơi thuốc.

- Không có ai hỏi cũng chẳng sao. Bởi mọi người đâu biết, hành trình trở về Đất Mẹ của tụi mình khó khăn và nguy hiểm thế nào. Họ chỉ biết là chúng mình đã trở về. Thế là vui rồi. Nhưng trong thâm tâm, tôi buồn lắm! – Công Tây Nguyên nhấp ngụm cà phê.

- Tôi về sau các ông. Đường về cũng gian nan lắm. Nhưng chắc không bằng các ông. Giờ các ông kể, tôi nghe - tôi nói.

Chim cu bắt đầu:

- Tôi là lính trinh sát. Tuổi quân đã già. Năm năm lính mục còn gì. Một hôm, ông Bách, Tiểu đoàn trưởng, muốn có bức tranh lớn để đón năm mới. Tôi nhận vẽ. Hì hụi hai ngày. Tôi vẽ nền là bản đồ Việt Nam. Tiền cảnh là anh bộ đội và cô gái dâng hoa. Trên chùm hoa là dòng chữ "Chúc Mừng Năm Mới – Quý Hợi – 1983". Ông Bách rất khoái. Bao ngày đi chiến

đấu cùng nhau, có tâm sự được gì với Tiểu đoàn trưởng đâu. Dịp ấy, ông Bách mới hỏi chuyện mình. Thế là mình dốc bầu tâm sự. Năm năm vẫn là binh nhất, lính trơn. Và chỉ có ước nguyện được về. Rồi sau đó, có đợt ra quân. Ông Bách cho mình về.

Cùng về đợt ấy có khá đông. Lính Đà Nẵng, lính Bình Định, lính Quảng Nam… Lính Hà Nội có tôi, Công Tây Nguyên, Lợi thông tin C17, Cường y tá, Dũng kều D9, Bình bớp C13...

Tôi nhớ thằng Vinh, lính C7. Nó quê Khánh Hòa. Nhập ngũ 1979, nhưng cũng được về. Vì nhà khó khăn. Lúc cu cậu đến Trung đoàn, mấy cán bộ Ban Chính trị gọi vào. Ông Chương Nghệ An nói đùa: "Vinh, giờ Trung đoàn cho cậu về với gia đình. Cậu tự về đi!". Vinh tưởng thật, mặt méo xệch, giọng giận dỗi: "Tui không biết. Các ông mang tui từ nhà sang đây thế nào, giờ các ông phải trả tui về như thế! Tui không biết đường về đâu!" Ai cũng cười vì biết tính Vinh không bình thường. Nhưng nghe trả lời, ai cũng thương. Từ Preah Vihear về nước mình, đường đi dài cả ngàn cây. Lại còn địch phục nữa…

Trung đoàn cho xe chở bọn tôi lên Sư đoàn. Con đường lên Sư đoàn đầy địch phục. Xe GMC của ta đổ đầy hai bên đường. Thế mà bọn tôi, không ai có khẩu súng nào. Đến trái lựu đạn cũng không. Vì từ khi nhận quyết định ra quân, đơn vị thu hết súng của bọn tôi.

Công Tây Nguyên thêm vào:

- Dạo đó, lính Trung đoàn mình truyền nhau câu ca: "Cầm vàng không sợ vàng rơi / Cầm tờ Quyết định đời đời ấm no".

- Ấm no cái con khỉ - Chim cu tiếp – Từ Sư đoàn về nước, bọn tôi ngồi đầy trên xe, vô cùng lo sợ. Nhất là đoạn

đường từ S'tung T'reng về nước. Đi qua mấy tỉnh S'tung T'reng, Mondonkiri. Địch phục liên tục. Mấy chục thằng, không ai có vũ khí gì. Ngay cả mấy sĩ quan về phép cũng chẳng có khẩu súng ngắn nào. Ai cũng lo. Từ Cầu Cháy phải đi bộ về Chhep. Mấy chục cây. Hai bên đường toàn rừng. Vừa đi vừa lo địch phục. Đến S'tung T'reng mới yên tâm. Nhưng hôm sau, vừa ra khỏi thị xã S'tung T'reng khoảng chục cây số, xe đi đầu chở lính Quảng Nam bị vấp mìn. Ba ông chết. Năm ông bị thương nặng. Số còn lại bị thương nhẹ. May bọn địch không phục. Đấy, bao năm ở chiến trường không chết. Trên đường về nước lại chết.

Công Tây Nguyên giọng chán đời:

- Chuyện này xảy ra ở Trung đoàn mình bao lần rồi mà các bố chỉ huy chẳng rút kinh nghiệm. Giữ hết vũ khí lại. Anh em đi, trụi thùi lụi. Bọn địch xông ra bắt sống, chắc mình cũng phải chịu. Một lần, tôi bị sốt rét, đi viện Trung đoàn. Tưởng viện thế nào. Lính tráng đánh bài suốt ngày. Đêm chẳng ai gác. Tôi nhìn quanh. Cả viện rộng thế này nhưng không có khẩu súng nào. Chợt nghĩ, bọn địch mà lọt được vào đây, chúng tôi chỉ có chết. Tôi liền trốn viện. Về đơn vị cho an toàn.

- Mà Sư đoàn cũng chủ quan, nghĩ đường về an toàn vì có lính tuần tra. Anh em đi chính sách, không cần súng. Tiếp chuyện bị mìn. Một xe quay lại. Chở thương binh, tử sĩ về bệnh xá Quân khu ở thị xã S'tung T'reng. Bọn tôi, hai xe dồn một. Vẫn không thấy lính đơn vị nào đi tuần. Đường đất đỏ, chạy giữa hai rừng cây. Địch phục chỗ nào cũng được. Chỉ cần một quả B40 bất ngờ phụt vào xe thì cả mấy chục mạng đi tong.

- Đồng hương kể chuyện nhịn đói đi. – Công Tây Nguyên nhắc.

- Cả ngày đói. Đến một đơn vị, theo hợp đồng thì bọn mình sẽ ăn cơm tối ở đó. Nhưng đến nơi, thấy đơn vị hoang vắng. Chẳng có ai ra đón. Cơm nước chẳng thấy đâu. Bọn tôi có ai dự trữ thức ăn đâu. Lại ôm bụng đói đi ngủ.

Về đến đồn 23, cửa khẩu Campuchia – Việt Nam, lính biên phòng bắt tất cả xuống xe để kiểm tra ba lô. Bọn tôi xuống xe. Thằng thì chắp tay vái lạy về phía Campuchia; thằng thì quỳ xuống, hôn Đất Mẹ Việt Nam; thằng thì nhảy cẳng lên: "Mẹ ơi! Con được sống rồi!"...

- Về đến nước – Công Tây Nguyên tiếp - bọn tôi nằm ở chuồng Bà Đờn để giải quyết giấy tờ. Lúc ấy mới nhận quyết định ra quân chính thức. Rồi cả bọn lên tàu về Bắc. Chuyến đi ấy, đen hết chỗ nói. Tàu ra đến Huế, bị trận lụt lớn, phải dừng lại cả chục ngày. Mà bọn tôi làm gì có tiền.

- Toa của tôi đỗ gần một khu vườn. Có mấy quả quả trứng gà còn xanh, tôi cũng phải hái ăn. Vừa chát vừa dính răng.

- Tôi thì xuống tàu, vào nhà dân. Tôi gặp một bà mẹ. Bà sống một mình. Tôi làm công tác dân vận. Bà mẹ cho ăn. Thỉnh thoảng tôi gói ít cơm đem về cho Chim cu.

- Mình đói dài. Chẳng biết dân vận. Có mấy ông lính D9 đi cùng toa với mấy bà buôn gạo. Ban đêm, bọn nó cứ chọc vào chỗ thủng. Gạo chảy ra. Lấy mũ cối hứng. Hôm sau mang đổi bún. Sang ăn ké được mấy bữa.

- Chẳng có chỗ tắm. Phải vào dân xin tắm nhờ. Quần áo phơi đầy cửa sổ toa tầu. Phải thay nhau canh để không mất trộm.

- Rồi nước cũng rút. Tàu về đến Hà Nội. Vừa đến ga Hàng Cỏ, chưa kịp mừng thì lại gặp xúi quẩy. Mình vừa thò mặt ra cửa ga, gặp ngay mấy thằng Kiểm soát quân sự đeo băng đỏ,

khoác AK. Bọn nó bâu lại, bắt mở ba lô. Thấy mấy bọc mì chính, mình mua được ở S'tung T'reng định đem về làm quà cho gia đình, bị bọn nó lột sạch. Mấy hộp thuốc đánh răng của Thái nữa, chúng cũng chôm luôn. Nói hàng quốc cấm!

- Tôi cũng thế. Xin mãi, bọn nó không cho. Còn dọa dẫm. Tôi phải về nhà Chim cu ngủ nhờ một đêm. Sáng sớm hôm sau ra ngã tư Vọng bắt xe về Hà Tây. Trong ba lô mình có bộ ấm chén, nhưng lại bị bọn Kiểm soát quân sự lấy mất.

- Sao bây giờ ông mới kể chuyện này?

- Định cho qua. Nhưng giờ, nhân thể nhắc lại. Vậy mà vẫn không buồn bằng chuyện tôi về đến nhà. Mình năm đó đã 25 tuổi rồi. Tán một em, người cùng làng. Em ấy lúc đầu ngúng nguẩy, sau yêu mình như điếu đổ...

- Có. Tôi với Vũ lùn đi dự đám cưới của Công mà... - Tôi nói.

- Nhưng cưới xong, chuyện mới phức tạp. Nhà mình chật. Ở quê nhưng chật lắm. Chẳng có chỗ ở. Con em mình lại có chồng trước mình. Bọn mình đâu có được chia ruộng. Bực nhất là lời ra tiếng vào. Ai cũng nói là mình không đóng góp được gì cho gia đình. Bao năm mình đi công nhân, rồi đi bộ đội, về còn đòi hỏi cái gì? Tức khí, mình đưa cả vợ con vào Gia Lai. Ở đó có nhiều người đơn vị mình, sau khi giải ngũ, chọn Gia Lai làm nơi sinh cơ lập nghiệp. Mình tái ngũ. Vào Binh đoàn 15 trồng cao su. Vợ mình cũng thế. Rồi bọn mình xây được nhà. Lại mua được mấy sào đất, trồng cà phê.

Chim cu cười nhắc Công:

- Ông kể chuyện nhận được Huy chương "Vì nghĩa vụ Quốc tế" thế nào đi.

Công Tây Nguyên hồ hởi:

- Ông biết không, khi nhận được Huy chương này, tôi đã khóc. Khóc thật sự chứ không phải đùa. Vì mình xa nhà bao nhiêu năm như thế mà gia đình coi mình như người không đóng góp gì. May mà có cái Huy chương chứng nhận. Lúc ấy mình cảm thấy những năm tháng ở K của mình mới có ý nghĩa.

29.
ĐÊM Ở PHUM PRING

Một đêm, nhà sư đang ngồi tụng kinh, bỗng có hai người muốn gặp. Đó là hai người đàn ông Khmer. Ông Băng và ông Prek. Họ tít từ Siêm Riệp đến.

Họ kể, ở phum họ, bên rừng, ban đêm, thường hay có tiếng chuyện trò. Họ lắng nghe và đoán. Đó là giọng đàn ông. Hình như là mấy người lính. Họ được chôn ở đó đã lâu nhưng chưa có ai mang hài cốt họ về nước.

Nhà sư hỏi:

- Trước đây, có đơn vị bộ đội Việt Nam nào đóng quân ở đó không?

Ông Băng đáp:

- Có. Mấy đơn vị. Người này đi, người khác đến. Tôi tính có đến ba đại đội.

Ông Prek tiếp:

- Ở đó, trước đây cũng có một nghĩa trang của bộ đội Việt Nam. Nhưng họ bốc đi rồi. Chúng tôi nghĩ chắc họ bốc không hết, còn sót vài người.

Ông Băng:

- Chắc họ tủi thân. Có đêm, tôi nghe tiếng khóc.

Sáng hôm sau, nhà sư Phteah Saniphap theo họ lên đường. Từ một tỉnh cực Nam đến một tỉnh cực Bắc của Campuchia đường dài dằng dặc. Nhưng nên đi. Đi cho lòng yên. Cả người chết và người sống. Nhà sư cảm phục hai người đàn ông. Họ lặn lội mấy ngày đường tới đây, tự túc kinh phí.

Nhà sư hỏi: "Sao các bác đến tìm tôi?" Ông Băng trả lời: "Tôi là Trưởng phum. Dân cử tôi đi. Chúng tôi cũng muốn bốc hài cốt, hỏa thiêu rồi đưa vào chùa. Nhưng dân làng nói, người Việt không hỏa thiêu. Thế nên chúng tôi đi tìm nhà sư". Ông Prek tiếp lời: "Làng quê chúng tôi đã bình yên. Nhưng thấy bộ đội Việt Nam, đêm còn khóc. Chúng tôi ngủ không yên. Nói thật với nhà sư, thằng con tôi, trước cũng đi lính Pol Pot. Tôi cảm thấy, hình như, có điều gì nối gia đình tôi với những nấm mộ kia. Tại sao có người không nghe thấy tiếng nói của họ, nhưng tôi lại thường nghe thấy? Với lại, thằng cháu tôi, con thằng lớn đó, khi sinh ra, mặt nó đã buồn. Tôi tưởng thế hệ tôi, thế hệ con tôi, mặt buồn đã đành. Đằng này, đến cháu cũng buồn. Phải làm sao cho gương mặt trẻ con tươi sáng? Tôi cùng ông Băng lên đường kiếm nhà sư".

Những con đường quốc lộ chạy giữa những cánh rừng. Dường như, trên thân thể đất nước này không còn những vết thương chiến tranh. Không ai nhận ra, không còn dấu vết các cuộc chiến. Thời gian, cỏ cây, nắng mưa… đã băng bó, chữa lành. Nhưng trên gương mặt, trong tâm hồn mỗi người, vết thương chiến tranh còn đau nhức. Phải cúi xuống từng số phận, lắng nghe từng cuộc đời của cả người sống và người chết, mới cảm nhận được phần nào nỗi đau của chiến tranh.

Đêm ở phum Pring, rừng cây như dâng lên đôi cánh khổng lồ, che chở cho dân làng. Họ góp đồ cúng để nhà sư làm lễ. Đêm đầu, hai ngôi mộ im lặng. Đêm thứ hai cũng thế. Ông Băng nói nhà sư nên kiên tâm. Sang ngày thứ ba. Buổi chiều, có trận mưa. Ban đêm, trăng lại sáng. Ông Băng nói, đêm nay, thế nào cũng nghe các anh lính trò chuyện. Nhà sư hỏi: "Sao ông biết?". Ông Băng thản nhiên: "Tôi nghiệm thấy thế!" Quả nhiên, nửa đêm, khi nhà sư vừa làm lễ xong, thiếp đi bên gốc cây, bỗng nghe thấy tiếng người nói: "Nè, đồng hương Ngọc! Dậy đi! Có khách đến nhà mình nè!" Nghe kỹ, đúng giọng Bình Định. Một giọng Quảng Nam đáp lại: "Im đi cha nội. Để tui ngủ!" – "Mày ngủ từ hồi hôm tới giờ! Dậy đi! Nhà có khách!" – "Khách nào? Tụi mình ở đây mấy chục năm rồi. Có ai thèm hỏi thăm đâu" – "Tao thấy có ông sư mặc áo vàng. Ổng ngồi đây mấy ngày rồi!".

Hai người lính ngồi dậy. Họ cúi chào. Nhà sư mời họ ăn trái cây, uống nước rồi hỏi chuyện: "Sao các anh còn nằm đây?" Người lính giọng Bình Định: "Đơn vị nó đi hết cả. Bỏ quên tụi tui!" – "Sao lại bỏ quên?" – "Tụi tui là người đơn vị khác, đi công tác qua đây, bị địch phục. Tụi tui chết. Anh em đơn vị này, tôi nhớ là C2, D1, chôn tụi tui ở nghĩa trang đơn vị. Nhưng khi họ rút đi, không hiểu sao, hơn chục ngôi mộ của đơn vị, họ bốc sạch. Còn tụi tui, hai thằng, họ không bốc!" Người lính giọng Quảng Nam: "Tụi tui buồn lắm. Sau đó, C5 của D3 tiếp nhận địa hình này, họ cũng không quan tâm đến. Tụi tui nhiều lần báo cho lính gác, nhưng mấy ảnh cũng im lặng. Đến khi C5 rút đi cũng không mang tụi tui theo" – "Đó là năm nào?" – "Năm 1981 hay 1982 gì đó. Lâu rồi, không nhớ". Người lính giọng Bình Định: "Lúc đầu, tui giận lính C2 lắm. Họ chôn tụi tui cách đơn vị họ vài chục mét thôi. Họ cuốc đất tăng gia ngay sát chỗ tụi tui nằm. Thế mà khi di chuyển,

họ không nhớ!" – "Chắc người chôn các anh đã chuyển đơn vị khác". Người lính giọng Quảng Nam: "Tui đã nói rồi, mặc kệ tụi tui. Chết rồi, cần chi ai nhớ. Mà thằng Thiên, quê Bình Định ấy, cứ khóc hoài. Tui đâu cần ai."

Nhà sư an ủi Ngọc, nói Ngọc và Thiên hãy đi gọi những linh hồn của cả hai bên đang lang thang ở những cánh rừng Siêm Riệp, Banteay Meanchay, Pai Lin, Preah Vihear… về đây để dự lễ cầu siêu. Ông Băng, ông Prek cùng dân phum Pring cùng đến dự. Một lễ đài được dựng lên. Và một cây cầu được bắc để các linh hồn bước sang thế giới bên kia. Những của ngon vật lạ được người dân mang đến. Nhà sư cầu nguyện cho các linh hồn bằng cả hai thứ tiếng.

Nam mô A di đà Phật

Nam mô A di đà Phật

Nam mô A di đà Phật

Hỡi những linh hồn của bạn, của tôi!

Bao nhiêu năm qua, các anh vẫn lang thang, phiêu dạt. Các anh vẫn không được yên. Vẫn trôi nổi đâu đó. Nơi cánh rừng, bờ suối, gốc cây, hang đá… Các linh hồn bước đi thất thểu với ước mong được đầu thai, được tái sinh…

Hỡi các linh hồn thân yêu! Các anh hãy đến đây, đến phum Pring nhân hậu này. Các ông, các bà, các mẹ, các chị và các em trong phum đã dựng lên một cây cầu để các linh hồn đi qua, trở về với thế giới đầy ánh sáng.

Hỡi các linh hồn thương yêu! Bao năm qua, các anh sống trong đau khổ, cô quạnh. Không ai chăm sóc các anh. Các anh đói rét, lầm than. Các anh chết xa gia đình, xa quê hương, xa những người thân yêu nhất. Các anh chết trong cô đơn. Phút từ giã cuộc đời, chỉ có một mình.

Hỡi các linh hồn thân yêu! Các anh hãy về đây để hưởng lượng từ bi của Đức Phật. Chiến tranh chấm dứt lâu rồi. Chúng ta đều hiểu nguồn gốc của chiến tranh là lòng tham, lòng thù hận. Bây giờ, hòa bình đã về trên đất Campuchia. Ánh sáng của tình thương yêu, sự ấm áp của Đức Phật đã trải dày trên cõi lòng chúng sinh. Tiếng súng đã yên. Các linh hồn hãy đi bình an trên đất đai đầy hương thơm trái ngọt.

Hỡi các linh hồn thương đau! Chúng tôi biết, các anh đã từng rất đau đớn. Nỗi đau của các anh không có gì sánh được. Viên đạn bắn vào cơ thể các anh, trái mìn nổ tung cắt đứt chân tay các anh. Xương gẫy và vỡ toác. Máu tràn ra như suối. Vết đau từ bên trong, thấu đến ngút ngàn. Các anh không được băng bó. Và các anh chết trong quằn quại, trong cơn co giật, trong tiếng nấc bị nghẹn giữa chừng. Thôi, xin các anh đừng sân hận nữa. Tất cả chúng ta sẽ đều vào cõi vô thường. Khi chúng ta chết, thịt xương biến thành đất. Chúng ta không còn gì. Không còn hình dáng. Không còn ước ao. Chúng ta không còn chức vụ. Không còn cấp bậc. Chúng ta không còn sức lực nào nữa. Chúng ta chỉ còn linh hồn. Hỡi các linh hồn! Chúng ta hãy rèn luyện, hãy tập tu tỉnh. Đừng nuôi lòng hận thù nữa. Đừng oán hờn ai nữa. Hãy để tâm hồn mình được thư thái, nhẹ nhàng. Hãy vỗ về, yêu thương nhau. Hãy để mọi chuyện trong quá khứ trôi đi không dấu vết nào.

Hỡi các linh hồn thương mến của tôi! Chúng ta đã xa nhau bao ngày. Các linh hồn đã sang thế giới bên kia. Bao năm rồi, chúng tôi vẫn luôn thương nhớ các anh. Có điều, không có hoàn cảnh để bày tỏ. Các anh bị chia tách khỏi đơn vị, chia tách khỏi đồng đội. Những người thân yêu tìm kiếm các anh nhưng không thấy. Các anh âm thầm đi vào cõi lặng im. Bây giờ các anh đang ở cảnh giới nào? Các anh đã khóc nhiều. Mong các anh, từ lúc này, đừng khóc nữa. Chúng tôi nâng bước các anh trở về.

Hỡi các linh hồn thương mến! Các anh chết khi cuộc chiến còn đang tiếp diễn. Khi quân đội hai bên vẫn chĩa súng vào nhau. Ôi! Bao nhiêu năm qua, các anh sống trong đơn độc. Các anh không biết tìm ai. Không tin tưởng ai. Các anh sống trong rừng hoang núi lạ. Các anh sống giữa những con thú hung dữ. Bây giờ, những chuyện đó đã trở thành quá khứ. Các anh hãy về đây. Về đây, cùng ngồi bên nhau. Cùng nắm tay nhau. Cùng nhìn nhau trút bỏ hết hận thù. Cùng nhau nâng chén rượu. Chúc nhau sức khỏe. Chúc nhau thượng lộ bình an.

Hỡi các linh hồn thương yêu của tôi! Các anh đừng lang thang nữa. Các anh hãy trút bỏ nỗi đau, trút bỏ những chuyện buồn! Các anh hãy bước về phía trước. Bước lên chiếc cầu này trong tiếng hát của những bài dân ca Khmer yêu dấu, thiêng liêng. Các anh hãy ngẩng cao đầu, bay về xứ sở quê hương. Bay về với Đất Mẹ. Có Đức Phật chứng giám. Các anh sẽ được tái sinh trong một thế giới khác. Các anh sẽ tái sinh trong thế giới không còn hận thù, lòng tham, ngu tối. Các anh sẽ sống kiếp khác, sẽ gặp nhiều may mắn. Các anh sẽ được sum vầy yên vui giữa những người thân! Cầu cho tất cả các linh hồn cùng tái sinh!

Nam mô A di đà Phật!

30.
NGƯỜI LÍNH ẤY Ở ĐƠN VỊ NÀO?

"Năm 1983, tôi được về phép.- Thiếu tá Trần Sơn, Phó Trung đoàn trưởng Phụ trách Chính trị kể - Đấy là lần thứ hai quân đội giải quyết phép cho tôi. Lần đầu là năm 1976. Khi ấy, vừa giải phóng miền Nam. Trung đoàn tôi không được về Sài Gòn, vẫn án ngữ Tây Nguyên.

Tình hình có vẻ yên. Tôi được về phép. Ông tính, đi lính bảy năm trời mới được biết mùi phép, sướng mê tơi. Về nhà tuần trước, tuần sau cưới vợ liền. Vợ tôi là cô bé hàng xóm. Dạo ở nhà, mình hay giúp mấy cô học toán. Không ngờ, khi mình về, các cô ấy phổng phao. Mình về nhà ban đêm. Sáng hôm sau, ra ngõ, đang đứng ngắm ao, ngắm đường làng, bỗng một cô gái đạp xe ngang qua. Thấy mình, cô ấy bối rối, lao xe vào hàng rào, ngã dúi dụi. Mình chạy lại đỡ. Lúc cầm bàn tay cô ấy, mình thấy bàn tay vẫn run. Cô ấy không nói lên lời. Cúi mặt. Má đỏ bừng. Trông mình lúc ấy cũng oách. Áo bỏ trong quần. Quân phục phẳng phiu. Lại đeo quân hàm chuẩn úy nữa. Khi cô ấy dựng lại xe, mẹ mình ra gọi mình vào ăn xôi. Mẹ mình mới gọi tên cô ấy. Hóa ra, đó chính là

bé Lương. Dạo mình đi lính, cô ấy mới học lớp 5. Giờ đã là cô giáo.

Khoảng chục ngày sau, bọn mình làm đám cưới. Sau khi cưới, lúc nằm bên nhau trò chuyện, cô ấy mới thú nhận. Sáng hôm đó, đang đạp xe đến trường bỗng gặp mình. Cô ấy run bắn người lên. Thế là ngã xe. Cô ấy bảo, đường làng bao lần lầy lội, nước ngập, bão quật đổ cây, thế mà cô ấy không bao giờ ngã. Vừa thoáng gặp mình, thế là ngã ngay. Và trong mấy cô cùng làng, mình chỉ nhớ nhất cô Lương. Dáng dong dỏng. Má bầu bầu. Mắt dài, lúc nào cũng chứa chan. Dạo xa nhà, chỉ sợ thằng nào tán mất. May mà khi về, Trời Phật vẫn để dành cho mình.

Về phép lần hai này, vợ chồng mình đã có một cậu con trai 6 tuổi. Làm đứa nữa ngay. Quân với dân một ý chí mà! Nhưng bốn tháng ở nhà, gia đình mình gặp bao chuyện không may. Ông bố mình bị trâu húc. Ông hơi bị điếc. Con trâu điên từ ngoài đồng phi vào làng. Mọi người chạy tứ tán. Riêng ông vẫn đi bình thản. Con trâu lao đến. Húc ông ngã chỏng gọng. Lên bệnh viện cấp cứu. May chỉ bị gẫy hai xương sườn, sái tay. Nhưng hỏng một mắt. Còn mẹ mình bị sâu quảng. Vết sâu hở cả gân xanh. Phải mang ra bệnh viện Việt Đức chữa. Bán năm tạ thóc mới đủ tiền. Khi vợ mình báo tin có bầu, mình cũng vừa hết phép.

Ngày ra đi, lưu luyến lắm. Mình nghĩ, lần này, vào đơn vị, tính xin về. Ông xem, nhà mình vẫn nhà tranh vách đất. Vợ mình, đang tuổi xuân mà người gầy lắm. Thằng con trai, xa bố lâu ngày, mặt mũi hiu hắt. Mình về mấy tháng, mặt mũi nó mới đầy đặn lại. Đặc biệt, cha mẹ già, mình chưa phụng dưỡng ngày nào. Ngoài tuổi ba mươi, mình mới thấm gánh nặng gia đình.

Vào lại Tây Nguyên, giữa mùa mưa. Gặp ngay xe chở tử sĩ về. Mình leo lên. Trời, mấy đồng đội cùng đơn vị! Mình nhớ

nhất anh Thân. Mình là phó cho anh ấy. Nghe nói anh Thân vấp mìn. Chắc số mình cũng thế thôi. Lại còn anh Xu, anh Dậu nữa… đều cùng Tiểu đoàn mình. Khi mình đi, các anh ấy còn sống. Anh Thân còn tặng mình miếng cao hổ. Giờ mình về, các anh ấy chỉ còn nắm xương!

Ngán quá! Mình tính trở lại Quân khu. Cáo bệnh. Mình nghĩ hay là đá béng vào mảnh tôn nào đó cho rách chân, rồi vào viện. Tìm gặp cán bộ, đồng hương, tính chuyện ở lại. Nhưng cùng nằm với mình ở biên giới hồi đó có cậu Nghĩa là lính cùng Sư đoàn mình, nhưng lâu rồi, mình không rõ cậu ấy ở đơn vị nào. Trung đoàn 29? 94 hay 95? Đơn vị trực thuộc hay Trung đoàn pháo 576 phối thuộc? Không rõ. Chỉ nhớ, nghe tâm sự của mình, cậu ấy im lặng. Rồi cậu ấy động viên mình. "Thủ trưởng cứ sang. Sợ gì? Như tụi em, lính bộ binh, dễ chết hơn nhiều. Nhưng tụi em đâu ngán!". Cậu ấy nói giọng miền Trung. Không nhớ tỉnh nào.

Mình đi dặt dẹo. Mưa tầm tã. Ngã lên ngã xuống. Cậu ấy mang ba lô giùm mình. Lại kiếm cho mình cái gậy chống. Lên dốc, cậu ấy dắt. Lúc xuống, cậu ấy đỡ. Mình cũng giả vờ cho cậu ấy giúp. Nhưng trong lòng, mình đã có ý định lùi lại phía sau. Đến gần biên giới, mình dừng lại. "Nghĩa, anh xin lỗi. Em đi một mình. Anh không thể sang đó được!". Im lặng một lát, Nghĩa nói: "Em đi một mình cũng không sao. Nhưng anh nghĩ lại đi!". Nghĩa vừa nói xong, mình quay đầu. Bước thật nhanh. Cắm đầu đi. Nhưng được khoảng nửa cây, trời bỗng đổ mưa. Nước tuôn như trút. Mình ghé vào cái lán ven đường. Bỗng thấy Nghĩa quay lại. Tưởng cậu ấy xiêu lòng. Nhưng Nghĩa mở ba lô, lấy ra một bọc. "Thuốc lào của thủ trưởng!". Nghĩa đưa tôi. "Em giữ lấy. Làm quà khi về đơn vị". – "Em có rồi".

Đêm ấy, chúng tôi nghỉ bên nhau. Giăng võng. Mưa vẫn rả rích. Đoạn này, thời kỳ chốt, chúng tôi căng mình giữ. Nghĩa

kể chuyện. Anh cậu ấy hy sinh ở đồi 328, tháng 9 năm 1978. Cái đồi ấy ở ngay bên bọn tôi. Anh cậu ấy tên là Nhân. Nhân – Nghĩa – ông già đặt tên hai anh em như thế. Lúc ấy, mình nhìn gương mặt Nghĩa, như cảm thấy có Nhân hiện về. Hình như Nhân đang ngồi bên mình. Cậu ấy thầm chê mình sao hèn nhát đến thế?

Ông biết cái cảm giác hèn nhát trong lính bị khinh bỉ thế nào không? Không những lính tráng trong đơn vị coi thường, mà khi về nhà, trẻ con cũng khinh bỉ. Cùng đi với mình, có thằng ở xóm trên đào ngũ. Về phép lần đầu, mình gặp. Hẹn qua nhà chơi. Hôm ấy, mình mua cân đường, hộp sữa đàng hoàng. Đạp xe lên thôn Khúc. Nhưng đến nhà, gặp ông già nó. Ông ấy nói, nó không có nhà. Mình biết là nó ngượng. Trốn. Từ đó, mình không gặp nó nữa. Còn sau nhà mình, có cậu tự làm mình bị thương. Cụt nửa bàn chân. Giờ còn mỗi cục xương. Đi giày không nổi. Trẻ con cứ hô: "Đông cụt tự thương!". Ông bố, trước là giám đốc nhà máy gì đó, oai hét ra lửa. Từ khi thằng con tự thương trở về, như chó cụp đuôi. Mặt nặng như đeo chì. Hai bố con suốt ngày đánh chửi nhau. Cuối cùng, phải bán xới đi chỗ khác.

Mình thấy Nghĩa rất bình tĩnh. Cậu ấy đi vào chỗ chết, nhẹ như không. Hay cậu ấy được linh hồn anh trai che chở? Nhưng cái chết có chừa ai đâu. Đêm ấy, mình nằm, vắt tay lên trán. Phải chăng số phận sắp đặt cho mình gặp cậu Nghĩa? Hai người có biết nhau đâu, gặp nhau trên chuyến xe đò từ Diêu Trì lên Gia Lai. Hỏi thăm, biết đi cùng đường, lại cùng Sư đoàn nữa, thế là bên nhau.

Sáng hôm sau, Nghĩa gói ghém ba lô, chia tay mình. Nhưng mình nhìn Nghĩa: "Anh cùng đi với em!". Nghĩa mừng: "Thủ trưởng nói thiệt chứ?". Mình gật đầu. Chúng tôi bước nhanh qua biên giới. Chính trong giờ phút khó khăn nhất ấy, Nghĩa

đã dìu tôi qua đường biên. Đi đường, Nghĩa cứ một điều "thủ trưởng", hai điều "thủ trưởng". Tôi nhìn Nghĩa: "Chính cậu mới là thủ trưởng của tôi!". Nghĩa cười: "Thủ trưởng cứ đùa hoài!". Chúng tôi đi bộ dăm cây số thì gặp đoàn xe của bạn. Xe đưa bọn tôi về S'tung T'reng. Ở đó, tôi gặp cánh ông Thơm, ông Thiệp đi tập huấn ở Quân khu tiền phương, sắp về đơn vị. Tôi nhập đoàn luôn. Thế rồi, chẳng biết cậu Nghĩa đi đâu. Không kịp chia tay. Chắc Nghĩa cũng gặp đồng hương. Từ đó, tôi để ý tìm. Nhưng không biết cậu ấy ở đơn vị nào".

31.
TRÒ CHUYỆN VỚI LINH HỒN POL POT

Trong một ngôi chùa ở Anlong Veng, nhà sư Phteah Saniphap đã tổ chức buổi lễ gọi hồn Pol Pot, người lãnh đạo của Khmer Đỏ. Buổi lễ có sự chứng kiến của người Khmer, người Hoa, người Thái, người Việt và người phương Tây… Trong khói hương nghi ngút, linh hồn Pol Pot hiện về.

- Chào ông Pol Pot!

- Chào nhà sư Phteah Saniphap!

- Trước tiên, xin chúc mừng ông. Con gái ông, cô Sar Patchata vừa làm lễ thành hôn.

- Khi tôi mất, cháu mới lên mười. Nó là con gái duy nhất của tôi với người vợ thứ hai.

- Ông có hai vợ?

- Người vợ đầu bị bệnh tâm thần phân liệt. Tôi đã đưa bà ấy đi chữa ở nhiều nơi, kể cả ở Bắc Kinh, Trung Quốc. Nhưng đều không đỡ. Tôi kết hôn với bà hai sau khi bà cả mất.

- Về cuộc sống gia đình, mọi người đều dành cho ông những lời tôn trọng. Song còn một số vấn đề trong cuộc đời của ông, chúng tôi muốn tìm hiểu. Ông có vui lòng trả lời?

- Nhà sư cứ tự nhiên.

- Tại sao ông lấy tên mình là Pol Pot?

- Tên khai sinh của tôi là Saloth Sâr. Tôi có nhiều tên khác như Pouk, Hay, Pol, Anh Cả, 87, 99, Phem v.v.. Tôi lấy tên đó cho dễ gọi.

- Ông dùng nhiều tên như thế để làm gì?

- Để giữ bí mật. Thời chiến, nhiều nguy cơ tiềm ẩn. Tôi có nhiều kẻ thù. Cần phân tán sự chú ý của họ.

- Thưa ông, tên "Pol Pot" có ý nghĩa gì?

- Lúc đầu, tôi chỉ lấy tên Pol. Nhưng nghe có vẻ ngoại lai. Tôi thêm tên "Pot" , hợp với cách gọi của người Campuchean.

- "Người Campuchean" nghĩa là gì?

- Đó là người Campuchia thuần chủng. Da đen. Tóc xoăn. Đó là giống người vượt trội, hơn hẳn các dân tộc khác xung quanh.

- Thế còn tên gọi "người Khmer"?

- Tên ấy pha tạp nhiều dân tộc. Người Khmer gốc Chàm; người Khmer gốc Việt, gốc Hoa, gốc Thái v.v.. Tôi không thích.

- Từ đó dẫn tới chiến dịch thanh lọc sắc tộc?

- Tôi chỉ muốn người Campuchean sống trên đất Campuchia. Những dân tộc khác không cần thiết. Họ là những phần tử xấu. Phương châm của chúng tôi là "để các người sống, chúng tôi không có lợi; giết các người, chúng tôi không mất gì".

- Các ông thanh lọc thế nào?

- Dân số mỗi làng rất phức tạp. Một phần người Hoa, một phần người Việt, một phần người Campuchean… Chúng tôi cho dân chúng xếp hàng rồi tuyên bố: Ai không phải là người Campuchean thì đứng ra ngoài. Người Trung Quốc, người Việt Nam, người Chăm… đều không giống người Campuchean. Nếu ai không chịu ra khỏi hàng, Angkar nhận diện từng khuôn mặt. Những ai mang khuôn mặt không giống người Campuchean thì đem đi hành quyết.

- Thế còn những người phương Tây thì sao?

- Khi chúng tôi tiến vào Phnôm Pênh, tôi đã ra lời kêu gọi: "Hỡi các anh em, chị em, những chiến sĩ của quân đội cách mạng! Hỡi những người con gái, con trai của công nhân và nông dân! Chúng ta không thể tưởng tượng nổi khung cảnh thành phố ăn chơi suốt ngày đêm, không thể tả được những thanh niên nam nữ đều để tóc dài, ăn mặc quần áo lòe loẹt, kỳ dị, không thể phân biệt giới tính… Bản lĩnh truyền thống của chúng ta, truyền thống văn học nghệ thuật của chúng ta đã bị đế quốc Mỹ và bọn tư bản phá hoại hoàn toàn… Những đặc điểm và bản chất thuần khiết, trong sạch, những truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta hoàn toàn vắng bóng và bị đánh mất. Thay vào đó là những đặc điểm văn hóa đế quốc, khiêu dâm, vô liêm sỉ, biến thái và cuồng tín…"

- Nhưng thưa ông, trong tiểu sử, ông cũng không phải là người Campuchean – người Campuchia thuần chất như cách mà ông gọi. Ông sinh ra trong một gia đình có bố là người Hoa, mẹ là người Khmer? Và tên hồi bé của ông là "Sâr" - theo tiếng Khmer, có nghĩa là "Trắng"?

- Đó là chuyện trẻ con, chuyện ngày xưa. Tôi học nhiều, đi nhiều nơi trên thế giới, tôi càng tự hào về sự vĩ đại của dân tộc Campuchean. Tôi luôn nung nấu lòng căm thù ngoại bang. Và

tôi luôn nuôi dưỡng ý tưởng phải thanh lọc quốc gia, thanh lọc dân tộc.

- Và thanh lọc đảng nữa?

- Khẩu hiệu của chúng tôi là "Thanh lọc Đảng! Thanh lọc quân đội! Thanh lọc cán bộ!" Chúng tôi tiến hành nhiều lần trong nhiều năm. Trong đảng, trong quân đội, trong chính quyền của chúng tôi có nhiều người là gián điệp của CIA, của KGB, của Việt Nam… Chúng tôi thanh lọc tất cả vì tình yêu cao cả đối với dân tộc Campuchean, đối với đất nước Campuchia!

- Ông có vẻ nhầm giữa chủ nghĩa dân tộc cực đoan với chủ nghĩa yêu nước.

- Nghĩa là thế nào?

- Theo tôi hiểu, lòng yêu nước gắn với tình yêu đối với người khác. Còn chủ nghĩa dân tộc cực đoan thường gắn với lòng hận thù đối với dân tộc khác.

- Điều này còn có thể tranh luận dài.

- Vâng. Tôi chuyển sang vấn đề khác. Thưa ông Pol Pot, khi Khmer Đỏ tiến vào Phnôm Pênh, ông muốn xây dựng một xã hội mới?

- Tôi sẽ giải thích dần. Ngay từ năm 1971, chúng tôi đã quyết tâm xây dựng quân đội và chính quyền vững mạnh. Trong Đảng, chúng tôi chủ trương chỉ kết nạp những người thuộc thành phần nông dân nghèo. Không kết nạp những người nông dân trung lưu hoặc giáo viên, sinh viên…

Vào năm 1972, tôi đi thăm một số nơi trong vùng giải phóng. Tôi đã ra lệnh, tại những vùng này, những ai tham nhũng sẽ bị xử bắn. Cấm uống rượu, cấm đánh bạc, cấm ngoại tình… Ai không có ruộng, được Angkar cấp. Tôi muốn xây

dựng một cuộc sống ở nông thôn tự cung tự cấp. Mọi người đều bình đẳng.

- Ông có thể giải thích tại sao trang phục của Khmer Đỏ lại toàn màu đen?

- Đâu phải thế. Khăn karma của chúng tôi vẫn có màu đỏ và màu trắng đấy chứ. Còn trang phục của Khmer Đỏ và dân chúng đều màu đen vì chúng tôi muốn mọi người đều là những nông dân nghèo, bình đẳng mọi mặt, cùng đi dép cao su… Chính tôi cũng thường ăn mặc theo kiểu này.

- Sao phụ nữ đều để tóc ngắn?

- Tóc dài hay tóc uốn đều là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản. Tóc ngắn rất gọn. Phụ nữ Trung Quốc, nhất là các nữ Hồng vệ binh, đều để tóc ngắn. Rất cách mạng.

- Trang phục mũ mềm màu cỏ úa của lính Khmer Đỏ cũng bắt nguồn từ đó?

- Đúng. Cũng từ Cách mạng Văn hóa.

- Vì vậy, sau khi vào Phnôm Pênh, Khmer Đỏ đã lùa dân chúng ra khỏi thành phố?

- Không phải lúc đó mà ngay từ tháng Chín năm 1974, chúng tôi đã có kế hoạch trục xuất người thành phố về nông thôn. Vì chủ nghĩa tư bản chỉ phát triển ở thành phố. Đặc biệt văn hóa và lối sống đô thị ảnh hưởng không tốt đến phong tục của người Campuchean. Dân thành phố không trung thành bằng dân nông thôn. Việc trục xuất dân chúng ra khỏi thành phố còn giúp chúng tôi làm suy giảm quyền lực của ông Sihanouk. Đặc biệt, chúng tôi còn xóa bỏ được mạng lưới gián điệp của Mỹ. Dân thành phố phải cảm ơn chúng tôi vì nhờ chúng tôi, họ được rèn luyện tình yêu lao động, tình yêu nông nghiệp, nông thôn.

- Trên Quốc huy Campuchia dân chủ có in hình những công trình thủy lợi?

- Đối với chúng tôi, nông nghiệp là nền tảng cho sự vững mạnh của đất nước, của chế độ. Campuchia có hai mùa mưa, nắng nên chúng tôi xác định xây dựng những công trình thủy lợi trên toàn quốc. Chúng tôi sẽ tiến hành cơ giới hóa nông nghiệp. Chúng tôi sẽ làm hai hoặc ba vụ lúa trong năm, không làm một vụ như trước. Dân Campuchia phải lao động tích cực hơn. Chúng tôi sẽ cơ giới hóa nông nghiệp.

- Đó là chủ trương. Còn phương pháp thực hiện?

- Chúng tôi tổ chức công xã. Mọi người phải vào công xã. Mỗi công xã có từ 500 đến 1000 gia đình. Chúng tôi tổ chức bếp ăn cộng đồng. Ăn tập trung. Không ăn ở nhà riêng. Không ai được kiếm ăn riêng. Tất cả mọi sinh vật trên đồng đều do Angkar quản lý. Ai không tuân theo sẽ bị trừng phạt, xác sẽ biến thành phân bón.

Chúng tôi khoán cho từng người. Mỗi nông dân, trong một năm, phải làm được ba tấn thóc trên một hec-ta. Chúng tôi tách trẻ em từ bảy tuổi phải ra sống riêng, không sống cùng cha mẹ, để cha mẹ tập trung làm việc.

- Nhiều người lấy làm lạ, tại sao các ông không dùng tiền?

- Lúc đầu, chúng tôi định dùng tiền. Chúng tôi đã đặt in tiền ở nước ngoài. Nhưng chúng tôi quyết định không dùng. Bởi vì sao? Tiền kích thích lòng tham. Đặc biệt, tiền là nguồn gốc của nạn tham nhũng. Chúng tôi muốn xây dựng một kiểu chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa thuần nhất ở Campuchia.

- Ông cũng không cho phép tôn giáo hoạt động?

- Tôn giáo rất phức tạp. Người Chăm theo đạo Hồi làm vẩn đục tinh thần Campuchia, dòng máu Campuchia. Còn đạo Thiên chúa? Ngày trước, ở Phnôm Pênh cũng có vài nhà

thờ. Nhưng chính quyền Lon Nol phá hết. Tôi tán thành. Còn các nhà sư, họ không chịu lao động. Tôi muốn xây dựng một xã hội không có người ăn bám. Chúng tôi suy nghĩ về con đường của Campuchia dân chủ từ lâu rồi. Tôi tuyên bố trước Đại hội Đảng: "Chúng ta đã vượt qua xã hội thực dân, nửa phong kiến. Và đạt được một xã hội xã hội chủ nghĩa chỉ trong một thời gian ngắn. Trung Quốc cần một thời gian dài. Bắc Triều Tiên cần mười bốn năm mới hoàn thành cơ bản. Bắc Việt Nam cũng vậy. Nhưng chúng ta đã làm nhanh hơn tất cả. Chúng ta có tính cách mạnh mẽ hơn".

Tôi nghiên cứu nhiều cuộc cách mạng khác nhau trên thế giới và rút kinh nghiệm. Tôi nhận thấy, chẳng hạn, ở Liên Xô, tiêu chuẩn của cuộc cách mạng Bôn-sê-vich ngày 7 tháng Mười một năm 1917 rất cao, nhưng Khruchsev đã hạ thấp xuống rất nhiều. Tôi phát biểu trước Đại hội Đảng: Tiêu chuẩn của cuộc cách mạng Campuchia ngày 17 tháng 4 năm 1975 do đồng chí Pol Pot nêu ra là màu đỏ rực rỡ, là ý chí quyết tâm, vững vàng và sáng suốt tuyệt đối.

- Ông nghĩ gì về chế độ hôn nhân áp đặt mà Khmer Đỏ thực hiện?

- Mục đích đầu tiên là đạt được cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Campuchia. Mục tiêu thứ hai là chúng tôi muốn tăng dân số Campuchia lên khoảng 15 triệu người trong vòng mười năm. Dân số đông thì đất nước mới mạnh. Thứ ba là chúng tôi làm trong sạch từng tế bào xã hội. Không còn kẻ thù bên trong và bên ngoài.

- Nhưng vì thế nhiều gia đình tan vỡ. Nhiều trẻ em bị bỏ rơi. Nhiều phụ nữ đau khổ và cô đơn.

- Có thể, khi về già, họ không còn yêu nhau nữa. Thậm chí, khi sống dưới chế độ khác, họ bộc lộ cái tôi. Dưới chế độ

của chúng tôi, Angkar là cha mẹ. Không được phản đối. Chỉ có chấp hành. Không được nói "tôi", chỉ được nói "chúng tôi".

- Thưa ông, ông có thể giải thích, tại sao một chính phủ non trẻ như Campuchia Dân chủ, lấy sức mạnh từ đâu khi cùng một thời gian, bên trong thì thanh lọc sắc tộc, bên ngoài thì gây chiến với Việt Nam?

- Tôi luôn có cảm giác Campuchia bị cái bóng của Việt Nam che phủ. Tôi cần hành động trước. Hàng ngàn cán bộ, đảng viên, sĩ quan từng học tập ở Việt Nam hay có cảm tình với Việt Nam, tôi đều ra lệnh thanh trừng hết. Cả người Việt ở Campuchia nữa.

- Thưa ông, ông biết tiếng Việt?

- Tôi không biết nhiều. Chỉ vừa đủ giao tiếp. Tôi đã nhiều lần đề nghị được cung cấp vũ khí nhưng không thành. Sau này, chúng tôi nhận được nhiều súng đạn của Anh, Mỹ…

- Và các ông tấn công Việt Nam ngay?

- Không. Chúng tôi tiến hành chiến tranh một cách bài bản. Trước hết, phải tuyên truyền cho dân chúng. Ngày 17 tháng 4 năm 1976, nhân kỷ niệm ngày Chiến thắng, chúng tôi đã phát đi thông điệp cho toàn thể dân chúng về nguy cơ xâm lược từ "đế quốc Việt Nam".

Tháng Năm năm 1976, chúng tôi đề nghị chính phủ Việt Nam mở cuộc đàm phán về vấn đề biên giới. Chúng tôi biết trước là hai bên sẽ không đi đến kết quả như ý muốn. Nhân cớ này, chúng tôi thổi bùng cơn bão tuyên truyền.

Tôi ra lệnh tập trung sứ quán các nước về một con phố, phố Monivong. Họ không được phép ra ngoài. Chúng tôi có một cửa hàng duy nhất cung cấp nhu yếu phẩm cho họ. Còn Sứ quán Trung Quốc vẫn ở nguyên chỗ cũ.

Tháng 12 năm 1976, chúng tôi họp hội nghị Đảng. Trong Hội nghị, chúng tôi xác định rằng chiến tranh với Việt Nam, không sớm thì muộn, cũng phải xảy ra. Cách phòng ngự tốt nhất là phải hành động trước. Phải tích cực, chủ động tấn công.

Đầu năm 1977, pháo binh Campuchia bắt đầu bắn vào hàng loạt các làng dọc biên giới. Sau đó, quân đội chúng tôi tiến vào, tàn sát dân cư, chiếm đất đai.

Về chiến tranh tâm lý, tôi ra lệnh cho tất cả báo, đài Campuchia liên tục tuyên truyền rằng Việt Nam xâm lược Campuchia, rằng chúng tôi phải đòi lại từng tấc đất của tổ tiên. Chúng tôi muốn khôi phục công lý bằng vũ lực.

Và chúng tôi thay đổi cách đánh. Quân đội không đối đầu trực tiếp với quân đội Việt Nam. Thay vào đó, chúng tôi tiến hành chiến tranh du kích. Hàng triệu quả mìn được gài khắp biên giới.

- Trong Chính phủ Campuchia dân chủ, phải chăng mọi người đều đồng quan điểm?

- Rất phức tạp. Tôi là Thủ tướng, nhưng hai cấp phó của tôi là Vorn Vet và Long Sophal lại phản bội. Tôi ra lệnh thanh trừng ngay. Tháng 11 năm 1978, tôi cho hai người này về S-21. Tử hình tại chỗ. Chúng tôi tổ chức Đại hội lần thứ Năm. Tôi đưa tướng Ta Mok làm nhân vật thứ ba, sau Nuon Chea. Chúng tôi tổ chức đợt thanh trừng mới. Trong quân đội cũng vậy. Nhiều chỉ huy chạy sang Việt Nam. Nếu biết sớm, tôi tử hình hết.

- Tháng 1 năm 1979, ông ở đâu? Làm gì?

- Khi quân đội Việt Nam tiến vào Phnôm Pênh, chúng tôi được báo trước. Tôi ra lệnh đưa Sihanouk và gia đình ông ấy

sang Thái Lan. Tôi cũng ra lệnh cho toàn bộ ngoại giao đoàn rời thủ đô. Sáng ngày 7 tháng 1, tôi và các thành viên chính phủ lên xe, đến thành phố Pursat. Chúng tôi ở đây hai ngày. Thấy tình hình không ổn, chúng tôi chuyển đến Battambang, sát biên giới Thái Lan.

Tôi ra lệnh cho Nuon Chea giết tất cả các tù nhân trong trại S-21 trước khi quân Việt Nam tiến vào. Nhưng binh lính Campuchia ở đó đã bỏ chạy.

Bộ ba chúng tôi gồm tôi, Nuon Chea và Khieu Samphan chuyển đến Pailin. Khi quân Việt Nam tiến đến Pailin, cuối tháng 1, chúng tôi lại chuyển đến Tasanh. Tại đây, chúng tôi gặp ông Ieng Sary vì trước đó, Bộ trưởng Ngoại giao Ieng Sary đã đến Trung Quốc qua ngả Thái Lan.

- Chế độ Angkar không còn?

- Đương nhiên. Trong vùng do Khmer Đỏ kiểm soát, việc ăn ở tập thể bị bãi bỏ. Trẻ em được sống với cha mẹ.

- Khi đó, ông có nhận ra sai lầm?

- Chính quyền của tôi trước đây quá cực đoan. Nhưng sai lầm của tôi là đã đặt quá nhiều niềm tin vào những kẻ không trung thành.

- Cụ thể thế nào?

- Tôi muốn tập hợp tất cả lực lượng trên đất nước Campuchia lại, do tôi chỉ huy. Nhưng ngoài Khmer Đỏ của tôi, ông Sihanouk cũng có quân đội riêng. Đến cả ông Son Sen, Bộ trưởng Quốc phòng của Khmer Đỏ cũng thành lập Mặt trận Quốc gia Giải phóng Nhân dân.

Vào tháng 6 năm 1982, tại Kuala Lumpur, Malaysia, chúng tôi thành lập Chính phủ Liên minh Dân chủ Campuchia. Nhưng thực tế, tổ chức của chúng tôi rất lỏng lẻo.

- Ở trong rừng Thái Lan, ông sống thế nào?

- Tính tôi ưa giản dị. Tôi thấy bình thường. Nhưng tôi cảm thấy sức khỏe có vấn đề. Mọi người khuyên tôi đi Bangkok kiểm tra. Các bác sĩ chẩn đoán tôi bị ung thư hệ bạch huyết. Đó là vào năm 1983. Lúc đó tôi mới 58 tuổi.

- Ông có cảm thấy bi quan?

- Không. Ý chí chiến đấu của tôi còn rất mạnh. Mặc dù sau đó, căn cứ của tôi lại bị tấn công. Chúng tôi phải rút vào sâu trong đất Thái Lan, thành lập căn cứ mới.

- Và ông lập gia đình mới?

- Đó là vào giữa năm 1985. Tôi cưới vợ hai, cô Mea Son, một phụ nữ trẻ. Vợ cả của tôi đã mất năm 1979. Năm sau, chúng tôi có con gái.

- Tại sao ông từ chức Tổng tư lệnh Khmer Đỏ?

- Tôi từ chức vào năm 1985 do vấn đề sức khỏe. Hơn nữa, tôi muốn làm vậy để ủng hộ Son Sen. Nhưng sau này, không ngờ Son Sen và đồng bọn của ông ta phản bội.

- Việc này cụ thể ra sao, thưa ông?

- Trong thời gian tôi đi Trung Quốc chữa bệnh thì phe Sihanouk và phe Son Sen bắt đầu tiến hành đàm phán với Chính phủ Hun Sen. Họ dự định tiến hành bầu cử. Dân chúng đang căm ghét Khmer Đỏ, bầu cử thì chúng tôi thất bại.

Sau đó, ông Sihanouk quyết định trở về Phnôm Pênh. Tại Phnôm Pênh, ông ấy ca ngợi Hun Sen như nhà lãnh đạo chân chính của Campuchia. Ông ấy tố cáo Khmer Đỏ phạm tội ác giết người và nên bị đưa ra tòa. Ông Son Sen cũng có ý định hòa giải với chính quyền Phnôm Pênh.

- Ông có hành động gì khi đó?

- Tôi ra lệnh giết Son Sen. Giết tất cả các thành viên gia đình cũng như các phụ tá của ông ta.

- Những ông Son Sen đã cùng hoạt động với ông từ hồi còn ở Pháp?

- Không vấn đề gì. Cái tôi cần là lòng trung thành, ý chí kiên định.

- Dư luận nói rằng, mấy đứa nhỏ cháu của Son Sen cũng bị giết?

- Tôi không ra lệnh giết trẻ nhỏ.

- Nhưng sau đó chính ông bị Ta Mok quản thúc?

- Ta Mok chắc sợ tôi sẽ hành quyết nên ông ta ra tay trước. Ông ấy vu cho tôi phản bội phong trào. Tôi tổ chức cuộc chạy trốn cùng gia đình và mấy vệ sĩ. Lúc đó, tôi đã yếu. Các vệ sĩ phải cõng tôi. Ta Mok cho quân đuổi theo. Họ bắt tôi, giam giữ tại Anlong Veng. Tôi cầu cứu Nuon Chea và Khieu Samphan. Nhưng hai người bạn cũ của tôi cũng chống lại tôi.

- Những ngày cuối cùng của ông thế nào?

- Tôi bị đột quỵ, liệt nửa người. Căn bệnh ung thư của tôi khi đó không có thuốc chữa. Tôi lại bị hẹp động mạch chủ, phải thở oxy.

- Hình như, khi ông chết, người dân không ai khóc?

- Không ai khóc tôi và tôi cũng không khóc ai.

- Khi chết, ông tiếc điều gì nhất?

- Con gái tôi còn quá nhỏ.

- Dư luận nói, khi hỏa thiêu, cánh tay ông vẫn nằm lại, giơ lên?

- Họ đồn vậy thôi. Khi chết, cơ thể cứng lại, gặp hơi nóng, chân tay co lại là chuyện thường. Còn giơ lên? Vì họ đặt tôi nằm ngửa trên đống củi.

- Vâng, xin cảm ơn ông. Tôi sẽ cầu siêu cho linh hồn ông được siêu thoát.

- Cảm ơn nhà sư. Trò chuyện với nhà sư, tôi thấy nhẹ lòng.

- Tạm biệt ông.

- Tạm biệt nhà sư. Tôi đi đây!

Cuộc trò chuyện vừa dứt, trên mộ Pol Pot, một con bướm lớn vẫn nằm yên. Không biết nó đậu lúc nào. Pol Pot cảm thấy nhẹ lòng. Nhưng nhà sư, trong lòng lại trĩu nặng. Nơi nào gia đình Son Sen bị hành quyết? Trước cuộc trò chuyện này, nhà sư được biết trong một cuộc tấn công của Khmer Đỏ vào một đoàn tầu, họ bắt được ba người nước ngoài, một người Anh, một người Pháp và một người Úc. Pol Pot đã ra lệnh hành quyết tất cả. Tên của những người này là gì? Họ bị giết ở chỗ nào? Phải tìm cho ra.

Và trên đất nước Campuchia này, còn bao nơi cần nhà sư đến? Bao ngọn núi? Bao cánh rừng? Bao dòng sông? Bao con suối? Bao gốc cây? Bao chân đèo? Bao cánh đồng?… Dù không kể hết, nhưng nhà sư sẽ đi. Nhà sư sẽ đi khắp chốn để đưa những linh hồn phiêu dạt trở về. Để họ có nơi ăn chốn ở. Để đất nước này được trong sáng. Để đất đai này được sạch. Để tâm hồn được bình yên.

VĨ THANH

Nhà sư Phteah Saniphap lại ra đi. Chân bước trên con đường đất đỏ. Trong gió, trong nắng, nhà sư nghe tiếng cỏ hát.

Cỏ hát chiều nay trên đất nước Campuchia.

Cỏ trên núi cao, cỏ trong rừng sâu, cỏ bên sông, cỏ dọc suối, cỏ dưới khe, cỏ lưng đèo… đều rì rào cất tiếng hát đồng ca.

Cỏ đang xanh, cỏ đã úa, cỏ đã cháy, cỏ đang lên, cỏ dưới nước, cỏ trong đầm lầy, cỏ lấm láp bùn, cỏ xác xơ, cỏ hiền trên lối mòn, cỏ nhàu nát dưới bánh xe bò, cỏ mọc trên mái chùa, cỏ tràn dưới gầm xe cháy, cỏ xuyên qua nòng pháo gỉ… tất cả đều thầm thì trò chuyện.

Nhà sư lắng nghe lời hoa cỏ bên đường.

Ôi Đất nước Campuchia thân yêu!

Ôi Bà Mẹ Khmer thương mến!

Cho con xin cúi đầu trước Mẹ! Trong ba mươi năm qua, trên đất nước này, Mẹ đã chịu bao vết thương. Năm 1970, một cuộc đảo chính. Năm 1975, cuộc sống đảo lộn. Năm 1979, một cuộc binh đao, lòng người ly tán, rồi anh em cũng về lại một nhà.

Những vết thương trên thân thể sẽ lành. Còn những vết thương trong tâm hồn, trong ký ức mỗi người? Xin Mẹ hãy đưa tay đỡ chúng con. Để chúng con nương tựa vào nhau, sống vì những người đã khuất.

Sau bao nhiêu biến cố tang thương, con cảm thấy Campuchia đang trở về bình thản. Dường như đất nước này đã thấu hiểu cuộc đời. Sự thấu hiểu này làm dâng đầy trên đất nước sự thản nhiên.

Linh hồn người sống chấp nhận mất mát. Không có gì bù đắp nổi nên họ đâu cần gì. Họ chấp nhận và dần thích nghi. Linh hồn người chết không bao giờ tuyệt vọng. Họ có những người đang sống ở bên, luôn lắng nghe và chia sẻ cùng.

Con đã đi dưới bóng Tháp Angkor, đi bên nụ cười Bayon, đi bên dãy Đăng Rếch, đi trong lịch sử hàng ngàn năm văn minh của đất nước vĩ đại này. Con cảm nhận một điều, tất cả đều mong manh. Lịch sử, tôn giáo, nền văn minh đá… tất cả sẽ tan thành khói bụi nếu chúng ta không khiêm nhường trân trọng mà đòi hỏi quá nhiều từ chính nó.

Mẹ Khmer kính thương!

Campuchia ơi, Trái tim mẹ nơi nào? Hình như, bao nhiêu năm qua, chúng ta mới chỉ sống bằng ý chí. Cơn cuồng phong ý chí đưa chúng ta đi từ thảm kịch này đến thảm kịch khác. Ôi ước gì, chúng ta sẽ sống bằng trái tim. Lắng nghe và cảm nhận những nhịp đập của thiên nhiên, của đất trời, chúng ta sẽ tìm ra những lối đi ấm áp.

Đất nước này có lịch sử ngàn năm. Ba mươi năm qua như một trận ốm đau. Khi ta ốm, cơ thể được thanh lọc những chất độc. Khi ta ốm, nằm trên giường bệnh, ta được nghĩ lại nhiều về bản thân ta. Nghĩ lại những ảo mộng, những cay đắng, để ta ứng xử với cuộc đời một cách thận trọng hơn.

Trong nắng vàng, những đôi bướm đang tung tăng bay lượn. Phải chăng, những linh hồn của ai đó đang nói lời cảm tạ?

Nhà sư còn tiếp tục đi nữa. Đi tiếp hành trình của mình. Dấu chân của nhà sư, như những đường kim mũi chỉ, khâu lành những vết thương trên xứ sở thân yêu.

Nhà sư bước đi, thong dong, tự tại. Bởi trong lòng nhà sư đã hiện rõ con đường. Bởi trước mặt nhà sư, đã thấu tỏ mục đích của cuộc hành trình. Nhà sư dường như nghe thấy tiếng nói của của Trời, của Phật vọng đến tự tâm hồn.

Rồi có những phút chạnh lòng, có những lời mời gọi của cuộc sống, của bạn bè… Nhưng hình như, đó là công việc của những người khác. Còn Ánh, còn nhà sư Phteah Saniphap, vẫn tiếp tục bước đi. Từ mùa mưa sang mùa khô. Từ rừng đến biển. Từ miền núi đến đồng bằng. Nhà sư không có gì. Chỉ có trái tim. Nhà sư không đòi hỏi gì ở đất nước này, chỉ có tình yêu. Tất cả những gì tốt đẹp nhất trong đời, nhà sư dâng tặng Đất nước Chùa Tháp thân yêu!

Còn tôi, những đồng đội trở về, có bao nhiêu câu chuyện tuyệt vời nhưng chưa kịp kể. Họ sống cuộc đời bình dị. Nhưng trong sự bình dị ấy, có bao điều hài hước và nỗi buồn đan xen.

Chúng tôi đã sống cùng nhau nhiều năm ở chiến trường, nhưng càng ngày càng phát hiện ở nhau bao điều thú vị. Tôi có thể khẳng định với bạn, dù bạn biết nhiều danh lam thắng cảnh, dù bạn thưởng thức nhiều món ăn hảo hạng, nhưng không có gì thú vị bằng việc được khám phá những điều kỳ lạ

về cuộc đời và số phận của con người, nhất là những người từ chiến trận trở về.

Những người mẹ, người vợ, người con… của các đồng đội tôi, dù họ ở hậu phương, nhưng những năm tháng đó, khi những người thân của họ ra trận, trái tim họ cũng hành quân theo. Và khi những người thân ngã xuống, trái tim họ cũng chết theo. Tôi có thể khẳng định điều này theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng.

Những câu chuyện của họ, về họ như những viên thuốc nhỏ giúp đồng đội tôi, gia đình họ và bạn đọc có thể cùng nhau sống một cách vui vẻ hơn trong cuộc sống đầy biến động và lẻ loi.

Đ.T

MỤC LỤC

Lời đâng 5
Lời giới thiệu 7
1. "Mình đi Campuchia đây!" 11
2. Lá đơn xin giảm án 25
3. Lễ cầu siêu ở vùng biên giới 32
4. Thăm ông bạn H'mông 41
5. Những linh hồn xấu số 52
6. Sang Cao Bằng thăm Lý Viết Cương 63
7. Lễ cầu siêu bên sân bay S'tung T'reng 71
8. Anh Rích Mai Châu 78
9. Bên dãy Dângrêk 89
10. Người đàn ông xứ Lạng 96
11. Chuyện ở Kampong Speu 115
12. Thanh gàn 125
13. Câu chuyện bên sông Bassac 132
14. Trong vườn vải Thanh Hà 145
15. Trong cánh rừng Kratié 154

16. Dưới nấm mộ kia đâu chỉ có một người 165
17. Những linh hồn chết khát 173
18. Trái tim người mẹ 185
19. Campuchia còn nhiều mìn lắm! 190
20. Nghĩa trang không bia mộ.....195
21. Đôi mắt là vết sẹo của Sopath 203
22. "Ráng sống, về với má nghe con!" 210
23. Những bức thư.....224
24. Người cõng Heng Samrin 230
25. Người mang *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* sang tỉnh Kampot 236
26. "Cho tui về ba lê bảy" 243
27. Trên cảng Sihanoukville.....250
28. Gian nan đường về 260
29. Đêm ở phum Pring.....266
30. Người lính ấy ở đơn vị nào? 272
31. Trò chuyện với linh hồn Pol Pot 277
Vĩ thanh.....290

"Tôi có thể khẳng định với bạn, dù bạn biết nhiều danh lam thắng cảnh, dù bạn thưởng thức nhiều món ăn hảo hạng, nhưng không có gì thú vị bằng việc được khám phá những điều kỳ lạ về cuộc đời và số phận của con người, nhất là những người từ chiến trận trở về".

Đoàn Tuấn

Lời nguyện cầu cho những linh hồn phiêu dạt

ĐOÀN TUẤN

"Chiến tranh không chỉ là những đoàn quân ra trận; những bản tổng kết rực rỡ hay những huân, huy chương rạng ngời. Đối với những người lính, họ nhìn chiến tranh bằng cặp mắt khác. Họ soi rõ ngọn ngành từng vụ việc, từng cái chết, từng lần chết hụt, từng chuyện đau lòng. Và chỉ có những người lính chiến mới có thời gian và tâm trạng nhìn từng sự việc nhỏ như vậy.

Có những câu hỏi không ai muốn trả lời. Có những câu chuyện buồn không ai muốn gợi lại. Nhưng một cuộc sống trung thực và can đảm không cho phép chúng ta sống hời hợt, đại khái. Một thái độ sống chân chính đòi hỏi chúng ta phải sống kỹ với từng chi tiết của quá khứ, của ký ức".

*(Trích nội dung sách **Lời nguyện cầu cho những linh hồn phiêu dạt**)*

ISBN: 978-604-377-625-6

9 786043 776256

Giá:46.000đ